

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHON TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI THEO TÊN KINH



Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	13
1 VACCHAGOTA - 71 Trung II, 307	18
2 VACCHAGOTTA - Tăng I, 287.....	24
3 VACCHAGOTTA - 73 Trung II, 327.....	29
4 VAJJIYAMÀHITA - Tăng IV, 497	46
5 VAPPA - Tăng II, 196.....	52
6 VASETTHA - 98 Trung II, 775	60
7 VASSAKÀRA - Tăng I, 616.....	75
8 VASSAKÀRA - Tăng II, 159	80
9 VASSAKÀRA - Tăng III, 298	86
10 VEKHANASSA - 80 Trung II, 469	94
11 VELÀMA - Tăng IV, 124	102
12 VENÀGA - Tăng I, 323	109
13 VERANJAKA - 42 Trung I, 635.....	117
14 VERANJÀ - Tăng III, 518	120

15	VI DIỆU 1 - Tăng II, 61	132
16	VI DIỆU 2 - Tăng II, 64	135
17	VI DIỆU 3 - Tăng II, 65	137
18	VI DIỆU 4 - Tăng II, 66	138
19	VISÀKHA - Tăng I, 648	140
20	VIẾNG THĂM GIA ĐÌNH 1 - Tăng II, 726	142
21	VIẾNG THĂM GIA ĐÌNH 2 - Tăng II, 726	143
22	VIỄN LY - Tăng II, 75	144
23	VUA CÁC LOÀI RĂN - Tăng I, 688	146
24	Vaccha - Tương IV, 611	149
25	Vajirà - Tương I, 297	154
26	Vajji - Tương IV, 188	156
27	Vajjiputta Bạt kỳ Tử hay Tỳ xá lý - Tương I, 443	159
28	Vakkàli - Tương III, 216	161
29	Vangìsa - Tương I, 430	172

30	Vendu - Tương I, 120	174
31	Vepacitti Hay Kham Nhân - Tương I, 487...175	
32	Verahaccàni - Tương IV, 206.....	180
33	Vesàli - Tương IV, 187.....	186
34	Vesàli - Tương V, 478	189
35	Vijaya - Tương I, 288	195
36	Vipassì - Tương II, 15.....	197
37	Visàkha - Tương II, 488	210
38	Viễn Ly - Tương I, 433.....	213
39	Viễn Ly - Tương II, 442	215
40	Viễn Ly - Tương V, 372	217
41	Viễn Ly - Tương V, 383	218
42	Viễn Ly - Tương V, 64	219
43	Voi - Tương II, 469.....	233
44	Vua - Tương I, 165	236
45	Vua - Tương V, 501.....	238
46	Vua - Tương V, 68.....	241

47	Vua ATuLa Verocana Hay Mục Đích - Tương I, 499.....	243
48	Vui Thích - Tương I, 20	246
49	VÀSETTHA - Tăng III, 636	247
50	VÍ DỤ CON CHIM CÂY - 66 Trung II, 235	249
51	VÍ DỤ CON CHÓ - Tăng II, 668	267
52	VÍ DỤ CON RẮN - 22 Trung I, 295.....	270
53	VÍ DỤ CÁI CỬA - 21 Trung I, 277	300
54	VÍ DỤ NƯỚC - Tăng III, 288	318
55	VÍ DỤ TẮM VẢI - 7 Trung I, 87.....	323
56	VÔ HỌC - Tăng II, 526.....	332
57	VÔ HỌC 1 - Tăng IV, 541	333
58	VÔ HỌC 2 - Tăng IV, 541	334
59	VÔ MINH - Tăng IV, 391	335
60	VÔ NGẠI GIẢI - Tăng II, 491.....	343
61	VÔ NGẠI GIẢI - Tăng III, 325	344

62	VÔ PHẠM - Tăng I, 43	346
63	VÔ SỞ ÚY - Tăng I, 563.....	349
64	VÔ THƯỜNG - Tăng III, 259.....	352
65	VÔ THƯỢNG - Tăng III, 15.....	354
66	VÔ TRÁNH PHÂN BIỆT - 139 Trung III, 527	355
67	Và Không Phải Như Vậy - Tương II, 247	370
68	Và Không Phải Như Vậy - Tương II, 253	372
69	Và Nếu Không Phải Của Tôi - Tương III, 324	376
70	Vàng Bạc - Tương V, 681	379
71	Ví Dụ Hòn Núi - Tương I, 223	381
72	Ví Dụ Mặt Trời 1 - Tương V, 123	386
73	Ví Dụ Mặt Trời 1 - Tương V, 642.....	388
74	Ví Dụ Mặt Trời 2 - Tương V, 123	389
75	Ví Dụ Mặt Trời 2 - Tương V, 643	390
76	Ví Dụ Núi - Tương II, 242.....	392

77	Ví Dụ Núi - Tương II, 243.....	394
78	Ví Dụ Tay Và Chân 1 - Tương IV, 281	396
79	Ví Dụ Vói Núi - Tương II, 241	398
80	Ví Dụ Vói Núi 1 - Tương V, 671	400
81	Ví Dụ Vói Núi 2 - Tương V, 671	403
82	Ví Dụ Vói Trăng - Tương II, 341	405
83	Ví dụ Con Chim Ưng - Tương V, 227	410
84	Vô Lậu - Tương IV, 572	414
85	Vô Minh - Tương IV, 411	416
86	Vô Minh - Tương IV, 57	418
87	Vô Minh - Tương V, 622.....	420
88	Vô Minh - Tương V, 9.....	422
89	Vô Minh 1 - Tương IV, 89	424
90	Vô Minh Hay Vị Tỷ kheo - Tương III, 289 .	427
91	Vô Ngã - Tương III, 145.....	429
92	Vô Ngã - Tương III, 46.....	431
93	Vô Ngã 1 Nội - Tương IV, 11	432

94	Vô Ngã 2 Ngoại - Tương IV, 13	434
95	Vô Ngã 3 Nội - Tương IV, 15	436
96	Vô Ngã 4 Ngoại - Tương IV, 18	437
97	Vô Sở Hữu Xứ - Tương III, 386.....	438
98	Vô Sở Hữu Xứ - Tương IV, 426	440
99	Vô Thường - Tương III, 142	442
100	Vô Thường - Tương III, 316	444
101	Vô Thường - Tương III, 340	446
102	Vô Thường - Tương III, 45	448
103	Vô Thường - Tương III, 88	451
104	Vô Thường - Tương III, 89	453
105	Vô Thường - Tương IV, 347	455
106	Vô Thường - Tương IV, 55	456
107	Vô Thường 1 Nội - Tương IV, 9	460
108	Vô Thường 2 Ngoại - Tương IV, 12	462
109	Vô Thường 3 Nội - Tương IV, 14	464
110	Vô Thường 4 Ngoại - Tương IV, 16	465

111 Vô Thường Tánh Hay Tướng - Tương III, 277	466
112 Vô Tri 1 - Tương III, 415	470
113 Vô Tướng - Tương IV, 428	474
114 VƯƠNG TỬ ABHAYA VÔ ÚY - 58 Trung II, 127	476
115 Vườn Gà 1 - Tương V, 30	485
116 Vườn Gà 2 - Tương V, 33	489
117 Vườn Gà 3 - Tương V, 33	491
118 Vườn Hoan Hỷ - Tương I, 19	493
119 Vườn Phía Đông 1 - Tương V, 346	495
120 Vườn Phía Đông 2 - Tương V, 347	499
121 Vườn Phía Đông 3 - Tương V, 348	501
122 Vườn Phía Đông 4 - Tương V, 349	502
123 VẢI BALANAI - Tăng I, 448	503
124 VẢI THÔ BẰNG VỎ CÂY - Tăng I, 446	506
125 Vải - Tương V, 69	509

126 VẤN TẮT - Tương IV, 97	511
127 VẾT THƯƠNG LÀM MỦ - Tăng I, 220	514
128 VẾT CHÂN - Tương V, 359	516
129 VỀ ÀLAVÌ - Tăng I, 244.....	518
130 VỀ MÀRA - Tương III, 343	522
131 VỊ BÀLAMÔN - Tăng I, 280.....	525
132 VỊ BÁT LAI - Tăng III, 227.....	527
133 VỊ HỘ TRÌ 1 - Tăng IV, 266.....	528
134 VỊ HỘ TRÌ 2 - Tăng IV, 280.....	532
135 VỊ LỎA THỂ - Tăng I, 399	537
136 VỊ NGỌT - Tăng I, 470	540
137 VỊ SAMÔN - Tăng II, 269	543
138 VỊ SÁT ĐẾ LY - Tăng III, 138	545
139 VỊ THIÊN NHÂN - Tăng III, 230.....	548
140 VỊ THÂN CHÚNG - Tăng IV, 217	552
141 VỊ TRƯỞNG LÃO - Tăng II, 493.....	554
142 VỊ TRƯỞNG LÃO - Tăng IV, 514.....	558

143	VỊ TỶ KHEO - Tầng III, 305	560
144	VỊ TỶ KHEO HỮU HỌC 1 - Tầng II, 496..	563
145	VỊ TỶ KHEO HỮU HỌC 2 - Tầng II, 497..	565
146	VỊ TỶ KHEO PHẢI KÍNH TRỌNG AI - Tầng III, 446	569
147	Vị ALaHán - Tương I, 37	577
148	Vị Giữ Giới - Tương III, 298.....	580
149	Vị Ngọt - Tương III, 153	584
150	Vị Ngọt - Tương III, 308	585
151	Vị Ngọt - Tương III, 309	587
152	Vị Ngọt - Tương III, 57	588
153	Vị Ngọt - Tương III, 59	591
154	Vị Ngọt - Tương III, 61	594
155	Vị Ngọt 1 - Tương IV, 22	597
156	Vị Ngọt 2 - Tương IV, 23	600
157	Vị Thuyết Pháp - Tương II, 38	602
158	Vị Thuyết Pháp - Tương III, 290.....	604

159 Vị Thuyết Pháp - Tương III, 292.....	606
160 Vị Thuyết Pháp - Tương IV, 234	608
161 Vị Thuyết Pháp - Tương IV, 405	610
162 Vị Tỷ Kheo - Tương II, 80	613
163 Vị Tỷ Kheo - Tương III, 72	617
164 Vị Tỷ Kheo - Tương IV, 373.....	620
165 Vị Tỷ Kheo - Tương V, 113	622
166 Vô Ốc - Tương IV, 497	624
167 VỚI CHI TIẾT - Tăng II, 259	633
168 VỚI CHI TIẾT - Tăng II, 99	637
169 VỚI CÁC CHI TIẾT - Tăng II, 108	640
170 VỚI CÁC MINH - Tăng IV, 250	642
171 VỚI MINH - Tăng IV, 533.....	644
172 VỚI MỘT VÀI NỖ LỰC - Tăng II, 111.....	646
173 VỚI THÂN - Tăng IV, 289	649
174 VỚI TƯ TÂM SỞ - Tăng II, 116	655
175 Với Bài Kệ - Tương V, 588.....	658

176	Với Con Đường - Tương IV, 562.....	661
177	Với Lạc - Tương IV, 422.....	663
178	Với Lửa Cháy - Tương IV, 276.....	665
179	Với Mũi Tên - Tương IV, 336.....	670
180	Với Mục Đích Gì - Tương IV, 229.....	675
181	Với Mục Đích Gì - Tương V, 16.....	677
182	Với Người Thiện - Tương I, 43	679
183	Với Tầm - Tương IV, 419	682
184	Với Ưa Thích 1 - Tương IV, 27	684
185	VỪA ĐỦ - Tăng III, 678.....	686
186	VỪA ĐỦ - Tăng IV, 31.....	693
187	Vực Thẳm - Tương IV, 334.....	700
188	Vực Thẳm - Tương V, 651	702

DẪN NHẬP

1. Lời giới thiệu

- Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.
- Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.
- Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh**

dầu, tô màu những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.

2. Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?

- Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
- Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.
- Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học và Pháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
- Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cầm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu

*không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sinh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với **năm thủ uẩn**.*

3. Lòng tri ân

- Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 VACCHAGOTA - 71 Trung II, 307

KINH BA MINH VACCHAGOTA

(Tevijja Vacchagota suttam) – Bài kinh số 71 –
Trung II, 307

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Vesali (Tỳ-xá-ly) rừng Đại Lâm, tại Kutagarasala (Trùng Các Giảng đường). Lúc bấy giờ, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta ở tại Ekapundarika, vườn du sĩ ngoại đạo. Thế Tôn buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Vesali để khát thực. Rồi Thế Tôn suy nghĩ như sau: "Nay còn quá sớm để đi vào Vesali khát thực. Ta hãy đi đến Ekapundarika vườn các du sĩ ngoại đạo, đi đến du sĩ ngoại đạo Vacchagotta". Rồi Thế Tôn đi đến Ekapundarika, vườn du sĩ ngoại đạo, đi đến du sĩ ngoại đạo Vacchagotta. Du sĩ ngoại đạo Vacchagotta thấy Thế Tôn từ đằng xa đi đến, khi thấy vậy, liền nói với Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy đến; bạch Thế Tôn, thiện lai, Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, đã từ lâu, Thế Tôn mới có dịp này, tức là đến tại đây, bạch Thế

Tôn, mời Thế Tôn ngồi. Đây là chỗ đã soạn sẵn.

Thế Tôn ngồi trên ghế đã soạn sẵn. Du sĩ ngoại đạo Vacchagotta lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con nghe như sau: "Sa-môn Gotama là bậc nhứt thiết trí, là bậc nhứt thiết kiến. Ngài tự cho là có tri kiến hoàn toàn: "Khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngủ và khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại, liên tục". Bạch Thế Tôn, những ai nói như sau: "Sa-môn Gotama là bậc nhứt thiết trí, là bậc nhứt thiết kiến. Ngài tự cho là có tri kiến hoàn toàn: "Khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngủ và khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại liên tục". Bạch Thế Tôn, những vị ấy nói về Thế Tôn có đúng với điều đã được nói, những vị ấy không vu khống Thế Tôn với điều không thực, nhưng đã giải thích về Thế Tôn đúng pháp và tùy pháp, và không một đồng pháp hành nào nói lời đúng pháp có thể lấy cớ để quả trách?

– Này Vaccha, những ai nói như sau: "Sa-môn Gotama là bậc nhứt thiết trí, là bậc nhứt thiết kiến. Ngài tự cho là có tri kiến hoàn toàn: "Khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngủ và khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại, liên tục". Thì đây là họ nói về Ta không

đúng với điều đã được nói, họ đã vu không Ta với điều không thực, hư ngụy.

– *Phải giải thích như thế nào, bạch Thế Tôn, chúng con mới nói về Thế Tôn đúng với điều đã được nói, chúng con không vu không Thế Tôn với điều không thực, chúng con mới giải thích về Thế Tôn đúng pháp và tùy pháp; và không một đồng pháp hành nào nói lời đúng pháp có thể lấy có để quả trách?*

– Ông phải giải thích: "**Sa-môn Gotama là bậc có ba minh** (tevijja)", thì này Vaccha, Ông mới là người nói về Thế Tôn đúng với điều đã được nói, mới không vu không Thế Tôn với điều không thực, mới giải thích về Thế Tôn đúng pháp và tùy pháp, và mới không có một đồng pháp hành nào nói lời đúng pháp có thể lấy có để quả trách.

- Này Vaccha, khi nào Ta muốn, Ta sẽ nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời... .. Ta sẽ nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.
- Này Vaccha, nếu Ta muốn, với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, Ta thấy sự sống chết của chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người

đẹp để kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh... ... đều do hạnh nghiệp của họ.

- Này Vaccha, với sự đoạn diệt các lậu hoặc, Ta ngay trong hiện tại, tự mình với thượng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Và với sự giải thích: "**Sa-môn Gotama là bậc có ba minh**", này Vaccha, người ấy mới là người nói về Thế Tôn đúng với điều đã được nói, mới không vu không Thế Tôn với điều không thực, mới giải thích về Thế Tôn đúng pháp và tùy pháp, và mới không có một vị đồng hành pháp nào nói lời đúng pháp có thể lấy có để quở trách.

Khi được nói vậy, du sĩ Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– *Tôn giả Gotama, có thể có vị tại gia nào không đoạn trừ kiết sử tại gia mà khi thân hoại mạng chung lại có thể đoạn tận khổ đau?*

– Này Vaccha, **không có** người tại gia nào không đoạn trừ kiết sử tại gia mà khi thân hoại mạng chung lại có thể đoạn tận khổ đau.

– *Tôn giả Gotama, có thể có người tại gia nào*

không đoạn trừ kiết sử tại gia mà khi thân hoại mạng chung lại có thể sanh Thiên?

– Không phải chỉ một trăm, này Vaccha, không phải hai trăm, không phải ba trăm, không phải bốn trăm, không phải năm trăm, nhưng **nhiều hơn như vậy là những người tại gia không đoạn trừ tại gia kiết sử mà khi thân hoại lại có thể sanh Thiên.**

→ *Tôn giả Gotama, có hạng tà mạng ngoại đạo nào, sau khi thân hoại mạng chung có thể diệt tận khổ đau?*

– Này Vaccha, **không có một tà mạng ngoại đạo nào, sau khi thân hoại mạng chung có thể diệt tận khổ đau.**

→ *Tôn giả Gotama, có hạng tà mạng ngoại đạo nào, sau khi thân hoại mạng chung có thể sanh Thiên?*

– Này Vaccha, **dầu cho ta có nhớ đến 91 kiếp, Ta không biết một tà mạng ngoại đạo nào đã sanh Thiên, trừ một vị, và vị này thuyết về nghiệp và thuyết về tác dụng của nghiệp.**

– Sự việc là như vậy, Tôn giả Gotama, thời ngoại đạo giới này (titthayatanan) là trống không cho đến vấn đề sanh Thiên.

– Sự việc là như vậy, này Vaccha, thời ngoại đạo giới này là trống không cho đến vấn đề sanh Thiên.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Du sĩ ngoại đạo Vacchagotta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

2 VACCHAGOTTA - Tăng I, 287

VACCHAGOTTA – Tăng I, 287

Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Thế Tôn, ... Ngồi xuống một bên, du sĩ Vacchagotta thưa với Thế Tôn:

- Tôi có được nghe, thưa Tôn giả Gotama, Sa-môn Gotama nói như sau: "Cần phải **bố thí** cho Ta, không cần bố thí cho người khác. Cần phải bố thí cho đệ tử của Ta, không cần bố thí cho đệ tử những người khác. Bố thí cho Ta có quả lớn, bố thí cho những người khác không có quả lớn. Bố thí cho các đệ tử của ta có quả lớn, bố thí cho những đệ tử của người khác không có quả lớn!". Thưa Tôn giả Gotama, những ai nói rằng Sa-môn Gotama nói như sau: "Cần phải bố thí cho Ta ... không có được quả lớn!". Những người nói như vậy, có phải nói đúng lời nói của Tôn giả Gotama, không có xuyên tạc Tôn giả Gotama với điều không thật? Có phải họ nói như vậy là đúng pháp và thuận pháp, và những ai là người đồng pháp, nói lời đúng pháp và thuận pháp, không có cơ hội để chỉ trích? Họ không muốn xuyên tạc Tôn giả Gotama?

- Nay Vaccha, những ai nói rằng Sa-môn nói như sau: "Cần phải bố thí cho Ta ... có được quả lớn!",

những người ấy không nói đúng với lời nói của ta, họ đã xuyên tạc Ta với điều không thật, họ đã nói láo.

❖ *Này Vaccha, ai ngăn chặn người khác bố thí, người ấy tạo ra ba chướng ngại pháp và đánh cắp mất ba vật.* Thế nào là ba?

- *Người ấy làm chướng ngại người cho không được công đức,*
- *Người ấy ngăn chặn người nhận không được bố thí,*
- *Và tự ngã người ấy trước đã mất gốc, lại càng bị thương tổn hơn.*

Này Vaccha, ai ngăn chặn người cho không bố thí người khác, tạo ra ba chướng ngại như vậy, và đánh cắp mất ba vật.

❖ Này Vaccha, ta nói như sau:

→ *"Những ai đổ đồ phế thải trên mâm bàn, hay đồ rửa chén bát vào hố phân hay hố rác rưởi (với ý nghĩ) để các loài hữu tình trong ấy nhờ đấy được ăn để sống".* Do nhân duyên ấy, này Vaccha, Ta nói có đem lại công đức, còn nói gì đối với loài Người.

→ Lại nữa, này Vaccha, *Ta tuyên bố rằng, cho người có giới hạnh được quả lớn, cho người ác giới không phải như vậy. Người có giới hạnh*

là người đã đoạn tận năm pháp và đã đầy đủ năm pháp.

Thế nào là năm pháp đã được đoạn tận?

- Dục tham đã được đoạn tận,
- Sân đã được đoạn tận,
- Hôn trầm thù miên đã được đoạn tận,
- Trạo hối đã được đoạn tận,
- Nghi đã được đoạn tận. Năm pháp này đã được đoạn tận.

Năm pháp nào đã được đầy đủ?

- Đầy đủ vô học giới uẩn,
- Đầy đủ vô học định uẩn,
- Đầy đủ vô học tuệ uẩn,
- Đầy đủ vô học giải thoát uẩn,
- Đầy đủ vô học giải thoát tri kiến uẩn.

Vì ấy được đầy đủ năm pháp này. Ở đây, Ta tuyên bố rằng, bố thí cho người đoạn tận năm pháp, đầy đủ năm pháp có quả lớn.

*Như trong một đàn bò,
Có con đen, trắng, đỏ
Màu hung hay có đốm,
Có con màu bồ câu
Dầu con bò màu gì,*

*Kiểm được con bò thuần,
Con vật kéo sức mạnh,
Đẹp, lạnh và hăng hái,
Mặc kệ nó màu gì,
Liền mắc vào gánh nặng.*

*Cũng vậy, giữa loài người,
Dầu có sinh chỗ nào,
Hoàng tộc, Bà-la-môn
Thương gia, hay nô bộc,
Kẻ không có giai cấp,
Hay hạ cấp đồ phân,
Giữa những người như vậy.*

*Ai điều phục thuần thực,
Ngay thẳng, đủ giới đức
Nói thực, biết tầm quý,
Sanh tử đã đoạn tận,
Phạm hạnh được vẹn toàn
Gánh nặng đã hạ xuống,
Không còn bị trói buộc,
Việc cần làm đã làm,
Không còn bị lậu hoặc,
Đã đến bờ bên kia,
Không chấp pháp, tịch tịnh,
Phước điền ấy vô cầu.
Quả lớn đáng cúng dường;
Như kẻ ngu không biết,*

*Thiếu trí, ít nghe nhiều,
Chỉ bố thí bên ngoài,
Không đến gần kẻ thiện,
Những ai gần kẻ thiện,
Có tuệ, tôn bực hiền
Họ tin bậc Thiện Thệ,
An trú tận gốc rễ.
Sanh Thiên hay ở đây
Được sanh gia đình tốt
Bậc trí tuần tự tiến
Chứng được cảnh Niết bàn.*

3 VACCHAGOTTA - 73 Trung II, 327

ĐẠI KINH VACCHAGOTTA

(Maha Vacchagotta sutta) – Bài kinh số 73 –
Trung II, 327

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), nơi Kalandakanivape (chỗ nuôi dưỡng sóc). Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, bèn ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta thưa với Thế Tôn:

– Đã lâu rồi tôi mới được hầu chuyện với Tôn giả Gotama. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama giảng cho tôi một cách vắn tắt các thiện và bất thiện pháp.

– Nay Vaccha, Ta có thể giảng cho Ông một cách vắn tắt các thiện và bất thiện pháp. Nay Vaccha, Ta có thể giảng cho Ông, một cách rộng rãi các thiện và bất thiện pháp. Nhưng nay Vaccha, Ta sẽ giảng

cho Ông một cách vắn tắt, các thiện và bất thiện pháp. Hãy nghe và khéo tác ý. Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, Tôn giả.

Du sĩ ngoại đạo Vacchagotta vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

- Tham, này Vaccha, là bất thiện, vô tham là thiện.
- Sân, này Vaccha, là bất thiện, vô sân là thiện.
- Si, này Vaccha, là bất thiện, vô si là thiện.

→ *Như vậy, này Vaccha, ba pháp là bất thiện, ba pháp là thiện.*

- Sát sanh, này Vaccha, là bất thiện, từ bỏ sát sanh là thiện.
- Lấy của không cho, này Vaccha, là bất thiện, từ bỏ lấy của không cho là thiện.
- Tà hạnh trong các dục, này Vaccha là bất thiện, từ bỏ tà hạnh trong các dục là thiện.
- Vọng ngữ, này Vaccha, là bất thiện, từ bỏ vọng ngữ là thiện.
- Nói hai lưỡi, này Vaccha, là bất thiện, từ bỏ nói hai lưỡi là thiện.

- Nói ác khẩu, này Vaccha, là bất thiện, từ bỏ nói ác khẩu là thiện.
- Nói lời phù phiếm, này Vaccha, là bất thiện, từ bỏ nói lời phù phiếm là thiện.
- Xan tham, này Vaccha, là bất thiện, không xan tham là thiện.
- Sân, này Vaccha, là bất thiện, không sân là thiện.
- Tà kiến, này Vaccha, là bất thiện, chánh kiến là thiện.

➔ *Như vậy, này Vaccha, mười pháp là bất thiện, mười pháp là thiện.*

☞ **Này Vaccha, khi **ái** được một Tỷ-kheo đoạn trừ, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai, Tỷ-kheo ấy là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát.**

– *Mong sự việc là vậy về Tôn giả Gotama. Nhưng không biết Tôn giả Gotama có một Tỷ-kheo là đệ tử đã đoạn trừ các lậu hoặc, với thượng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện*

tại, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát?

– Này Vaccha, không phải chỉ một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm mà còn nhiều hơn thế nữa là những Tỷ-kheo đệ tử của Ta đã đoạn trừ các lậu hoặc, với thượng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

– Mong sự việc là như vậy đối với Tôn giả Gotama. Mong sự việc là như vậy đối với các Tỷ-kheo. Nhưng không biết Tôn giả Gotama có một Tỷ-kheo-ni là đệ tử đã đoạn trừ các lậu hoặc, với thượng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát?

– Này Vaccha, không phải chỉ một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm mà còn nhiều hơn thế nữa là những Tỷ-kheo-ni, đệ tử của Ta, đã đoạn trừ các lậu hoặc, với thượng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

– Mong sự việc là như vậy đối với tôn giả Gotama. Mong sự việc là như vậy đối với các Tỷ-kheo. Mong sự việc là như vậy đối với các Tỷ-kheo-ni. Nhưng không biết Tôn giả Gotama có một Nam cư sĩ là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm

hạnh, sau khi đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không phải trở lại đời này nữa?

– Này Vaccha, không phải chỉ một trăm... không phải năm trăm mà còn nhiều hơn thế nữa là những Nam cư sĩ, là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh, sau khi đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không phải trở lại đời này nữa.

– Mong sự việc là như vậy đối với Tôn giả Gotama. Mong sự việc là như vậy đối với các Tỷ-kheo. Mong sự việc là như vậy đối với các Tỷ-kheo-ni. Mong sự việc là như vậy đối với Nam cư sĩ, sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh. Nhưng không biết Tôn giả Gotama có một Nam cư sĩ, là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng (tuy), hưởng thụ vật dục nhưng xây dựng Thánh giáo (Sasanakaro), chấp nhận giáo huấn, đã độ nghi đoạn hoặc, chứng đắc vô sở úy, không dựa vào người khác, sống trong Thánh giáo của bậc Đạo sư?

– Này Vaccha, không phải chỉ một trăm... không phải năm trăm mà còn nhiều hơn thế nữa là những Nam cư sĩ, là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ vật dục, nhưng xây dựng Thánh giáo, chấp nhận

giáo huấn, đã độ nghi đoạn hoặc, chứng đắc vô sở úy, không dựa vào người khác, sống trong Thánh giáo của bậc Đạo sư.

– Mong sự việc là như vậy đối với Tôn giả Gotama. Mong sự việc là như vậy đối với các Tỷ-kheo. Mong sự việc là như vậy đối với các Tỷ-kheo-ni. Mong sự việc là như vậy đối với Nam cư sĩ, sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh. Mong sự việc là như vậy đối với Nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ dục lạc. Nhưng không biết Tôn giả Gotama có một Nữ cư sĩ, là bậc đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh, sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không trở lại đời này nữa?

– Này Vaccha, không phải chỉ một trăm... không phải năm trăm mà còn nhiều hơn thế nữa là những Nữ cư sĩ, là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh, sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không trở lại đời này nữa.

– Mong sự việc là như vậy đối với Tôn giả Gotama. Mong sự việc là như vậy đối với các Tỷ-kheo. Mong sự việc là như vậy đối với các Tỷ-kheo-ni. Mong sự việc là như vậy đối với các Nam cư sĩ,

sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh. Mong sự việc là như vậy đối với các Nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ các dục lạc. Mong sự việc là như vậy đối với các Nữ cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh. Nhưng không biết Tôn giả Gotama có Nữ cư sĩ, là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ vật dục, nhưng xây dựng Thánh giáo, chấp nhận giáo huấn, đã độ nghi đoạn hoặc, chứng đắc vô sở úy, không dựa vào người khác, sống trong Thánh giáo của bậc Đạo sư?

– Nay Vaccha, không phải chỉ một trăm, không phải hai trăm, không phải ba trăm, không phải bốn trăm, không phải năm trăm mà nhiều hơn thế nữa là những Nữ cư sĩ, là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ vật dục, nhưng xây dựng Thánh giáo, chấp nhận giáo huấn, đã độ nghi đoạn hoặc, chứng đắc vô sở úy, không dựa vào người khác, sống trong Thánh giáo của bậc Đạo sư.

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này, nhưng các Tỷ-kheo không được thành mãn, như vậy Phạm hạnh này đã không được đầy đủ về phương diện này. Thưa Tôn giả Gotama, vì rằng Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này và các Tỷ-kheo cũng được thành mãn; như vậy Phạm hạnh này đã được đầy đủ về phương diện này.

Thưa Tôn giả Gotama, nếu Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này, và các Tỷ-kheo đã thành mãn, và các Tỷ-kheo-ni không thành mãn; như vậy Phạm hạnh này không được đầy đủ về phương diện này. *Thưa Tôn giả Gotama, vì rằng Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này, và các Tỷ-kheo đã thành mãn, và các Tỷ-kheo-ni đã thành mãn; như vậy Phạm hạnh này được đầy đủ về phương diện này.*

Thưa Tôn giả Gotama, nếu Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này và các Tỷ-kheo đã thành mãn, và các Tỷ-kheo ni đã thành mãn, và các Nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh không thành mãn; như vậy Phạm hạnh này đã không được đầy đủ về phương diện này. *Thưa Tôn giả Gotama, vì rằng Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này, các Tỷ-kheo cũng đã thành mãn, các Tỷ-kheo-ni cũng đã thành mãn, các Nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh cũng đã thành mãn; như vậy Phạm hạnh này đã được đầy đủ về phương diện này.*

Thưa Tôn giả Gotama, nếu Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này, và các Tỷ-kheo đã thành mãn, và các Tỷ-kheo ni đã thành mãn, các Nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo phạm hạnh đã thành mãn nhưng các Nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ vật dục không thành mãn; như vậy phạm

hạnh này không được đầy đủ về phương diện này. *Thưa Tôn giả Gotama vì rằng Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này, và các Tỷ-kheo đã thành mãn, và các Tỷ-kheo-ni đã thành mãn, và các Nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh đã thành mãn, và các Nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ vật dục đã thành mãn; như vậy Phạm hạnh này được đầy đủ về phương diện này.*

Thưa Tôn giả Gotama, nếu Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này và các Tỷ-kheo đã thành mãn, và các Tỷ-kheo-ni đã thành mãn, và các Nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo phạm hạnh đã thành mãn, và các Nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ vật dục đã thành mãn; nhưng các Nữ cư sĩ, sống tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh không thành mãn; như vậy Phạm hạnh này không được đầy đủ về phương diện này. *Thưa Tôn giả Gotama, vì rằng Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này, và các Tỷ-kheo đã thành mãn, và các Tỷ-kheo-ni đã thành mãn, và các Nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh đã thành mãn, và các Nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ các vật dục đã thành mãn, và các Nữ cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh đã thành mãn; như vậy Phạm hạnh này được đầy đủ về phương diện này.*

Thưa Tôn giả Gotama, nếu Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này, và các Tỷ-kheo đã thành mãn, và các Tỷ-kheo ni đã thành mãn, và các Nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh đã thành mãn, và các Nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ vật dục đã thành mãn, và các Nữ cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh đã thành mãn; nhưng các Nữ cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ vật dục không thành mãn; như vậy Phạm hạnh này đã không đầy đủ về phương diện này. *Thưa Tôn giả Gotama, vì rằng Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này, và các Tỷ-kheo đã thành mãn, và các Tỷ-kheo-ni đã thành mãn, và các Nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh đã thành mãn, và các Nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng hưởng thụ vật dục đã thành mãn, và các nữ cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh đã thành mãn, và các Nữ cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ các vật dục đã thành mãn; như vậy Phạm hạnh này được đầy đủ về phương diện này.*

Thưa Tôn giả Gotama, ví như con sông Hằng (Ganga) hướng về biển cả, chảy về biển cả, xuôi dòng về biển cả, liền đứng lại khi xúc chạm với biển cả. Cũng vậy, hội chúng này của Tôn giả Gotama, gồm có cư sĩ và xuất gia, hướng về Niết-bàn, chảy về Niết-bàn, xuôi dòng về Niết-bàn,

đứng lại khi xúc chạm với Niết-bàn.

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Nay con quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama cho con được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ đại giới.

– Nay Vaccha, ai trước kia thuộc ngoại đạo muốn xuất gia trong pháp luật này, muốn thọ đại giới, người ấy phải sống **bốn tháng biệt trú**. Sau bốn tháng, (nếu) các Tỷ-kheo hoan hỷ, có thể cho vị ấy xuất gia, cho thọ đại giới để trở thành Tỷ-kheo. *Nhưng ở đây, Ta biết sự sai biệt về tâm tánh chúng sanh.*

– Bạch Thế Tôn, nếu những ai trước kia thuộc ngoại đạo, muốn xuất gia trong pháp luật này, muốn thọ đại giới phải sống bốn tháng biệt trú. Sau bốn tháng, (nếu) các Tỷ-kheo hoan hỷ, có thể cho (những vị ấy) xuất gia, cho thọ đại giới để trở thành Tỷ-kheo, con sẽ sống biệt trú bốn năm. Sau bốn năm, nếu các

Tỷ-kheo hoan hỷ, hãy cho con xuất gia, cho con thọ đại giới để thành Tỷ-kheo.

Du sĩ ngoại đạo Vacchagotta được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới, không lâu sau khi thọ đại giới, nửa tháng sau khi thọ đại giới, Tôn giả Vacchagotta đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cho đến mức độ trí hữu học, minh hữu học có thể chứng đạt, con đã chứng đạt. Mong Thế Tôn dạy cho con pháp (khác) cao hơn.

☞ **Vậy này Vaccha, hãy tu tập hai pháp cao hơn này, chỉ và quán. Đây Vaccha, hai pháp này được tu tập cao hơn, chỉ và quán, sẽ đưa đến sự thể nhập vào một số giới sai biệt.**

Này Vaccha, **nếu Ông muốn như sau:** "Ta muốn chứng được các loại thần thông: ta có thể một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; ta có thể hiện hình biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; Ta có thể động thổ trời lên ngang qua đất liền như ở trong nước; ta có thể đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ta có thể ngồi kiết già đi trên hư không như con chim, với bàn tay ta có thể chạm và sờ mặt trăng và mặt

trời, những vật có đại oai lực, oai thần như vậy; ta có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên" **thì Ông sẽ đạt được cái gì có thể chứng ngộ ở tại đây, nếu Ông còn giữ được đôi tượng.**

Này Vaccha, nếu Ông muốn như sau: "Với thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, ta có thể nghe được hai loại tiếng, loài Trời và loài Người, xa hay gần", thì Ông sẽ đạt được những gì có thể chứng ngộ ở tại đây, **nếu Ông còn giữ được đôi tượng.**

Này Vaccha, nếu Ông Muốn như sau: "Mong rằng ta có thể biết được tâm của các chúng sanh khác, của các người khác với tâm của ta; tâm có tham, ta có thể biết được là tâm có tham, hay tâm vô tham, ta có thể biết được là tâm vô tham; hay tâm có sân, ta có thể biết được là tâm có sân; hay tâm vô sân, ta có thể biết được là tâm vô sân; hay tâm có si, ta có thể biết được là tâm có si; hay tâm vô si, ta có thể biết được là tâm vô si; hay tâm chuyên chú, ta có thể biết được là tâm chuyên chú; hay tâm tán loạn, ta có thể biết được là tâm tán loạn; hay tâm đại hành, ta có thể biết được là tâm đại hành; hay tâm không phải đại hành; ta có thể biết được là tâm không phải đại hành; hay tâm chưa vô thượng, ta có thể biết là tâm chưa vô thượng; hay tâm vô thượng, ta có thể biết là tâm vô thượng; hay định tâm, ta có thể biết là định tâm;

hay không phải định tâm, ta có thể biết là không phải định tâm; hay giải thoát tâm, ta có thể biết là giải thoát tâm; hay không phải giải thoát tâm, ta có thể biết là không phải giải thoát tâm", thì Ông sẽ đạt được những gì có thể chứng ngộ tại đây, nếu Ông còn giữ được đối tượng.

Này Vaccha, Ông có thể muốn như sau: "Ta có thể nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, trăm đời, hai trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây. Như vậy, ta có thể nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết", Ông sẽ đạt được những gì có thể chứng ngộ tại đây, nếu Ông còn giữ được đối tượng.

Này Vaccha, Ông có thể muốn như sau: "Với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, ta có thể thấy sự

sống và chết của chúng sanh. Ta có thể biết rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, ngữ và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm các thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, Thiên giới, trên đời này. Như vậy, với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, ta có thể thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ta có thể biết chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ", Ông sẽ đạt được những gì có thể chứng ngộ tại đây, nếu người còn giữ được đối tượng.

Này Vaccha, Ông có thể muốn như sau: "Với sự đoan trừ các lậu hoặc, mong rằng ta có thể với thượng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát", Ông sẽ chứng đạt những gì có thể chứng ngộ tại đây, nếu Ông còn giữ được đối tượng.

Rồi Tôn giả Vaccha hoan hỷ, tùy hỷ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi từ biệt. Rồi Tôn giả Vacchagotta **độc trú, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần,** không bao lâu với thắng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, vì mục đích này Thiện gia nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, hướng đến Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời khác nữa; Tôn giả Vacchagotta đã trở thành một vị La hán khác nữa.

Sau một thời gian, một số đông Tỷ-kheo đi đến yết kiến Thế Tôn. Tôn giả Vacchagotta thấy các Tỷ-kheo từ đằng xa đi đến, sau khi thấy liền đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến nói với các Tỷ-kheo ấy như sau:

– Chư Tôn giả đang đi đâu?

– Thưa Hiền giả, chúng tôi đi đến yết kiến Thế Tôn.

– *Vậy chư Tôn giả hãy nhân danh tôi, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa: "Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Vacchagotta cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và nói như sau: "Thế Tôn đã được con hầu hạ, Thiện Thệ đã được con hầu hạ".*

– Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vacchagotta. Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Vacchagotta cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và bạch như sau: "Thế Tôn đã được con hầu hạ, Thiện Thệ đã được con hầu hạ".

– Nay các Tỷ-kheo, Ta đã được biết tâm của Tỷ-kheo Vacchagotta với tâm của Ta như sau: "Tỷ-kheo Vacchagotta là bậc tam minh, có đại thần lực, có đại uy lực". Các chư Thiên cũng báo với Ta ý nghĩa ấy: "Tỷ-kheo Vacchagotta là bậc tam minh, có đại thần lực, có đại uy lực".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

4 VAJJIYAMÀHITA - Tăng IV, 497

VAJJIYAMÀHITA – Tăng IV, 497

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Campà trên bờ ao Gaggara. Rồi gia chủ Vajjiyamàhita, vào buổi sáng sớm đi ra khỏi Campà, đến yết kiến Thế Tôn. Rồi gia chủ Vajjiyamàhita suy nghĩ: "Nay không phải thời để yết kiến Thế tôn, Thế Tôn đang thiền tịnh. Cũng không phải thời để yết kiến các Tỷ-kheo đang tu tập về ý, các Tỷ-kheo đang tu tập về ý đang thiền tịnh. Vậy hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo. Rồi gia chủ Vajjiyamàhita đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo.

2. Lúc bảy giờ, các du sĩ ngoại đạo đang ngồi hội họp, đang tụ họp, ồn ào, cao tiếng, lớn tiếng bàn luận những vấn đề phù phiếm. Các du sĩ ngoại đạo ấy thấy gia chủ Vajjiyamàhita từ xa đi đến, khi thấy vậy, liền dặn dò bảo với nhau: "*Hãy bớt ồn ào, các tôn giả, chớ làm ồn, các Tôn giả, **gia chủ Vajjiyahita** này đang đến, một đệ tử của Sa-mô Gotama, trong những đệ tử của Sa - môn Gotama, có gia đình mặt áo trắng ở Campà. Gia chủ Vajjiyamàhita là một trong những vị ấy, các vị ấy ưa ít ồn ào, được huấn luyện trong ít ồn ào, tán thán ít ồn ào. Nếu vị ấy thấy hội chúng ít*

ồn ào, vị ấy có thể nghĩ đến thăm ở đây." Rồi các du sĩ ngoại đạo ấy giữ im lặng.

3. Rồi gia chủ Vajjiyamàhita đi đến các du sĩ ngoại đạo ấy; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với gia chủ Vajjiyahita đang ngồi một bên:

- Có đúng sự thật chăng này Gia chủ, sa-môn Gotama chỉ trích mọi khổ hạnh, nhất hướng bài bác, chống đối mọi khổ hạnh, mọi nếp sống kham khổ?

- Thừa các Tôn giả, Thế Tôn không chỉ trích mọi khổ hạnh, không nhất hướng bài bác chống đối mọi khổ hạnh, mọi nếp sống kham khổ.
- Thừa các Tôn giả, Thế tôn **chỉ trích cái gì đáng chỉ trích, tán thán cái gì đáng tán thán.**
- Thừa các Tôn giả, Thế Tôn chỉ trích cái gì đáng chỉ trích, tán thán cái gì đáng tán thán, như vậy **Thế Tôn là người phân tích luận, không phải là người nhất hướng luận (nói một chiều).**

4. Được nói vậy, một du sĩ nói với gia chủ Vajjiyamàhita: *"Thôi chờ ở đây, này Gia chủ, Gia chủ tán thán Sa-môn Gotama và Sa-môn Gotama là*

người hư vô, một người không bao giờ có định nghĩa rõ ràng.

- Ở đây, thưa các Tôn giả, tôi nói với các Tôn giả đúng pháp: "Đây là thiện, thưa các Tôn giả, Thế Tôn đã định nghĩa. Đây là bất thiện, thưa các Tôn giả, Thế Tôn đã định nghĩa. Đây là thiện, đây là bất thiện, Thế Tôn đã định nghĩa. Thế Tôn là người có định nghĩa rõ ràng. Thế Tôn không phải là người chủ trương hư vô, không phải là người không có định nghĩa rõ ràng". Khi được nói vậy, các du sĩ ấy im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi đầu, sững sờ, không nói nên lời.

5. Rồi gia chủ Vajjiyamàhita, sau khi biết các du sĩ ngoại đạo ấy im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi đầu, sững sờ không nói nên lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Vajjiyamàhita, câu chuyện với các du sĩ ngoại đạo như thế nào, tất cả đều thuật lại cho Thế Tôn rõ.

6. - Lành thay, lành thay, này Gia chủ, những kẻ ngu si thường thường cần phải được bác bỏ với sự khéo bác bỏ nhờ Chánh pháp.

Này Gia chủ,

1. Ta không nói rõ rằng, tất cả khổ hạnh cần phải hành trì.
2. Ta không nói rằng, tất cả khổ hạnh không nên hành trì.
3. Ta cũng không nói rằng tất cả sự chấp trì cần phải được chấp trì.
4. Ta cũng không nói rằng tất cả sự chấp trì không nên chấp trì.
5. Ta cũng không nói rằng tất cả sự tinh cần, cần phải tinh cần.
6. Ta cũng không nói rằng, tất cả sự tinh cần không nên tinh cần.
7. Ta cũng không nói rằng, tất cả sự từ bỏ nên từ bỏ.
8. Ta cũng không nói rằng tất cả sự từ bỏ không nên từ bỏ.
9. Ta cũng không nói rằng tất cả sự giải thoát nên giải thoát.
10. Ta cũng không nói rằng, tất cả sự giải thoát không nên giải thoát.

7. Nay Gia chủ,:

1. Phàm hành trì khổ hạnh nào, các pháp **bất thiện** tăng trưởng, các pháp **thiện** tổn giảm, khổ hạnh ấy, Ta nói, không nên hành trì.

2. Phàm hành trì khổ hạnh nào, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, khổ hạnh ấy Ta nói nên hành trì.
3. Phàm chấp hành **chấp trì** nào, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, chấp trì ấy, Ta nói, không nên chấp hành.
4. Phàm chấp hành chấp trì nào, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, thời chấp hành chấp trì ấy, Ta nói nên chấp trì.
5. Phàm **tinh cần** nào được tinh tấn, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, thời tinh cần ấy, Ta nói rằng, không nên tinh tấn.
6. Phàm tinh cần nào được tinh tấn, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, thời tinh cần ấy, Ta nói nên tinh tấn.
7. Phàm từ bỏ **từ bỏ** nào, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, thời từ bỏ ấy, Ta nói, không nên từ bỏ.
8. Phàm từ bỏ từ bỏ nào, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, thời từ bỏ ấy, Ta nói, nên từ bỏ.
9. Phàm giải thoát sự **giải thoát** nào, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, thời giải thoát ấy, Ta nói, không nên giải thoát.
10. Phàm giải thoát giải thoát nào, các pháp **bất thiện** tổn giảm, các pháp **thiện** tăng trưởng, thời giải thoát ấy, Ta nói nên giải thoát.

Rồi gia chủ Vajjiyamàhita sau khi được Thế Tôn với một pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

8. Rồi Thế Tôn, sau khi gia chủ Vajjiyamàhita ra đi không bao lâu, bảo các Tỷ-kheo:

- Phàm Tỷ-kheo nào, đã lâu ngày với trần cấu ít trong Pháp và Luật này, vị ấy hãy như vậy bài bác các du sĩ ngoại đạo với sự khéo bài bác nhờ Chánh pháp, như gia chủ Vajjiyamàhita đã làm.

5 VAPPA - Tăng II, 196

VAPPA – Tăng II, 196

1. Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu khu vườn Nigrodha. Rồi thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha đi đến Tôn giả Mahàmoggallàna; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Mahàmoggallàna rồi ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahàmoggallàna nói với thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha đang ngồi một bên:

*- Ở đây, này Vappa, có thể có người với **thân** chế ngự, với **lời** chế ngự, với **ý** chế ngự, **vô minh** được viễn ly, **minh** được sanh khởi. Ông có thấy người ấy, do một nhân duyên nào, các lậu hoặc khiến họ **cảm thọ đau khổ** có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai?*

- Thưa Tôn giả, con có thể thấy trường hợp ấy. Ở đây thưa Tôn giả, do ác nghiệp tạo ra về trước chưa đưa đến quả dị thực, do một nhân duyên ấy, các lậu hoặc khiến họ cảm thọ đau khổ có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai.

Và câu chuyện này giữa Tôn giả Mahàmoggallàna và Thích tử Vappa, đệ tử của Niganthà bị bỏ dở.

2. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều từ Thiền Tĩnh đứng dậy đi đến hội trường; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống, Thế Tôn nói với Tôn giả Mahāmoggallāna:

- Nay Mahāmoggallāna, câu chuyện gì được nói đến, khi các Ông ngồi tụ họp ở đây? Và câu chuyện giữa các Ông chưa được nói xong?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con nói với Thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha: "Ở đây, này Vappa, có thể có người với thân chế ngự, với lời chế ngự, với ý chế ngự, vô minh được viễn ly, minh được sanh khởi. Ông có thấy người ấy, do một nhân duyên nào, các lậu hoặc khiến họ cảm thọ đau khổ có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai?" Bạch Thế Tôn, khi người nói như vậy, Thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha nói với con như sau: "Thưa Tôn giả, con có thể thấy trường hợp ấy. Ở đây thưa Tôn giả, do ác nghiệp tạo ra về trước chưa đưa đến quả dị thực, do một nhân duyên ấy, các lậu hoặc khiến họ cảm thọ đau khổ có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai!". Bạch Thế Tôn, ở đây là câu chuyện giữa Thích Tử Vappa, đệ tử của Nigantha và chúng con, câu chuyện bị bỏ dở khi Thế Tôn đến!

3. Rồi Thế Tôn nói với Thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha:

- Nay Vappa, nếu Ông có thể chấp nhận điều Ông có thể chấp nhận, và có thể bác bỏ điều đáng được bác bỏ, và trong trường hợp Ông không có thể biết được ý nghĩa lời nói của Ta, nếu Ông hỏi ta thêm về vấn đề ấy: "Bạch Thế Tôn, lời nói này, ý nghĩa là gì?", thì có thể có cuộc nói chuyện giữa chúng ta.

- Bạch Thế Tôn, con có thể chấp nhận điều con có thể chấp nhận, và có thể bác bỏ điều đáng được bác bỏ, và trong trường hợp con không có thể biết được ý nghĩa lời nói của Thế Tôn, con sẽ hỏi Thế Tôn thêm về vấn đề ấy: "Bạch Thế Tôn, lời nói này, ý nghĩa là gì?", mong rằng ở đây có cuộc nói chuyện giữa chúng ta.

4.- Ý Ông nghĩ thế nào, này Vappa? Nếu do nhân duyên **thân** khởi động, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não khởi lên; với người chế ngự được thân khởi động, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có nơi người ấy nữa. Người ấy không làm **nghiệp** mới, còn hành động trước của người ấy, do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; **con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.**

Này Vappa, Ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

5. - Ý Ông nghĩ thế nào, này Vappa? **Nếu do nhân duyên lời khởi động**, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não khởi lên; với người chế ngự được lời khởi động, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có nơi người ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới, còn hành động trước của người ấy, do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Này Vappa, Ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

6.- Ý Ông nghĩ thế nào, này Vappa? **Nếu do nhân duyên ý khởi động**, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não khởi lên; với người chế ngự được ý khởi động, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có nơi người ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới, **còn**

hành động trước của người ấy, do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Này Vappa, Ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

7.- Ý Ông nghĩ thế nào, này Vappa? Đối với các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy ***do duyên vô minh khởi lên,*** vô minh được ly tham, minh được khởi lên, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có với người ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới, còn hành động trước của người ấy, ***do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.***

Này Vappa, Ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

8.- Như vậy, này Vappa, với vị Tỷ-kheo có tâm được chơn chánh giải thoát, sáu an trú thường hằng được chứng đắc. Vị ấy, khi mắt thấy sắc, không có ý đẹp, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi tai nghe tiếng..., khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc ... khi ý thức tri pháp, không có ý đẹp, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân, vị ấy quán tri: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân". Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng, vị ấy quán tri: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng". Vị ấy quán tri: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây tất cả các cảm thọ không còn có hỷ lạc, sẽ trở thành vắng lạnh".

9. Ví như, này Vappa, duyên một thân cây, bóng cây hiện ra. Rồi có người đến cầm các cuốc và cái giỏ, chặt thân cây ấy ở nơi rễ. Sau khi chặt ở nơi rễ, người ấy đào cái mương. Sau khi đào cái mương, người ấy nhổ lên các rễ lớn cho đến các rễ con và rễ phụ. Rồi người ấy chặt cây ấy thành từng khúc, người ấy bửa. Sau khi bửa, người ấy chẻ thành từng miếng nhỏ. Sau khi chẻ thành từng miếng nhỏ, người ấy phơi giữa gió và nắng, người ấy lấy lửa đốt. Sau khi lấy lửa đốt, người ấy vun thành đống tro. Sau khi người ấy vun thành đống tro, người ấy sàng tro giữa gió lớn, hay để tro ấy vào dòng nước mạnh cho nước

cuốn đi. Như vậy, này Vappa, do duyên thân cây nên có bóng cây. Bóng cây ấy, rồi bị chằm đứt, làm thành như thân cây tala, làm cho không thể tái sanh trong tương lai, không thể sống lại được.

Cũng vậy, này Vappa, vị Tỷ-kheo có tâm được chơn chánh giải thoát, sáu an trú thường hằng được chứng đắc. Vị ấy, khi mắt thấy sắc, không có ý đẹp, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi tai nghe tiếng..., khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc ... khi ý thức tri pháp, không có ý đẹp, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân". Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng". Vị ấy biết: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây tất cả các cảm thọ không còn hỷ lạc, sẽ trở thành vắng lạnh".

10. Khi được nói như vậy, Thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha bạch Thế Tôn:

- Ví như, bạch Thế Tôn, một người mong ước được tài sản, lo nuôi dưỡng tài sản của mình, nhưng không được tăng trưởng gì, trái lại chỉ được mệt nhọc và dự phần vào phiền muộn. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, con cầu mong được lợi ích khi con hầu hạ kẻ ngu

Nigantha này. Con đã không được lợi ích gì, trái lại con chỉ được mệt nhọc và dự phần vào phiền muộn. Bắt đầu từ hôm này, bạch Thế Tôn, với lòng tin gì con đã có với kẻ ngu Nigantha, con sẽ sàng lòng tin ấy giữa gió lớn, hay để lòng tin ấy vào dòng nước lạnh cho nước cuốn đi.

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

6 VASETTHA - 98 Trung II, 775

KINH VASETTHA (Vasettha sutta)

– Bài kinh số 98 – Trung II, 775

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Icchanankala (Y-xa-năng-gia-la), tại khu rừng Icchanankala. Lúc bấy giờ có rất nhiều Bà-la-môn danh tiếng và giàu có trú tại Icchanankala như Bà-la-môn Canki, Bà-la-môn Tarukkha, Bà-la-môn Pokkharasati, Bà-la-môn Janussoni, Bà-la-môn Todeyya cùng rất nhiều Bà-la-môn danh tiếng và giàu có khác. Rồi trong khi các thanh niên Bà-la-môn Vasettha và Bharadvaja đang tản bộ du hành, câu chuyện sau đây được khởi lên: "**Thế nào là một vị Bà-la-môn?**"

Thanh niên Bharadvaja nói như sau:

– Nếu ai thiện sanh từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh, như vậy là làm một vị Bà-la-môn.

Thanh niên Vasettha nói như sau:

– Nếu ai có giới hạnh và thành tựu các cấm giới, như vậy là một vị Bà-la-môn.

Thanh niên Bà-la-môn Bharadvaja không thể thuyết phục thanh niên Bà-la-môn Vasettha, và thanh niên Bà-la-môn Vasettha không thể thuyết phục thanh niên Bharadvaja. Rồi thanh niên Bà-la-môn Vasettha nói với thanh niên Bà-la-môn Bharadvaja:
– Này Bharadvaja, Sa-môn Gotama này là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, nay đang trú ở Icchanankala, tại khu rừng Icchanankala. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "Đây là Thế Tôn... Phật, Thế Tôn". Này Tôn giả Bharadvaja, chúng ta hãy đến Sa-môn Gotama, sau khi đến hãy hỏi Tôn giả Gotama về nghĩa lý này, và Sa-môn Gotama trả lời như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

– Thừa vâng.

Thanh niên Bà-la-môn Bharadvaja vâng đáp thanh niên Vasettha. Rồi thanh niên Bà-la-môn Vasettha và Bharadvaja cùng đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Vasettha dùng những bài kệ bạch Thế Tôn:

*Chúng con cả hai người,
Được tôn xưng, tự nhận,
Là những bậc thông thái
Cả ba tập Vệ-đà.*

*Con là đệ tử Ngài,
Pokkharasati,
Còn vị thanh niên này,
Đệ tử Tarukkha.
Ba Vệ-đà nói gì,
Chúng con đều thông đạt,
Văn cú và văn phạm,
Chúng con đều thấu hiểu,
Thuyết giảng và giải thích,
Thật giống bậc Đạo sư.
Tôn giả Gotama,
Giữa hai người chúng con
Có sự tranh luận này,
Về huyết thống thọ sanh.
Bharadvaja nói:
"Chính do sự thọ sanh".
Con nói: "Do hành động,
Mới thành Bà-la-môn".
Mong bậc có Pháp nhãn,
Hiểu cho là như vậy.
Cả hai người chúng con,
Không thể thuyết phục nhau.
Chúng con đến hỏi Ngài,
Bậc Chánh Giác tôn xưng.
Như trăng được tròn đầy,
Quần chúng đến chấp tay,
Đảnh lễ và chiêm ngưỡng.*

Cũng vậy, ở trong đời,
Quần chúng đến đánh lễ,
Gotama Tôn giả.
Chúng con đến hỏi Ngài,
Bậc Pháp nhãn thế gian,
Bà-la-môn do sanh,
Hay chính do hành động?
Chúng con không được biết,
Hãy nói chúng con biết.
Đức Thế Tôn bèn nói:
Này Ông Vasettha,
Ta trả lời cho Ông,
Thuận thứ và như thật,
Sự phân loại do sanh,
Của các loại hữu tình,
Chính do sự sanh để,
Do sanh, có dị loại.
Hãy xem cỏ và cây,
Dầu chúng không nhận thức,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.
Hãy xem loại côn trùng,
Bướm đêm, các loại kiến,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.
Hãy xem loại bốn chân,
Loại nhỏ và loại lớn,

*Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.
Hãy xem loài bò sát,
Loại rắn, loại lưng dài,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.
Hãy xem các loại cá,
Loại sinh sống trong nước,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.
Hãy xem các loại chim,
Loại có cánh trên trời,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.
Tùy theo sự thọ sanh,
Chúng có tướng tùy sanh.
Trong thế giới loài Người,
Tướng sanh không có nhiều,
Không ở đầu mái tóc,
Không ở tai, ở mắt,
Không ở miệng, ở mũi,
Không ở môi, ở mày,
Không ở cổ, ở nách,
Không ở bụng, ở lưng,
Không ở ngực, ở vú,
Không âm hộ, hành dâm.
Không ở tay, ở chân,*

Không ở ngón, ở móng,
Không ở cổ chân, vế,
Không ở sắc, ở tiếng.
Không tướng, do tùy sanh,
Tùy sanh, loại sai khác.
Trên tự thân con người,
Không có gì đặc biệt.
Chỉ tùy theo danh xưng,
Loài Người được kêu gọi.
Đối người tự sinh sống.
Chấn bò, lo ruộng đất,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là nông phu,
Không phải Bà-la-môn.
Ai sống theo nghề nghiệp,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là công thợ,
Không phải Bà-la-môn.
Ai sống nghề buôn bán,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là thương nhân,
Không phải Bà-la-môn.
Ai sống hầu hạ người,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là nô bộc,
Không phải Bà-la-môn.
Ai sống lấy của người,

Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là kẻ trộm,
Không phải Bà-la-môn.
Ai sống nghề cung tên,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là nhà binh,
Không phải Bà-la-môn.
Ai sống nghề tế tự,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là tế quan,
Không phải Bà-la-môn.
Ai sống giữa loài Người,
Thọ hưởng làng, quốc độ,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là vua chúa,
Không phải Bà-la-môn.
**Và Ta không có gọi,
Kẻ ấy Bà-la-môn.
Chỉ vì do thọ sanh,
Dầu vị ấy cao sang,
Dầu vị ấy giàu có,
Nhưng còn ham thế lợi.
Không tham lam thế lợi,
Không chấp thủ sở hữu,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Vị đoạn tận kiết sử,**

*Không ai không sợ hãi,
Siêu việt mọi chấp trước,
Thoát ly các hệ phược,
**Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.***

*Cắt dây thừng, dây ách,
Dây cương, cùng dây trói,
Quăng đi dây chằng ngang,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Bạc sáng suốt, giác ngộ,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ai không lỗi, chịu đựng,
Nhiếp mạng cùng đánh trói,
Trang bị với nhẫn lực,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Không phần nộ, giữ luật,
Có giới hạnh không kiêu,
Nhiếp phục, thân tối hậu,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Như nước trên lá sen,
Hột cải trên đỉnh nhọn,
Không tham luyến dục vọng,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ai biết ngay đời này*

*Khổ vì ngã đoạn tận,
Gánh nặng được đặt xuống,
Xa lìa các hệ phược,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Tuệ thâm sâu, có trí
Thiện xảo đạo phi đạo,
Đích tối thượng đạt được,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ai không còn liên hệ,
Cả tại gia, xuất gia,
Không nhà trú, thiếu dục,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Bỏ gây đối chúng sanh,
Kẻ yếu cùng kẻ mạnh,
Không giết, không hại ai,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Giữa kẻ thù, không thù,
Giữa hung bạo, an tịnh,
Giữa chấp thủ, không chấp,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Dối, tham, sân, mạn, phú,
Ai bỏ rơi được chúng,*

*Như hột cải rơi khỏi.
Đầu nhọn của mũi kim,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ai dạy thật nhỏ nhẹ,
Nói lên lời chơn thực,
Không xúc chạm một ai,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Dài ngắn hay lớn nhỏ,
Thanh tịnh hay bất tịnh,
Ở đời vật dài ngắn,
Lớn, nhỏ, tịnh, bất tịnh,
Không lấy vật không cho,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Với ai không tham cầu,
Đời này và đời sau,
Từ bỏ mọi tham cầu,
Đoạn rời mọi hệ phược,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ai không có chấp tàng,
Với trí đoạn nghi hoặc,
Đạt nhập đáy bất tử.
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

Ở đời ai vượt khỏi,
Mọi buộc ràng thiện ác,
Không sâu, không bụi uế,
Kể ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ai không uế, thanh tịnh,
Không gợn, sáng như trăng,
Hy, hữu được đoạn trừ,
Kể ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ai vượt qua hiểm lộ,
Ác lộ, luân hồi, si,
Vượt khỏi, đến bờ kia,
Thiền tư, không dao động,
Đoạn trừ mọi nghi hoặc,
An tịnh, không chấp trước,
Kể ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ở đời, bỏ dục vọng,
Không nhà, sống xuất gia,
Đoạn trừ dục và hữu,
Kể ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ở đời, bỏ tham ác,
Không nhà, sống xuất gia,
Đoạn trừ ác và hữu,
Kể ấy Ta mới gọi,

Chánh danh Bà-la-môn.
Ai từ bỏ nhân ách,
Vượt qua cả thiên ách,
Đoạn trừ mọi ách nạn,
Thoát ly mọi hệ phược,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Từ bỏ lạc, bất lạc,
Thanh lương, không y trú,
Chiến thắng mọi thế giới,
Bậc anh hùng dũng mãnh,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ai biết thật hoàn toàn,
Sự sanh diệt chúng sanh,
Không tham trước, Thiện Thệ,
Giác ngộ, đạt chánh giác,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Không biết chỗ sở thủ,
Thiên, Nhân, Càn-thát-bà,
Lậu hoặc được đoạn trừ,
Bậc Ứng Cúng, La-Hán,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ai không có chấp trước,
Đời trước, sau, đời này,

Không chấp, không sở hữu,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ngu vương, bậc Tối thắng,
Anh hùng, bậc Đại sĩ,
Bậc Chinh phục, Bất động,
Tắm sạch, bậc Giác Ngộ,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ai biết được đời trước,
Thấy được thiện, ác thú,
Đạt được sanh diệt đoạn,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Điều thế giới cho gọi,
Là "tên" và "gia tộc",
Chỉ tục danh, thông danh,
Danh từ khởi nhiều chỗ.
Đã lâu đời chấp trước,
Tà kiến của kẻ ngu,
Kẻ ngu tự tuyên bố,
Bà-la-môn do sanh.
Không phải do sanh để,
Được gọi Bà-la-môn,
Không phải do sanh để,
Gọi phi Bà-la-môn.
Chính do sự hành động

Được gọi Bà-la-môn,
Chính do sự hành động
Gọi phi Bà-la-môn.
Hành động làm nông phu,
Hành động làm công thợ,
Hành động làm lái buôn,
Hành động làm nô bộc.
Hành động làm ăn trộm,
Hành động làm nhà binh.
Hành động làm tế quan,
Hành động làm vua chúa,
Kẻ trí thấy hành động,
Như thật là như vậy.
Thấy rõ lý duyên khởi,
Biết rõ nghiệp dị thực,
Do nghiệp, đời luân chuyển
Do nghiệp, người luân hồi.
Nghiệp trôi buộc chúng sanh,
Như trục xe quay bánh.
Do khổ hạnh, Phạm hạnh,
Tiết chế và chế ngự,
Tác thành Bà-la-môn.
Bà-la-môn như vậy,
Mới thật là tối thượng,
Ba Vệ-đà thành tựu,
An tịnh, tái sanh đoạn,
Vesettha nên biết,

*Kẻ ấy được Phạm thiên,
Được Thiên chủ Sakka,
Biết đến thật tường tận.*

Khi được nghe nói vậy, hai thanh niên Bà-la-môn
Vasettha và Bharadvaja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, tôn giả Gotama! Thật vi diệu
thay, Tôn giả Gotama! ... chúng con xin quy y Tôn
giả Gotama, quy y Pháp, quy y Tăng. Mong Tôn
giả Gotama nhận chúng con làm cư sĩ, từ nay cho
đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

7 VASSAKÀRA - Tăng I, 616

VASSAKÀRA – Tăng I, 616

1. - Một thời, Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Veluvanna (Trúc Lâm) chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Bà-la-môn Vassakàra, vị đại thần xứ Magadha, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vassakàra nói với Thế Tôn:

- Người nào thành tựu bốn pháp, thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi tuyên bố là bậc Đại tuệ, là bậc Đại nhân. Thế nào là bốn?

2. Ở đây, này Tôn giả Gotama, người nghe nhiều, được nghe điều gì, điều gì, vị ấy biết ý nghĩa của lời ấy: "Đây là ý nghĩa của lời này. Đây là ý nghĩa của lời này"; có chánh niệm, ức niệm nhớ đến điều đã làm từ lâu, đã nói từ lâu; lại trong các công việc của gia chủ, những công việc gì cần phải làm, vị ấy ở đây có thiện xảo, không có thụ động, thành tựu với sự quán sát về phương tiện, vừa đủ để làm, vừa đủ để tổ chức.

Thưa Tôn giả Gotama, thành tựu với bốn pháp này, chúng tôi tuyên bố là bậc Đại tuệ, là bậc Đại nhân. Nếu Tôn giả Gotama nghĩ con đáng được tùy hỷ, mong Tôn giả Gotama hãy tùy hỷ con! Nếu Tôn giả Gotama nghĩ con đáng bị bài xích, Tôn giả Gotama hãy bài xích con!

3. - Này Bà-la-môn, Ta không tùy hỷ, Ta không bài xích Ông.

Này Bà-la-môn, thành tựu với bốn pháp này, Ta tuyên bố là **bậc Đại tuệ, bậc Đại nhân**. Thế nào là bốn?

- Ở đây, này Bà-la-môn, có người thực hiện hướng đến hạnh phúc cho nhiều người, hướng đến an lạc cho nhiều người. Với người này, nhiều người được an lập trên Thánh lý, tức là hiện thiện pháp tánh, thiện pháp tánh.
- Với tâm tư nào vị ấy nghĩ cần phải tâm tư, vị ấy tâm tư tâm tư ấy. Với tâm tư nào vị ấy nghĩ không cần phải tâm tư, vị ấy không tâm tư tâm tư ấy. Với tư duy nào vị ấy nghĩ cần phải tư duy, vị ấy tư duy tư duy ấy. Với tư duy nào vị ấy nghĩ không cần phải được tư duy, vị ấy không tư duy tư duy ấy. Như vậy, vị ấy đạt được **tâm tự tại** trong các đường hướng tâm tư.

- Đối với bốn Thiền thuộc tầng thượng tâm, hiện tại lạc trú, vị ấy được không khó khăn, được không mệt nhọc, được không phí sức.
- Do đoạn diệt các lậu hoặc, vị ấy ngay trong hiện tại, với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Này Bà-la-môn, Ta không tùy hỷ, Ta không bài xích Ông. Thành tựu với bốn pháp này, này Bà-la-môn, Ta tuyên bố là bậc Đại tuệ, là bậc Đại nhân.

4. - Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Cho đến như vậy, Tôn giả Gotama đã khéo nói.

- Chúng con thọ trì rằng Tôn giả Gotama đã thành tựu bốn pháp này, Tôn giả Gotama đã thực hành, hướng đến hạnh phúc cho nhiều người, hướng đến an lạc cho nhiều người, đã an lập nhiều người trên Thánh lý, tức là hiện thiện pháp tánh, thiện pháp tánh.
- Tôn giả Gotama là vị, với tầm tư nào, vị ấy nghĩ cần phải tầm tư, vị ấy tầm tư tầm tư ấy; với tầm tư nào, vị ấy nghĩ không cần phải tầm tư, vị ấy không tầm tư tầm tư ấy; với tư duy nào, vị ấy nghĩ cần phải tư duy, vị ấy tư duy tư duy ấy; với tư duy nào, vị ấy nghĩ không cần phải tư

duy, vị ấy không tư duy tư duy ấy. Tôn giả Gotama đạt được tâm tự tại trong các đường hướng tâm tư.

- Tôn giả Gotama đối với bốn Thiền, thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.
- Tôn giả Gotama, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

5. - **Thật vậy, này Bà-la-môn, lời tuyên bố của Ông là một thách thức cho Ta và Ta sẽ trả lời cho Ông.**

- Này Bà-la-môn, Ta đã thực hành, hướng đến hạnh phúc cho nhiều người, hướng đến an lạc cho nhiều người, đã an lập nhiều người trên Thánh lý, tức là hiện thiện pháp tánh, thiện pháp tánh.
- Ta là vị, với tâm tư nào Ta nghĩ cần phải tâm tư, Ta tâm tư tâm tư ấy. Với tâm tư nào Ta nghĩ không cần phải tâm tư, Ta không tâm tư tâm tư ấy. Với tư duy nào Ta nghĩ cần phải tư duy, Ta tư duy tư duy ấy, Với tư duy nào Ta nghĩ không cần phải tư duy, Ta không tư duy tư duy ấy.

Này Bà-la-môn, Ta đạt được tâm tự tại trong các đường hướng tầm tư.

- Này Bà-la-môn đối với bốn Thiên, thuộc tầng thượng tâm, hiện tại lạc trú, Ta có được không khó khăn, Ta có được không mệt nhọc, Ta có được không phí sức.
- Này Bà-la-môn, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, với thắng trí, Ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

6. Ai trong mọi chúng sanh,

Hiếu rõ được giải thoát,

Khởi cam bầy thân chết,

Vì hạnh phúc nhân thiên,

Tuyên bố về chánh lý,

Tuyên bố về Chánh pháp.

Quần chúng thấy nghe vậy,

Liền hoan hỷ tịnh tín,

Thiện xảo đạo, phi đạo,

Việc nên làm đã làm,

Vô lậu bậc Giác ngộ,

Với thân này thân cuối,

Ngài được gọi tôn xưng,

Bậc Đại tuệ, Đại nhân.

8 VASSAKÀRA - Tăng II, 159

VASSAKÀRA – Tăng II, 159

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Bà-la-môn Vassakàra, vị đại thần nước Magadha đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón thăm hỏi. Sau khi nói lên với Thế Tôn những lời chào đón thăm hỏi thân hữu, Bà-la-môn Vassakàra, vị đại thần nước Magadha bạch Thế Tôn:

- *Thưa Tôn giả Gotama, bậc không phải Chân nhân có thể biết một người không phải Chân nhân: "Vị này không phải là bậc Chân nhân"?*

- *Không có trường hợp này, này Bà-la-môn, không có cơ hội để một người không phải Chân nhân có thể biết một người không phải Chân nhân: "Vị này không phải là bậc Chân nhân".*

2.- *Thưa Tôn giả Gotama, bậc không phải Chân nhân có thể biết bậc Chân nhân là: "Vị này là bậc Chân nhân"?*

- *Không có trường hợp này, này Bà-la-môn, không có cơ hội để một người không phải Chân nhân có thể*

biết một người Chân nhân: "Vị này là bậc Chân nhân".

3.- Thưa Tôn giả Gotama, bậc Chân nhân có thể biết một bậc Chân nhân: "Vị này là bậc Chân nhân"?

- Có trường hợp, này Bà-la-môn, có cơ hội để một người Chân nhân có thể biết một người phải Chân nhân: "Vị này là bậc Chân nhân".

4. - Nhưng thưa Tôn giả Gotama, có trường hợp một người Chân nhân biết một người không phải là Chân nhân là: "Vị này không phải là bậc Chân nhân"?

- Có trường hợp, này Bà-la-môn, một người Chân nhân có thể biết một người không phải là Chân nhân: "Vị này không phải là bậc Chân nhân".

5. - Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama, thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật khéo là lời nói này của Tôn giả Gotama: "Không có trường hợp này, này Bà-la-môn, không có cơ hội để một người không phải Chân nhân có thể biết một người không phải Chân nhân: "Vị này không phải là bậc Chân nhân". Không có trường hợp này, này Bà-la-môn, không có cơ hội để một người không phải Chân nhân có thể biết một người Chân nhân: "Vị này là bậc Chân nhân". Không có trường hợp này, này Bà-la-môn,

không có cơ hội để một người không phải Chân nhân có thể biết một người Chân nhân: "Vị này là bậc Chân nhân". Có trường hợp, này Bà-la-môn, có cơ hội để một người Chân nhân có thể biết một người phải Chân nhân: "Vị này là bậc Chân nhân". Có trường hợp, này Bà-la-môn, có cơ hội để một người Chân nhân có thể biết một người không phải là Chân nhân: "Vị này không phải là bậc Chân nhân".

6. Một thời, thưa Tôn giả Gotama, hội chúng của Bà-la-môn Todeyya đang nói lên những lời nhiếc mắng người khác như sau: "Ngu si là vua Eleyya, đã quá hoan hỷ với Sa-môn Ràmaputta, đã làm những cử chỉ hết sức hạ liệt như sau đối với Sa-môn Ràmaputta, tức là đánh lễ, từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay, đối xử thân thiện. Lại nữa, những tập đoàn này của vua Eleyya là ngu si, như Yamaka, Moggalla, Ugga, Nàvindakhi, Gandhabba, Aggivessa. Những người này đã quá hoan hỷ với Sa-môn Ràmaputta, đã làm những cử chỉ hết sức hạ liệt như sau đối với Sa-môn Ràmaputta, tức là đánh lễ, từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay, đối xử thân thiện".

- Này Bà-la-môn, Ông có thấy như thế nào Bà-la-môn Todeyya dẫn dắt chúng bằng cách dắt dẫn này: "Các vị nghĩ thế nào, hiền trí là vua Eleyya? Giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề

tranh chấp, giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề cần được giải thích, có phải vua Eleyya được xem là vị có minh kiến thù thắng?"

- Thừa vâng, Tôn giả! Hiền trí là vua Eleyya. Giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề tranh chấp, giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề cần được giải thích, vua Eleyya được xem là vị có minh kiến thù thắng. Vì rằng Sa-môn Ràmaputta còn hiền trí hơn sự hiền trí, còn có minh kiến thù thắng hơn sự minh kiến thù thắng của vua Eleyya, giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề tranh chấp, giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề cần được giải thích; do vậy vua Eleyya đã quá hoan hỷ với Sa-môn Ràmaputta, đã làm những cử chỉ hết sức hạ liệt như sau đối với Sa-môn Ràmaputta, tức là đánh lễ, từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay, đối xử thân thiện.

- Các Tôn giả nghĩ thế nào "Hiền trí hiền trí là tập đoàn của vua Eleyya, như Yamaka, Moggalla, Ugga, Nàvindaki, Gandhabba, Aggivessa không? Giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề tranh chấp, giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề cần được giải thích, có phải tập đoàn của vua Eleyya được xem là những bậc có minh kiến thù thắng?

- Thừa vâng, Tôn giả! Hiền trí là tập đoàn của vua Eleyya, như Yamaka, Moggalla, Ugga, Nàvindaki, Gandhabba, Aggivessa. Giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề tranh chấp, giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề cần được giải thích, tập đoàn của vua Eleyya được xem là những bậc có minh kiến thù thắng. Vì rằng Sa-môn Ràmapputta còn hiền trí hơn sự hiền trí, còn có minh kiến thù thắng hơn sự minh kiến thù thắng của tập đoàn vua Eleyya, giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề tranh chấp, giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề cần được giải thích.

Do vậy tập đoàn của vua Eleyya đã quá hoan hỷ với Sa-môn Ràmapputta, đã làm những cử chỉ hết sức hạ liệt như sau đối với Sa-môn Ràmapputta, tức là đánh lễ, từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay, đối xử thân thiện.

7. - Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama, thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật khéo là lời nói này của Tôn giả Gotama: "Không có trường hợp này, này Bà-la-môn, không có cơ hội để một người không phải Chân nhân có thể biết một người không phải Chân nhân: "Vị này không phải là bậc Chân nhân". Không có trường hợp này, này Bà-la-môn, không có cơ hội để một người không phải Chân nhân có thể

biết một người Chân nhân: "Vị này là bậc Chân nhân". Không có trường hợp này, này Bà-la-môn, không có cơ hội để một người không phải Chân nhân có thể biết một người Chân nhân: "Vị này là bậc Chân nhân". Có trường hợp này, này Bà-la-môn, có cơ hội để một người Chân nhân có thể biết một người phải Chân nhân: "Vị này là bậc Chân nhân". Có trường hợp này, này Bà-la-môn, để một người Chân nhân có thể biết một người không phải là Chân nhân: "Vị này không phải là bậc Chân nhân".

Thưa Tôn giả Gotama, nay chúng tôi phải đi, chúng tôi có nhiều công việc, có nhiều phận sự phải làm.

- Này Bà-la-môn, Ông hãy làm những gì mà Ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Bà-la-môn Vassakàra, vị đại thần xứ Magadha, hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn nói, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi.

9 VASSAKÀRA - Tăng III, 298

VASSAKÀRA – Tăng III, 298

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), trên núi Gijjhakùta (Linh Thú). Lúc bấy giờ, Ajàtasattu, con bà Videhi vua nước Magadha muốn chinh phạt dân chúng Vajjì. Vua nói như sau:

- Ta quyết chinh phạt dân Vajjì này, dầu họ có uy quyền, có hùng mạnh. Ta quyết làm cỏ dân Vajjì. Ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì. Ta sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vong.

Rồi Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha nói với Bà-la-môn Vassakàra, đại thần nước Magadha:

- Nay Bà-la-môn, hãy đi đến Thế Tôn, và nhân danh ta cúi đầu đánh lễ chân Ngài, vãn an Ngài có ít bệnh, ít não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú: "Bạch Thế Tôn, Ajàtasattu con bà Videhi, vua nước Magadha cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, vãn an Ngài ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú". Và khinh bạch tiếp: "Bạch Thế Tôn, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha muốn chinh phạt dân Vajjì. Vua tự nói: "Ta quyết

chinh phạt dân Vajjì này, dầu họ có uy quyền, có hùng mạnh. Ta quyết làm cỏ dân Vajjì bị hoại vong". Thế Tôn trả lời khanh thế nào, hãy ghi nhớ kỹ và nói lại ta biết. Các bậc Như Lai không bao giờ nói không như thật.

- Tâu Đại vương, xin vâng.

Bà-la-môn Vassakàra, đại thần nước Magadha vâng theo lời dạy của Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, cho thắng những cỗ xe thù thắng, tự mình cỡi lên một chiếc, cùng với các cỗ xe ấy đi ra khỏi Vương Xá, đến tại núi Linh Thứu, đi xe đến chỗ còn dùng xe được, rồi xuống xe đi bộ đến chỗ Thế Tôn; sau khi đến, liền nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vassakàra, đại thần nước Magadha bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Gotama, vấn an Ngài có ít bệnh, ít nã, khinh an, lạc trú. Thưa Tôn giả Gotama, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha muốn chinh phạt dân xứ Vajjì, vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjì này, dù họ có uy quyền, có hùng mạnh. Ta quyết làm cỏ dân

Vajjì. Ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì. Ta sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vong".

2. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ànanda đứng quạt phía sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn nói với Tôn giả Ànanda:

- Nay Ànanda, Thầy có nghe dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau.

- Nay Ànanda, khi nào dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này Ànanda, dân Vajjì sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Nay Ànanda, Thầy có biết dân Vajjì tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân chúng Vajjì tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc trong niệm đoàn kết.

- Nay Ànanda, khi nào dân Vajjì tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc trong niệm đoàn kết, thời này Ànanda, dân Vajjì sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này Ànanda, Thầy có nghe dân Vajjì không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì như đã ban hành thời xưa không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì thuở xưa.

- Này Ànanda, khi nào dân Vajjì không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì như đã ban hành thuở xưa, thời này Ànanda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ànanda, Thầy có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì, và nghe theo lời dạy của những vị này không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì, và nghe theo lời dạy của những vị này.

- Này Ànanda, khi nào dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì,

và nghe theo lời dạy của những vị này, thời dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ànanda, Thầy có nghe dân Vajjì không bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình.

- Này Ànanda, khi nào có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình, thời này Ànanda, dân Vajjì sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này Ànanda Thầy có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phước các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phước các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp.

- Nay Ànanda, khi nào dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phước các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp, thời này Ànanda, dân Vajjì sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Nay Ànanda Thầy có nghe dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì, khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì, khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc.

- Nay Ànanda, khi nào dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì, khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc, thời này Ànanda, dân Vajjì sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

3. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Vassakàra đại thần nước Magadha:

- Nay Bà-la-môn, một thời, Ta sống ở Vesàli, tại tự miến Sàrandada, *Ta dạy cho dân Vajjì bảy pháp không bị suy giảm này.*

Nay Bà-la-môn, khi nào bảy pháp không bị suy giảm, được duy trì giữa dân Vajjì, khi nào dân Vajjì được giảng dạy bảy pháp không bị suy giảm này, thời này Bà-la-môn, dân Vajjì sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

4. Khi được nói vậy, Bà-la-môn Vassakàra, vị đại thần nước Magadha bạch Thế Tôn:

- Thừa Tôn giả Gotama, nếu dân Vajjì chỉ hội đủ một pháp không bị suy giảm này, thời dân Vajjì nhất định được lớn mạnh, không bị suy giảm, huống nữa là đủ các bảy pháp không bị suy giảm. Thừa Tôn giả Gotama, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha không thể đánh bại dân Vajjì ở chiến trận, trừ phi dùng ngoại giao hay kế ly gián. Thừa Tôn giả Gotama, nay chúng con phải đi, chúng con có nhiều việc và có nhiều bồn phận.

- Nay Bà-la-môn, hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Bà-la-môn Vassakàra, vị đại thần nước Magadha
hoan hỷ tán thán lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi
đứng dậy và ra đi.

10 VEKHANASSA - 80 Trung II, 469

KINH VEKHANASSA

– Bài kinh số 80 – Trung II, 469

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Savatthi (Xá-vệ) , Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tịnh xá ông Anathapinka (Cấp Cô Độc). Rồi du sĩ Vekhanassa đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền đứng một bên. Đứng một bên, du sĩ Vekhanassa thốt lên lời cảm hứng sau đây trước mặt Thế Tôn:

- Sắc này là tối thượng, sắc này là tối thượng.
- Nhưng này Kaccana, sao Ông lại nói như sau: "Sắc này là tối thượng, sắc này là tối thượng"?
- Tôn giả Gotama, sắc nào không có một sắc khác cao thượng hơn, hay thù thắng hơn, sắc này là tối thượng.
- Nhưng này Kaccana, sắc ấy là sắc gì mà không có sắc khác cao thượng hơn hay thù thắng hơn?
- Tôn giả Gotama, sắc nào không có sắc khác cao thượng hơn hay thù thắng hơn, sắc ấy là tối thượng.
- Này Kaccana, lời giải thích của Ông chỉ dài như vậy, Ông phải giải thích rộng rãi thêm. Nếu Ông

nói: "Tôn giả Gotama, sắc nào không có sắc khác cao thượng hơn hay thù thắng hơn, sắc ấy là tối thượng", thời Ông không chỉ rõ sắc ấy.

Này Kaccana, ví như có người nói: "Tôi yêu và luyến ái một cô gái đẹp trong nước này". Có người hỏi: "Này Bạn, cô gái đẹp mà Bạn yêu và luyến ái ấy, Bạn có biết là người giai cấp nào; là Sát-đế-lý, hay Bà-la-môn, hay Phệ-xá, hay Thủ-đà?" Khi được hỏi, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này Bạn, cô gái đẹp Bạn yêu và luyến ái ấy, Bạn có biết tên gì, họ gì, lớn người, thấp người hay bậc trung? Da đen sẫm, da ngăm ngăm đen hay da hồng hào? Ở tại làng nào, thị trấn nào hay thành phố nào?" Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này Bạn, như vậy có phải Bạn yêu và luyến ái một người Bạn không biết, không thấy?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. Này Kaccana, Ông nghĩ thế nào? Sự tình là như vậy, thời lời nói của người có phải là không có hiệu năng không?

- Bạch Tôn giả Gotama, sự tình là như vậy thời lời nói của người ấy thật sự là không có hiệu năng.
- Cũng vậy, này Kaccana, khi Ông nói: "Tôn giả Gotama khi sắc nào không có một sắc khác cao thượng hơn, hay thù thắng hơn, sắc ấy là tối thượng", thời Ông không chỉ rõ sắc ấy.

- Ví như, thưa Tôn giả Gotama, một **hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt**, khéo dũa, khéo mài được đặt trên một tấm màn màu nhạt, tự nó sáng lên, chói lên, bùng sáng lên. Với sắc như vậy, tự ngã là không có bệnh, sau khi chết.
- Này Kaccana, Ông nghĩ thế nào? Một hòn lưu ly bảo châu đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo dũa khéo mài, được đặt trên một tấm màn màu nhạt, tự nó sáng lên, chói lên, bùng sáng lên, hay **con sâu đom đóm trong đêm tối mịt mù**, giữa hai quang sắc này, quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn?
- Thưa Tôn giả Gotama, con sâu đom đóm trong đêm đen tối mịt mù này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.
- Này Kaccana, Ông nghĩ thế nào? Con sâu đom đóm trong đêm đen tối mù hay **ngọn đèn dầu trong đêm đen tối mù**, giữa hai quang sắc này, quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn?
- Thưa Tôn giả Gotama, ngọn đèn dầu trong đêm đen tối mù, (quang sắc ngọn đèn dầu) này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.
- Này Kaccana, Ông nghĩ thế nào? Ngọn đèn dầu trong đêm đen tối mù, hay là **một đồng lửa lớn trong đêm đen tối mù**, giữa hai quang sắc này, quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn?

– Thưa Tôn giả Gotama, đồng lửa lớn trong đêm đen tối mù, quang sắc này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Nay Kaccana, Ông nghĩ thế nào? Đồng lửa lớn trong đêm đen tối mù hay ngôi sao mai trong sáng không mây vào lúc bình minh, giữa hai quang sắc này quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn?

– Thưa Tôn giả Gotama, ngôi sao trong sáng không mây vào lúc bình minh, quang sắc này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Nay Kaccana, Ông nghĩ thế nào? Ngôi (sao Thái Bạch) sao mai trong bầu trời trong sáng không mây, trong lúc bình minh hay là mặt trăng trong khi đứng bóng, trong một bầu trời trong sáng không mây vào lúc nửa đêm, trong ngày Uposatha (Bố-tát) vào ngày Rằm. Giữa hai quang sắc này, (quang) sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn?

– Thưa Tôn giả Gotama, mặt trăng trong khi đứng bóng, trong một bầu trời quang đăng, không mây, vào lúc nửa đêm trong ngày Uposatha (Bố-tát) vào ngày Rằm, quang sắc này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Nay Kaccana, Ông nghĩ thế nào? Mặt trăng trong khi đứng bóng, trong một bầu trời quang đăng không mây, vào lúc nửa đêm trong ngày Uposatha (Bố- tát) vào ngày Rằm, hay là mặt trời trong lúc đứng bóng, trong một bầu trời quang đăng không

mây, vào lúc giữa trưa, trong tháng cuối mùa mưa về mùa thu, giữa hai quang sắc này, quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn?

– Thưa Tôn giả Gotama, mặt trời trong lúc đứng bóng, trong một bầu trời quang đãng không mây, vào lúc giữa trưa, trong tháng cuối mùa mưa về mùa thu, quang sắc này vi diệu hơn và thù thắng hơn.

– Nay Kaccana, hơn tất cả quang sắc ấy có rất nhiều, rất nhiều chư Thiên, mà ánh sáng của những mặt trăng, mặt trời này không thể chiếu sáng. **Ta biết những chư Thiên ấy và Ta không nói:**

"Không có một quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn quang sắc ấy. Còn Ông, này Kaccana, Ông lại nói: "Quang sắc này thấp kém hơn, yếu đuối hơn quang sắc con sâu đom đóm, quang sắc ấy là tối thắng", và Ông không chỉ rõ quang sắc ấy. Nay Kaccana, có năm dục trường dưỡng này. Thế nào là năm? Các sắc có mắt nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nay Kaccana, những pháp này là năm dục trường dưỡng.

Này Kaccana, lạc và hỷ nào khởi lên, duyên với năm dục trường dưỡng này, được gọi là dục lạc.

Như vậy, bởi vì có dục, nên có dục lạc; từ nơi dục lạc, dục tối thượng lạc được gọi ở đây là tối thượng.

Được nghe nói vậy, du sĩ Vekhanassa bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Tôn giả Gotama đã khéo nói như sau: "Bởi vì có dục, nên có dục lạc; từ nơi dục lạc, dục tối thượng lạc được gọi ở đây là tối thượng".

– **Cái này thật khó cho Ông có thể hiểu được**, này Kaccana, về dục, hay dục lạc, hay dục tối thượng lạc. Ông là người thuộc chấp kiến khác, thuộc kham nhẫn khác, thuộc mục đích khác, thuộc tu tập khác, thuộc Đạo sư khác. Này Kaccana, nhưng đối với Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, đã làm những việc cần làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, những vị ấy biết: "Dục, dục lạc, hay dục tối thượng lạc". Khi được nghe nói vậy, du sĩ Vekhanassa, phần nộ và bất mãn, mắng nhiếc cả Thế Tôn, miệt thị cả Thế Tôn và nói:

– Sa-môn Gotama sẽ bị đọa lạc.

Và du sĩ Vekhanassa thưa Thế Tôn:

– Nhưng như vậy, ở đây, có một số Sa-môn, Bà-la-môn không biết về quá khứ, không thấy về tương lai, nhưng các vị ấy tự cho: "Sanh đã diệt, Phạm

hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, từ nay không trở lại đời sống này nữa". Lời nói như vậy của họ tự chứng tỏ là đáng cười, tự chứng tỏ là nói suông, tự chứng tỏ là trống không, tự chứng tỏ là hư vọng.

– Nay Kaccana, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không biết về quá khứ, không thấy được tương lai, nhưng tự cho là ta biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui đời này nữa", **lời phủ nhận chỉ trích như vậy về họ là hợp pháp.**

Nhưng nay Kaccana, hãy bỏ qua quá khứ, hãy bỏ qua tương lai. Hãy đến, người có trí không gian trá, không xảo quyết, chơn trực và nói như sau: "Ta giảng dạy, ta thuyết pháp". Nếu thực hành theo điều đã dạy, thời không bao lâu người ấy tự biết mình, tự thấy mình: "Như vậy thật sự là đã giải thoát khỏi sự ràng buộc chánh tức là sự ràng buộc của vô minh".

Ví như, nay Kaccana, một đứa trẻ, bé nhỏ, yếu ớt, nằm ngửa, bị trói buộc nơi cổ với năm trói buộc, rất có thể làm bằng dây. Sau khi nó lớn lên, sau khi các căn nó thuần thục, nó được giải thoát khỏi các trói buộc ấy, khi không còn trói buộc nữa, nó biết: "Ta được giải thoát". Cũng vậy, nay Kaccana, hãy đến người có trí không gian trá, không xảo quyết, chơn trực và nói như sau: "Ta giảng dạy, ta thuyết pháp". Nếu thực hành theo điều đã dạy, thời không

bao lâu người ấy tự biết mình, tự thấy mình: "Như vậy thật sự là đã giải thoát khỏi sự ràng buộc chánh, tức là sự ràng buộc của vô minh".

Khi được nghe nói vậy, du sĩ Vekhanassa bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! ... Xin Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử. Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

11 VELÀMA - Tăng IV, 124

VELÀMA – Tăng IV, 124

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anàthapindika. Rồi Tôn giả Anàthapindika đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anàthapindika đang ngồi xuống một bên:

- Này Gia chủ, Ông có bố thí trong gia đình của Ông không?

- Bạch Thế Tôn, trong gia đình của con có bố thí, nhưng chỉ có món ăn thô tẻ làm bằng hột gạo bẻ, và cháo chua.

2. - Này Gia chủ, dầu bố thí các món thô hay tế, **nếu:**

- *Bố thí không cẩn thận,*
- *Bố thí không có chú tâm,*
- *Bố thí không tự tay mình,*
- *Bố thí những vật quăng đi,*
- *Bố thí không có nghĩ đến tương lai;*

Chỗ nào, chỗ nào, sự bố thí ấy sanh quả dị thực, thời:

- Tâm không thiên về thưởng thức các món ăn thù diệu,
- Tâm không thiên về thưởng thức y áo,
- Tâm không thiên về thưởng thức các cỗ xe thù diệu,
- Tâm không thiên về thưởng thức năm dục công đức thù diệu.
- Và các người con, hay vợ, hay những người phục vụ, hay những người đưa tin, hay những người làm công, họ không có khéo nghe, họ không có lóng tai, họ không có an trú tâm hiểu biết. Vì sao? Này Gia chủ, như vậy là **quả dị thực của các nghiệp làm không có cẩn thận.**

3. Này Gia chủ, dầu có bố thí các món thô hay tế, **nếu:**

- Bố thí có cẩn thận,
- Bố thí có chú tâm,
- Bố thí tự tay mình,
- Bố thí những vật không quăng bỏ đi,
- Bố thí có nghĩ đến tương lai;

Chỗ nào, chỗ nào, sự bố thí ấy sanh quả dị thực, thời:

- Tâm thiên về thưởng thức các món ăn thù diệu,
- Tâm thiên về thưởng thức y áo thù diệu,
- Tâm thiên về thưởng thức các cỗ xe thù diệu,

- Tâm thiên về thưởng thức năm dục công đức thù diêu.
- Và các người con, hay vợ, hay những người phục vụ, hay những người đưa tin, hay những người làm công, họ có khéo nghe, họ có lóng tai, họ có an trú tâm hiểu biết. Vì sao? Nay Gia chủ, như vậy là **quả di thực của việc làm có cần thân.**

4. Thuở xưa, này Gia chủ, có một vị Bà-la-môn tên là Velàma. Vị ấy bố thí rộng lớn như sau:

1. Vị ấy bố thí 84.000 bát bằng vàng đựng đầy bạc.
2. Vị ấy bố thí 84.000 bát bằng bạc đựng đầy vàng.
3. Vị ấy bố thí 84.000 bát bằng đồng đựng đầy châu báu.
4. Vị ấy bố thí 84.000 con voi với đồ trang sức bằng vàng, với các ngọn cờ bằng vàng, bao trùm với những lưới bằng chỉ vàng và 84.000 cỗ xe, được trải da sư tử, được trải với da cạp, được trải với da báo, được trải với mềm màu vàng, với những trang sức bằng vàng, với các ngọn cờ bằng vàng, bao trùm với những lưới bằng chỉ vàng.

5. Vị ấy bố thí 84.000 con bò sữa, cột bằng những sợi dây gai mịn với những thùng sữa bằng bạc.
6. Vị ấy bố thí 84.000 thiếu nữ, trang sức với những bông tai bằng châu báu.
7. Vị ấy bố thí 84.000 giường nằm trải nệm bằng len thêu bông, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm khảm với lầu che phía trên, có đầu gối chân màu đỏ hai phía.
8. Vị ấy bố thí 84.000 thước vải, bằng vải gai mịn màng nhất, bằng vải lụa mịn màng nhất, bằng vải bông mịn màng nhất.
9. Và ai có thể nói về các đồ ăn, đồ uống, loại cứng, loại mềm, các loại đồ ăn nếm và các loại nước đường. "Chúng tôi nghĩ chúng chảy như dòng sông".

5. Có thể, này Gia chủ, Ông nghĩ: "Có thể Bà-la-môn Velàma là một người nào khác, vị đã bố thí một cách rộng lớn như vậy". *Này Gia chủ, chớ có nghĩ như vậy. Chính lúc ấy, Ta là Bà-la-môn Velàma, chính Ta đã bố thí rộng lớn ấy.*

Nhưng này Gia chủ, khi bố thí ấy được cho, không có một ai xứng đáng để nhận bố thí. Không có một ai làm cho thanh tịnh bố thí ấy.

Này Gia chủ, dầu Bà-la-môn Velàma bồ thí có rộng lớn, nhưng nếu có ai bồ thí cho một người chánh kiến, bồ thí này lớn hơn quả lớn kia.

Này Gia chủ, dầu Bà-la-môn Velàma bồ thí có rộng lớn và có ai *bồ thí cho 100 người chánh kiến, và có ai bồ thí cho một vị Nhất lai, bồ thí này quả lớn hơn bồ thí kia.*

Này Gia chủ, dầu cho Bà-la-môn Velàma bồ thí rộng lớn, và có ai *bồ thí cho 100 người Nhất lai, và có ai bồ thí cho một vị Bất lai, bồ thí này quả lớn hơn bồ thí kia.*

Này Gia chủ, dầu Bà-la-môn Velàma bồ thí có rộng lớn, và có ai *bồ thí cho 100 vị Bất lai, và có ai bồ thí cho một vị A-la-hán, bồ thí này quả lớn hơn bồ thí kia.*

Này Gia chủ, dầu Bà-la-môn Velàma bồ thí có rộng lớn hơn, và có ai *bồ thí cho một vị Độc Giác Phật, bồ thí này quả lớn hơn bồ thí kia.*

Này Gia chủ, dầu cho Bà-la-môn Velàma bồ thí có rộng lớn và có người *bồ thí cho 100 vị Độc Giác Phật, có ai bồ thí cho Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, bồ thí này quả lớn hơn bồ thí kia.*

Này Gia chủ, dầu cho Bà-la-môn Velàma bồ thí có rộng lớn, và có ai *bồ thí cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ...*

... và có ai *xây dựng một tinh xá cho chúng Tăng trong bốn phương...*

... và có ai với *tâm tịnh tín qui y Phật, Pháp và Tăng...*

... và có ai với tâm *tịnh tín chấp nhận học pháp, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ không đắm say rượu men, rượu nấu...*

... và ai *tu tập từ tâm giải thoát, cho đến trong khi khoảnh khắc vắt sữa bò, bồ thí này quả lớn hơn bồ thí kia.*

Này Gia chủ, dầu cho Bà-la-môn Velàma bồ thí có rộng lớn, nhưng nếu có ai bồ thí một vị đầy đủ chánh kiến... ... và có ai bồ thí một vị Bất lai... và có ai bồ thí trăm vị Bất lai... và có ai bồ thí một vị A-la-hán... và có ai bồ thí trăm vị A-la-hán... và có ai bồ thí một vị Độc giác Phật, và có ai bồ thí Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác... và có ai bồ thí chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu, và có ai cho xây dựng một tinh xá cho chúng Tăng trong bốn

phương... và có ai với tâm tịnh tín qui y Phật, Pháp và chúng Tăng... và có ai tâm tịnh tín chấp nhận học pháp, từ bỏ sát sanh... từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu...

... và có ai dầu chỉ trong một khoảnh khắc vắt sữa bò, tu tập từ tâm...

... và có ai dầu *chỉ trong một khoảnh khắc búng ngón tay, tu tập tướng vô thường, bố thí này quả lớn hơn bố thí kia.*

12 VENÀGA - Tăng I, 323

VENÀGA – Tăng I, 323

1-7

1. Một thời, Thế Tôn đang đi du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến một làng Bà-la-môn Kosala, tên là Venàgapura. Các gia chủ Bà-la-môn ở Venàgapura được nghe: "Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca đến Venàgapura. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: *"Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân sư, Phật, Thế Tôn.* Ngài với thắng trí, tự thân chứng ngộ và tuyên bố về thế giới này, cùng với Thiên Giới, Ma Giới, Phạm Thiên Giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài Trời. Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, và giới thiệu đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch". Tốt đẹp thay được chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy".

2. Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Venàgapura đi đến Thế Tôn, sau khi đến, có người đánh lễ Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên; có người nói lên với Sa-môn Gotama những lời chào đón hỏi thăm rồi ngồi xuống một bên; Có người chấp tay vái chào Sa-

môn Gotama rời ngồi xuống một bên; có người xưng tên và dòng họ rời ngồi xuống một bên; có người im lặng rời ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vacchagotta, người xứ Venàgapura bạch Thế Tôn

3 . Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Các căn của Tôn giả Gotama thật trong sáng, màu da thật thanh tịnh chói sáng.

- Ví như, thưa Tôn giả Gotama, trái táo vàng vào mùa thu, được thanh tịnh chói sáng; cũng vậy, các căn của Tôn giả Gotama thật trong sáng, màu da thật thanh tịnh chói sáng.
- Ví như, thưa Tôn giả Gotama, trái cây tala đã chín vừa mới rời khỏi cành, thanh tịnh, chói sáng; cũng vậy, các căn của Tôn giả Gotama thật trong sáng, màu da thật thanh tịnh, chói sáng.
- Ví như, thưa Tôn giả Gotama, một đồ trang sức bằng vàng đỏ, được người thợ vàng thiện xảo khéo luyện trong lò, khéo đập và đặt tên tám vải vàng, được chiếu sáng, chói sáng, rực sáng; cũng vậy, các căn của Tôn giả Gotama thật trong sáng, màu da thật thanh tịnh chói sáng.

Thưa Tôn giả Gotama, còn các giường cao và lớn như ghé bành, ghé dài, nệm trải giường bằng lông cừu, vải trải giường nhiều tấm, nhiều màu, chần len

trắng, chần len thêu bông nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười sáu người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da con sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da con sơn dương gọi là Kadali, tấm thảm có lều che phía trên, ghế dài có hai đầu gối chân màu đỏ. *Các loại giường cao và giường lớn như vậy, chắc Tôn giả Gotama có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức?*

4. - Nay Bà-la-môn, các giường cao và lớn ấy, như ghế bành ... có hai đầu gối chân màu đỏ, thật rất khó được các vật ấy. ***Và nếu có được, cũng không thích hợp với những người xuất gia.***

Này Bà-la-môn, có ba loại giường cao và giường lớn này, nay Ta được chúng không khó khăn, có được chúng không mệt nhọc, có được chúng không phí sức. Thế nào là ba?

- Giường cao, giường lớn chư Thiên,
- Giường cao, giường lớn Phạm thiên,
- Giường cao, giường lớn Bạc thánh.

Ba giường cao, giường lớn này, này Bà-la-môn, Ta được chúng không khó khăn, có được chúng không mệt nhọc, có được chúng không phí sức.

5. - Và thưa Tôn giả Gotama, thế nào là giường cao, giường lớn chư Thiên, mà Tôn giả Gotama được chúng không khó khăn ... được chúng không phí sức?

- Ở đây, này Bà-la-môn, Ta sống gần một làng hay một thị trấn. Buổi sáng, Ta đắp y, cầm y bát, đi vào làng ấy hay thị trấn ấy để khát thực. Sau khi ăn xong, trên con đường đi khát thực trở về, Ta đi đến góc cuối của ngôi rừng. Ở tại đây, Ta lượm cỏ hay lá chất thành một đống, rồi Ta ngồi kiết già, lưng thẳng, để niệm trước mặt, ly dục, ly pháp bất thiện, Ta chứng đạt và an trú sơ Thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ.
- Làm cho chỉ tịnh tâm và tứ, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.
- Ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.
- Đoạn lạc và đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ trước, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ lạc, xả niệm thanh tịnh.
- Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta đi kinh hành, thời trong lúc ấy, chỗ kinh

hành của Ta thuộc Chư Thiên. Nay Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta đứng, thời trong lúc ấy, chỗ đứng của Ta thuộc Chư Thiên. Nay Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta ngồi, thời trong lúc ấy, chỗ ngồi của Ta thuộc Chư Thiên. Nay Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta nằm, thời trong lúc ấy, giường cao giường lớn của Ta thuộc Chư Thiên.

→ Nay Bà-la-môn, đây là giường cao, giường lớn thuộc chư Thiên, mà Ta có được không khó khăn, được chúng không có mệt nhọc, được chúng không phí sức.

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Ai khác, ngoài Tôn giả Gotama, có thể có được giường cao, giường lớn chư Thiên như vậy, được chúng không có khó khăn, được chúng không có mệt nhọc, được chúng không có phí sức!

6. Thế nào, thưa Tôn giả Gotama, là giường cao, giường lớn Phạm thiên mà Tôn giả Gotama được chúng không khó khăn, được chúng không mệt nhọc, được chúng không phí sức?

- Ở đây, này Bà-la-môn, Ta sống gần một làng hay một thị trấn. Buổi sáng, Ta đắp y, cầm y bát, đi vào làng ấy hay thị trấn ấy để khát thực. Sau khi ăn xong, trên con đường đi khát thực

trở về, Ta đi đến góc cuối của ngôi rừng. Ở tại đây, Ta lượm cỏ hay lá chất thành một đồng, rồi Ta ngồi kiết già, lưng thẳng, để niệm trước mặt. Ta an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, Ta an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân.

- Với tâm câu hữu với bi ... , Với tâm câu hữu với hỷ ..., Với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai ... quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân.
- Nay Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta đi kinh hành, thời trong lúc ấy, chỗ kinh hành của Ta thuộc Phạm Thiên. Nay Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta đứng, thời trong lúc ấy, chỗ đứng của Ta thuộc Phạm Thiên. Nay Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta ngồi, thời trong lúc ấy, chỗ ngồi của Ta thuộc Phạm Thiên. Nay Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta nằm, thời trong lúc ấy, các giường cao, giường lớn của Ta thuộc Phạm Thiên.

→ Đây Bà-la-môn, đây là giường cao, giường lớn thuộc Phạm Thiên, mà Ta có được không khó khăn, được chúng không có mệt nhọc, được chúng không phí sức.

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Ai khác, ngoài Tôn giả Gotama, có thể có được giường cao, giường lớn Phạm Thiên như vậy, được chúng không có khó khăn, được chúng không có mệt nhọc, được chúng không có phí sức!

7. - Thế nào, thưa Tôn giả Gotama, là giường cao, giường lớn Bạc Thánh, mà Tôn giả Gotama được chúng không khó khăn, được chúng không mệt nhọc, được chúng không phí sức?

- Ở đây, này Bà-la-môn, Ta sống gần một làng hay một thị trấn. Buổi sáng, Ta đắp y, cầm y bát, đi vào làng ấy hay thị trấn ấy để khát thực. Sau khi ăn xong, trên con đường đi khát thực trở về, Ta đi đến góc cuối của ngôi rừng. Ở tại đây, Ta lượm cỏ hay lá chắt thành một đồng, rồi Ta ngồi kiết già, lưng thẳng, để niệm trước mặt. **Ta biết rõ như sau:** "*Tham ái đã được Ta đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Sân đã được Ta đoạn tận ... trong tương lai. Si đã được Ta đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân*

cây tala, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai".

- Nay Bà-la-môn, **trong trạng thái như vậy, nếu Ta đi kinh hành, thời trong lúc ấy, chỗ kinh hành của Ta thuộc bậc Thánh**, chỗ Ta đứng thuộc bậc Thánh.....chỗ Ta ngồi thuộc bậc Thánh.....Nếu Ta nằm, thời trong lúc ấy, các giường cao giường lớn của Ta thuộc bậc Thánh.
- Nay Bà-la-môn, đây là giường cao, giường lớn thuộc bậc Thánh, mà Ta có được không khó khăn, được chúng không có mệt nhọc, được chúng không phí sức.

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Ai khác, ngoài Tôn giả Gotama, có thể có được giường cao, giường lớn bậc Thánh như vậy, được chúng không có khó khăn, được chúng không có mệt nhọc, được chúng không có phí sức! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống ... Mong Tôn giả nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

13 VERANJAKA - 42 Trung I, 635

KINH VERANJAKA (*Veranjaka suttam*)

– Bài kinh số 42 – *Trung I*, 635

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ các gia chủ Bà-la-môn Veranjaka đến trú tại Savatthi vì một vài công việc. Các gia chủ Bà-la-môn được nghe: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ giòng họ Sakya (Thích-ca), nay ở Savatthi, tại Jetavana, tịnh xá ông Anathapindika. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: **"Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài Trời và loài Người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên thuyết điều Ngài đã**

chúng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa. Ngài truyền dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Lành thay, nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy!" Rồi các gia chủ Bà-la-môn ở Veranja đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, một số đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số nói lên những lời thân hữu chào đón xã giao với Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số chấp tay vái Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số nói lên tên họ của mình trước mặt Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số giữ im lặng rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các gia chủ Bà-la-môn ở Veranja bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục? Nay Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú, Thiên giới đời này?

– Nay các Gia chủ, do nhân hành phi pháp, hành phi chánh đạo, nay các Gia chủ, mà như vậy ở đây, có một số loài hữu tình, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do nhân hành đúng pháp, hành đúng chánh đạo, nay các Gia chủ, mà như vậy ở đây, có một số loài hữu

tình sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú, Thiên giới, đời này.

– Chúng con không thể hiểu một cách đầy đủ những gì Tôn giả Gotama thuyết giảng một cách vắn tắt nếu không được giải thích rộng rãi. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho chúng con, để chúng con có thể hiểu một cách đầy đủ những gì Tôn giả Gotama thuyết giảng một cách vắn tắt!

– Như vậy, này các Gia chủ, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, Tôn giả.

Các vị Gia chủ Bà-la-môn ở Veranja vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Gia chủ, có ba loại thân hành phi pháp, hành phi chánh đạo, có bốn loại khẩu hành phi pháp, hành phi chánh đạo (như Kinh trước chỉ thế "Các gia chủ Bà-la-môn ở Sa la" bằng "các Gia chủ Bà-la-môn ở Veranja"... cho đến hết Kinh).

14 VERANJÀ - Tăng III, 518

VERANJÀ – Tăng III, 518

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Veranjà, dưới gốc cây Nalerupucimanda. Rồi Bà-la-môn Veranjà đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói nên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Veranjà bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, tôi có nghe như sau: "Samôn Gotama không đánh lễ, không đứng dậy, hay không mời ghé ngồi các Bà-la-môn già yếu, tuổi lớn trưởng lão, đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời".

Thưa Tôn giả Gotama, sự thể là như vậy: "Tôn giả Gotama không đánh lễ, không đứng dậy, hay không mời ghé ngồi các Bà-la-môn già yếu, tuổi lớn trưởng lão, đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời". Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, như vậy là không đầy đủ.

- *Này Bà-la-môn, Ta không thấy một ai trong thế giới chư Thiên, trong thế giới Ác ma, trong thế giới Phạm*

thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người mà ta có thể đánh lễ người ấy, đứng dậy hay mời ghé ngò. Nay Bà-la-môn, *nếu Như Lai đánh lễ, hay đứng dậy, hay mời ngò ai, thời đầu người ấy bị bể tan.*

2. - Tôn giả Gotama, thật thiếu ý vị!

- Nay Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thật thiếu ý vị ". Nay Bà-la-môn, *các sắc vị, thanh vị, hương vị, vị vị, xúc vị, các vị ấy, Như Lai đã đoạn tận chúng,* chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Nay Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thật thiếu ý vị ". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

3. "Tôn giả Gotama thiếu tài sản "

Nay Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thiếu tài sản ". Nay Bà-la-môn, *các sắc tài sản, thanh tài sản, hương tài sản, vị tài sản, xúc tài sản, các tài sản ấy, Như Lai đã đoạn tận chúng, chặt đứt từ gốc rễ,* làm cho như thân cây tala,

làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Nay Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thiếu tài sản". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

4. "Tôn giả Gotama chủ trương thuyết không hành động".

Nay Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết không hành động". Nay Bà-la-môn, *Ta nói không hành động về thân làm ác, về lời nói ác, về ý nghĩ ác. Ta nói không hành động về các pháp ác, bất thiện.* Nay Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết không hành động". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

5. "Tôn giả Gotama chủ trương thuyết đoạn diệt".

Nay Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết đoạn diệt". Nay Bà-la-môn, *Ta tuyên bố đoạn diệt tham, sân, si. Ta tuyên bố đoạn diệt các ác, bất thiện pháp.* Nay Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói

về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết đoạn diệt ". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

6. "Tôn giả Gotama là người nhàm chán".

Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người nhàm chán". Này Bà-la-môn, *Ta nhàm chán thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Ta nhàm chán sự thành tựu các pháp ác, bất thiện.* Này Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người nhàm chán ". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

7. "Tôn giả Gotama là người chủ trương hư vô chủ nghĩa".

Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người chủ trương hư vô". Này Bà-la-môn, *Ta thuyết pháp để hư vô tham, sân, si. Ta thuyết pháp để hư vô các pháp ác, bất thiện.* Này Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người chủ trương hư vô". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

8. "Tôn giả Gotama là người khổ hạnh".

Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người khổ hạnh ". Này Bà-la-môn, *Ta tuyên bố rằng cần phải khổ hạnh các pháp ác, bất thiện, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác.* Này Bà-la-môn, với ai, các pháp ác, bất thiện, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác được tu khổ hạnh, được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây tala, được làm cho không thể tái sanh, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, Ta tuyên bố rằng người ấy là người khổ hạnh. Này Bà-la-môn, với Như Lai, các pháp ác, bất thiện, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác đã được tu khổ hạnh, được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây tala, được làm cho không thể tái sanh, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người khổ hạnh". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

9. "Tôn giả Gotama chủ trương không nhập thai".

Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương không nhập thai". Này

Bà-la-môn, với ai mà khả năng nhập thai tái sanh trong tương lai đã đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, Ta tuyên bố rằng người ấy chủ trương không nhập thai. Ngày Bà-la-môn, *Như Lai đã đoạn tận khả năng nhập thai tái sanh trong tương lai* đã đoạn tận, đã chặt đứt từ gốc rễ, đã làm cho như thân cây tala, đã làm cho không thể tái sanh, đã làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Ngày Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương không nhập thai". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

Ví như, ngày Bà-la-môn, có tám, mười hay mười hai cái trứng của con gà mái, được con gà mái khéo ấp nằm, ấp nóng và ấp dưỡng, và con gà nào trong những con gà con ấy, đầu tiên hết, lấy chân, móng, đầu, miệng hay mổ phá vỡ vỏ trứng gà, ra ngoài một cách an toàn, con ấy được gọi là con trưởng hay con trẻ nhất?

- Thừa Tôn giả Gotama, con ấy phải được gọi là con trưởng. Thật vậy, thừa Tôn giả Gotama, con ấy là con trưởng trong tất cả các con gà ấy.

10. - Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi Ta, vì chúng sanh bị vô minh chi phối, như sanh ra từ trứng, bị bao trùm, đã phá vỡ vỏ trứng vô minh, một mình chứng được vô thượng Chánh Đẳng Giác ở đời. Này Bà-la-môn, thật sự **Ta là vị đệ nhất, tối thắng ở đời.**

Lại nữa, này Bà-la-môn, Ta tinh cần tinh tấn, không biếng nhác. Ta trú niệm, không có thất niệm, thân được khinh an, không có tháo động, định tĩnh, nhất tâm.

11. Này Bà-la-môn, ly dục, ly pháp bất thiện, Ta đã chứng đạt và an trú sơ Thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.

Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Ly hỷ Ta trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ, mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú. Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.

Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm, thanh tịnh.

12. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, không dao động, như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến **Túc mạng minh**. Ta nhớ đến đời sống quá khứ, một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giao cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giao cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, Ta được sanh ra ở đây". Như vậy, Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các nét chi tiết.

Này Bà-la-môn, *đây là trong canh một*, Ta chứng được minh thứ nhất, vô minh diệt, minh sanh, bóng tối diệt, ánh sáng sanh. Do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Này Bà-la-môn, *đây là sự xuất sanh thứ nhất của Ta, như con gà con sanh ra khỏi vỏ trứng*.

13. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, không dao động, như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến **Trí tuệ về sanh tử của chúng sanh.**

Với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ.

Những hạng chúng sanh này thành tựu thân làm ác, thành tựu miệng nói ác, thành tựu ý nghĩ ác, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Còn những hạng chúng sanh nào, thành tựu thân làm lành, thành tựu miệng nói lành, thành tựu ý nghĩ lành, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Như vậy, với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người

đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ.

Này Bà-la-môn, *đây là trong canh giữa*, Ta chứng được minh thứ hai, vô minh diệt, minh sanh, bóng tối diệt, ánh sáng sanh. Do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Này Bà-la-môn, *đây là sự xuất sanh thứ hai của Ta, như con gà con sanh ra khỏi vỏ trứng*.

14. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, không dao động, như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến **Lậu tận trí**. Ta biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là khổ tập", biết như thật: "Đây là Khổ diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến Khổ diệt", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc ", biết như thật: "Đây là các lậu hoặc diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến lậu hoặc diệt". Do biết như vậy, thấy như vậy, tâm của ta thoát khỏi lậu dục, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Sanh đã diệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa".

Này Bà-la-môn, *đây là trong canh cuối*, Ta chứng được minh thứ ba, vô minh diệt, minh sanh, bóng tối diệt, ánh sáng sanh. Do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Này Bà-la-môn, *đây là sự xuất sanh thứ ba của Ta, như con gà con sanh ra khỏi vỏ trứng*.

15. Được nghe nói như vậy, Bà-la-môn Veranja bạch Thế Tôn:

- Đệ nhất là Tôn giả Gotama!

Tối thắng là Tôn giả Gotama!

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng dậy những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

15 VI DIỆU 1 - Tăng II, 61

VI DIỆU 1 – *Tăng II*, 61

1. Nay các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán, xuất hiện, có bốn pháp vi diệu chưa từng có xuất hiện. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, khi Bồ-tát từ bỏ thân ở cõi trời Đâu-suất, chánh niệm, tỉnh giác, **nhập vào mẫu thai, khi ấy, một hào quang vô lượng, thân diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới,** gồm có thế giới của chư Thiên, thế giới Ma vương và Phạm thiên, quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Cho đến những thế giới ở chặng giữa bất hạnh, không có nền tảng, tối tăm u ám, tại đây, mặt trăng, mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu ánh sáng. Trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thân diệu thắng xa uy lực chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh, sanh tại đây, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Nay các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ nhất xuất hiện.

2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi Bồ-tát chánh niệm tỉnh giác, **từ bụng mẹ sanh ra**, khi ấy, một hào quang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có thế giới của chư Thiên, thế giới Ma vương và Phạm thiên, quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, cho đến những thế giới ở chạng giữa bất hạnh, không có nền tảng, tối tăm u ám, tại đây, mặt trăng, mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu ánh sáng. Trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thâm diệu thắng xa uy lực chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh, sanh tại đây, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ hai xuất hiện.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi Như Lai **chứng ngộ được vô thượng Chánh Đẳng Giác**, khi ấy trong thế giới chư Thiên ... (như kinh 127,2) ... "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba xuất hiện.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi Như Lai **chuyển bánh xe pháp vô thượng**, khi ấy trong thế giới chư

Thiên.. (như kinh số 127,2 ...)"Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Nay các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư xuất hiện.

Nay các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện, có bốn pháp vi diệu chưa từng có này xuất hiện.

16 VI DIỆU 2 - Tăng II, 64

VI DIỆU 2 – Tăng II, 64

1. - Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện, có **bốn pháp vi diệu chưa từng có này xuất hiện**. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, *quần chúng ưa thích chấp giữ, thích thú chấp giữ, hoan hỷ chấp giữ, khi pháp không chấp giữ được Như Lai thuyết giảng, họ khéo nghe, lắng tai, chánh trí an trú tâm*. Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, xuất hiện, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ nhất xuất hiện.

2. Này các Tỷ-kheo, *quần chúng ưa thích kiêu mạn, thích thú kiêu mạn, hoan hỷ kiêu mạn, khi pháp không kiêu mạn được Như Lai thuyết giảng, họ khéo nghe, lắng tai, chánh trí an trú tâm*. Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ hai xuất hiện.

3. Này các Tỷ-kheo, *quần chúng ưa thích không an tịnh, thích thú không an tịnh, hoan hỷ không an tịnh, khi pháp an tịnh được Như Lai thuyết giảng, họ khéo nghe, lắng tai, chánh trí an trú tâm*. Này các Tỷ-kheo,

khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ ba xuất hiện.

4. Nay các Tỷ-kheo, *quần chúng đi đến vô minh, trở thành mù quáng, bị trời buộc che đậy, khi Như Lai thuyết pháp niếp phục vô minh*, họ khéo nghe, lắng tai, chánh trí an trú tâm. Nay các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ tư xuất hiện.

Nay các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện, có bốn pháp vi diệu chưa từng có này xuất hiện.

17 VI DIỆU 3 - Tăng II, 65

VI DIỆU 3 – Tăng II, 65

1. - **Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp vi diệu chưa từng có này về Ananda.** Thế nào là bốn?

- Này các Tỷ-kheo, nếu chúng Tỷ-kheo đi đến yết kiến Ananda, hội chúng ấy hoan hỷ được yết kiến Ananda.
- Ở đây, nếu Ananda thuyết pháp, hội chúng ấy hoan hỷ với lời thuyết giảng.
- Chúng Tỷ-kheo không được vui vẻ, này các Tỷ-kheo, nếu Ananda giữ im lặng.

2. Này các Tỷ-kheo, nếu chúng Tỷ-kheo-ni ...

Nếu chúng nam cư sĩ ...

Nếu chúng nữ cư sĩ đi đến yết kiến Ananda. Tại đây, nếu Ananda thuyết pháp, hội chúng ấy được hoan hỷ với lời thuyết giảng. Chúng Tỷ-kheo-ni ... chúng nam cư sĩ, chúng nữ cư sĩ sẽ không được vui vẻ, này các Tỷ-kheo, nếu Ananda giữ im lặng.

18 VI DIỆU 4 - Tăng II, 66

VI DIỆU 4 – Tăng II, 66

1. - **Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp vi diệu chưa từng có này về vị vua Chuyển luân.** Thế nào là bốn?

- Này các Tỷ-kheo, nếu có chúng Sát-đế-ly đến yết kiến vua Chuyển Luân, hội chúng ấy được hoan hỷ vì được yết kiến vua Chuyển Luân.
- Tại đây, nếu vị vua Chuyển Luân nói chuyện, hội chúng được hoan hỷ với bài nói chuyện.
- Và nếu vua Chuyển Luân im lặng, chúng Sát-đế-ly bị thất vọng.

2. Này các Tỷ-kheo, nếu có chúng Bà-la-môn, ... nếu có chúng gia chủ ..., nếu có chúng Sa-môn đến yết kiến vua Chuyển Luân, hội chúng ấy được hoan hỷ vì được yết kiến vua Chuyển Luân. Tại đây, nếu vị vua Chuyển Luân nói chuyện, hội chúng được hoan hỷ với bài nói chuyện. Và nếu vua Chuyển Luân im lặng, chúng Sa-môn bị thất vọng.

Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp vi diệu chưa từng có này về vua Chuyển Luân.

3. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có **bốn pháp vi diệu** chưa từng có này về **Ànanda**. Thế nào là bốn?

- Này các Tỷ-kheo, nếu chúng Tỷ-kheo đi đến yết kiến Ànanda, hội chúng ấy **hoan hỷ được yết kiến** Ànanda.
- Ở đây, nếu Ànanda thuyết pháp, hội chúng ấy **hoan hỷ với lời thuyết giảng**.
- Chúng Tỷ-kheo không được vui vẻ, này các Tỷ-kheo, nếu Ànanda giữ im lặng.

4. Này các Tỷ-kheo, nếu chúng Tỷ-kheo-ni ...

5. Này các Tỷ-kheo, nếu chúng nam cư sĩ ...

6. Này các Tỷ-kheo, nếu chúng nữ cư sĩ ...

Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp vi diệu chưa từng có này về Ànanda.

19 VISÀKHA - Tăng I, 648

VISÀKHA – Tăng I, 648

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bảy giờ, **Tôn giả Visàkhà Pancàliputta**, trong hội trường với pháp thoại, đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, **khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, với lời nói lịch sự, thông suốt, không có phều phào với ý nghĩa rõ ràng minh bạch, không có ngập ngừng**. Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều từ chỗ thiền tịnh đứng dậy đi đến hội trường, sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, **ai đang thuyết pháp trong hội trường cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, với lời nói lịch sự, thông suốt, không có phều phào, với ý nghĩa rõ ràng minh bạch, không có ngập ngừng?**

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Visàkhà Panàliputta:

- Lành thay, lành thay này Visàkhà! Lành thay, này Visàkhà, Thầy đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo... không có ngập ngừng.

2. Nếu vị ấy không nói,

*Chúng không biết vị ấy,
Như vậy bậc Hiền trí,
Lẫn lộn với kẻ ngu.*

*Nếu vị ấy nói lên,
Chúng biết đến vị ấy,
Khi vị ấy thuyết giảng,
Con đường đến bất tử,*

***Vậy hãy thuyết giảng lên,
Chói sáng chơn diệu pháp,**
Hãy dâng cao ngọn cờ,
Ngọn cờ các ẩn sĩ,
Khéo nói là ngọn cờ,
Của các bậc ẩn sĩ,
Và pháp là ngọn cờ,
Của những bậc ẩn sĩ.*

20 VIẾNG THĂM GIA ĐÌNH 1 - Tăng II, 726

VIẾNG THĂM GIA ĐÌNH 1 – *Tăng II*, 726

1. - Có năm nguy hại này, này các Tỷ-kheo, cho người viếng thăm gia đình.

2. Thế nào là năm?

- Phạm lỗi không mời mà đến;
- Phạm lỗi ngồi một mình;
- Phạm lỗi ngồi chỗ kín đáo;
- Phạm lỗi thuyết pháp cho nữ nhân hơn năm, sáu chữ;
- Sống với nhiều suy tư về dục.

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này cho người viếng thăm gia đình.

21 VIẾNG THĂM GIA ĐÌNH 2 - Tăng II, 726

VIẾNG THĂM GIA ĐÌNH 2 – *Tăng II*, 726

1. - Có năm nguy hại này, này các Tỷ-kheo, đối với vị Tỷ-kheo sống liên hệ quá nhiều với các gia đình.

2. Thế nào là năm?

- Luôn luôn thấy nữ nhân;
- Do thấy, nên có liên hệ;
- Do có liên hệ nên có sự thân mật;
- Do có sự thân mật nên có cơ hội (để tư thông);
- Khi tâm đã có tư thông, thời được chờ đợi như sau: Sẽ không có hoan hỷ sống Phạm hạnh; hay sẽ rơi vào trong một tội nhiễm ô; hay từ bỏ học giới; trở lui lại đời sống thế tục.

Này các Tỷ-kheo, đây là năm nguy hại đối với vị Tỷ-kheo sống liên hệ quá nhiều với các gia đình.

22 VIỄN LY - Tăng II, 75

VIỄN LY – Tăng II, 75

1. - Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là bốn?

- **Thân** viễn ly, **tâm** không viễn ly;
- Thân không viễn ly, tâm viễn ly;
- Thân không viễn ly, tâm không viễn ly;
- Thân viễn ly và tâm viễn ly.

2. Này các Tỷ-kheo, thế nào là thân viễn ly, tâm không viễn ly?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **sống tại các núi non**, khóm rừng, các trú xứ xa vắng; vị ấy **nghĩ đến dục tầm, nghĩ đến sân tầm, nghĩ đến hại tầm**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người thân viễn ly, nhưng tâm không viễn ly.

3. Này các Tỷ-kheo, thế nào là thân không viễn ly, nhưng tâm viễn ly?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **không sống tại các núi non**, khóm rừng, các trú xứ xa vắng; vị ấy **tại đó nghĩ đến tầm xuất ly, nghĩ đến tầm vô sân, nghĩ**

đến tâm bất hại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người thân không viễn ly, nhưng tâm viễn ly.

4. *Này các Tỷ-kheo, thế nào là thân không viễn ly, tâm không viễn ly?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không sống tại các núi non, khóm rừng, các trú xứ xa vắng; Tại đây, vị ấy nghĩ đến dục tâm, nghĩ đến sân tâm, nghĩ đến hại tâm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người thân không viễn ly, nhưng tâm không viễn ly.

5. *Này các Tỷ-kheo, thế nào là thân viễn ly và tâm viễn ly?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tại các núi non, khóm rừng, các trú xứ xa vắng; vị ấy tại đó nghĩ đến tầm xuất ly, nghĩ đến tầm không sân, nghĩ đến tầm không hại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người thân viễn ly và tâm viễn ly.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

23 VUA CÁC LOÀI RẮN - Tăng I, 688

VUA CÁC LOÀI RẮN – Tăng I, 688

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika.

Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo ở Sàvatthi bị rắn cắn chết. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

2. - Ở đây, bạch Thế Tôn, một Tỷ-kheo ở Sàvatthi bị rắn cắn đã mệnh chung.

- Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, với từ tâm đã không hướng đến bốn gia đình vua các loài rắn. Nếu Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, với từ tâm có hướng đến bốn gia đình vua các loài rắn, thời này các Tỷ-kheo, vị ấy có thể không bị rắn cắn mà mạng chung.

Thế nào là bốn gia đình vua các loài rắn?

- Gia đình vua các loài rắn Virùpakkha,
- Gia đình vua các loài rắn Eràpattha,
- Gia đình vua các loài rắn Chabyàputta,
- Gia đình vua các loài rắn Kanhàgotamaka;

Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo với từ tâm đã không hướng đến bốn gia đình vua các loài rắn này. Nếu Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, với từ tâm có thể hướng đến bốn gia đình vua các loài rắn, thời này các Tỷ-kheo, vị ấy có thể không bị rắn cắn mà mạng chung.

Này các Tỷ-kheo, **Ta cho phép với từ tâm hướng đến bốn gia đình vua các loài rắn này để tự bảo vệ, để tự hộ trì, để tự che chở.**

*3. Ta hãy có từ tâm
Với Virùpakkha,
Ta hãy có từ tâm
Với Eràpatha,
Ta hãy có từ tâm
Với Chabyaputta,
Ta hãy có từ tâm
Với Kanhàgotamaka,
- Ta hãy có từ tâm
Với các loài không chân,
Ta hãy có từ tâm
Với các loài hai chân,
Ta hãy có từ tâm
Với các loài bốn chân,
Ta hãy có từ tâm,
Với các loài nhiều chân,*

- Mong rằng loài không chân
Không có làm hại ta,
Mong rằng loài hai chân
Không có làm hại ta,
Mong rằng loài bốn chân
Không có làm hại ta,
Mong rằng loài nhiều chân
Không có làm hại ta,
Mọi chúng sanh, hữu tình
Toàn thể mọi sinh vật,
Mong chúng thấy hiền thiện,
Chớ đi đến điều ác.

- "Đức Phật là vô lượng,
- Pháp là vô lượng,
- Chúng Tăng là vô lượng,
- Có lượng là các loài bò sát, các loài rắn, các con bò cạp, các con một trăm chân, các loại nhện giăng tơ, các con thần lằn và các loài chuột.
- Ta đã làm sự hộ trì. Ta đã làm sự che chở, mong rằng các loài hữu tình sẽ bỏ đi.
- Ta đánh lễ đức Thế Tôn.
- Ta đánh lễ bảy vị Chánh Đẳng Giác."

24 Vaccha - Tương IV, 611

Vaccha – Tương IV, 611 (hay Trói buộc)

1) ...

2) Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta bạch Thế Tôn:

-- Thưa Tôn giả Gotama, thế giới có phải là thường còn?

-- Này Vaccha, Ta không có trả lời: "Thế giới là thường còn..".

4-11)... (như trên)...

12) -- Thưa Tôn giả Gotama, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?

-- Này Vaccha, Ta không có trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

13) -- *Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, thời trả*

lời như vậy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

*Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, khi Tôn giả Gotama được hỏi như vậy, lại **không** trả lời: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?*

14) -- Này Vaccha, **các du sĩ ngoại đạo quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc.** Họ quán thọ như là tự ngã... quán tưởng... quán các hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Do vậy, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, liền trả lời như vậy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

15) **Như Lai, này Vaccha, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, quán sắc không phải là tự ngã,** hay tự ngã không phải có sắc, hay sắc không ở trong tự ngã, hay tự ngã không ở trong sắc. Như Lai quán thọ không phải tự ngã... quán tưởng... quán các hành... quán thức không phải là tự ngã, hay tự ngã không phải có thức, hay thức không ở trong tự ngã, hay tự ngã không ở trong thức. Do vậy, Như Lai khi được hỏi như vậy, lại không trả lời như vậy: "Thế giới là

thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

16) Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahà Moggalàna; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahà Moggalàna những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

17) Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta nói với Tôn giả Mahà Moggalàna:

-- Thừa Tôn giả Moggalàna, có phải thế giới là thường còn?

-- Này Vaccha, Thế Tôn không trả lời: "Thế giới là thường còn".

18-26)... (như trên)...

27) -- Thừa Tôn giả Moggalàna, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?

-- Này Vaccha, Thế Tôn không có trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

28) -- Thừa Tôn giả Moggalàna, do nhân gì, do duyên gì, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, liền trả lời như vậy: "Thế giới là thường còn... Như

Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"? Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Moggalàna, Sa-môn Gotama khi được hỏi như vậy, lại không trả lời như vậy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

29) -- Này Vaccha, các du sĩ ngoại đạo quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Họ quán thọ... quán tưởng... quán các hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Do vậy, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, liền trả lời như vậy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

30) Còn Như Lai, này Vaccha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, quán sắc không phải là tự ngã, hay tự ngã không phải có sắc, quán sắc không ở trong tự ngã, hay tự ngã không ở trong sắc. Như Lai quán thọ... quán tưởng... quán các hành... quán thức không phải là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Do vậy, Như Lai khi được hỏi như vậy, không có trả lời như vậy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

31) -- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Moggalàna! Vì rằng, giữa Đạo sư và nam đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú.

32) Thưa Tôn giả Moggalàna, nay tôi đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến tôi hỏi về ý nghĩa này. Sa-môn Gotama với những câu văn, với những lời văn đã trả lời về ý nghĩa này giống như Tôn giả Moggalàna. Thật vi diệu thay, Tôn giả Moggalàna! Thật hy hữu thay, Tôn giả Moggalàna! Vì rằng, giữa Đạo sư và nam đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú.

25 Vajirà - Tương I, 297

Vajirà – Tương I, 297

1) Ở tại Sàvatthi. **Tỷ-kheo-ni Vajirà** vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực. Khát thực xong, sau bữa ăn, trên con đường khát thực trở về, Tỷ-kheo-ni Vajirà đi đến rừng Andha để nghỉ ban ngày, đi sâu vào rừng Andha và ngồi dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày.

2) Rồi **Ác ma muốn làm Tỷ-kheo-ni Vajirà run sợ**, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến nàng từ bỏ Thiên định, liền đi đến, nói lên bài kệ với Tỷ-kheo-ni Vajirà:

3) *Do ai, hữu tình này,
Được sanh, được tạo tác?
Người tạo hữu tình này,
Hiện nay ở tại đâu?
Từ đâu hữu tình sanh?
Đi đâu hữu tình diệt?*

4) Rồi Tỷ-kheo-ni Vajirà suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải người?"

5) Rồi Tỷ-kheo-ni Vajirà lại suy nghĩ: "Chính là Ác ma muốn làm ta run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng

ngược, muốn khiến ta từ bỏ Thiên định, nên đã nói lên bài kệ này".

6) Rồi Tỷ-kheo-ni Vajirà biết được: "Đây là Ác ma", liền trả lời Ác ma với bài kệ:

Sao Ông lại nói hoài,
Đến hai chữ chúng sanh?
Phải chăng, này Ác ma,
Ông rơi vào tà kiến?
*Đây quy tụ các **hành**,
Chúng sanh được hình thành,
Như bộ phận quy tụ,
Tên xe được nói lên.
Cũng vậy, **uẩn** quy tụ,
Thông tục gọi chúng sanh.
Chỉ có khổ được sanh,
Khổ tồn tại, khổ diệt,
Ngoài khổ, không gì sanh,
Ngoài khổ không gì diệt.*

7) Rồi Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Vajirà đã biết ta", nên buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

26 Vajji - Tương IV, 188

Vajji – Tương IV, 188

- 1) Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Vajji tại làng Hatthi.
- 2) Rồi gia chủ Ugga, người làng Hatthi, đi đến Thế Tôn...
- 3) Ngồi xuống một bên, gia chủ Ugga, người làng Hatthi, bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, có một số loài hữu tình ngay trong hiện tại không được hoàn toàn tịch tịnh? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh?

4) -- Này Gia chủ, có những **sắc** do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương, tham luyến an trú, y cứ vào đây, **thức** khởi lên chấp thủ cái ấy. Vì **có chấp thủ**, này Gia chủ, Tỷ-kheo ấy không được hoàn toàn tịch tịnh.

5-8) Nay Gia chủ, có những **tiếng** do tai nhận thức... có những **hương** do mũi nhận thức... có những **vị** do lưỡi nhận thức... có những **xúc** do thân cảm giác...

9) Nay Gia chủ, có những **pháp** do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ pháp ấy, tán dương, tham luyện an trú. Do Tỷ-kheo ấy hoan hỷ pháp ấy, tán dương, tham luyện an trú, y cứ vào đấy, thức khởi lên chấp thủ cái ấy. **Do có chấp thủ**, nay Gia chủ, Tỷ-kheo ấy không được hoàn toàn tịch tịnh.

10) Nay Gia chủ, đây là nhân, đây là duyên, ở đây một số loài hữu tình, ngay trong hiện tại không được hoàn toàn tịch tịnh.

11-16) Và nay Gia chủ, có những **sắc** do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không tham luyện an trú; thời do vị ấy không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không tham luyện an trú, không y cứ cái ấy, thức khởi lên không chấp thủ cái ấy. **Do không chấp thủ**, nay Gia chủ, Tỷ-kheo được hoàn toàn tịch tịnh

... Có những **tiếng** do tai nhận thức... Có những **hương** do mũi nhận thức... Có những **vị** do lưỡi nhận thức... Có những **xúc** do thân cảm giác...

17) Này Gia chủ, có những **pháp** do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không tham luyện an trú; thời do Tỷ-kheo ấy không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không tham luyện an trú, không y cứ vào cái ấy, thức khởi lên không chấp thủ cái ấy. **Không chấp thủ**, này Gia chủ, Tỷ-kheo ấy được hoàn toàn tịch tịnh

18) Này Gia chủ, đây là nhân, đây là duyên, do vậy ở đây một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh.

27 Vajjiputta Bạt kỳ Tử hay Tỳ xá lý - Tương I, 443

Vajjiputta Bạt kỳ Tử hay Tỳ xá lý – *Tương I, 443*

- 1) Một thời, một Tỷ-kheo Vajjiputtaka trú ở Vesàli tại một khu rừng.
- 2) Lúc bảy giờ một cuộc lễ được tổ chức suốt đêm ở Vesàli.
- 3) Tỷ-kheo ấy được nghe tiếng nhạc khí, tiếng công v.v... đánh lên, tiếng ồn ào khởi lên, liền than thở, nói lên ngay lúc ấy những bài kệ này:

*Chúng ta sống một mình,
Trong khu rừng cô độc,
Như khúc gỗ lột vỏ,
Lăn lóc trong rừng sâu,
Trong đêm tối hân hoan,
Như hiện tại đêm nay,
Ai sống đời bất hạnh,
Như chúng ta hiện sống?*

- 4) Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng ấy, có lòng thương xót Tỷ-kheo ấy, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác liền đi đến Tỷ-kheo ấy.

Sau khi đến, vị ấy nói lên những bài kệ:

5) Ông sống chỉ một mình,
Trong khu rừng cô độc,
Như khúc gỗ lột vỏ,
Lăn lóc trong rừng sâu.
Rất nhiều người thêm muốn,
Đời sống như ông vậy,
Như kẻ đọa địa ngục,
Thèm muốn sanh thiên giới.

6) Rồi Tỷ-kheo ấy được vị Thiên ấy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

28 Vakkàli - Tương III, 216

Vakkàli – Tương III, 216

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Vakkali trú tại nhà một thợ gốm, đang bị bệnh, đau đốn, trầm trọng.

3) Rồi Tôn giả Vakkali gọi những người thị giả:

- Đến đây, các Hiền giả! Hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa: "Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Vakkali bị bệnh, đau đốn, trầm trọng; (Vakkali) cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa: 'Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Vakkali.'"

4) Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali, đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn trầm trọng. Vị ấy cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và có thưa như sau: "Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Vakkali".

5) Thế Tôn im lặng nhận lời.

6) Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát, đi đến Tỷ-kheo Vakkali.

7) Tôn giả Vakkali thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy liền cố gắng từ giường ngồi dậy.

8) Thế Tôn nói với Tôn giả Vakkali:

- Thôi Vakkali, Ông chớ có cố gắng từ giường ngồi dậy. Có chỗ ngồi đã soạn sẵn, Ta sẽ ngồi trên chỗ ngồi ấy.

Rồi Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn.

9) Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Vakkali:

- Ông có kham nhẫn được không? Ông có chịu đựng được không? Có phải khổ thọ tồn giảm, không tăng trưởng? Có phải có những dấu hiệu tồn giảm, không phải tăng trưởng?

- Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn! Con không có thể chịu đựng! Khổ thọ kịch liệt tăng trưởng nơi con, không có tồn giảm. Có những dấu hiệu tăng trưởng, không có tồn giảm.

10) **Này Vakkali, Ông có gì phân vân, hối hận không?**

- Bạch Thế Tôn, thật sự con có nhiều phân vân, có nhiều hối hận!

11) **Này Vakkali, Ông có gì tự trách mình về giới luật không?**

- Bạch Thế Tôn, con không có gì tự trách mình về giới luật.

12) **Này Vakkali, nếu Ông không có gì tự trách mình về giới luật, vậy Ông có gì phân vân, có gì hối hận?**

- Đã từ lâu, bạch Thế Tôn, con muốn đến để được thấy Thế Tôn. Nhưng thân con không đủ sức mạnh để được đến thấy Thế Tôn.

13) -*Thôi vừa rồi, này Vakkali, có gì đáng thấy đối với cái thân hôi hám này. Này Vakkali, ai thấy Pháp, người ấy thấy Ta. Ai thấy Ta, người ấy thấy Pháp. Này Vakkali, đang thấy Pháp, là thấy Ta. Đang thấy Ta, là thấy Pháp.*

14) **Này Vakkali, Ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?**

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, là khổ hay là lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: " Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi "?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- **Thọ... Tưởng... Các hành... Thức** là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: " Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi "?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

15-16) - Do thấy vậy, bậc Thánh đệ tử nhàm chán đối với **sắc**... đối với **thọ**... đối với **tưởng**... đối với các **hành**... nhàm chán đối với **thức**. Do nhàm chán, vì ấy ly tham. Do ly tham, vì ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: **"Ta đã được giải thoát"**. Vì ấy biết rõ: ***"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"***.

17) Rồi Thế Tôn, sau khi giáo giới cho Tôn giả Vakkali với bài giáo giới này, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến núi Gijjhakùta (Linh Thứu).

18) Rồi Tôn giả Vakkali, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, liền gọi các thị giả:

- Hãy đến ta, này chư Hiền, hãy nhắc cái giường ta và đi đến tảng đá đen (kàlasilà), tại sườn núi Isigili (hang của Tiên nhân). Làm sao người như ta, lại nghĩ đến mệnh chung trong một căn nhà?

19) -Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali, nhắc chiếc giường với Tôn giả Vakkali đi đến tảng đá đen, tại sườn núi Isigili.

20) Thế Tôn, đêm ấy và ngày còn lại, trú tại núi Gijjhakùta.

21) Rồi **hai vị Thiên**, trong khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng núi Gijjhakùta, đi đến Thế Tôn... liền đứng một bên.

22) Đứng một bên, một vị Thiên bạch Thế Tôn:

- Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, đang có ý nghĩ muốn giải thoát.

23) Vị Thiên khác bạch Thế Tôn:

- Vị ấy muốn giải thoát, **chắc chắn được khéo giải thoát.**

24) Chư Thiên ấy nói như vậy xong; sau khi nói vậy, liền đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ.

25) Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, liền gọi các Tỷ-kheo:

- Hãy đến, này các Tỷ-kheo. Hãy đi đến Tỷ-kheo Vakkali; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Vakkali như sau: "Này Hiền giả Vakkali, hãy nghe lời nói của hai vị Thiên nói với Thế Tôn. Này Hiền giả, đêm nay, hai vị Thiên, sau khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc

thù thắng, chói sáng toàn vùng Gijjhakùta, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, này Hiền giả, một vị Thiên bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Vakkali đang có ý nghĩ muốn giải thoát". Vị Thiên khác bạch Thế Tôn: "Vị ấy muốn giải thoát, chắc chắn được khéo giải thoát". Và Hiền giả Vakkali, Thế Tôn nói với Hiền giả như sau: "Này Vakkali, chớ có sợ! Này Vakkali, chớ có sợ! **Cái chết của Ông sẽ không phải là ác hạnh, sự mệnh chung không phải ác hạnh!**"

26) -Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Vakkali; sau khi đến, thưa với Tôn giả Vakkali:

- Này Hiền giả Vakkali, hãy nghe lời nói của Thế Tôn và hai vị Thiên.

27) Rồi Tôn giả Vakkali gọi các vị thị giả:

- Hãy đến, này chư Hiền! Hãy nhắc tôi ra khỏi giường. Làm sao một người như tôi, có thể nghĩ ngồi trên chỗ ngồi cao để nghe Thế Tôn giảng dạy.

28) -Thưa vâng, này Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali, nhắc Tôn giả Vakkali ra khỏi giường.

29) - Nay Hiền giả, đêm nay, hai vị Thiên, sau khi đêm đã gần tàn... đứng một bên. Đứng một bên, này Hiền giả, một vị Thiên bạch Thế Tôn: "Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, đang nghĩ đến tự giải thoát". Vị Thiên kia bạch Thế Tôn: "Vị ấy, bạch Thế Tôn, muốn giải thoát sẽ được khéo giải thoát". Và Thế Tôn, này Hiền giả Vakkali, nói với Hiền giả như sau: "Chớ có sợ, này Vakkali! Chớ có sợ, này Vakkali! Cái chết của Ông không phải là ác hạnh, sự mệnh chung không phải là ác hạnh!"

30) - Vậy này chư Hiền, hãy nhân danh ta cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa: "**Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn, bệnh trầm trọng! Vị ấy cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và nói như sau:** "**Sắc** là vô thường, bạch Thế Tôn. Con không có nghi ngờ gì vấn đề này, bạch Thế Tôn! Cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì vấn đề này. **Thọ** là vô thường, bạch Thế Tôn, con không có nghi ngờ gì vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì vấn đề

này. **Tưởng** là vô thường... Các **hành** là vô thường... **Thức** là vô thường, bạch Thế Tôn, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. **Con không có nghi ngờ gì về vấn đề này."**

31) -Thưa vâng, này Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali rồi ra đi.

32) **Tôn giả Vakkali, khi các Tỷ-kheo ấy đi không bao lâu liền đem lại con dao.**

33) Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Vị ấy cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và nói như sau: "Sắc là vô thường, bạch Thế Tôn, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là vô thường, bạch Thế Tôn, con

không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì về vấn đề này".

34) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, chúng ta hãy đi đến Isigili, chỗ tảng đá đen. Ở đây, Thiện gia nam tử đem lại con dao.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

35) Thế Tôn cùng với số đông Tỷ-kheo đi đến Isigili, chỗ tảng đá đen.

36) Và ở đằng xa, Thế Tôn thấy Tôn giả Vakkali nằm trên giường, với vai co quắp lại.

37) Lúc bấy giờ, **một đám khói đen, một luồng ám khí đi về phía Đông, đi về phía Tây, đi về phía Bắc, đi về phía Nam, đi về phía trên, đi về phía dưới, đi về phía bốn góc.**

38) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thấy đám khói đen ấy, luồng ám khí ấy đi về phía Đông... đi về phía bốn góc không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

39) - Đó là Ác ma, này các Tỷ-kheo, đang đi tìm **thức** của Thiện nam tử Vakkali và nói: "**Thức** của Thiện nam tử Vakkali an trú tại chỗ nào?"

40) **Nhưng này các Tỷ-kheo, với thức không an trú tại một chỗ nào, Thiện nam tử Vakkali đã nhập Niết-bàn một cách hoàn toàn!**

29 Vangisa - Tương I, 430

Vangisa – Tương I, 430

1) Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

2) Lúc bảy giờ Tôn giả Vangisa, chứng quả A-la-hán không bao lâu, thọ hưởng giải thoát lạc, ngay trong lúc ấy, nói lên những bài kệ này:

*Thuở trước ta mê thơ,
Bộ hành khắp mọi nơi,
Từ làng này, thành này,
Qua làng khác, thành khác,
Ta thấy bậc Chánh Giác,
Tín thành ta sanh khởi.*

*Ngài thuyết pháp cho ta,
Về uẩn, xứ và giới,
Sau khi nghe Chánh pháp,
Ta bỏ nhà xuất gia.*

*Vì hạnh phúc số đông,
Vì thấy đạo hành đạo,
Cho Tỷ-kheo Tăng-Ni,
Bậc Mâu-ni giác ngộ,
Ngài đã chấp nhận con,*

*Được thành đạo với Ngài,
Con chứng đạt **Ba minh**,
Hành trì theo Phật dạy.
Con biết được đời trước,
Chứng **thiên nhãn** thanh tịnh,
Ba minh, **thần thông lực**,
Chứng đạt **tha tâm thông**.*

30 Vendu - Tương I, 120

Vendu – Tương I, 120

1) Đứng một bên, **Thiên tử Vendu** nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*2) Hạnh phúc thay những người,
Sau khi hầu Thiện Thế,
Tuân phụng lời Ngài dạy,
Tu học không phóng dật!*

*3) Thế Tôn nói: Vendu!
Những ai Thiên tu học.
Trong pháp cú Ta dạy,
Tinh cần, không phóng dật,
Đúng thời họ sẽ đi,
Thoát khỏi tay tử thần.*

31 Vepacitti Hay Kham Nhẫn - Tương I, 487

Vepacitti Hay Kham Nhẫn – *Tương I*, 487

1) Tại Sàvatthi, Jetavana... (như trên)...

2) Thế Tôn thuyết như sau:

3) Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, cuộc chiến xảy ra giữa chư Thiên và các Asura, rất là khốc liệt.

4) Này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các A-tu-la gọi các A-tu-la:

"- Này Thân hữu, trong cuộc chiến đang khởi lên giữa chư Thiên và loài A-tu-la, rất là khốc liệt, nếu các A-tu-la thắng và chư Thiên bại, hãy trối Thiên chủ Sakka (hai tay, hai chân) và thứ năm là cổ và dất vị ấy đến trước mặt ta, trong thành của các A-tu-la."

5) Còn Thiên chủ Sakka gọi chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

"- Này Thân hữu, trong trận chiến giữa chư Thiên và các loài A-tu-la, trận chiến rất khốc liệt, nếu chư Thiên thắng và các loài A-tu-la bại, hãy trối Vepacitti, vua các A-tu-la (hai tay, hai chân) thứ năm

là cở, và dất vị ấy lên trước mặt ta, trong giảng đường Sudhamma (Thiện Pháp) ".

6) Nhưng này các Tỷ-kheo trong trận chiến ấy chư Thiên thắng và các loài A-tu-la bại.

7) Rồi này các Tỷ-kheo, chư Thiên ở Tam thập tam thiên trới A-tu-la vương Vepacitti, trới hai tay, hai chân và thứ năm là cở, rồi dẫn đến trước mặt Thiên chủ Sakka, trong giảng đường Sudhamma.

8) Tại đây, này các Tỷ-kheo, vua các A-tu-la, Vepacitti bị trới hai tay, hai chân và thứ năm là cở, khi Thiên chủ Sakka đi vào và đi ra khỏi giảng đường Sudhamma, nhiec mắng, mạ lỵ Thiên chủ Sakka với những lời thô ác, độc ngữ.

9) Rồi này các Tỷ-kheo, người đánh xe Matali nói lên những bài kệ với Thiên chủ Sakka:

*Này Thiên chủ Sakka,
Có phải là Ông sợ,
Hay vì Ông yếu hèn,
Nên mới phải kham nhẫn,
Khi Ông nghe ác ngữ,
Từ Vepacitti?*

(Sakka):

10) Không phải vì sợ hãi,
Không phải vì yếu hèn,
Mà ta phải kham nhẫn,
Với Vepacitti.

Sao kẻ trí như ta,
Lại liên hệ người ngu?

(Màtali):

11) Kẻ ngu càng nổi khùng,
Nếu không người đối trị,
Vậy với hình phạt nặng,
Kẻ trí trị người ngu.

(Sakka):

12) Như vậy theo ta nghĩ,
Chỉ đối trị người ngu,
*Biết kẻ khác phần nộ,
Giữ niệm tâm an tịnh.*

(Màtali):

13) Hỡi này Vāsana,
Sự kham nhẫn như vậy,
Ta thấy là lỗi lầm,
Khi kẻ ngu nghĩ rằng:
"Vì sợ ta, nó nhẫn"
Kẻ ngu càng hăng tiết,
Như bò thấy người chạy,

Càng hung hăng đuổi dài.

(Sakka):

14) *Hãy để nó suy nghĩ,
Như ý nó mong muốn,
Nghĩ rằng, ta kham nhẫn,
Vì ta sợ hãi nó.*

*Trong tư lợi tôi thượng,
Không gì hơn **kham nhẫn**.
Người đầy đủ sức mạnh,
Chịu nhẫn người yếu kém,
Nhẫn ấy gọi tôi thượng,
Thường nhẫn kẻ yếu hèn.*

*Sức mạnh của kẻ ngu,
Được xem là sức mạnh,
Thời sức mạnh kẻ mạnh,
Lại được gọi yếu hèn.*

*Người mạnh hộ trì pháp,
Không nói lời phản ứng,
Bị mắng nhiếc, mắng lại,
Ác hại nặng nề hơn.*

*Bị mắng, không mắng lại,
Được chiến thắng hai lần.
Sống lợi ích cả hai,
Lợi mình và lợi người,
Biết kẻ khác tức giận,*

*Giữ niệm, tâm an tịnh,
Là y sĩ cả hai,
Chữa mình và chữa người,
Quần chúng nghĩ là ngu,
Vì không giỏi Chánh pháp.*

15) Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka ấy đã tự nuôi sống với quả công đức của mình, đã ngự trị và cai trị chư Thiên Tam thập tam thiên, sẽ nói lời tán thán nhân nhục và nhu hòa.

16) Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Ông hãy làm chói sáng pháp luật này bằng cách trong khi xuất gia trong pháp và luật khéo giảng này, **hãy thật hành kham nhẫn và nhu hòa.**

32 Verahaccàni - Tương IV, 206

Verahaccàni – Tương IV, 206

1) Một thời Tôn giả Udàyi trú ở Kàmandàya, tại vườn xoài của Bà-la-môn Todeyya.

2) Rồi một đệ tử thanh niên của nữ Bà-la-môn, thuộc dòng họ Verahaccàni, đi đến Tôn giả Udàyi; sau khi đến, nói với Tôn giả Udàyi những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.

3) Rồi Tôn giả Udàyi với bài pháp thoại, trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ thanh niên Bà-la-môn ấy đang ngồi xuống một bên.

4) Rồi thanh niên ấy, sau khi được Tôn giả Udàyi với bài pháp thoại, trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, liền đi đến nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni; sau khi đến, nói với nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni:

-- Mong nữ Tôn giả biết cho, Sa-môn Udàyi thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa, với văn, và trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh.

5) -- Vậy này Thanh niên, hãy nhân danh ta, mời Samôn Udàyi ngày mai đến dùng cơm.

-- Thừa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Bà-la-môn ấy vâng đáp nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni, đi đến Tôn giả Udàyi; sau khi đến thưa với Tôn giả Udàyi:

-- Tôn giả Udàyi, hãy nhận **đạo sư phí** của chúng tôi là buổi cơm ngày mai từ nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni.

Tôn giả Udàyi im lặng nhận lời.

6) Rồi Tôn giả Udàyi, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến nhà của nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni; sau khi đi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn.

7) Rồi nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni tự tay dâng cúng, hầu hạ Tôn giả Udàyi với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm.

8) Rồi nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni sau khi thấy Tôn giả Udàyi đã dùng cơm xong, tay đã rút lui khỏi bát, liền mang dép, ngồi trên chỗ ngồi cao, trùm đầu, và thưa với Tôn giả Udàyi:

-- Nay Sa-môn, hãy thuyết pháp.

-- Nay Chi, thời gian ấy sẽ đến.

Nói xong, Tôn giả Udàyi từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

9) Lần thứ hai, thanh niên Bà-la-môn ấy đi đến Tôn giả Udàyi; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Udàyi những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Rồi Tôn giả Udàyi với lời pháp thoại trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ thanh niên Bà-la-môn đang ngồi xuống một bên.

10) Lần thứ hai, thanh niên Bà-la-môn ấy sau khi được Tôn giả Udàyi với pháp thoại, trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni; sau khi đến nói với nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni:

-- Nữ Tôn giả hãy biết, Sa-môn Udàyi thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa, với văn và trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh.

11) -- Như vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nói lời tán thán Sa-môn Udàyi. Nhưng Sa-môn Udàyi khi được nói: "Này Sa-môn, hãy thuyết pháp", sau khi trả lời: "Này Chị, thời ấy sẽ đến", từ chỗ ngồi đứng dậy, và đi về tịnh xá.

12) -- Thưa nữ Tôn giả, vì rằng nữ Tôn giả đã đi dèp, ngồi trên chỗ cao, trùm đầu và nói: "Này Sa-môn, hãy thuyết pháp", các bậc Tôn giả ấy cũng kính pháp, tôn trọng pháp.

13) -- Vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, hãy nhân danh ta, ngày mai mời Sa-môn Udàyi đến dùng cơm.

-- Thưa vâng, nữ Tôn giả.

Thanh niên Bà-la-môn ấy vâng đáp nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni, đi đến Tôn giả Udàyi; sau khi đến, nói với Tôn giả Udàyi:

-- Tôn giả Udàyi, hãy chấp nhận đạo sư phí của chúng tôi là buổi cơm ngày mai từ nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni.

Tôn giả Udàyi im lặng nhận lời.

14) Rồi Tôn giả Udàyi, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến nhà của nữ Bà-

la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni; sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn.

15) Rồi nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni, tự tay dâng cúng, hầu hạ Tôn giả Udàyi với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm.

16) Rồi nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni, sau khi thấy Tôn giả ăn xong, tay đã rút lui khỏi bát, liền cởi dép, ngồi trên chỗ ngồi thấp, cởi khăn trùm đầu, rồi thưa Tôn giả Udàyi:

-- *Thưa Tôn giả, do cái gì hiện hữu, các bậc A-la-hán trình bày về lạc khổ? Do cái gì không hiện hữu, các bậc A-la-hán không trình bày lạc khổ?*

17) -- *Này Chị, do mắt hiện hữu, các bậc A-la-hán trình bày lạc khổ. Do mắt không hiện hữu, các bậc A-la-hán không trình bày lạc khổ...*

... Do ý hiện hữu, các bậc A-la-hán trình bày lạc khổ. Do ý không hiện hữu, các bậc A-la-hán không trình bày lạc khổ.

18) Khi được nói vậy, nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccàni thưa với Tôn giả Udàyi:

-- *Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thưa Tôn giả, như người dựng đứng*

lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Udàyi dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Và nay, thừa Tôn giả Udàyi, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Tôn giả Udàyi nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

33 Vesàli - Tương IV, 187

Vesàli – Tương IV, 187

1) Một thời Thế Tôn ở tại Vesàli, rừng Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

2) Rồi gia chủ Ugga, người Vesàli, đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, gia chủ Ugga, người Vesàli, bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại không được hoàn toàn tịch tịnh (parinibbāyanti). Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh?

4) -- Nay Gia chủ, có những **sắc** do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương, tham luyến an trú, y cứ vào đây, thức khởi lên chấp thủ cái ấy. **Vì có chấp thủ**, nay Gia chủ, Tỷ-kheo ấy không được hoàn toàn tịch tịnh.

5-8) Nay Gia chủ, có những **tiếng** do tai nhận thức... có những **hương** do mũi nhận thức... có những **vị** do lưỡi nhận thức... có những **xúc** do thân cảm giác...

9) Nay Gia chủ, có những **pháp** do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ pháp ấy, tán dương, tham luyến an trú. Do Tỷ-kheo ấy hoan hỷ pháp ấy, tán dương, tham luyến an trú, y cứ vào đấy, thức khởi lên chấp thủ cái ấy. **Do có chấp thủ**, nay Gia chủ, Tỷ-kheo ấy không được hoàn toàn tịch tịnh.

10) Nay Gia chủ, đây là nhân, đây là duyên, ở đây một số loài hữu tình, ngay trong hiện tại không được hoàn toàn tịch tịnh.

11-16) Và nay Gia chủ, có những **sắc** do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không tham luyến an trú; thời do vị ấy không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không tham luyến an trú, không y cứ cái ấy, thức khởi lên không chấp thủ cái ấy. **Do không chấp thủ**, nay Gia chủ, Tỷ-kheo được hoàn toàn tịch tịnh

... Có những **tiếng** do tai nhận thức... Có những **hương** do mũi nhận thức... Có những **vị** do lưỡi nhận thức... Có những **xúc** do thân cảm giác...

17) Nay Gia chủ, có những **pháp** do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp ấy, không tán

dương, không tham luyến an trú; thời do Tỷ-kheo ấy không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không tham luyến an trú, không y cứ vào cái ấy, thức khởi lên không chấp thủ cái ấy. **Không chấp thủ**, này Gia chủ, Tỷ-kheo ấy được hoàn toàn tịch tịnh

18) Này Gia chủ, đây là nhân, đây là duyên, do vậy ở đây một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh.

34 Vesàli - Tương V, 478

Vesàli – Tương V, 478

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Vesàli, tại Đại Lâm, ngôi nhà có nóc nhọn.

2) Lúc bấy giờ Thế Tôn dùng nhiều phương tiện giảng về bất tịnh, nêu rõ về bất tịnh, tán thán sự tu tập bất tịnh.

3) Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

-- Ta muốn sống Thiền tịnh một mình trong nửa tháng, không gặp một ai, trừ người đem đồ ăn cho Ta.

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, không cho một ai đến thăm Thế Tôn, trừ một người đem đồ ăn.

4) Rồi các Tỷ-kheo ấy được nghe Thế Tôn dùng **nhiều pháp môn nói về bất tịnh**, nêu rõ về bất tịnh, nói lời tán thán sự tu tập bất tịnh, nên sống chuyên chú tu tập bất tịnh dưới nhiều hình thức sai biệt. Họ

tủi hổ với thân này, tầm quý và nhàm chán, tầm cầu đem lại con dao. Mười Tỷ-kheo một ngày đem lại con dao... Hai mươi... Ba mươi Tỷ-kheo trong một ngày đem lại con dao.

5) Rồi Thế Tôn sau nửa tháng, từ Thiền tịnh đứng dậy và bảo Tôn giả Ananda:

-- Nay Ananda, vì sao chúng Tỷ-kheo giảm thiểu như vậy?

6) -- Bạch Thế Tôn, vì Thế Tôn dùng nhiều pháp môn thuyết cho các Tỷ-kheo về bất tịnh, nêu rõ về bất tịnh, tán thán sự tu tập bất tịnh, nên các vị ấy sống chuyên chú tu tập bất tịnh dưới nhiều hình thức sai biệt. Họ tủi hổ với thân này, tầm quý và nhàm chán, tầm cầu đem lại con dao. Mười Tỷ-kheo trong một ngày đem lại con dao... Hai mươi... Ba mươi Tỷ-kheo trong một ngày đem lại con dao. **Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết cho pháp môn khác, nhờ vậy chúng Tỷ-kheo được an trú vào chánh trí.**

7) -- Vậy này Ananda, hãy tập hợp tại giảng đường tất cả các Tỷ-kheo trú xung quanh Vesàli.

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn và mời tất cả Tỷ-kheo trú xung quanh Vesàli tập họp tại giảng đường, rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo đã tập họp. Nay Thế Tôn hãy làm những gì Thế Tôn nghĩ là phải thời.

8) Rồi Thế Tôn đi đến giảng đường; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

9) -- Nay các Tỷ-kheo, **định niệm hơi thở vô, hơi thở ra** này được tu tập, được làm cho sung mãn là tịch tịnh, thù diệu, thuần nhất (asecanako), lạc trú, làm cho các ác, bất thiện pháp đã sanh biến mất, tịnh chỉ lập tức (thànaso).

10) Ví như, nay các Tỷ-kheo, trong cuối mùa hạ, bụi nhớp bay lên và một đám mưa lớn trái mùa lập tức làm chúng biến mất, tịnh chỉ. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra được tu tập, được làm cho sung mãn là tịch tịnh, thù diệu, thuần nhất, lạc trú, làm cho các ác, bất thiện pháp đã sanh biến mất, tịnh chỉ lập tức.

11) *Và nay các Tỷ-kheo, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, được tu tập như thế nào, được làm cho sung*

mãn như thế nào là tịch tịnh, thù diệu, thuần nhất, lạc trú, làm cho các ác, bất thiện pháp đã sanh được biến mất và tịnh chỉ lập tức?

12-18) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống, ngồi kiết-già, lưng thẳng, đặt niệm trước mặt; vị ấy chánh niệm hơi thở vô, chánh niệm hơi thở ra.

- Tỷ-kheo **thở vô dài**, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô dài".
- Hay khi Tỷ-kheo thở ra dài, vị ấy rõ biết: "Tôi thở ra dài".
- Hay khi Tỷ-kheo **thở vô ngắn**, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô ngắn".
- Hay khi Tỷ-kheo thở ra ngắn, vị ấy rõ biết: "Tôi thở ra ngắn".
- "**Cảm giác toàn thân**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**An tịnh thân hành**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Cảm giác hỷ thọ**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Cảm giác lạc thọ**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

- "**Cảm giác tâm hành**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**An tịnh tâm hành**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Cảm giác về tâm**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Với tâm hân hoan**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Với tâm định tĩnh**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Với tâm giải thoát**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- **Quán vô thường**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Quán ly tham**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Quán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Quán đoạn diệt**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Quán từ bỏ**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

19) Nay các Tỷ-kheo, **định niệm hơi thở vô, hơi thở ra** tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy **là tịch**

tịnh, thù diệu, thuần nhất, lạc trú, và các ác, bất thiện pháp đã sanh được biến mất và tịnh chỉ lập tức.

35 Vijaya - Tương I, 288

Vijaya – Tương I, 288

1) Nhân duyên ở Sàvatthi, **Tỳ-kheo-ni Vijaya** vào buổi sáng đắp y... và ngồi xuống dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày.

2) Ác Ma muốn làm cho Tỳ-kheo-ni Vijaya sợ hãi ... muốn khiến nàng từ bỏ Thiên định, liền đi đến Tỳ-kheo-ni Vijaya; sau khi đến, nói lên bài kệ với Tỳ-kheo-ni Vijaya:

*Nàng vừa trẻ, vừa đẹp,
Ta vừa trẻ, vừa xuân,
Với cung đàn năm điệu,
Nàng cùng ta vui hưởng.*

3) Tỳ-kheo-ni Vijaya suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải người?"

4) Tỳ-kheo-ni Vijaya suy nghĩ: "Đây là Ác ma... nói lên bài kệ đó."

5) Tỳ-kheo-ni Vijaya suy nghĩ: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:

Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,

*Làm cho ý đam mê,
Ta nhường lại Ác ma,
Ta đâu có cần chúng.*

*Với thân bất tịnh này,
Để hư hoại mong manh,
Ta bực phiền, tủi hổ,
Dục ái được đoạn tận.*

*Họ sanh hưởng sắc giới,
Chúng vọng vô sắc giới,
Thiền chứng an tịnh ấy,
Mọi nơi, mê ám diệt.*

6) Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Aijaya đã biết ta",
buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

36 Vipassì - Tương II, 15

Vipassì – Tương II, 15

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Nay các Tỷ-kheo, **Thế Tôn Vipassì** bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, trước khi Ngài giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, đã khởi lên tư tưởng sau đây: *"**Thật sự thế giới này đang lâm nguy, bị sanh, bị già, bị chết, đoạn diệt và tái sanh; và từ nơi đau khổ này, không biết xuất ly, thoát khỏi già và chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào biết đến xuất ly, thoát khỏi già và chết**".*

3) Rồi nay các Tỷ-kheo, **Bồ-tát Vipassì** suy nghĩ như sau: *"Do cái gì có mặt, già, chết có mặt? Do duyên gì, **già, chết** (sanh khởi)?"*.

Sau khi như lý tư duy, nay các Tỷ-kheo, **Bồ-tát Vipassì** nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: *"Do **sanh** có mặt, già chết có mặt. Do duyên sanh, già chết (sanh khởi)"*.

4) Rồi Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: *"Do cái gì có mặt, sanh có mặt? Do duyên gì, sanh sanh khởi?"*.

Sau khi như lý tư duy, này các Tỷ- kheo, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "*Do **hữu** có mặt nên sanh có mặt. Do duyên hữu, sanh (sanh khởi)*".

5) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "*Do cái gì có mặt, hữu có mặt? Do duyên gì, hữu (sanh khởi)?*"

Rồi này các Tỷ- kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "*Do **thủ** có mặt, nên hữu có mặt. Do duyên thủ, hữu sanh khởi*".

6) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "*Do cái gì có mặt, thủ có mặt? Do duyên gì, thủ sanh khởi?*"

Rồi này các Tỷ- kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "*Do **ái** có mặt nên thủ có mặt. Do duyên ái, thủ sanh khởi*".

7) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "*Do cái gì có mặt, ái có mặt? Do duyên gì, ái sanh khởi?*"

Rồi này các Tỷ- kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "*Do **thọ** có mặt nên ái có mặt. Do duyên thọ, nên ái sanh khởi*".

8) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "*Do cái gì có mặt, thọ có mặt? Do duyên gì, thọ sanh khởi?*"

Rồi này các Tỷ- kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ phát sinh minh kiến như sau: "*Do **xúc** có mặt nên thọ có mặt. Do duyên xúc, thọ sanh khởi*".

9) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "*Do cái gì có mặt, xúc có mặt? Do duyên gì, xúc sanh khởi?*"

Rồi này các Tỷ- kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "*Do **sáu xú** có mặt nên xúc có mặt. Do duyên sáu xú, xúc sanh khởi*".

10) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "*Do cái gì có mặt, sáu xú có mặt? Do duyên gì, sáu xú sanh khởi?*"

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "*Do **danh sắc** có mặt nên sáu xứ có mặt. Do duyên danh sắc, sáu xứ sanh khởi*".

11) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "*Do cái gì có mặt, **danh sắc** có mặt? Do duyên gì, danh sắc sanh khởi?*"

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "*Do **thức** có mặt nên danh sắc có mặt. Do duyên thức, danh sắc sanh khởi*".

12) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "*Do cái gì có mặt, **thức** có mặt? Do duyên gì, thức sanh khởi?*"

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "*Do **hành** có mặt nên thức có mặt. Do duyên hành, thức sanh khởi*".

13) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "*Do cái gì có mặt, **hành** có mặt? Do duyên gì, hành sanh khởi?*"

Rồi này các Tỷ- kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "*Do **vô minh** có mặt nên hành có mặt. Do duyên vô minh, hành sanh khởi*".

14) Như vậy, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được sanh khởi. Như vậy là sự tập hợp của toàn bộ khổ uẩn này.

15) "**Tập khởi, tập khởi**", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, với Bồ-tát Vipassì, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

16) Và này các Tỷ-kheo, **Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau:** "*Cái gì không có mặt nên **già, chết** không có mặt? Do cái gì diệt, già, chết diệt?*"

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: "*Do **sanh** không có mặt nên già chết không có mặt. Do sanh diệt nên già chết diệt*".

17) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: *"Cái gì không có mặt nên sanh không có mặt? Do cái gì diệt nên sanh diệt?"*

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: *"Do **hữu** không có mặt nên sanh không có mặt. Do hữu diệt nên sanh diệt "*.

18) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: *"Cái gì không có mặt nên hữu không có mặt? Do cái gì diệt nên hữu diệt?"*

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: *"Do **thủ** không có mặt nên hữu không có mặt. Do thủ diệt nên hữu diệt"*.

19) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: *"Cái gì không có mặt nên thủ không có mặt? Do cái gì diệt nên thủ diệt?"*

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: *"Do **ái** không có mặt nên thủ không có mặt. Do ái diệt nên thủ diệt"*.

20) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: *"Cái gì không có mặt nên ái không có mặt? Do cái gì diệt nên ái diệt?"*

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: "*Do **thọ** không có mặt nên ái không có mặt. Do thọ diệt nên ái diệt*".

21) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: *"Cái gì không có mặt nên thọ không có mặt? Do cái gì diệt nên thọ diệt?"*

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: "*Do **xúc** không có mặt nên thọ không có mặt. Do xúc diệt nên thọ diệt*".

22) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: *"Cái gì không có mặt nên xúc không có mặt? Do cái gì diệt nên xúc diệt?"*

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: "*Do **sáu xúc** không có mặt nên xúc không có mặt. Do sáu xúc diệt, nên xúc diệt*".

23) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "*Cái gì không có mặt nên sáu xứ không có mặt? Do cái gì diệt nên sáu xứ diệt?*"

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: "*Do **đanh sắc** không có mặt nên sáu xứ không có mặt. Do **đanh sắc** diệt nên sáu xứ diệt*".

24) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "*Do cái gì không có mặt nên **đanh sắc** không có mặt? Do cái gì diệt nên **đanh sắc** diệt?*"

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: "*Do **thức** không có mặt nên **đanh sắc** không có mặt. Do **thức** diệt nên **đanh sắc** diệt*".

25) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: "*Do cái gì không có mặt nên **thức** không có mặt? Do cái gì diệt nên **thức** diệt?*"

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: "*Do **hành** không có mặt nên **thức** không có mặt. Do **hành** diệt nên **thức** diệt*".

26) Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassì lại suy nghĩ như sau: *"Do cái gì không có mặt nên hành không có mặt? Do cái gì diệt nên hành diệt?"*

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassì nhờ trí tuệ, phát sanh minh kiến như sau: *"Do **vô minh** không có mặt nên hành không có mặt. Do vô minh diệt nên hành diệt"*.

27) **Như vậy, do vô minh diệt nên hành diệt.** Do hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

28) **"Đoạn diệt, đoạn diệt"**, này các Tỷ-kheo, trong các pháp từ trước chưa từng được nghe, đối với Bồ-tát Vipassì, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

Sikhì (Thi-khí) – 23tu2

- Nay các Tỷ-kheo, với **Thế Tôn Sikhi**, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác... (như trên)...

Vessabhu (Tỳ-xá-phù) – 23tu2

- Rồi nay các Tỷ-kheo, với **Thế Tôn Vessabhu**, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác... (như trên)...

Kakusandha (Câu-lưu-tôn) – 23tu2

- Rồi nay các Tỷ-kheo, với **Thế Tôn Kakusandha**, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác... (như trên)...

Konàgamana (Câu-na-hàm). – 23tu2

- Rồi nay các Tỷ-kheo, với **Thế Tôn Konàgamana**, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác... (như trên)...

Kassapa (Ca-diếp) – 23tu2

- Rồi nay các Tỷ-kheo, với **Thế Tôn Kassapa**, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác... (như trên)...

Mahà Sakyamuni Gotama **Đại Thíchca mâu ni**
Cùđam – 23tu2

1) Tại Sàvatthi.

2) Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, trước khi **Ta** giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, tư tưởng sau đây được khởi lên: *"**Thật sự thế giới này bị hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt và bị tái sanh; và từ nơi đau khổ này, không biết sự xuất ly, thoát khỏi già chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào được biết đến sự xuất ly già chết**"*.

3) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: *"**Cái gì có mặt, già, chết có mặt? Do duyên gì, già chết sanh khởi?**"* Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ, Ta phát sinh minh kiến như sau: *"Do **sanh** có mặt nên già chết có mặt. Do duyên sanh nên già chết sanh khởi"*.

4 - 13) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: *"Cái gì có mặt, sanh mới có mặt... **hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... hành...** do duyên gì hành sanh khởi?"*

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy về vấn đề này, nhờ trí tuệ, Ta phát sanh minh kiến như sau: *"Do **vô minh** có mặt nên hành có mặt. Do duyên vô minh nên hành sanh khởi"*.

14) **Như vậy vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ;**

sáu xứ duyên **xúc**; xúc duyên **thọ**; thọ duyên **ái**; ái duyên **thủ**; thủ duyên **hữu**; hữu duyên **sanh**; sanh duyên **già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não** được khởi lên. **Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.**

15) "**Tập khởi, tập khởi**", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, chính nơi Ta, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

16) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "*Cái gì không có mặt, già chết không có mặt? Do cái gì diệt, nên **già chết** diệt?*" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy về vấn đề này, nhờ trí tuệ, Ta phát sanh minh kiến như sau: "*Do **sanh** không có mặt nên già chết không có mặt. Do sanh diệt nên già chết diệt*".

17) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "*Cái gì không có mặt, sanh không có mặt. ..hữu. ..thủ. ..ái. ..thọ. ..xúc. ..sáu xứ...danh sắc. ..thức. ..hành... Do cái gì diệt, hành diệt?*"

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy về vấn đề này, nhờ trí tuệ, Ta phát sanh minh kiến như sau: "*Do **vô minh** không có mặt nên hành không có mặt. Do vô minh diệt nên hành diệt*"

27) **Như vậy, do vô minh diệt nên hành diệt.** Do hành diệt nên **thức** diệt. Do thức diệt nên **danh sắc** diệt. Do danh sắc diệt nên **sáu xứ** diệt. Do sáu xứ diệt nên **xúc** diệt. Do xúc diệt nên **thọ** diệt. Do thọ diệt nên **ái** diệt. Do ái diệt nên **thủ** diệt. Do thủ diệt nên **hữu** diệt. Do hữu diệt nên **sanh** diệt. Do sanh diệt nên **già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não**, diệt. **Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.**

28) **"Đoạn diệt, đoạn diệt"**, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, chính nơi Ta nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

37 Visàkha - Tương II, 488

Visàkha – Tương II, 488

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Vesàli (Tỳ-xá-ly), tại Mahàvana (Đại Lâm) chỗ Trùng Các giảng đường.

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Visàkha, thuộc dòng họ Pancàla, trong giảng đường đang thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, với những lời lẽ độ, thân hữu, không phun nước miếng, giải thích nghĩa lý, thích hợp, không chấp trước.

3) Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến giảng đường; sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn.

4) Sau khi ngồi, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- *Này các Tỷ-kheo, trong hội trường, ai đã thuyết giảng pháp thoại cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, với những lời lẽ độ, thân hữu, không phun nước miếng, giải thích nghĩa lý, thích hợp, không chấp trước?*

5) - Bạch Thế Tôn, Tôn giả Visàkha thuộc dòng họ Pancàla, trong hội trường thuyết giảng pháp thoại cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, với những lời lẽ độ, thân hữu, không phun nước miếng, giải thích nghĩa lý, thích hợp, không chấp trước.

6) Rồi Thế Tôn cho gọi Tôn giả Visàkha, thuộc dòng họ Pancàla và nói:

- Lành thay, lành thay, Visàkha! Lành thay, này Visàkha! Ông thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ... không chấp trước.

7) Thế Tôn thuyết như vậy, bậc Thiện Thệ thuyết như vậy, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Họ biết bậc Hiền triết,
Khi vị này lẫn lộn,
Với các kẻ ngu si,
Dẫu vị này không nói.*

*Và họ biết vị ấy,
Khi vị này nói lên,
Nói lên lời thuyết giảng,
Liên hệ đến **bất tử**;*

Hãy để vị ấy nói,

*Làm sáng chói Chánh pháp;
Hãy để vị nêu cao
Lá cờ các bậc Thánh.*

*Lá cờ bậc Hiền Thánh,
Là những lời khéo nói,
Lá cờ bậc Hiền Thánh,
Chính là lời Chánh pháp.*

38 Viên Ly - Tương I, 433

Viên Ly – Tương I, 433

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời, một Tỷ-kheo trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

2) Lúc bấy giờ Tỷ-kheo ấy, trong lúc đi nghỉ ban ngày, khởi lên những tư tưởng ác, bất thiện, liên hệ đến gia đình.

3) Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng ấy, thương xót Tỷ-kheo ấy, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác, liền đi đến Tỷ-kheo ấy.

4) Sau khi đến, vị Thiên ấy nói lên những bài kệ với vị Tỷ-kheo này:

*Ông ước muốn viên ly,
Đã sống trong rừng núi,
Nay tâm Ông vọng động,
Dong duỗi theo ngoại giới.*

*Ông đối mặt với Ông,
Hãy chế ngự lòng dục,
Nhờ vậy, Ông hạnh phúc,*

Thoát ly được tham ái.

*Hãy từ bỏ bất mãn,
Sống an trú chánh niệm,
Ông thành người hiền thiện,
Được chúng tôi tán thán.*

*Trừ bụi trần địa ngục,
Thật rất khó vượt qua,
Ông chớ vận chuyển theo,
Các bụi trần dục vọng,
**Như chim, thân dính bụi,
Rung thân khiến bụi rơi.***

*Cũng vậy vị Tỷ-kheo,
Tinh cần, trú chánh niệm,
Vùng vầy khiến rơi rớt,
Những bụi đời dính thân.*

5) Tỷ-kheo ấy được vị Thiên cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

39 Viên Ly - Tương II, 442

Viên Ly – Tương II, 442

1) Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Ràhula đi đến Thế Tôn; sau khi đi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràhula bạch Thế Tôn:

3) - Bạch Thế Tôn, do biết như thế nào, thấy như thế nào, trong thân thể có thức này và trong tất cả tướng ở ngoài, **tâm đã viên ly được ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, siêu việt mọi ngã mạn, tịch tịnh, giải thoát?**

4) - Nay Ràhula, phạm **sắc** gì quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; **vị ấy thấy như thật tất cả các sắc với chánh trí tuệ** là: "*Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi*".

Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ.

5) Nay Ràhula, phạm **thọ** gì... phạm **tương** gì... phạm **hành** gì... phạm **thức** gì quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc

nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; **vị ấy thấy như thật tất cả các thức với chánh trí tuệ** là: "*Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi*".

Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ.

6) Nay Ràhula, do biết như vậy, thấy như vậy, trong thân thể có thức này và trong tất cả tướng ở ngoài, tâm đã viễn ly ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, vượt khỏi các ngã mạn, được tịch tịnh, giải thoát.

40 Viên Ly - Tương V, 372

Viên Ly – Tương V, 372

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, Tỷ-kheo tu tập **năm căn**, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

Và thế nào là Tỷ-kheo tu tập **năm căn**, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **tu tập tín căn liên hệ đến viên ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tấn căn... niệm căn... định căn.... tuệ căn.... hướng đến từ bỏ.**

4) Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm căn thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

41 Viễn Ly - Tương V, 383

Viễn Ly – Tương V, 383

1) ...

2) -- Có năm lực này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? **Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực**. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm lực.

3) *Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông*. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **tu tập tín lực** liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... **tấn lực... niệm lực... định lực...** tu tập **tuệ lực** liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

42 Viên Ly - Tương V, 64

Viên Ly – Tương V, 64

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) -- Cũng như, này các Tỷ-kheo, đối với tất cả loại hữu tình không chân, hai chân bốn chân, hay nhiều chân, có sắc hay không sắc, có tướng hay không tướng, hay không có tướng và không không có tướng; Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có thiện pháp gì, tất cả đều lấy không phóng dật làm căn bản, đều lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ. Không phóng dật được gọi là tối thượng đối với tất cả pháp ấy.

3) Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, chờ đợi rằng **Thánh đạo Tám ngành** được tu tập, Thánh đạo tám ngành được làm cho sung mãn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viên ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ...

tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

Nhiếp Phục Tham – 65tu5

1-2-3) ...

4) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, lấy nhiếp phục tham làm cứu cánh, lấy nhiếp phục sân làm cứu cánh, lấy nhiếp phục si làm cứu cánh... tu tập chánh định, lấy nhiếp phục tham làm cứu cánh, lấy nhiếp phục sân làm cứu cánh, lấy nhiếp phục si làm cứu cánh...

Bất Tử – 65tu5

1-2-3) ...

4) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, lấy bất tử làm chỗ hội nhập, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh... tu tập chánh định,

lấy bắt tử làm chỗ hội nhập, lấy bắt tử làm mục đích, lấy bắt tử làm cứu cánh.

Niết Bàn – 66tu5

1-2-3) ...

4) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn... tu tập chánh định thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn...

Dấu Chân – 66tu5

1) Ở Sàvatthi...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những dấu chân của các loại chúng sanh bộ hành nào, tất cả đều hội tập (samodhànām gachanti) trong chân con voi, vì chân con voi được gọi là tối thượng trong tất cả loại chân, tức là về phần to lớn.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào, tất cả đều lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không

phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp.

3) Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng **Thánh đạo Tám ngành** được tu tập, Thánh đạo Tám ngành sẽ được sung mãn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

Chóp Mái – 67tu5

1) Ở Sàvatthi...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, các đòn tay nào của một ngôi nhà có mái nhọn, tất cả đều đi đến mái*

*nhọn, hướng đến mái nhọn, quy tụ vào mái nhọn.
Mái nhọn đối với chúng được gọi là tối thượng.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những **thiện pháp** nào, tất cả đều lấy **không phóng dật** làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp.

3) Với Tỷ-kheo **không** phóng dật, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng **Thánh đạo Tám ngành** được tu tập, Thánh đạo Tám ngành sẽ được sung mãn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

1) ...

2) -- *Vì như, này các Tỷ-kheo, phàm có những loại rễ hương nào, loại chiêm-đàn đen (kàlànu-sàriyam) được gọi là tối thượng.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào, tất cả đều lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp.

3) Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng Thánh đạo Tám ngành được tu tập, Thánh đạo Tám ngành sẽ được sung mãn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

Lỗi Hương – 67tu5

1) ...

2) -- *Vì như, này các Tỷ-kheo, phạm có những loại lỗi hương nào, loại **chiên-đàn đở** (lohitacandanam) được gọi là tối thượng.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phạm có những thiện pháp nào, tất cả đều lấy **không phóng dật** làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp.

3) Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng **Thánh đạo Tám ngành** được tu tập, Thánh đạo Tám ngành sẽ được sung mãn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

Hạ Sanh Hoa – 68tu5 (Bông huệ: vassikam)

1) ...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những loại hoa hương nào, hoa huệ được gọi là tối thượng.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào, tất cả đều lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp.

3) Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng Thánh đạo Tám ngành được tu tập, Thánh đạo Tám ngành sẽ được sung mãn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

Vua – 68tu5

1) ...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những tiểu vương nào (kuttaràjano), tất cả đều tùy thuộc Chuyển luân vương. Vua Chuyển luân đối với họ được gọi là tối thượng.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào, tất cả đều lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không

phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp.

3) Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng Thánh đạo Tám ngành được tu tập, Thánh đạo Tám ngành sẽ được sung mãn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

Mặt Trăng – 68tu5

1) ...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, phạm ánh sáng của bất cứ loại sao nào, tất cả đều không bằng một phần*

*mười sáu ánh sáng của **mặt trăng**. Ánh sáng mặt trăng đối với chúng được gọi là tối thượng.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phạm có những thiện pháp nào, tất cả đều lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp.

3) Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng Thánh đạo Tám ngành được tu tập, Thánh đạo Tám ngành sẽ được sung mãn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

Mặt Trời – 68tu5

1) ...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, vào mùa thu, khi hư không mở rộng không có mây mù, mặt trời vươn thẳng lên hư không, quét sạch mọi tối tăm trên trời, chói sáng, bừng sáng.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào, tất cả đều lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp.

3) Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng Thánh đạo Tám ngành được tu tập, Thánh đạo Tám ngành sẽ được sung mãn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

Vải – 69tu5

1) ...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có vải gì được dệt, vải dệt ở Ba-la-nại được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những **thiện** pháp nào, tất cả đều lấy **không phóng dật** làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp.*

3) Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng **Thánh đạo Tám ngành** được tu tập, Thánh đạo Tám ngành được làm cho sung mãn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định

liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

43 Voi - Tương II, 469

Voi – Tương II, 469

1) Tại ngôi vườn ở Sàvatthi.

2) Lúc bảy giờ, một vị **tân Tỷ-kheo** đi đến các gia đình quá nhiều thì giờ. Các Tỷ-kheo nói với Tỷ-kheo ấy:

- Tôn giả chớ có đi đến các gia đình quá nhiều thì giờ.

3) Được nói vậy, vị Tỷ-kheo ấy nói:

- Những Tỷ-kheo Trưởng lão này nghĩ rằng, họ có thể đi đến các gia đình. Sao không phải ta?

4) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... rồi ngồi xuống một bên.

5) Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, có người tân Tỷ-kheo đi đến các gia đình quá nhiều thì giờ. Các Tỷ-kheo nói với Tỷ-kheo ấy: "Tôn giả chớ có đi đến các gia đình quá nhiều thì giờ". Được các Tỷ-kheo nói vậy, Tỷ-kheo

ấy nói: "Những Trưởng lão Tỷ-kheo này nghĩ rằng họ có thể đi đến các gia đình. Sao không phải ta?"

6) Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, gần một hồ nước lớn, tại một khu rừng, các con voi sống ở đấy. Chúng lặn xuống hồ, lấy vòi nhổ lên các củ và rễ sen, rửa chúng thật sạch, làm cho chúng sạch bùn rồi ăn chúng. Nhờ vậy, các con voi ấy được dung sắc và sức mạnh, và không vì nhân duyên ấy những con voi đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

7) Được huấn luyện theo các con voi lớn ấy, này các Tỷ-kheo, các con voi trẻ và nhỏ lặn xuống hồ, lấy vòi nhổ lên các củ, rễ sen, không rửa chúng thật sạch, không làm cho chúng sạch bùn rồi ăn chúng. Do vậy, các con voi ấy không được dung sắc và sức mạnh, và vì nhân duyên ấy những con voi đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

8) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây các Trưởng lão Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào làng hay thị trấn để khát thực. Tại đấy họ thuyết pháp. Các gia chủ hoan hỷ làm bốn phận của mình với các vị ấy. Các Tỷ-kheo ấy thọ dụng các lợi đắc, không tham trước, không say đắm, không phạm tội, thấy những nguy hiểm, hiểu sự xuất ly với trí tuệ. Nhờ vậy, các Tỷ-kheo ấy được dung sắc và sức mạnh, và không vì

nhân duyên ấy họ đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

9) Nhưng này các Tỷ-kheo, được huấn luyện theo các Trưởng lão Tỷ-kheo, các **tân Tỷ-kheo** vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào làng hay thị trấn để khát thực.

10) Tại đây, các vị thuyết pháp. Các gia chủ hoan hỷ làm bốn phận của mình. Các Tỷ-kheo ấy thọ dụng các lợi đặc, tham trước, say đắm, phạm tội, không thấy sự nguy hiểm, không hiểu sự xuất ly với trí tuệ. Do vậy, các vị Tỷ-kheo ấy không được dung sắc và sức mạnh, và vì nhân duyên ấy họ đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

11) Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ thọ dụng các lợi đặc, không tham đắm, không say mê, không phạm tội, thấy những nguy hiểm, hiểu rõ sự xuất ly với trí tuệ".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

44 Vua - Tương I, 165

Vua – Tương I, 165

1) Ở tại Sàvatthi.

2) Ngồi một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có cái gì sanh mà không già và không chết không?

3) - Thưa Đại vương, **không** có cái gì sanh mà không già và không chết.

4) Thưa Đại vương, dầu cho những vị Sát-đế-ly là những bậc đại phú, phú hào, có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều tài sản vật dụng, có nhiều tiền của, ngũ cốc. Các vị ấy có sanh cũng không thoát khỏi già và chết.

5) Thưa Đại vương, dầu cho những vị Bà-la-môn là những bậc đại phú, dầu cho những gia chủ là những bậc đại phú, phú hào, có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng bạc, có nhiều tài sản vật dụng, có nhiều tiền của, ngũ cốc, các vị ấy có sanh cũng không thoát khỏi già và chết.

6) Thừa Đại vương, *cho đến các vị Tỷ-kheo, những bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc*, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích tối hậu, đã đoạn được hữu kiết sử, đã được giải thoát nhờ chánh trí, *cho đến thân này của các vị ấy cũng phải bị hủy hoại, cũng phải bị từ bỏ.*

7) Xe vua dầu mỹ diệu,
Rồi cũng phải hư hoại,
Thân thể này cũng vậy,
Rồi cũng phải già yếu.
Chỉ thiện pháp không già,
Bậc thiện nhân nói vậy.

45 Vua - Tương V, 501

Vua – Tương V, 501

1-2) Sàvatthi. Ở đây... nói như sau:

3) -- Dầu cho, này các Tỷ-kheo, một **vị Chuyển luân vương** làm chủ tể và cai trị bốn châu, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, thế giới này, cộng trú với chư Thiên ở cõi Ba mươi ba; tại đây, vị ấy trú trong rừng Nandana, được chúng Thiên nữ đoanh vây, được đầy đủ, được cung cấp, được bao bọc năm thiên dục công đức, nhưng không được đầy đủ bốn pháp; tuy vậy, vị ấy chưa được giải thoát khỏi địa ngục, chưa được giải thoát khỏi sanh vào loài bàng sanh, chưa giải thoát khỏi ngã quý, và chưa thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ.

4) Nhưng này các Tỷ-kheo, **vị Thánh đệ tử**, dầu muốn sống bằng các miếng ăn khát thực, đắp với y nhiều tấm (nantakàni); **vị ấy đầy đủ bốn pháp**. Và vị ấy được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi sanh vào loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngã quý, được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ.

Thế nào là bốn?

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, **vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật:** *"Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".*

6) **Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với Pháp:** *"Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu".*

7) **Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với chúng Tăng:** *"Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời".*

8) **Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính,** không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiền định.

9) **Vị ấy thành tựu bốn pháp này.**

10) Và này các Tỷ-kheo, có sự lợi đặc của bốn châu và sự lợi đặc của bốn pháp. **Sự lợi đặc bốn châu không đáng giá (agahati) một phần mười sáu lợi đặc bốn pháp.**

46 Vua - Tương V, 68

Vua – Tương V, 68

1) ...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những tiểu vương nào (kuttarajàno), tất cả đều tùy thuộc Chuyển luân vương. Vua Chuyển luân đối với họ được gọi là tối thượng.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào, tất cả đều lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp.

3) Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng Thánh đạo Tám ngành được tu tập, Thánh đạo Tám ngành sẽ được sung mãn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định

liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

47 Vua ATuLa Verocana Hay Mục Đích - Tương I, 499

Vua ATuLa Verocana Hay Mục Đích – *Tương I*,
499

- 1) Nhân duyên ở Sàtthi.
- 2) Lúc bảy giờ, Thế Tôn đang nghỉ trưa và ngồi Thiền tịnh.
- 3) Rồi Thiên chủ Sakka và A-tu-la vương Verocana vua các A-tu-la, đi đến Thế Tôn; sau khi đến liền đứng, mỗi người dựa vào một cột cửa.
- 4) Rồi A-tu-la Verocana, vua các A-tu-la, nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Mọi người phải tinh tấn,
Cho đến đích thành tựu.
Khi mục đích thành tựu,
Thời chiếu diệu chói sáng,
Chính Verocana,
Đã nói lời như vậy.*

(Sakka):

5) Mọi người phải tinh tấn,

*Cho đến đích thành tựu.
Khi mục đích thành tựu,
Thời chiếu diệu chói sáng,
Không gì tốt đẹp hơn,
So sánh với **kham nhân**.*

(Verocana):

*6) Tất cả loại chúng sanh,
Tự có mục đích mình,
Tại chỗ này, chỗ kia,
Tùy theo sự thích ứng.
Món ăn khéo chế biến,
Làm thỏa mãn mọi loài,
Khi mục đích thành tựu,
Thời chiếu diệu chói sáng,
Chính Verocana
Đã nói lời như vậy.*

(Sakka):

*7) Tất cả loại chúng sanh,
Tự có mục đích mình,
Tại chỗ này, chỗ kia,
Tùy theo sự thích ứng.
Món ăn khéo chế biến,
Làm thỏa mãn mọi loài,
Khi mục đích thành tựu,
Thời chiếu diệu chói sáng,*

*Không gì tốt đẹp hơn,
So sánh với **kham nhẫn**.*

48 Vui Thích - Tương I, 20

Vui Thích – *Tương I, 20*

... Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Cha đối con vui thích ,
Chủ với bò vui thích,
Người sanh y, vui thích ,
Không sanh y, không vui.*

(Thế Tôn):

*Cha đối con sầu muộn ,
Chủ với bò sầu muộn,
Người sanh y, sầu muộn,
Không sanh y, không sầu.*

49 VÀSETTHA - Tăng III, 636

VÀSETTHA – Tăng III, 636

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Mahàvana, ngôi nhà có nóc nhọn, rồi nam cư sĩ Vasettha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với nam cư sĩ đang ngồi một bên: ... (Đức Phật nói lại 42 kể cả bài kệ, với những thay đổi cần thiết) ...

2. Khi được nói như vậy, nam cư sĩ Vasettha bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nếu người bà con huyết thống của con thực hành ngày trai giới, với đầy đủ tám chi phần này, như vậy, các bà con huyết thống của con được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Bạch Thế Tôn, nếu tất cả các Sát-đế-ly thực hành ngày trai giới, với đầy đủ tám chi phần, tất cả các Sát-đế-ly được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Bạch Thế Tôn, nếu tất cả Bà-la-môn ... các Phệ-Xá ... các Thủ-đà thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần, tất cả các Thủ-đà được hạnh phúc an lạc lâu dài.

3. - Như vậy là phải, này Vàsettha! Này Vàsettha, nếu tất cả các Sát-đế-lỵ thực hành ngày trai giới, với đầy đủ tám chi phần, tất cả các được hạnh phúc an lạc lâu dài. Này Vàsettha, nếu tất cả Bà-la-môn ... các Phệ-Xá ... các Thủ-đà thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần, tất cả các Thủ-đà được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Này Vàsettha, nếu thế giới chư Thiên, với các ác ma, các phạm thiên, hay quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn thực hành ngày trai giới, với đầy đủ tám chi phần, như vậy, thế giới chư Thiên, các ác ma, các Phạm thiên, hay quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, sẽ được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Này Vàsettha, nếu các cây sàlā lớn này có thể thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần, sẽ được hạnh phúc an lạc lâu dài, nếu chúng có tư duy, nói gì đến loài người.

50 VÍ DỤ CON CHIM CÁY - 66 Trung II, 235

KINH VÍ DỤ CON CHIM CÁY (*Latukikopama sutta*)

– *Bài kinh số 66 – Trung II, 235*

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Anguttarapa (Ương-già Bắc Phương Thủy). Apana là một thị tứ của

Anguttarapa. Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Apana để khát thực. Khát thực ở Apana xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, Thế Tôn đi đến một khu rừng để trú ban ngày.

Thế Tôn đi sâu vào khu rừng này, ngồi dưới một gốc cây để trú ban ngày. Tôn giả Udayi (Ưu-đa-di) buổi sáng cũng đắp y, cầm y bát đi vào Apana để khát thực. Khát thực ở Apana xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, Tôn giả đi đến một khu rừng để trú ban ngày. Tôn giả đi sâu vào khu rừng này, và ngồi dưới một gốc cây để trú ban ngày.

Rồi Tôn giả Udayi, trong khi độc cư Thiền tịnh, sự suy tư sau đây đã khởi lên trong tâm trí Tôn giả:

"Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều khổ pháp cho chúng ta.

Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều lạc pháp cho chúng ta.

Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều bất thiện pháp cho chúng ta.

Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều thiện pháp cho chúng ta".

Rồi Tôn giả Udayi vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Udayi bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con đang độc cư Thiền tịnh, sự suy tư sau đây đã khởi lên trong tâm trí con: "Nhu Lai thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều khổ pháp cho chúng ta... Nhu Lai thật sự là vị đã mang lại nhiều thiện pháp cho chúng ta".

Bạch Thế Tôn, thuở trước chúng con thường ăn buổi chiều, buổi sáng, ban ngày và phi thời. Bạch Thế Tôn, thời ấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và bảo: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ ăn ban ngày phi thời". Bạch Thế Tôn, do vậy con cảm thấy thất vọng, con cảm thấy sầu muộn, nghĩ rằng: "Những món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, các tín chủ cúng dường cho chúng ta ban ngày và phi thời. Nay Thế Tôn dạy chúng ta phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ dạy chúng ta phải từ bỏ". Bạch Thế Tôn, giữa chúng

con, những ai nhìn Thế Tôn với lòng ái mộ, với lòng tôn kính và với lòng tầm quý, liền từ bỏ ăn ban ngày phi thời.

Rồi bạch Thế Tôn, chúng con thường ăn buổi chiều và buổi sáng. Bạch Thế Tôn, thời ấy Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và bảo: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ ăn ban đêm phi thời". Bạch Thế Tôn, do vậy con cảm thấy thất vọng, con cảm thấy sầu muộn, nghĩ rằng: "Buổi ăn này gọi là có thượng vị hơn trong hai buổi ăn này của chúng ta. Thế Tôn dạy chúng ta phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ dạy chúng ta phải từ bỏ". Bạch Thế Tôn, thuở xưa có người được một món ăn cúng ban ngày bèn nói: "Hãy để món ăn này một bên, và ban đêm tất cả chúng ta cùng ăn với nhau". Bạch Thế Tôn, phàm mọi sự nấu nướng, tất cả đều làm ban đêm, rất ít làm ban ngày. Bạch Thế Tôn, giữa chúng con, những ai nhìn Thế Tôn với lòng ái mộ, với lòng tôn kính và với lòng tầm quý, liền từ bỏ ăn ban đêm phi thời.

Thuở trước, bạch Thế Tôn, các vị Tỷ-kheo thường đi khát thực trong đêm đen tối tăm, họ bước làm vào vũng nước nhớp, rơi vào vũng nước nhớp, đi làm vào hàng rào gai, đi làm vào chỗ con bò cái đang ngủ, gặp các loại đao tặc đã hành sự hay chưa hành sự, gặp các người đàn bà mời mọc một cách bất chánh.

Thuở trước, bạch Thế Tôn, con đi khát thực trong đêm đen tối tăm. Một người đàn bà đang rửa chén bát, thấy con trong khi trời chớp nhoáng, liền hoảng sợ và hét lớn: "Ôi kinh khủng thay cho tôi, có con quỷ (chạy) theo tôi!" Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, con nói với người đàn bà ấy: "Này chị, không phải quỷ đâu. Đây là Tỷ-kheo đang đứng khát thực". "Cha Tỷ-kheo hãy chết đi! Mẹ Tỷ-kheo hãy chết đi! Này Tỷ-kheo, thật tốt hơn cho Ông nếu Ông lấy con dao sắc bén của người đồ tể cắt bụng của Ông, còn hơn là vì lỗ bụng đi khát thực trong ban đêm tối tăm".

Bạch Thế Tôn, khi con nhớ như vậy, con suy nghĩ như sau: "Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều khổ pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều lạc pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều bất thiện pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều thiện pháp cho chúng ta".

Tuy vậy, này Udayi, **ở đây có một số người ngu si**; khi Ta nói: "Hãy trừ bỏ việc này", liền nói như sau: "Có sá gì sự việc tiểu tiết, nhỏ mọn này. Sa-môn này đặt quá nặng về cảm đoán đoạn giảm". **Họ không chịu từ bỏ và gây lên bất mãn chống Ta và chống những Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới.** **Sự việc ấy, này Udayi, đối với họ, trở thành một trói buộc mạnh mẽ**, một trói buộc vững chắc,

một trói buộc kiên cường, một trói buộc không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

Ví như, này Udayi, có con chim cáy, mái nhỏ bị tấm lưới bằng dây leo trói chặt, ở đây con chim có thể bị hại, hay bị bắt nhốt, hay bị chết. Này Udayi, nếu có ai nói như sau: "Con chim cáy mái nhỏ ấy bị tấm lưới làm bằng dây leo trói chặt, ở đây, con chim có thể bị sát hại, hay bị bắt nhốt, hay bị chết. Tuy vậy đối với con chim kia, lưới ấy không có chắc mạnh, lưới ấy yếu ớt, lưới ấy bị mục nát, lưới ấy không có cứng chắc". Này Udayi, ai nói như vậy có phải nói một cách chơn chánh không?

– Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, con chim cáy mái nhỏ ấy bị tấm lưới làm bằng dây leo trói chặt, ở đây con chim có thể bị sát hại, hay bị bắt nhốt, hay bị chết. Đối với con chim kia, lưới ấy là mạnh mẽ, lưới ấy là vững chắc, lưới ấy là kiên cường, lưới ấy không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

– Cũng vậy, này Udayi, ở đây, có một số người ngu si, khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ việc này", liền nói như sau: "Có sá gì việc tiểu tiết, nhỏ mọn này! Vị Sa-môn này đặt quá nặng về cấm đoán, đoạn giảm", và họ không chịu từ bỏ và gây lên bất mãn chống Ta và chống những Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới. Sự việc này, này Udayi, đối với họ trở thành một trói buộc mạnh mẽ, một trói buộc vững chắc,

một trói buộc kiên cường, một trói buộc không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

Nhưng này Udayi, **một số Thiện gia nam tử**, khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ sự việc này", liền nói như sau: "Có sá gì sự từ bỏ việc tiểu tiết, nhỏ mọn này mà Thế Tôn dạy chúng con phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ, dạy chúng con phải từ bỏ!". **Họ từ bỏ sự việc ấy, và không gây lên bất mãn chống Ta và chống các Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới.** Sau khi từ bỏ việc ấy, họ sống ít lãng xãng, lãng điệu, tùy thuộc những người khác (bồ thí), sống với một tâm như con thú rừng. Này Udayi, **như vậy đối với các vị kia, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh**, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc.

Ví như, này Udayi, một con voi của vua, có ngà dài như cán cày, to lớn, thuộc loại giống tốt, lấy bãi chiến trường làm nhà, nếu bị trói buộc bởi sự trói buộc bằng da nịt vững chắc, chỉ cần chuyển thân một cách dễ dàng, sau khi cắt đứt, bứt đứt những trói buộc ấy, có thể muốn đi chỗ nào nó muốn. Này Udayi, nếu có ai nói như sau: "Con voi của vua có ngà dài như một cán cày ấy, to lớn, thuộc loại giống tốt, lấy bãi chiến trường làm nhà, nếu bị trói buộc bởi sự trói buộc bằng da nịt vững chắc, chỉ cần chuyển thân một cách dễ dàng, sau khi cắt đứt, bứt đứt những trói buộc ấy, có thể muốn đi chỗ nào

nó muốn. Tuy vậy đối với con voi kia, sự trói buộc ấy vững chắc, sự trói buộc ấy kiên cường, sự trói buộc ấy không mục nát, một khúc gỗ to lớn". Nay Udayi, ai nói như vậy có phải nói một cách chơn chánh không?

– Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, con voi của vua có ngà dài như một cán cày ấy, to lớn, thuộc loại giống tốt, lấy bãi chiến trường làm nhà, nếu bị trói buộc bởi sự trói buộc bằng da nịt vững chắc, chỉ cần chuyển thân một cách dễ dàng, sau khi cắt đứt, bứt đứt những trói buộc ấy, có thể muốn đi chỗ nào nó muốn. Đối với con voi kia, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có kiên cường.

– Cũng vậy, này Udayi, ở đây có một số Thiện gia nam tử khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ sự việc này", liền nói như sau: "Có sá chi việc tiểu tiết, nhỏ mọn này mà Thế Tôn dạy chúng con phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ dạy chúng con phải từ bỏ!" Họ từ bỏ việc ấy, và không gây lên bất mãn chống Ta và chống các Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới. Sau khi từ bỏ việc ấy, họ sống ít lãng xảng, lãng điệu, tùy thuộc những người khác (bồ thí), sống với một tâm như con thú rừng. Nay Udayi, như vậy đối với các vị kia sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói

buộc ấy yếu ớt, sự trôi buộc ấy bị mục nát, sự trôi buộc ấy không có vững chắc.

Ví như, này Udayi, một người nghèo khổ, không có vật sở hữu, khốn cùng, có một chồi ở hư nát, mở toang cho quạ, không đẹp mắt chút nào, có một giường nằm hư nát, không đẹp mắt chút nào, các loại gạo lúa cất chứa trong một cái chum không đẹp mắt chút nào, và một bà vợ không đẹp mắt chút nào.

Người ấy thấy một Tỷ-kheo trong tịnh xá, tay chân lau rửa sạch sẽ, sau khi ăn buổi cơm ngon lành, đang ngồi trong bóng mát, hướng về tầng thượng tâm. Người ấy suy nghĩ: "An lạc thay, Sa-môn hạnh! Vô bệnh thay, Sa-môn hạnh! Vậy sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta hãy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

Nhưng người ấy **không có thể từ bỏ** cái chồi ở hư nát, mở toang cho quạ, không đẹp mắt chút nào, không có thể từ bỏ cái giường nằm hư nát, không đẹp mắt chút nào, không có thể từ bỏ các loại gạo lúa cất chứa trong một cái chum không đẹp mắt chút nào, không có thể từ bỏ bà vợ không đẹp mắt chút nào, để có thể sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Này Udayi, nếu có ai nói như sau: "Người kia, bị trôi buộc bởi những trôi buộc ấy không có thể từ bỏ cái chồi ở hư nát... không có thể từ bỏ bà vợ không

đẹp mắt chút nào để có thể sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. *Đối với người kia, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc", thời này Udayi, ai nói như vậy có phải nói một cách chân chánh không?*

– Bạch Thế Tôn, không. Người kia bị trói buộc bởi những trói buộc ấy không thể từ bỏ chòi ở hư nát, mở toang cho quạ, không đẹp mắt chút nào, không thể từ bỏ giường nằm hư nát không đẹp mắt chút nào, không thể từ bỏ các loại gạo lúa cất chứa trong một cái chum không đẹp mắt chút nào, không thể từ bỏ bà vợ không đẹp mắt chút nào, để có thể, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đối với người kia, sự trói buộc ấy vững chắc, sự trói buộc ấy kiên cường, sự trói buộc ấy không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

– Cũng vậy, này Udayi, ở đây, có một số người ngu si khi được Ta nói ra: "Hãy từ bỏ việc này", liền nói như sau: "Có sá gì sự việc tiểu tiết, nhỏ mọn này.

Vị Sa-môn này đặt quá nặng về cảm đoán, đoạn giảm! " Và họ không chịu từ bỏ và gây lên bất mãn chống Ta và chống những Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới. Sự việc này, này Udayi, đối với họ, trở thành một trói buộc mạnh mẽ, một trói buộc

vững chắc, một trói buộc kiên cường, một trói buộc không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

Ví như, này Udayi, một gia chủ hay con người gia chủ, giàu có, tài sản lớn, tiền của lớn, vô số vàng bạc chất đống, vô số gạo thóc chất đống, vô số ruộng nương chất đống, vô số đất đai chất đống, vô số thê thiếp chất đống, vô số đầy tớ nam chất đống, vô số nữ tỳ chất đống.

Vị này thấy một Tỷ-kheo trong một tinh xá, tay chân lau rửa sạch sẽ, sau khi ăn bữa cơm ngon lành, đang ngồi trong bóng mát, hướng về tăng thượng tâm. Vị này suy nghĩ: "An lạc thay, Sa-môn hạnh!

Vô bệnh thay, Sa-môn hạnh! Vậy sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta hãy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

Vị này có thể từ bỏ vô số vàng bạc chất đống, có thể từ bỏ vô số gạo thóc chất đống, có thể từ bỏ vô số ruộng nương chất đống, có thể từ bỏ vô số đất đai chất đống, có thể từ bỏ vô số thê thiếp chất đống, có thể từ bỏ vô số đầy tớ nam chất đống, có thể từ bỏ vô số nữ tỳ chất đống.

Này Udayi, nếu có ai nói như sau: "Người gia chủ hay con người gia chủ kia, bị trói buộc bởi những trói buộc ấy, có thể từ bỏ vô số vàng bạc chất đống... có thể từ bỏ vô số nữ tỳ chất đống để có thể sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đối với người kia,

sự trói buộc ấy vững chắc, sự trói buộc ấy kiên cường, sự trói buộc ấy không mục nát, một khúc gỗ to lớn". Nay Udayi, ai nói như vậy, có phải nói một cách chơn chánh không?

– Bạch Thế Tôn, không. Người kia bị trói buộc bởi những trói buộc ấy có thể từ bỏ vô số vàng bạc chất đống, có thể từ bỏ vô số gạo thóc chất đống, có thể từ bỏ vô số ruộng nương chất đống, có thể từ bỏ vô số đất đai chất đống, có thể từ bỏ vô số thê thiếp chất đống, có thể từ bỏ vô số đầy tớ nam chất đống, có thể từ bỏ vô số nữ tỳ chất đống, để có thể, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đối với người kia, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc.

– Cũng vậy, nay Udayi, ở đây, có một số Thiện gia nam tử, khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ việc này", liền nói như sau: "Có sá chi sự việc tiểu tiết, nhỏ mọn này mà Thế Tôn dạy chúng con phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ dạy chúng con phải từ bỏ!" Họ từ bỏ sự việc ấy, và không gây lên bất mãn chống Ta và chống các Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới. **Sau khi từ bỏ sự việc ấy, họ sống ít lãng xãng, lãng điệu, tùy thuộc những người khác (bồ thí), sống với một tâm như con thú rừng.** Nay Udayi, như vậy đối với họ, sự trói buộc ấy không có chắc

manh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc.

Này Udayi, có bốn hạng người có mặt trên đời.

Thế nào là bốn?

Ở đây, này Udayi, có người sống, hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vì này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, những tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y hiện hành khởi lên. Vì này chấp nhận chúng, không đoạn trừ chúng, không từ bỏ chúng, không chấm dứt chúng, không tiêu diệt chúng. Này Udayi, Ta nói: "Người này bị trói buộc, không phải không bị trói buộc". Vì sao vậy? Này Udayi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ.

Nhưng ở đây, này Udayi, có người sống, hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vì này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, những tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y hiện hành khởi lên. Nhưng vì này không chấp nhận chúng, đoạn trừ chúng, từ bỏ chúng, chấm dứt chúng, tiêu diệt chúng. Này Udayi, Ta nói: "Người này bị trói buộc, không phải không trói buộc". Vì sao vậy? Này Udayi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ".

Nhưng ở đây, này Udayi, có người sống, hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vì này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ

bỏ sanh y, các tư niệm điên đảo, các tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y, tùy lúc tùy thời hiện hành khởi lên. Nay Udayi, **niệm khởi lên chậm chạp và vị này đoạn trừ niệm ấy một cách mau chóng, từ bỏ, chấm dứt, tiêu diệt** (niệm ấy). *Này Udayi, ví như một người nhỏ hai hay ba giọt nước vào một ấm nước đun sôi cả ngày. Này Udayi giọt nước rơi một cách chậm chạp nhưng bị tiêu diệt, tiêu mất một cách mau chóng.* Cũng vậy, này Udayi, có người sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vị này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, các tư niệm điên đảo, các tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y tùy lúc, tùy thời, hiện hành khởi lên. Nay Udayi, niệm khởi lên chậm chạp và vị này đoạn trừ niệm ấy một cách mau chóng, từ bỏ, chấm dứt, tiêu diệt (niệm ấy). **Này Udayi, Ta nói: "Người này cũng bị trói buộc, không phải không bị trói buộc". Vì sao vậy? Này Udayi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ.**

Nhưng ở đây, này Udayi, có người nghĩ rằng: **"Sanh y là nguồn gốc của đau khổ", sau khi biết như vậy, vị ấy thành vô sanh y, giải thoát với sự đoạn diệt sanh y.** Này Udayi, Ta nói: **"Người này không bị trói buộc, không phải bị trói buộc". Vì sao vậy? Này Udayi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ.**

Này Udayi, có năm dục trưởng dưỡng này. Thế nào là năm?

Sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.

Tiếng do tai nhận thức,...

Hương do mũi nhận thức,...

Vị do lưỡi nhận thức,...

Xúc do thân cảm xúc, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.

Những pháp này, này Udayi, là năm dục trưởng dưỡng.

Này Udayi, phàm có lạc gì, hỷ gì khởi lên, do duyên năm dục trưởng dưỡng này, lạc hỷ ấy được gọi là dục lạc, ô uế lạc, phàm phu lạc, phi Thánh lạc, không nên thực hiện, không nên tu tập, không nên làm cho sung mãn. **Ta nói rằng lạc ấy đáng phải sợ hãi.**

Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chúng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Diệt tầm và tứ, vị ấy chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhứt tâm,... (như trên)... Thiền thứ ba... chúng và trú Thiền thứ tư. Như vậy được gọi là yếm ly lạc, độc trú lạc, tịch tịnh lạc, chánh giác lạc, cần phải thực hiện, cần phải tu tập, cần làm cho sung mãn. **Ta nói rằng lạc ấy không đáng sợ hãi.**

Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly dục... (như trên)... chúng và trú Thiền thứ nhất. **Thiền này, này Udayi, Ta nói rằng ở trong tình trạng dao động.** Và ở đây, cái gì dao động? Ở đây, **chính là tâm tứ chưa đoạn diệt, chính tâm tứ này ở trong tình trạng dao động.**

Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ... chúng và trú Thiền thứ hai. Các Thiền này, này Udayi, Ta nói rằng ở trong tình trạng dao động. Và ở đây, cái gì dao động? Ở đây **chính là hỷ lạc chưa được đoạn diệt, chính hỷ lạc này ở trong tình trạng dao động.**

Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly hỷ... chúng và trú Thiền thứ ba. Thiền này, này Udayi, Ta nói ở trong tình trạng dao động? Và ở đây cái gì dao động? Ở đây, **chính là xả lạc chưa được đoạn diệt, chính xả lạc này ở trong tình trạng dao động.**

Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo xả lạc và xả khổ... (như trên)... chúng và trú Thiền thứ tư. Thiền này, này Udayi, **Ta nói là không ở trong tình trạng dao động.**

Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chúng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ.

Thiền thứ nhất này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, vị ấy cần vượt qua cái gì? Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo diệt

tầm và tứ... (như trên)... chúng và trú Thiền thứ hai,
đây là điều vị ấy cần vượt qua.

Thiền thứ hai này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được
hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy
vượt qua đi". Và này, Udayi, vị ấy cần vượt qua cái
gì? Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly hỷ... (như trên)...
chúng và trú Thiền thứ ba, đây là điều vị ấy cần
vượt qua.

Thiền thứ ba này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được
hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy
vượt qua đi". Và này Udayi, vị ấy cần vượt qua cái
gì? Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo xả lạc... (như trên)...
chúng và trú Thiền thứ tư. Đây là điều vị ấy cần
phải vượt qua.

Thiền thứ tư này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được
hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy
vượt qua đi". Và này Udayi, vị ấy cần phải vượt qua
cái gì? Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc
tướng, diệt trừ mọi chương ngại tướng, không tác ý
đối với di tướng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là
vô biên", chúng và trú Không vô biên xứ. Đây là
điều vị ấy cần phải vượt qua.

Thiền Không vô biên xứ này, này Udayi, Ta nói:
"Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta
nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, Tỷ-kheo
vượt lên mọi Hư không vô biên xứ, nghĩ rằng:

"Thức là vô biên", chúng và trú Thức vô biên xứ.

Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.

Thiền Thức vô biên xứ này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chúng và trú Vô sở hữu xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.

Thiền Vô sở hữu xứ này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chúng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.

Thiền Phi tướng phi phi tướng xứ này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Phi tướng phi phi tướng xứ, chúng và trú Diệt thọ tướng. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.

Chính vì (Diệt thọ tướng định) này, này Udayi, mà Ta nói sự đoạn diệt của Phi tướng phi phi tướng xứ.
Này Udayi, Ông có thấy chăng, có kiết sử gì, nhỏ hay lớn mà Ta chưa nói đến sự đoạn diệt?

– Bạch Thế Tôn, không.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Udayi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn giảng.

51 VÍ DỤ CON CHÓ - Tăng II, 668

VÍ DỤ CON CHÓ – Tăng II, 668

1. Có năm cừu Bà-la-môn pháp này, này các Tỷ-kheo, nay được thấy giữa các con chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn. Thế nào là năm?

2. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, các nam Bà-la-môn chỉ đi đến nữ Bà-la-môn, không đến phi nữ Bà-la-môn. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các nam Bà-la-môn đi đến nữ Bà-la-môn, cũng đi đến phi nữ Bà-la-môn. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các con chó đực chỉ đi đến con chó cái, không đi đến không phải con chó cái. Đây là cừu Bà-la-môn pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, nay chỉ được thấy giữa các loài chó, không thấy được giữa các Bà-la-môn.

3. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, các nam Bà-la-môn chỉ đi đến nữ Bà-la-môn trong thời có thể thụ thai, không có đi trong thời kỳ không thể thụ thai. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các nam Bà-la-môn đi đến nữ Bà-la-môn trong thời có thể thụ thai và cũng trong thời không thể thụ thai. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các con chó đực chỉ đi đến con chó cái trong thời có thể thụ thai, không đi đến trong thời kỳ không thể thụ thai. Đây là cừu Bà-la-môn pháp thứ hai, này các Tỷ-

kheo, nay chỉ được thấy giữa các loài chó, không thấy được giữa các Bà-la-môn.

4. Thuở xưa, nay các Tỷ-kheo, **các nam Bà-la-môn không mua, không bán nữ Bà-la-môn, cộng trú trong tình tương ái, tiếp tục trong sự thuận hòa.** Ngày nay, nay các Tỷ-kheo, các nam Bà-la-môn mua và bán nữ Bà-la-môn, cộng trú trong tình ái, tiếp tục trong sự thuận hòa. Ngày nay, nay các Tỷ-kheo, các con chó đực không mua, không bán con chó cái cộng trú trong tình tương ái, tiếp tục trong sự thuận hòa. Đây là cựu Bà-la-môn pháp thứ ba, nay các Tỷ-kheo, nay chỉ được thấy giữa các loài chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn.

5. Thuở xưa, nay các Tỷ-kheo, **các Bà-la-môn không cất chứa tài sản, ngũ cốc, bạc và vàng.** Ngày nay, nay các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn cất chứa tài sản, ngũ cốc, bạc và vàng. Ngày nay, nay các Tỷ-kheo, các loài chó không cất chứa tài sản, ngũ cốc, bạc và vàng. Đây là cựu Bà-la-môn pháp thứ tư, nay các Tỷ-kheo, nay chỉ được thấy giữa các loài chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn.

6. Thuở xưa, nay các Tỷ-kheo, **các Bà-la-môn vào buổi chiều tìm đồ ăn buổi chiều, vào buổi sáng tìm đồ ăn buổi sáng.** Ngày nay, nay các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn ăn cho đến no nê thỏa bụng, rồi lấy các đồ ăn

còn lại và mang đi. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các con chó, vào buổi chiều tìm đồ ăn buổi chiều, vào buổi sáng tìm đồ ăn buổi sáng. Đây là cựu Bà-la-môn pháp thứ năm, này các Tỷ-kheo, nay chỉ được thấy giữa các loài chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn.

Năm cựu Bà-la-môn pháp này, này các Tỷ-kheo, nay được thấy giữa các loài chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn.

52 VÍ DỤ CON RẰN - 22 Trung I, 295

KINH VÍ DỤ CON RẰN (*Alaggadupama sutta*)

– Bài kinh số 22 – *Trung I*, 295

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bảy giờ, *Tỷ-kheo tên là Arittha*, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "*Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chương ngại pháp, thật sự không có chương ngại gì*".

Một số đông Tỷ-kheo nghe như sau: "Tỷ-kheo tên Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chương ngại pháp, thật sự không có chương ngại gì". Rồi những Tỷ-kheo ấy đi đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khi đến xong, liền nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng như sau:

– Này Hiền giả Arittha, có đúng sự thật rằng, Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chương ngại gì"?

– Thật sự là vậy, chư Hiền. Theo như tôi hiểu... không có chương ngại gì.

Rồi những Tỷ-kheo ấy muốn Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cất vấn, nạn vấn lý do, thảo luận:

- "Hiền giả Arittha, chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy. Hiền giả Arittha, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng tự đủ bị chương ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như một miếng thịt... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như bó đuốc cỏ khô... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như hố than hừng... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như cơn mộng... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như vật dụng cho mượn... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như trái cây... Thế Tôn đã thuyết các dục vọng được ví như lò thịt... Thế Tôn đã thuyết các dục vọng được

ví như gậy nhọn... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít khổ nhiều, náo nhiễu và do vậy, nguy hiểm càng nhiều hơn".

Tỷ-kheo Arittha xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, dầu được các Tỷ-kheo ấy cật vấn, chất vấn thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu, chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy: "Thật sự là vậy, theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chương ngại gì".

Vì các Tỷ-kheo không thể làm cho Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, nên họ đến chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, những Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chương ngại gì". Bạch Thế Tôn, chúng con nghe: "Tỷ-kheo tên Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng... không có chương ngại gì". Bạch Thế Tôn, rồi chúng con đi đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khi đến xong, liền nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng:

"– Này Hiền giả Arittha, có đúng sự thật chẳng? Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chương ngại gì".

Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, nói với chúng con như sau:

"– Thật sự là vậy. Chư Hiền, theo như tôi hiểu... thật sự không có chương ngại gì.

Bạch Thế Tôn, chúng con muốn khiến Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cất ván, nạn ván lý do, thảo luận:

– "Hiền giả Arittha, chớ nói như vậy! Chớ xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy, Hiền giả Arittha, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn, thuyết chương đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chương ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề

huấn luyện chim ưng, dầu được chúng con cất vắn, nạn vắn lý do, thảo luận, vắn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu, chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy: "Thật sự là vậy, theo tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chướng ngại gì". Bạch Thế Tôn, vì chúng con không thể làm cho Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, nên chúng con đến hỏi Thế Tôn ý nghĩa này.

Rồi Thế Tôn cho gọi một Tỷ-kheo khác:

– Nay Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta gọi Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng rằng: "Hiền giả Arittha, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả".

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, sau khi đến, liền nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng:

– Hiền giả Arittha, bậc Đạo sư gọi Hiền giả.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, đáp lời Tỷ-kheo ấy, đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau

khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, đang ngồi xuống một bên:

– *Này Arittha, có thật chẳng, Ông khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chương ngại gì"?*

– Thật sự là vậy, bạch Thế Tôn. Theo như con hiểu, thật sự không có chương ngại gì.

– *Này kẻ ngu si kia, sao Ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy? Này kẻ ngu si kia, có phải chẳng, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng tự đủ bị chương ngại?*

– *Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Ta đã thuyết các dục được ví như miếng thịt... được ví như bó đuốc cỏ khô... được ví như hố than hồng... được ví như cơn mộng... được ví như vật dụng cho mượn... được ví như trái cây... được ví như lò thịt... được ví như gậy nhọn... Ta đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng*

nhiều hơn.

- *Và này kẻ ngu si kia, không những Ông xuyên tạc Ta, vì Ông đã tự chấp thủ sai lạc, Ông tự phá hoại Ông và tạo nên nhiều tổn đức. Này kẻ ngu si kia, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho Ông.*

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– *Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng này có thể khởi lên tia lửa sáng gì trong pháp luật này không?*

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể được! Không thể được, bạch Thế Tôn.

Được nói vậy, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng. Rồi Thế Tôn, sau khi biết được Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng đang im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng, bèn nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng:

– Này kẻ ngu si kia, người ta sẽ được biết Ông qua ác tà kiến của chính Ông. Ở đây, Ta sẽ hỏi các

Tỷ-kheo.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Tỷ-kheo, các Ông có hiểu pháp Ta thuyết giảng, giống như Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng này, không những đã xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc, mà còn tự phá hoại mình và gây nên nhiều tổn đức?

– Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp; và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chương ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn, Thế Tôn đã thuyết các dục ví như khúc xương... (như trên)... Thế Tôn đã thuyết các dục ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

– Lành thay, chư Tỷ-kheo! Lành thay, chư Tỷ-kheo!

Các Ông hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy. Chư Tỷ-kheo, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp, và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chương ngại. Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều

hơn. Ta đã thuyết các dục ví như khúc xương... (như trên)... Ta đã thuyết các dục ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, náo nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Nhưng Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, không những xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc mà còn tự phá hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức, *và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh, đau khổ lâu ngày cho kẻ ngu si ấy*. Thật sự, này các Tỷ-kheo, **sự kiện này không xảy ra, người ta có thể thọ dụng các dục ngoài các dục, ngoài các dục tưởng, ngoài các dục tâm.**

Chư Tỷ-kheo, ở đây có một số người ngu si học pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bồn sanh, Vị tăng hữu pháp, Phương quảng. *Sau khi học các pháp này, họ không quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa không được trí tuệ quán sát, nên không trở thành rõ ràng. Họ học các pháp chỉ vì lợi ích, muốn chỉ trích người khác, chỉ vì lợi ích, muốn khoái khẩu biện luận, và họ không đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy vì nắm giữ sai lạc nên đưa họ đến bất hạnh, đau khổ lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì nắm giữ sai lạc các pháp.*

Chư Tỷ-kheo, ví như một người ư muốn rắn

nước, tìm cầu rắn nước, đi khắp chỗ để tìm rắn nước. Người đó thấy một con rắn nước lớn, và người đó bắt con rắn ấy ở lưng hay ở đuôi. Con rắn ấy có thể quay lại cắn người đó nơi tay, nơi cánh tay hay ở một phần nào khác của cơ thể, và người đó có thể do nhân này mà bị chết hay bị đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì nắm bắt con rắn một cách sai lạc. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, ở đây, một số người ngu si học pháp... Chư Tỷ-kheo, vì sự chấp thủ các pháp sai lạc.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, một số Thiện nam tử học pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bỏn sanh, Vị tăng hữu pháp, Phương quảng. Sau khi học các pháp này, họ quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa được trí tuệ quán sát, nên trở thành rõ ràng. Họ học pháp không vì lợi ích, muốn chỉ trích người khác, không vì lợi ích, muốn khoái khẩu biện luận, và họ đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy, vì khéo nắm giữ, nên đưa họ đến hạnh phúc, an lạc lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ các pháp.

Chư Tỷ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước đi khắp chỗ để tìm rắn nước. Người đó thấy một con rắn nước lớn. Người đó có

thể khéo đề con rắn nước với cây gậy có nạng. Sau khi khéo đề với cây gậy có nạng, người đó có thể khéo nắm giữ cổ rắn. Chư Tỷ-kheo, dầu cho con rắn nước ấy có thể cuốn thân nó xung quanh tay, hay cánh tay, hay một thân phần nào khác, người đó cũng không vì nhân duyên ấy đi đến chỗ chết hay đến sự đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ con rắn nước vậy. Cũng vậy, chư Tỷ-kheo, ở đây, một số Thiện nam tử học pháp... chư Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ các pháp vậy. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng và thọ trì như vậy. Nếu có ai không hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng thì ở nơi đây, các Ông hãy hỏi Ta hay hỏi những bậc Tỷ-kheo trí thức.

Chư Tỷ-kheo, **Ta sẽ giảng pháp cho các Ông, ví như chiếc bè để vượt qua, không phải để nắm giữ lấy.** Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, ví như có người đang đi trên con đường lớn dài, đến một vùng nước rộng, bờ bên này nguy hiểm và hải hùng, bờ bên kia an ổn và không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua

hay không có cầu bắc qua từ bờ này đến bờ kia. Người đó tự suy nghĩ: *"Đây là vùng nước rộng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn và không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua hay không có cầu bắc qua từ bờ này đến bờ kia. Nay ta hãy thu góp cỏ, cây, nhánh, lá, cột lại thành chiếc bè, và dựa trên chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân, có thể vượt qua bờ bên kia một cách an toàn"*. Chư Tỷ-kheo, rồi người đó thu góp cỏ, cây, nhánh, lá cột lại thành chiếc bè, và nhờ chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Khi qua bờ bên kia rồi, Người đó suy nghĩ: *"Chiếc bè này lợi ích nhiều cho ta, nhờ chiếc bè này, ta tinh tấn dùng tay chân để vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Nay ta hãy đội chiếc bè này trên đầu hay vác nó trên vai, và đi đến chỗ nào ta muốn"*. Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Chư Tỷ-kheo, **nếu người đó làm như vậy, thì có làm đúng với sở dụng của chiếc bè chăng?**

– Bạch Thế Tôn, không.

– *Chư Tỷ-kheo, người đó phải làm thế nào cho đúng sở dụng của chiếc bè?* Ở đây, chư Tỷ-kheo, người đó sau khi vượt qua bờ bên kia, có thể suy nghĩ: *"Chiếc bè này lợi ích nhiều cho ta. Nhờ chiếc bè này, ta tinh tấn dùng tay chân **đã vượt qua** bờ bên*

kia một cách an toàn. Nay ta hãy kéo chiếc bè này lên trên bờ đất khô, hay nhận chìm xuống nước, và đi đến chỗ nào ta muốn". Chư Tỷ-kheo, làm như vậy, người đó làm đúng sử dụng chiếc bè ấy. Cũng vậy, này chư Tỷ-kheo, Ta thuyết pháp như chiếc bè để vượt qua, không phải để nắm giữ lấy. Chư Tỷ-kheo, các Ông cần hiểu ví dụ cái bè... **Chánh pháp còn phải bỏ đi, huống nữa là phi pháp.**

Này các Tỷ-kheo, có **sáu kiến xứ**. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phạm phu, không đi đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đi đến yết kiến các bậc Chơn nhơn, không thuần thực pháp các bậc Chơn nhơn, không tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, xem **sắc** pháp: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem **cảm thọ**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem **tưởng**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem các **hành**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem cái gì được thấy, được nghe, được cảm xúc, được ý thức, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", và bất cứ kiến xứ nào đều nói

rằng: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ, trú như thế này cho đến mãi mãi", xem như vậy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

Và này chư Tỷ-kheo, có vị Đa văn Thánh đệ tử đi đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thực các pháp bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến yết kiến các bậc Chơn nhơn, thuần thực pháp các bậc Chơn nhơn, tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, xem sắc pháp: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem cảm thọ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem tưởng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem các hành: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem cái gì được thấy, được nghe, được cảm xúc, được ý thức, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", và bất cứ kiến xứ nào đều nói rằng: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi", xem như vậy là: "Cái này không phải của tôi, cái này

không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".
Vị này do quán sát như vậy, đối với sự vật chẳng thật
có nên không có lo âu, phiền muộn.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác bạch Thế
Tôn:

*– Có thể có cái gì không thực có ở ngoài, có thể
gây lo âu phiền muộn?*

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, có người nghĩ
như sau: "Cái gì chắc chắn đã là của tôi, nay chắc
chắn không còn là của tôi. Cái gì chắc chắn có thể là
của tôi, chắc chắn tôi không được cái ấy". Người đó
sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đấm ngực, đi đến bất
tĩnh. Này Tỷ-kheo, như vậy, có cái không thực có ở
ngoài, có thể gây lo âu, phiền muộn.

*– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có
ở ngoài, có thể không gây lo âu phiền muộn?*

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, này Tỷ-kheo,
có người không nghĩ như sau: "Cái gì chắc chắn đã
là của tôi, nay chắc chắn không còn là của tôi. Cái gì

chắc chắn có thể là của tôi, chắc chắn tôi không được cái ấy". Người đó không sầu muộn, than vãn, khóc lóc, không đắm ngực, không đi đến bất tỉnh. Như vậy, này Tỷ-kheo, có cái không thực có ở ngoài, không gây lo âu phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở trong có thể gây ra lo âu phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, này Tỷ-kheo, có người có (tà) kiến như sau: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú không biến chuyển. Tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi". Người này nghe Như Lai hay đệ tử Như Lai thuyết pháp để bạt trừ tất cả kiến xứ, cố chấp, thiên chấp, thiên kiến, tùy miên, sự tịnh chỉ mọi hành động, sự từ bỏ mọi sanh y, sự diệt trừ khát ái đưa đến ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Người đó có thể nghĩ như sau: "Chắc chắn ta sẽ bị đoạn diệt, chắc chắn ta sẽ bị hoại diệt, chắc chắn ta sẽ không tồn tại". Người đó sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đắm ngực, đi đến bất tỉnh. Này Tỷ-kheo, như vậy là có cái không thực có ở trong có thể gây ra lo âu phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có

ở trong, không gây ra lo âu, phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, có người không có (tà) kiến như sau: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi". Người này nghe Như Lai hay đệ tử Như Lai thuyết pháp để bạt trừ tất cả kiến xứ, cố chấp, thiên chấp, thiên kiến, tùy miên, sự tịnh chi mọi hành động, sự từ bỏ mọi sanh y, sự diệt trừ khát ái để đưa đến ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Vị ấy không nghĩ như sau: "Chắc chắn ta sẽ bị đoạn diệt, chắc chắn ta sẽ bị hoại diệt, chắc chắn ta sẽ không tồn tại". Vị ấy không sầu muộn, than vãn, khóc lóc; vị ấy không đăm ngực, không đi đến bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, như vậy là có cái không thực có ở trong, không gây ra lo âu, phiền muộn.

*Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể **nắm giữ một vật sở hữu** gì, và vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi không?*

Chư Tỷ-kheo, các Ông có thể thấy một vật sở hữu nào được nắm giữ và vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không

chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy một vật sở hữu được nắm giữ nào, mà vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi.

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể chấp thủ Ngã luận thủ nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Ngã luận thủ nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Bạch Thế Tôn không.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy Ngã luận thủ nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

Này các Tỷ-kheo, các Ông có kiến y nào, mà kiến y ấy được y chỉ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy kiến y nào, mà kiến y ấy được y chỉ như vậy lại không khởi lên sâu, bi, khổ, ưu, não không?

– Bạch Thế Tôn, không

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy một kiến y nào, mà kiến y ấy được y chỉ như vậy, lại không khởi lên sâu, bi, khổ, ưu, não.

Chư Tỷ-kheo, nếu có ngã thời có ngã sở thuộc của tôi không?

– Bạch Thế Tôn, có.

Chư Tỷ-kheo, nếu có ngã sở thuộc, thời có ngã của tôi không?

– Bạch Thế Tôn, có.

– Chư Tỷ-kheo, nếu ngã và ngã sở thuộc không thể được chấp nhận là thường còn, thường hằng, thì kiến xứ này: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết tôi sẽ thành thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi". *Này các Tỷ-kheo, kiến xứ ấy là hoàn toàn, triệt để chẳng ngu si không?*

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể hoàn toàn, triệt để chẳng ngu si được!

– *Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?*

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thì có hợp lý chẳng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, **cảm thọ** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại thì có

hợp lý chẳng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi... tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, **tướng** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường...?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, **các hành** là thường hay vô thường...

- Chư Tỷ-kheo, **thức** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, khổ.

– Cái gì vô thường, khổ thì có hợp lý chẳng, khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Do vậy, này các Tỷ-kheo, **bất cứ sắc pháp nào, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc pháp là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là của tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", cần phải như thật quán với chánh trí tuệ.** Bất cứ cảm thọ nào... Bất cứ tưởng nào... Bất cứ hành nào... Bất cứ thức nào, quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", cần phải như thật quán với chánh trí tuệ.

Chư Tỷ-kheo, nhờ thấy vậy, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly nên ly tham. Do ly tham, nên được giải thoát. Trong sự giải thoát có trí khởi lên, biết được đã giải thoát. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui tại đây với một đời sống khác".

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là vị đã vất bỏ đi các chương ngại vật, là vị đã lấp đầy các thông hào, là vị đã nhổ lên cột trụ, là vị đã mở tung các lễ khóa, là bậc Thánh đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ

lụy.

Và thế nào là Tỷ-kheo *đã vất bỏ đi các chương ngại?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, là đã đoạn trừ vô minh, cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã vất bỏ đi các chương ngại.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *đã lấp đầy các thông hào?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ tái sanh và sự luân chuyển sanh tử, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã lấp đầy thông hào.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *đã nhỏ lên cột trụ?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ khát ái, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy

là Tỷ-kheo đã nhổ lên cột trụ.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *đã mở tung các lẻ khóa?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ **năm hạ phần kiết sử**, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã mở tung các lẻ khóa.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bậc Thánh, *đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ **ngã mạn**, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là vị Tỷ-kheo bậc Thánh, đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã giải thoát như vậy, thì chư Thiên ở Đệ thích Thiên giới, Phạm thiên giới, Sanh chủ giới sẽ **không tìm được dấu vết của Tỷ-kheo ấy**, nếu nghĩ rằng: "Y ở đây, có thức của Như Lai". Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, **Ta nói ngay ở hiện tại, một Như Lai không thể tìm thấy dấu vết".**

Chư Tỷ-kheo, Ta nói như vậy, thuyết như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn xuyên tạc Ta một cách phi chơn, hồ đồ, hư vọng, không thực: "*Sa-môn Gotama chủ trương chủ nghĩa hư vô, đề cao đoạn diệt, hủy diệt, sự tiêu diệt các hữu tình*". Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không là như vậy, Ta không nói như vậy, Ta không như các Sa-môn, Bà-la-môn ấy đã xuyên tạc một cách phi chơn, hồ đồ, hư vọng, không thật: "*Sa-môn Gotama chủ trương chủ nghĩa hư vô, đề cao đoạn diệt, hủy diệt, sự tiêu diệt các hữu tình*". **Chư Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ.**

- Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây những người khác nhiếc mắng, phỉ báng, làm cho Như Lai tức giận, thì này các Tỷ-kheo, ở đây, Như Lai không có sân hận, không có bất mãn, tâm không phần nộ.
- Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây, những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai không có hoan hỷ, sung sướng, Tâm không thích thú.
- Chư Tỷ-kheo, nếu những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai suy nghĩ: "**Đây là**

điều xưa kia đã từng biết rõ: ở đây là trách nhiệm Ta phải làm".

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác nhiếc mắng, phỉ báng, làm cho các Ông tức giận, ở đây các Ông chớ có sân hận, bất mãn, **tâm chớ khởi phần nộ.**

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái cúng dường các Ông, thì ở đây, các Ông chớ có hoan hỷ, sung sướng, **tâm chớ sanh thích thú.**

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái cúng dường các Ông, thì ở đây, các Ông hãy suy nghĩ: "*Đây là điều xưa kia đã từng biết rõ, đây là những trách nhiệm ta phải làm*".

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, các Ông hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông?

- Chư Tỷ-kheo, **sắc** không phải của các Ông, hãy từ bỏ sắc. Các Ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

- Chư Tỷ-kheo, **thọ** không phải của các Ông, hãy từ bỏ thọ. Các Ông từ bỏ thọ sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **tướng** không phải của các Ông, hãy từ bỏ tướng. Các Ông từ bỏ tướng sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **các hành** không phải của các Ông, hãy từ bỏ các hành. Các Ông từ bỏ các hành sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **thức** không phải của các Ông, hãy từ bỏ thức. Các Ông từ bỏ thức sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Trong rừng Jetavana này, nếu có người thâu lượm cỏ, cây, nhánh, lá rồi đốt hay làm với chúng tùy theo ý muốn. Các Ông có nghĩ chẳng? Người ấy thâu lượm chúng ta, đốt chúng ta hay làm với chúng ta tùy theo ý muốn?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, **vì nó không phải tự ngã hay không phải sở thuộc của ngã.**

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, các Ông hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỷ-kheo, và cái gì không phải của các Ông? Chư Tỷ-kheo, sắc không phải của các Ông, hãy từ bỏ sắc. Các Ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỷ-kheo, thọ... (như trên)... Chư Tỷ-kheo tưởng... (như trên)... Chư Tỷ-kheo, hành... Chư Tỷ-kheo, thức không phải của các Ông, hãy từ bỏ thức. Các Ông từ bỏ thức sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng, làm cho tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vải quần cũ.

- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, làm tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vải quần cũ, nên những vị Tỷ-kheo, là **bậc A-la-hán**, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, việc nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, lý tưởng đã thành đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được giải thoát nhờ chánh trí, **vòng luân chuyển (sanh tử) của những vị này không thể chỉ bày**. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vải quần cũ.

- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, được loại trừ các vãi quần cũ, nên những Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, thì những vị này thành các **vị hóa sanh**, nhập diệt tại đây, không còn phải trở lui vào đời này nữa. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.
- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ, nên những Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ ba kiết sử, đã làm cho muội lược tham sân si, thì tất cả những vị ấy thành **bậc Nhất lai**, chỉ đến đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.
- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ, nên những Tỷ-kheo nào đoạn trừ ba kiết sử, thì tất cả những vị ấy trở thành **bậc Dư lưu**, không còn bị đọa lạc ác thú, quyết định hướng đến chánh giác. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.
- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ, nên những Tỷ-kheo nào là những vị tùy pháp hành, tùy tín hành, thì tất cả

những vị này sẽ **hướng về chánh giác**, chư Tỷ-kheo, như vậy pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ khỏi các vãi quần cũ.

- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, làm cho tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vãi quần cũ, nên những vị nào **chỉ đủ lòng tin nơi Ta, chỉ đủ lòng thương mến đối với Ta, thì tất cả những vị ấy được hướng về chư Thiên.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Những Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

53 VÍ DỤ CÁI CỬA - 21 Trung I, 277

KINH VÍ DỤ CÁI CỬA (*Kakacupama sutta*)

– Bài kinh số 21 – *Trung I*, 277

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Tôn giả Moliyaphagguna sống liên hệ với các Tỷ-kheo ni một cách quá độ. Tôn giả Moliyaphagguna sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni như sau: Nếu có Tỷ-kheo nào, trước mặt Tôn giả Moliyaphagguna nói xấu các Tỷ-kheo-ni ấy, Tôn giả Moliyaphagguna liền phẫn nộ, bất mãn, vắn tội ngay; nếu có Tỷ-kheo nào, trước mặt các Tỷ-kheo ni ấy, nói xấu Tôn giả Moliyaphagguna, các Tỷ-kheo ni ấy liền phẫn nộ, bất mãn, vắn tội ngay. Tôn giả Moliyaphagguna sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni như vậy. Có một Tỷ-kheo khác đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Moliyaphagguna sống liên hệ với các Tỷ-kheo ni một cách quá độ. Bạch Thế Tôn, Tôn giả Moliyaphagguna sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni như sau: Nếu có Tỷ-kheo nào, trước mặt Tôn giả Moliyaphagguna nói xấu các Tỷ-kheo-ni ấy, Tôn giả Moliyaphagguna liền phẫn nộ, bất mãn và vắn tội ngay; nếu có Tỷ-kheo nào, trước mặt các Tỷ-kheo ni ấy, nói xấu Tôn giả Moliyaphagguna, các Tỷ-kheo-ni ấy liền phẫn nộ, bất mãn và vắn tội ngay. Bạch Thế Tôn, Tôn giả Moliyaphagguna sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni một cách quá độ như vậy.

Thế Tôn gọi một Tỷ-kheo khác và bảo:

– Này Tỷ-kheo, hãy đi, nhân danh Ta, cho gọi Tỷ-kheo Moliyaphagguna: "Hiền giả Phagguna bậc Đạo Sư gọi Hiền giả".

– Bạch Thế Tôn, vâng!

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến chỗ Tôn giả Moliyaphagguna, khi đến xong, liền thưa Tôn giả Moliyaphagguna:

– Hiền giả Moliyaphagguna, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả.

– Vâng, Hiền giả.

Tỷ-kheo Moliyaphagguna vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đến chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Moliyaphagguna đang ngồi xuống một bên:

– Này Phagguna, *có đúng sự thật không, như lời người ta đồn là* Ông sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni một cách quá độ. Người ta đồn Ông sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni như sau: "Nếu Tỷ-kheo nào, trước mặt Ông nói xấu các Tỷ-kheo-ni ấy, Ông liền phần nộ, bất mãn, vẩn tội ngay; nếu Tỷ-kheo nào, trước mặt Tỷ-kheo-ni ấy, nói xấu Ông, các Tỷ-kheo-ni ấy liền phần nộ, bất mãn, vẩn tội ngay". *Này Phagguna, có phải Ông sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni như vậy?*

– Bạch Thế Tôn, có như vậy.

– Này Phagguna, có phải Ông là Thiện nam tử, vì lòng tin, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Này Phagguna, thật không xứng đáng cho Ông, một Thiện nam tử, vì lòng tin đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, mà sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni một cách quá độ như vậy.

- Do vậy, này Phagguna, nếu có ai trước mặt Ông, **nói xấu** các Tỷ-kheo-ni ấy, này Phagguna, Ông phải từ bỏ những dục liên hệ đến thế tục, những tư duy liên hệ đến thế tục. Này Phagguna, Ông phải học tập như sau: *"Mong rằng tâm của ta sẽ không bị biến nhiễm! Mong rằng ta sẽ không nói những lời ác ngữ! Mong rằng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, không ôm lòng sân hận!"* Này Phagguna, Ông phải học tập như vậy.
- Do vậy, này Phagguna, nếu có ai trước mặt Ông, **lấy tay đánh** những Tỷ-kheo-ni ấy, lấy đất ném, lấy gậy đập, lấy gươm đánh, này Phagguna, Ông phải từ bỏ những dục... không ôm lòng sân hận. Này Phagguna, Ông phải học tập như vậy.
- Do vậy, này Phagguna, nếu có ai trước mặt Ông nói xấu (ai), này Phagguna, Ông phải từ bỏ những dục... không ôm lòng sân hận. Này Phagguna, Ông phải học tập như vậy.
- Do vậy, này Phagguna, nếu có ai trước mặt Ông lấy tay đánh, lấy đất ném, lấy gậy đập, lấy gươm đánh, này Phagguna, Ông phải từ bỏ những dục liên hệ đến thế tục, những tư duy liên hệ đến thế tục. Này Phagguna, Ông phải học tập như sau: *"Mong rằng tâm của ta sẽ không bị biến nhiễm!"*

Mong rằng ta sẽ không nói những lời ác ngữ!
Mong rằng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm
từ bi, không ôm lòng sân hận!" Nay Phagguna,
Ông phải học tập như vậy.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, một thời các Tỷ-kheo của
Ta có tâm rất thuần thực hoan hỷ. Nay các Tỷ-kheo,
ở đây, Ta bảo các Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, Ta theo
hạnh nhất tọa thực. Chư Tỷ-kheo, sống theo hạnh
nhất tọa thực, Ta cảm thấy **không bệnh tật, không
ôm đau, nhẹ nhàng, khang kiện và sảng khoái**.
Chư Tỷ-kheo, các Người hãy sống theo hạnh nhất
tọa thực. Chư Tỷ-kheo, các Người theo hạnh nhất tọa
thực thời các Người sẽ cảm thấy không bệnh tật,
không ôm đau, nhẹ nhàng, khang kiện và sảng khoái.
Chư Tỷ-kheo, Ta không cần phải giảng dạy gì cho
các Tỷ-kheo ấy; chư Tỷ-kheo, Ta chỉ cần khơi dậy
ức niệm nơi các Tỷ-kheo ấy.

*Chư Tỷ-kheo, ví như trên đất bằng, tại chỗ ngã
tư, có một chiếc xe đang đậu, thắng với ngựa hay, có
roi ngựa đặt ngang sẵn sàng. Có người mã thuật sư
thiện xảo, người đánh xe điều ngự các con ngựa
đáng được điều ngự, leo lên xe ấy, tay trái nắm lấy
dây cương, tay mặt cầm lấy roi ngựa, có thể đánh xe*

ngựa ấy đi tới đi lui, tại chỗ nào và như thế nào, theo ý mình muốn. Cũng vậy chư Tỷ-kheo, Ta không cần phải giảng dạy gì cho các Tỷ-kheo ấy; chư Tỷ-kheo, Ta chỉ cần khơi dậy ức niệm nơi các Tỷ-kheo ấy.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ bất thiện, hãy nỗ lực đối với các thiện pháp, như vậy các Người mới thành tựu sự trưởng thành, hưng thịnh, lớn mạnh trong pháp luật này. *Chư Tỷ-kheo, cũng như gần một thôn làng hay thị trấn nhỏ, có ngôi rừng cây tala lớn, ngôi rừng bị các cây leo y lan bao phủ. Có một người đến khu rừng này, muốn lợi ích cho ngôi rừng, muốn hạnh phúc, muốn an ổn khỏi các ách phược cho ngôi rừng. Người ấy chặt đứt các nhánh cây cong thiếu hẳn sinh lực, vát chúng ra khỏi ngôi rừng, dọn dẹp trong rừng sạch sẽ. Người ấy săn sóc kỹ lưỡng các nhánh cây tala thẳng thắn, khéo mọc. Chư Tỷ-kheo, sau một thời gian, ngôi rừng như vậy được trưởng thành, hưng thịnh, lớn mạnh.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các Người hãy từ bỏ bất thiện, hãy nỗ lực đối với các thiện pháp, như vậy các Người mới thành tựu sự trưởng thành, hưng thịnh, lớn mạnh trong pháp luật này.

Chư Tỷ-kheo, thuở xưa, tại thành Savatthi này có **nữ gia chủ tên là Vedehika**. Chư Tỷ-kheo, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được khởi lên về nữ gia chủ

Vedehika: "*Nữ gia chủ Vedehika là hiền thực, nữ gia chủ Vedehika là nhu thuận; nữ gia chủ Vedehika là ôn hòa*". Chư Tỷ-kheo, nữ gia chủ Vedehika có người *nữ tỳ tên là Kali*, người này khéo tay, siêng năng, và làm việc cẩn thận chu toàn. Chư Tỷ-kheo, nữ tỳ Kali khởi lên ý nghĩ: "Chủ của ta được tiếng đồn tốt đẹp khởi lên như sau: "*Nữ gia chủ Vedehika là hiền thực; nữ gia chủ Vedehika là nhu thuận; nữ gia chủ Vedehika là ôn hòa*". *Không biết nữ chủ của ta có nội sân mà không tỏ lộ hay không có nội sân, hay vì công việc ta-làm cẩn thận chu toàn nên nữ chủ ta có nội sân nhưng không tỏ lộ, không phải không có. Vậy ta hãy thử nữ chủ của ta!*" Chư Tỷ-kheo, rồi nữ tỳ Kali sáng ngày sau dậy thật trễ. Chư Tỷ-kheo, nữ gia chủ Vedehika nói với nữ tỳ Kali:

"— Này Kali!

"— Thưa Nữ chủ, có việc gì?

"— Sao hôm nay Ngươi dậy trễ vậy?

"— Thưa nữ chủ, có việc gì đâu?

"— Thật sự không có việc gì à? *Ác nữ tỳ kia, hôm nay Ngươi dậy trễ!*". Và nữ chủ phần nộ, bất mãn, trừng mắt.

Chư Tỷ-kheo, nữ tỳ Kali suy nghĩ: "Nữ chủ của ta thật sự có nội sân nhưng không tỏ lộ, không phải không có. Vì những công việc ta-làm cẩn thận chu toàn, nên nữ chủ của ta tuy có nội sân nhưng không tỏ lộ, không phải không có. Vậy Ta hãy thử thêm nữa nữ chủ của ta!" Chư Tỷ-kheo, rồi nữ tỳ Kali ngày sau lại dậy trễ hơn nữa. Chư Tỷ-kheo, nữ chủ Vedehika nói với nữ tỳ Kali:

"– Này Kali!

"– Thưa Nữ chủ, có việc gì?

"– Sao hôm nay Ngươi dậy trễ vậy?

"– Thưa Nữ chủ, có việc gì đâu?

"– Thật sự không có việc gì à? Ác nữ tỳ kia, hôm nay Ngươi dậy trễ!". **Và nữ chủ phần nộ, bất mãn, thốt lên những lời bất mãn.**

Chư Tỷ-kheo, nữ tỳ Kali suy nghĩ: "Nữ chủ của ta thật sự có nội sân nhưng không tỏ lộ, không phải không có. Vì những công việc ta-làm cẩn thận chu toàn nên nữ chủ của ta tuy có nội sân nhưng không tỏ lộ, không phải không có. Vậy ta hãy thử thêm nữa nữ chủ của ta!"

Chư Tỷ-kheo, rồi nữ tỳ Kali sáng hôm sau lại dậy trễ hơn nữa. Chư Tỷ-kheo, nữ chủ Vedehika nói với nữ tỳ Kali:

"– Nay Kali!

"– Thưa Nữ chủ, có việc gì?

"– Sao hôm nay Ngươi dậy trễ vậy?

"– Thưa Nữ chủ, có việc gì đâu?

"– Thật sự không có việc gì à? Ác nữ tỳ kia, hôm nay Ngươi dậy trễ!". Rồi phẫn nộ, không hoan hỷ, nàng cầm cái then gài cửa, đánh một cú trên đầu nữ tỳ khiến bể đầu. Chư Tỷ-kheo, nữ tỳ Kali, với đầu bể máu chảy, liền đi kể lể với các nhà lán giềng:

"– Hãy xem việc làm của nữ chủ hiền thực! Hãy xem việc làm của nữ chủ nhu thuận! Hãy xem việc làm của nữ chủ ôn hòa! Sao nữ chủ nói với nữ tỳ độc nhất: "Hôm nay Ngươi dậy trễ", rồi phẫn nộ, bắt mẫn, nàng cầm then gài cửa, đánh tôi một cú trên đầu khiến bể đầu".

Chư Tỷ-kheo, sau một thời gian, tiếng đồn xấu sau đây được khởi lên về nữ chủ Vedehika: "Nữ chủ Vedehika là độc ác! Nữ chủ Vedehika là không nhu

thuận! Nữ chủ Vedehika là không ôn hòa!".

- Cũng vậy chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo hết sức hiền lành, hết sức nhu thuận, hết sức ôn hòa trong khi chưa bị những lời nói bất khả ý, xúc phạm. Và chư Tỷ-kheo, **chỉ khi nào** Tỷ-kheo bị những lời nói bất khả ý, xúc phạm, khi ấy vị ấy mới được xem là hiền lành, mới được xem là nhu thuận, mới được xem là ôn hòa.
- Chư Tỷ-kheo, **Ta không gọi một Tỷ-kheo là dễ nói, khi vị ấy dễ nói về các vật dụng như y áo, món ăn, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, khi vị ấy thành tựu được tánh dễ nói.** Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy khi không được các vật dụng như y áo, thức ăn, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, không còn là dễ nói, không còn thành tựu tánh dễ nói.
- Chư Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo nào tôn trọng Pháp, cung kính Pháp, sùng kính Pháp trở thành dễ nói, thành tựu tánh dễ nói, vị ấy Ta mới gọi là dễ nói.** Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy suy nghĩ: "Chỉ vì tôn trọng Pháp, cung kính Pháp, sùng kính Pháp chúng ta sẽ trở thành dễ nói, thành tựu tánh dễ nói". Chư Tỷ-kheo, các Người phải học tập như vậy.

Chư Tỷ-kheo, có năm loại ngôn ngữ mà các Người có thể dùng khi nói với các người khác:

– *Đúng thời hay phi thời,*

– *Chơn thực hay không chơn thực,*

– *Nhu nhuyển hay thô bạo,*

– *Có lợi ích hay không lợi ích,*

– *Vói từ tâm hay vói sân tâm.*

– Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Người có thể nói đúng thời hay phi thời.

– Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Người có thể nói lời chơn thực hay nói lời không chơn thực.

– Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Người có thể nói lời nhu nhuyển hay nói lời thô bạo.

– Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Người có thể nói lời lợi ích hay nói lời không lợi ích.

– Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Người có thể nói vói từ tâm hay vói sân tâm.

Chư Tỷ-kheo, ở tại đây, các Người cần phải học tập như sau: *"Chúng ta sẽ giữ tâm của chúng ta không biến nhiễm, chúng ta sẽ không thốt ra những lời ác ngữ, chúng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, với nội tâm không sân hận. Chúng ta sẽ sống bao phủ người này với tâm câu hữu với từ. Và với người này là đối tượng, ta sống biến mãn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân"*. Chư Tỷ-kheo, như vậy các Người cần phải học tập.

Chư Tỷ-kheo, ví như một người đến, cầm xẻng và thùng, nói như sau: "Tôi sẽ làm cho đất lớn này không thành đất nữa", và người ấy đào chỗ này chỗ kia, rải đất chỗ này chỗ kia, nhỏ nước miếng chỗ này chỗ kia, đi tiểu tiện chỗ này chỗ kia, với ý nghĩ: "Người trở thành không phải đất, Người trở thành không phải đất". Chư Tỷ-kheo, nghĩ thế nào? Người ấy có thể làm cho đất lớn này trở thành không phải đất chăng?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Vì đất lớn này thâm sâu và vô lượng, không dễ gì khiến cho đất lớn này trở thành không phải đất, trước khi người ấy bị mệt mỏi và bị thất bại.

– Cũng vậy, này chư Tỷ-kheo, có năm loại ngôn

ngữ này mà các Ông có thể nói với người khác: "Đúng thời hay phi thời... hay với sân tâm". Các Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Ông có thể nói: "Đúng thời... hay với sân tâm". Các Tỷ-kheo, ở tại đây, các Ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ giữ tâm của chúng ta không biến nhiễm; chúng ta sẽ không thốt ra những lời ác ngữ; chúng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, với nội tâm không sân hận; chúng ta sẽ sống biến mãn người này với tâm câu hữu với từ. Và với người này là đối tượng, ta sống biến mãn cùng khắp thế giới, với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân". Các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như vậy.

Chư Tỷ-kheo, ví như một người đến, cầm màu sơn, màu vàng, màu xanh sẫm hay màu đỏ tía. Người ấy có thể nói như sau: "Ta sẽ viết các hình sắc trên hư không này. Ta sẽ làm cho các hình sắc hiển hiện". Các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể viết các hình sắc trên hư không và làm cho các hình sắc hiển hiện được không?

– Bạch Thế Tôn, không thể được. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, hư không là vô sắc, không thể thấy được. Ở đây, không dễ gì viết các hình sắc và làm hình sắc hiển hiện, trước khi người ấy bị mệt mỏi và bị thất bại.

– Cũng vậy, này Tỷ-kheo, có năm loại ngôn ngữ này mà các Ông có thể nói với người khác: "Đúng thời hay phi thời... hay với sân tâm... (như trên)... Và với người này là đối tượng, ta sống biến mãn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân". Chư Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như vậy.

Chư Tỷ-kheo, ví như một người đến, cầm một bó cỏ khô đang cháy và nói như sau: "Ta với bó cỏ khô đang cháy này sẽ hâm nóng và đun sôi sông Hằng này". Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Người ấy, với bó cỏ khô đang cháy có thể hâm nóng và đun sôi sông Hằng được không?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì sông Hằng thâm sâu và vô lượng, không dễ gì với bó cỏ khô đang cháy có thể hâm nóng và đun sôi sông Hằng được, trước khi người ấy mệt mỏi và bị thất bại.

– Cũng vậy, này chư Tỷ-kheo, có năm loại ngôn ngữ này mà các Ông có thể nói với các người khác: "Đúng thời hay phi thời... hay với sân tâm". Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Ông có thể nói: "Đúng thời... hay với sân tâm... (như trên)... Và với người này là đối tượng, ta sống biến mãn cùng khắp

thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân". Chư Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như vậy.

– Chư Tỷ-kheo, ví như một cái bị bằng da mèo, đã được thuộc chín, khéo thuộc, khéo thuộc cùng khắp, nhu nhuyễn, như bông, không còn tiếng xì tiếng xọp, và một người đến, cầm gậy hay cầm mả sành và nói như sau: "Ta sẽ lấy cái gậy hay với cái mả sành làm cho cái bị bằng da mèo này, đã được thuộc chín, khéo thuộc, khéo thuộc cùng khắp, nhu nhuyễn, như bông, không còn tiếng xì, tiếng xọp, phát ra tiếng xì, tiếng xọp". Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể, với cái gậy hay với cái mả sành làm cho cái bị bằng da mèo này đã được thuộc chín, khéo thuộc, khéo thuộc cùng khắp, nhu nhuyễn, như bông, không còn tiếng xì, tiếng xọp, phát ra tiếng xì, tiếng xọp được không?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, cái bị bằng da mèo này đã được thuộc chín, khéo thuộc, khéo thuộc cùng khắp, nhu nhuyễn, như bông, không còn tiếng xì, tiếng xọp, không dễ gì làm cho cái bị ấy phát ra tiếng xì, tiếng xọp được, trước khi người ấy bị mệt nhoài và bị thất bại.

– Cũng vậy, chư Tỷ-kheo, có năm loại ngôn ngữ

mà các Ông có thể dùng khi nói với các người khác: "Đúng thời hay phi thời, chơn thực, hay không chơn thực, nhu nhuỷen hay thô bạo, có lợi ích hay không lợi ích, với từ tâm hay với sân tâm". Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Ông có thể nói đúng thời hay phi thời. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Ông có thể nói lời chơn thực hay nói lời không chơn thực. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Ông có thể nói lời nhu nhuỷen hay nói lời thô bạo. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Ông có thể nói lời lợi ích hay nói lời không lợi ích. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Ông có thể nói với từ tâm hay với sân tâm. Chư Tỷ-kheo, ở tại đây, các Ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ giữ tâm của chúng ta không biến nhiễm, chúng ta sẽ không thốt ra những lời ác ngữ; chúng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, với nội tâm không sân hận. Chúng ta sẽ sống biến mẫn người này với tâm câu hữu với từ. Và với người này là đối tượng, ta sống biến mẫn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân" Chư Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như vậy.

Chư Tỷ-kheo, như những kẻ đạo tặc hạ liệt, dùng cửa hai lối mà cửa tay, cửa chân; dầu vậy, nếu một ai ở đây khởi ý nhiễm loạn, người ấy do

vậy không phải là người thực hành giáo pháp của Ta.

Ở đây, chư Tỷ-kheo các Ông phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ giữ tâm của chúng ta không biến nhiễm; chúng ta sẽ không thốt ra những lời ác ngữ; chúng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, với nội tâm không sân hận. Chúng ta sẽ sống bao phủ người này với tâm câu hữu với từ. Và với người này là đối tượng, ta sống biến mãn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân". Chư Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như vậy.

Và này chư Tỷ-kheo, nếu các Ông **luôn luôn suy tư lời dạy ví dụ cái cửa này**, thì này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy loại ngôn ngữ nào, dầu tế nhị hay thô bạo mà các Ông không kham nhẫn được chăng?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, do vậy, hãy luôn luôn suy tư lời dạy ví như cái cửa này, và các Ông sẽ được hạnh phúc an lạc lâu ngày.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

54 VÍ DỤ NƯỚC - Tăng III, 288

VÍ DỤ NƯỚC – Tăng III, 288

1. - Nay các Tỷ-kheo, có bảy hạng người được ví dụ với nước, có mặt hiện hữu ở đời.

2. Thế nào là bảy?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo,

- Có hạng người lặn một lần rồi chìm luôn.
- Có hạng người sau khi nổi lên, lại chìm xuống.
- Có hạng người sau khi nổi lên, được đứng lại.
- Có hạng người sau khi nổi lên, lại nhìn và thấy.
- Có hạng người sau khi nổi lên, lại bơi tới.
- Có hạng người sau khi nổi lên, đạt được chỗ có chân đứng.
- Có hạng người sau khi nổi lên, sau khi bơi qua đến được bờ bên kia, lên đứng trên đất liền, là một vị Bà-la-môn.

❖ Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người, lặn một lần rồi chìm luôn?

3. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có hạng người hoàn toàn thành tựu với các pháp đen, bất thiện. Như vậy, nay

các Tỷ-kheo, là hạng người lặn một lần rồi chìm luôn.

❖ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi nổi lên lại chìm xuống?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người nổi lên và suy nghĩ: "Lành thay, lòng tin trong các thiện pháp! Lành thay, lòng xấu hổ... Lành thay, lòng sợ hãi... Lành thay, sự tinh tấn... Lành thay, trí tuệ trong các thiện pháp!" Lòng tin ấy của vị đó không an trú, không tăng trưởng, bị giảm thiểu. Lòng xấu hổ đó của vị ấy... lòng sợ hãi đó của vị ấy... sự tinh tấn đó của vị ấy... Trí tuệ đó của vị ấy không an trú, không tăng trưởng, bị giảm thiểu. Như vậy, này các Tỷ-kheo là hạng người sau khi nổi lên, lại chìm xuống.

❖ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi nổi lên, được đứng lại?

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người nổi lên và suy nghĩ như sau: "Lành thay, lòng tin trong các thiện pháp! Lành thay, lòng hổ thẹn... Lành thay, lòng sợ hãi... Lành thay, sự tinh tấn... Lành thay, trí tuệ trong các thiện pháp!" Lòng tin đó của vị ấy không giảm thiểu, không tăng trưởng, được đứng lại, lòng hổ thẹn của vị ấy... lòng sợ hãi đó của vị ấy... sự tinh tấn đó của vị ấy... trí tuệ đó của vị ấy không giảm thiểu,

không tăng trưởng, được đứng lại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người sau khi nổi lên, được đứng lại.

❖ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi nổi lên, lại nhìn và thấy?

6. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người nổi lên và suy nghĩ: "Lành thay, lòng tin trong các thiện pháp! Lành thay, lòng hổ thẹn... Lành thay, lòng sợ hãi... Lành thay, sự tinh tấn... Lành thay, trí tuệ trong các thiện pháp!". Vì vậy, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, là **bậc Dự lưu**, không còn bị đọa lạc, quyết chắc chứng ngộ Bồ đề. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người sau khi nổi lên, nhìn và thấy.

❖ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi nổi lên, lại bơi tới?

7. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người nổi lên và suy nghĩ: "Lành thay, lòng tin trong các thiện pháp! Lành thay, lòng hổ thẹn... Lành thay, lòng sợ hãi... Lành thay, sự tinh tấn... Lành thay, trí tuệ trong các thiện pháp!". Vì vậy, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, sau khi làm muối lược tham sân si, là **bậc Nhất Như Lai**, còn trở lui đời này một lần nữa rồi đoạn tận khổ đau. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người sau khi nổi lên, lại bơi tới.

❖ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi nổi lên, lại đạt được chân đứng?

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người nổi lên và suy nghĩ: "Lành thay, lòng tin trong các thiện pháp! Lành thay, lòng hổ thẹn... Lành thay, lòng sợ hãi... Lành thay, sự tinh tấn... Lành thay, trí tuệ trong các thiện pháp!" Vị ấy, sau khi *đoạn diệt năm hạ phần kiết sử*, được hóa sanh, tại đây nhập Niết-bàn, không trở lui trạng thái ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người sau khi nổi lên, đã đạt chân đứng.

❖ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi nổi lên đã bơi qua, đạt đến bờ bên kia, đứng trên đất liền bậc Bà-la-môn?

9. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người nổi lên và suy nghĩ: "Lành thay, **lòng tin** trong các thiện pháp! Lành thay, lòng **hổ thẹn**... Lành thay, lòng **sợ hãi**... Lành thay, sự **tinh tấn**... Lành thay, **trí tuệ** trong các thiện pháp!" Vị ấy, sau khi *đoạn diệt các lậu hoặc*, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người sau khi nổi lên đã bơi qua, đã đến bờ bên kia, đã đứng trên đất liền, là bậc Bà-la-môn.

Này các Tỷ-kheo, đây là bảy hạng người được ví dụ với nước, có mặt, hiện hữu ở đời.

55 VÍ DỤ TẮM VẢI - 7 Trung I, 87

KINH VÍ DỤ TẮM VẢI

(*Vatthupatna sutta*)

– Bài kinh số 7 – *Trung I*, 87

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bảy giờ Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". - "Bạch Thế Tôn", các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, như một tấm vải cầu uế, nhiễm bụi, một người thợ nhuộm nhúng tấm vải ấy vào thuốc nhuộm này hay thuốc nhuộm khác - hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc tía - vải ấy sẽ được màu nhuộm không tốt đẹp, sẽ được màu nhuộm không sạch sẽ. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì tấm vải không được trong sạch. Cũng vậy, **này các Tỷ-kheo, cõi ác chờ đợi một tâm cầu uế.**

Này các Tỷ-kheo, như một tấm vải thanh tịnh, trong sạch, một người thợ nhuộm nhúng tấm vải ấy vào thuốc nhuộm này hay thuốc nhuộm khác - hoặc

xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc tím, vải ấy sẽ được màu nhuộm tốt đẹp, sẽ được màu nhuộm sạch sẽ. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì tấm vải được trong sạch. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **cõi thiện chờ đợi một tâm không cấu uế.**

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những cấu uế của tâm?

Tham dục, tà tham là cấu uế của tâm, sân là cấu uế của tâm, phần là cấu uế của tâm, hận là cấu uế của tâm, hư ngụy, não hại, tật đố, xan tham, mạn trá, khi cuống, ngoan cố, cấp tháo, quá mạn, kiêu, phóng dật là cấu uế của tâm.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghĩ rằng: "Tham dục, tà tham là cấu uế của tâm" và sau khi biết vậy, vị ấy đoạn trừ tham dục, tà tham cấu uế của tâm; nghĩ rằng: "Sân là cấu uế của tâm", và sau khi biết vậy, vị ấy đoạn trừ sân, cấu uế của tâm; phần... hận... hư ngụy... não hại, tật đố, xan tham, mạn trá, khi cuống... ngoan cố... cấp tháo... mạn... quá mạn... kiêu; nghĩ rằng: "Phóng dật là cấu uế của tâm" thì sau khi biết vậy, vị ấy đoạn trừ phóng dật, cấu uế của tâm. Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo biết được: "Tham dục, tà tham là cấu uế của tâm", tham dục, tà tham cấu uế của tâm được diệt trừ, ... sân... phần...

hận... hư nguy... nã hại... tật đồ... xan tham... mạn trá... khi cuồng... ngoan cố... cấp tháo... mạn... quá mạn... kiêu; khi nào Tỷ-kheo biết được: "Phóng dật là cầu uế của tâm", phóng dật, cầu uế của tâm được diệt trừ.

Tỷ-kheo ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối, đối với **Phật**: Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Vô Thượng Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn;

Vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Pháp: Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí chứng hiểu;

Vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối, đối với chúng Tăng: Diệu hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Trục hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Như lý hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Chánh hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời.

Đến giai đoạn này, đối với vị ấy có sự từ bỏ, có sự diệt trừ, có sự giải thoát, có sự đoạn trừ, có sự xả

ly. Vị ấy tự nghĩ: "Ta thành tựu lòng tin tuyệt đối, đối với Thế Tôn", và chúng được nghĩa tín thọ, chúng được pháp tín thọ, chúng được hân hoan liên hệ đến pháp, từ hân hoan, hỷ sanh, từ hỷ, thân được khinh an, thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với lạc thọ, tâm được Thiền định.

Vị ấy tự nghĩ: "Ta thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Pháp", và chúng được nghĩa tín thọ, chúng được pháp tín thọ, chúng được hân hoan liên hệ đến pháp; từ hân hoan, hỷ sanh, từ hỷ, thân được khinh an; thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với lạc thọ, tâm được Thiền định.

Vị ấy tự nghĩ: "Ta thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Tăng", và chúng được nghĩa tín thọ, chúng được pháp tín thọ, chúng được hân hoan liên hệ đến pháp; từ hân hoan hỷ sanh; từ hỷ, thân được khinh an, thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với lạc thọ, tâm được Thiền định.

Vị ấy tự nghĩ: "Đến giai đoạn này, đối với Ta, có sự từ bỏ, có sự diệt trừ, có sự giải thoát, có sự đoạn trừ, có sự xả ly", và chúng được nghĩa tín thọ, chúng được pháp tín thọ, chúng được hân hoan liên hệ đến pháp; từ hân hoan, hỷ sanh; từ hỷ, thân khinh an; thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với lạc thọ, tâm

được Thiên định.

Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo, giới như vậy, pháp như vậy, tuệ như vậy, - nếu có ăn đồ khát thực với gạo thơm, hạt đen được vắt đi, với các món ăn khác cũng không vì vậy trở thành một chướng ngại cho vị ấy. *Này các Tỷ-kheo, như một tấm vải cấu uế, nhiễm bụi, nếu bỏ trong nước sạch, trở thành thanh tịnh sạch sẽ, như bỏ vào lò lửa trở thành thanh tịnh sạch sẽ.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo, giới như vậy, pháp như vậy, tuệ như vậy, - nếu có ăn đồ khát thực với gạo thơm, hạt đen được vắt đi, với các món canh, với các món ăn khác, cũng không vì vậy trở thành một chướng ngại cho vị ấy.

Vị ấy an trú, biến mãn một phương **với tâm câu hữu với từ**, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân... biến mãn một phương **với tâm câu hữu với bi... (như trên)... với tâm câu hữu với hỷ... (như trên)... biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả**, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy

phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân.

Vị ấy biết: "Có cái này, có cái hạ liệt, có cái cao thượng, có sự giải thoát vượt qua các tướng". Do vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát, sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là Tỷ-kheo đã được tắm rửa với sự tắm rửa nội tâm.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sundarikabharadvaja đang ngồi không xa Thế Tôn. Rồi Bà-la-môn Sundarikabharadvaja bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama có đi đến sông Bahuka để tắm rửa không?

– Nay Bà-la-môn, sông Bahuka là gì? Sông Bahuka có làm được lợi ích gì?

– Tôn giả Gotama, sông Bahuka được nhiều người xem là có khả năng giải thoát. Tôn giả Gotama, sông Bahuka được nhiều người xem là có

khả năng đem lại công đức. Và nhiều người đã gọi sạch các ác nghiệp trong sông Bahuka.

Rồi Thế Tôn nói lên những bài kệ sau đây cho Bà-la-môn Sundarikabharadvaja:

*Trong sông Bāhukà
Tại Adhikakkà,
Tại cả sông Gayà
Và Sundarikà,
Tại Sarassatì
Và tại Payāna,
Tại Bāhumatì,
Kẻ ngu dầu thường tắm,
Ác nghiệp không rửa sạch.
Sông Sundarikà
Có thể làm được gì?
Payāga làm gì?
Cả sông Bāhukà?
Không thể rửa nghiệp đen
Của kẻ ác gây tội.*

***Đối kẻ sống thanh tịnh,
Ngày nào cũng ngày tốt,
Với kẻ sống thanh tịnh,
Ngày nào cũng ngày lành,
Các tịnh nghiệp thanh tịnh,***

Luôn thành tựu (thiện) hạnh.

Này vị Bà-la-môn,

Chỉ nên tắm ở đây,

Khiến mọi loài chúng sanh,

Được sống trong an ổn.

Nếu không nói dối trá,

Nếu không hại chúng sanh,

Không lấy của không cho,

Có lòng tín, không tham,

Đi Gayà làm gì,

Gayà một giếng nước?

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn
Sundarikabharadvaja bạch Thế Tôn:

— Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Nay con quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tăng. Mong con được xuất gia với Tôn giả Gotama! Mong con được thọ đại giới!

Bà-la-môn Sundarikabharadvaja được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới. Trong thời gian ngắn sau khi thọ đại giới, Tôn giả Bharadvaja sống độc cư, không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần và không bao lâu sau khi tự thân chứng ngộ với thượng trí, chứng đắc và an trú ngay trong hiện tại, vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích này các Thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy đã thắng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Như vậy, Tôn giả Bharadvaja trở thành một vị A-la-hán nữa.

56 VÔ HỌC - Tăng II, 526

VÔ HỌC – Tăng II, 526

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời.

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo thành tựu vô học giới uẩn,
- Thành tựu vô học định uẩn,
- Thành tựu vô học tuệ uẩn,
- Thành tựu vô học giải thoát uẩn,
- Thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính... là phước điền vô thượng ở đời.

57 VÔ HỌC 1 - Tăng IV, 541

VÔ HỌC 1 – Tăng IV, 541

1. Bây giờ có một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Vô học, vô học, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo là bậc vô học?

2. Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu vô học **chánh tri kiến**, thành tựu vô học chánh tư duy, thành tựu vô học chánh ngữ, thành tựu vô học chánh nghiệp, thành tựu vô học chánh mạng, thành tựu vô học chánh tinh tấn, thành tựu vô học chánh chánh niệm, thành tựu vô học chánh định, thành tựu vô học chánh trí, thành tựu vô học chánh giải thoát.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là **Tỷ-kheo vô học**.

58 VÔ HỌC 2 - Tăng IV, 541

VÔ HỌC 2 – Tăng IV, 541

1. Này các Tỷ-kheo, có mười pháp vô học này. Thế nào là mười?

2. Vô học chánh kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh tinh tấn, vô học chánh chánh niệm, vô học chánh định, vô học chánh trí, vô học chánh giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, có mười pháp vô học này.

59 VÔ MINH - Tăng IV, 391

VÔ MINH – Tăng IV, 391

1. - Nay các Tỷ-kheo, **khởi điểm đầu tiên của vô minh không thể nêu rõ để có thể nói: "Trước điểm này, vô minh không có, rồi sau mới có."** Như vậy, nay các Tỷ-kheo, lời này được nói đến.

Tuy vậy, sự việc này được nêu rõ: "Do duyên này, vô minh (có mặt)".

- Nay các Tỷ-kheo, **Ta nói rằng vô minh có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho vô minh? *Năm triền cái*, cần phải trả lời như vậy.**
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng năm triền cái có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho năm triền cái? **Ba ác hành**, cần phải trả lời như vậy.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng ba ác hành có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho ba ác hành? **Các căn không chế ngự**, cần phải trả lời như vậy.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, các căn không chế ngự có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho các căn không chế

ngự? **Không chánh niệm tỉnh giác**, cần phải trả lời như vậy.

- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng không chánh niệm tỉnh giác có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho không chánh niệm tỉnh giác? **Phi như lý tác ý**, cần phải trả lời như vậy.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng phi như lý tác ý có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho phi như lý tác ý? **Không có lòng tin**, cần phải trả lời như vậy.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng không có lòng tin có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho không có lòng tin? **Không nghe diệu pháp**, cần phải trả lời như vậy.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, không nghe diệu pháp có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho không nghe diệu pháp? **Không giao thiệp với bậc Chân nhân**, cần phải trả lời như vậy.

2. Như vậy, nay các Tỷ-kheo:

1. **Không giao thiệp với bậc Chân nhân** được viên mãn, thời làm viên mãn **không có nghe diệu pháp**.

2. Không có nghe diệu pháp được viên mãn, thời làm viên mãn không có lòng tin.
3. Không có lòng tin được viên mãn, thời làm viên mãn phi như lý tác ý.
4. Phi như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn không chánh niệm tỉnh giác.
5. Không chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các căn không chế ngự.
6. Các căn không chế ngự được viên mãn, thời làm viên mãn ba ác hành.
7. Ba ác hành được viên mãn, thời làm viên mãn năm triền cái.
8. Năm triền cái được viên mãn, thời làm viên mãn vô minh.

Như vậy, đây là thức ăn cho vô minh này, và như vậy là sự viên mãn.

3. Ví như, này các Tỷ-kheo, trên một ngọn núi có mưa rơi nặng hột, nước mưa ấy chảy xuống theo sườn dốc; làm đầy các hang núi, các kẽ núi, các thung lũng; sau khi làm đầy các hang núi, các kẽ núi, các thung lũng, chúng làm đầy các hồ nhỏ. Sau khi làm đầy các hồ nhỏ, chúng làm đầy các hồ lớn; sau khi làm đầy các hồ lớn, chúng làm đầy các sông nhỏ; sau khi làm đầy các sông nhỏ, chúng làm đầy các sông lớn; sau khi làm đầy các sông lớn, chúng làm đầy

biển cả. Như vậy là thức ăn của biển lớn, của đại dương và như vậy là viên mãn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo:

1. Không giao thiệp với các bậc Chân nhân được viên mãn, thời làm viên mãn không có nghe diệu pháp.
2. Không có nghe diệu pháp được viên mãn, thời làm viên mãn không có lòng tin.
3. Không có lòng tin được viên mãn, thời làm viên mãn phi như lý tác ý.
4. Phi như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn không chánh niệm tỉnh giác.
5. Không chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các căn không chế ngự.
6. Các căn không chế được viên mãn, thời làm viên mãn ba ác hành.
7. Ba ác hành được viên mãn, thời làm viên mãn năm triền cái.
8. Năm triền cái được viên mãn, thời viên mãn vô minh.

Như vậy, đây là thức ăn của vô minh, và như vậy là sự viên mãn.

4. Và này các Tỷ-kheo, **Ta nói Mình Giải thoát có thức ăn, không phải không có thức ăn**. Và cái gì là

thức ăn cho mình giải thoát? **Bảy giác chi**, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng Bảy giác chi có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho bảy giác chi? **Bốn niệm xứ**, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, Bốn niệm xứ có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho Bốn niệm xứ? **Ba thiện hành**, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói như rằng ba thiện hành có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho ba thiện hành? **Các căn được chế ngự**, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng các căn được chế ngự có thức ăn không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho các căn được chế ngự? **Chánh niệm tỉnh giác**, cần phải được như vậy.

Này các Tỷ-kheo, chánh niệm tỉnh giác có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho chánh niệm tỉnh giác? **Như lý tác ý**, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, như lý tác ý có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho như lý tác ý? **Lòng tin**, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói lòng tin có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho lòng tin? **Nghe diệu pháp**, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng nghe diệu pháp có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho nghe diệu pháp? **Giao thiệp với bậc Chân nhân**, cần phải trả lời như vậy.

5. Như vậy, này các Tỷ-kheo:

1. *Giao thiệp với bậc Chân nhân được viên mãn thời làm viên mãn nghe diệu pháp.*
2. *Nghe diệu pháp được viên mãn thời làm viên mãn lòng tin.*
3. *Lòng tin được viên mãn, thời làm viên mãn như lý tác ý.*
4. *Như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn chánh niệm tỉnh giác.*
5. *Chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các căn được chế ngự.*
6. *Các căn được chế ngự được viên mãn, thời làm viên mãn ba thiện hành.*
7. *Ba thiện hành được viên mãn Bốn niệm xứ.*

8. *Bốn niệm xứ được viên mãn, thời làm viên mãn Bảy giác chi.*
9. *Bảy giác chi được viên mãn, thời làm viên mãn được giải thoát.*

Như vậy, đây là thức ăn của thức ăn của mình giải thoát, và như vậy là sự viên mãn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trên một ngọn núi có mưa rơi nặng hột, nước mưa chảy xuống theo sườn dốc, làm đầy các hang núi, các kẽ núi, các thung lũng, chúng làm đầy các hồ nhỏ. Sau khi làm đầy các hồ nhỏ, chúng làm đầy các hồ lớn. Sau khi làm đầy các hồ lớn, chúng làm đầy các sông nhỏ. Sau khi làm đầy các sông nhỏ, chúng làm đầy các sông lớn. Sau khi làm đầy các sông lớn, chúng làm đầy biển cả. Như vậy, là thức ăn của biển lớn, của đại dương, và như vậy là sự viên mãn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo:

1. **Giao thiệp với bậc Chân nhân** được viên mãn, thời làm viên mãn **nghe diệu pháp**.
2. **Nghe diệu pháp** được viên mãn, thời làm viên mãn **lòng tin**.
3. **Lòng tin** được viên mãn thời làm viên mãn **như lý tác ý**.

4. Như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn chánh niệm tỉnh giác.
5. Chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các căn được chế ngự.
6. Các căn chế ngự được viên mãn, thời làm viên mãn ba thiện hành.
7. Ba thiện hành được viên mãn, thời làm viên mãn Bốn niệm xứ.
8. Bốn niệm xứ được viên mãn, thời làm viên mãn Bảy giác chi.
9. Bảy giác chi được viên mãn, thời làm viên mãn Minh Giải thoát.

Như vậy là thức ăn của minh giải thoát, và như vậy là viên mãn.

60 VÔ NGẠI GIẢI - Tăng II, 491

VÔ NGẠI GIẢI – Tăng II, 491

❖ Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ, được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập. Thế nào là năm?

- Đạt được nghĩa vô ngại giải,
- Đạt được pháp vô ngại giải,
- Đạt được từ vô ngại giải,
- Đạt được biện tài vô ngại giải,
- Đối với các sự việc, các vị đồng Phạm hạnh cần phải làm, hoặc lớn hay nhỏ, vị ấy thiện xảo, không có biếng nhác, thành tựu trí phương tiện. Ở đây vừa đủ để làm, vừa đủ đến khiến người làm.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập.

61 VÔ NGẠI GIẢI - Tăng III, 325

VÔ NGẠI GIẢI – Tăng III, 325

1. - Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu, với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú **bốn vô ngại giải**.

2. Thế nào là bảy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- Khi nào tâm thu đông, như thật rõ biết: "Đây là tâm ta thu động";
- Khi nào tâm muôi lược, như thật rõ biết: "Nội tâm ta muôi lược";
- Khi nào tâm tán loạn, hướng ngoại, như thật rõ biết: "Tâm ta tán loạn, hướng ngoại".
- Vị ấy nhận thức được các **tho** khởi lên, nhận thức được các thọ an trú, nhận thức được các thọ đi đến tiêu diệt;
- Vị ấy nhận thức được các **tướng** khởi lên, nhận thức được các tướng an trú, nhận thức được các tướng tiêu diệt;
- Vị ấy nhận thức được các **tâm** khởi lên, nhận thức được các tâm an trú, nhận thức được các tâm tiêu diệt.

- Đối với các pháp thích hợp hay không thích hợp, đối với các pháp hạ liệt hay thù thắng, đối với các pháp dự phần đen hay dự phần trắng, vì ấy khéo nắm giữ tướng, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập với trí tuệ.

Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không bao lâu, với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú bốn vô ngại giải.

3. Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Sàriputta với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú bốn vô ngại giải. Thế nào là bảy?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Sàriputta khi nào tâm thụ động, như thật rõ biết: "Đây là tâm ta thụ động"; khi nào tâm muội lược, như thật rõ biết: "Nội tâm ta muội lược";... (như trên, số 2,... chứng đạt và an trú bốn vô ngại giải).

62 VÔ PHẠM - Tăng I, 43

VÔ PHẠM – Tăng I, 43

1. Những Tỷ-kheo nào, *nêu rõ không phạm là có phạm*, những Tỷ-kheo ấy, với sở hành như vậy, đưa lại bất hạnh cho đa số, không an lạc cho đa số, không lợi ích cho đa số, đưa lại bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người, và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy, tạo điều vô phước và khiến cho điều pháp biến mất.

2. (Như số 1 trên, chỉ thế vào: *nêu rõ có phạm là không phạm*)...

3-10 Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, nêu rõ:

- *Tội nhẹ là tội nặng....*
- *Tội nặng là tội nhẹ...*
- *Tội thô trọng là tội không thô trọng...*
- *Tội không thô trọng là tội thô trọng...*
- *Tội có dư tàn là tội không dư tàn...*
- *Tội không dư tàn là tội có dư tàn...*
- *Tội có thể sám hối là tội không có thể sám hối...*
- *Tội không có thể sám hối là tội có thể sám hối.*

Những Tỷ-kheo ấy, với sở hành như vậy, đưa lại bất hạnh cho đa số, không an lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa lại bất hạnh đau khổ cho chư Thiên và loài Người. Và hơn thế nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy, tao điều vô phước và khiến cho điều pháp biến mất.

11. Những Tỷ-kheo nào, nêu rõ *không phạm tội là không phạm tội*. Những Tỷ-kheo ấy, với sở hành như vậy đưa lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đưa lại hạnh phúc an lạc cho chư Thiên và loài Người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy *tao điều phước đức và khiến cho diệu pháp được an trú.*

12. (Như số 11, chỉ thế vào: *nêu rõ phạm tội là phạm tội*)...

13-20. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, nêu rõ:

- *Tội nhẹ là tội nhẹ...*
- *Tội nặng là tội nặng...*
- *Tội thô trọng là tội thô trọng...*
- *Tội không thô trọng là tội không thô trọng...*
- *Tội có dư tàn là tội có dư tàn...*
- *Tội không dư tàn là tội không dư tàn...*
- *Tội có thể sám hối là tội có thể sám hối...*

- *Tội không có thể sám hối là tội không có thể sám hối.*

Những Tỷ-kheo ấy, với sở hành như vậy, đưa lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tạo điều phước đức và khiến cho điều pháp được an trú.

63 VÔ SỞ ÚY - Tăng I, 563

VÔ SỞ ÚY – Tăng I, 563

Có **bốn vô sở úy của Như Lai**, này các Tỷ-kheo, do thành tựu bốn vô sở úy này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị ngu vương, rống tiếng con sư tử trong các hội chúng và chuyển pháp luân.

Thế nào là bốn?

- Ngài tự nhận là **Chánh Đẳng Giác**, nhưng những pháp này không được Ngài Chánh Đẳng Giác. Ở đây, nếu có vị Bà-la-môn, Sa-môn, hay Thiên, Nhân, hay Ma vương, hay Phạm thiên, hay bất cứ ai ở đời buộc tội Ta đúng pháp như vậy; này các Tỷ-kheo, Ta không thấy có trường hợp này. Này các Tỷ-kheo, do Ta không thấy có trường hợp này, nên Ta trú, đạt an ổn, đạt được không run sợ, đạt được không sợ hãi.
- Như Lai tự nhận là Ngài đã **đoạn trừ các lậu hoặc**, nhưng các lậu hoặc này chưa được đoạn trừ. Ở đây, nếu có vị Bà-la-môn, Sa-môn, hay Thiên, Nhân, hay Ma vương, hay Phạm thiên, hay bất cứ ai ở đời buộc tội Ta đúng pháp như vậy; này các Tỷ-kheo, Ta không thấy có trường hợp này. Này các Tỷ-kheo, do Ta không thấy

có trường hợp này, nên Ta trú, đạt an ổn, đạt được không run sợ, đạt được không sợ hãi.

- *Các pháp Như Lai nói là các chương ngại pháp, ai có thọ dụng chúng không đủ có chương ngại gì. Ở đây, nếu có vị Bà-la-môn, Sa-môn, hay Thiên, Nhân, hay Ma vương, hay Phạm thiên, hay bất cứ ai ở đời buộc tội Ta đúng pháp như vậy; này các Tỷ-kheo, Ta không thấy có trường hợp này. Này các Tỷ-kheo, do Ta không thấy có trường hợp này, nên Ta trú, đạt an ổn, đạt được không run sợ, đạt được không sợ hãi.*
- *Pháp và mục đích mà Như Lai tuyên bố, không được Người chơn chánh thực hành đoạn diệt khổ đau. Ở đây, nếu có vị Bà-la-môn, Sa-môn, hay Thiên, Nhân, hay Ma vương, hay Phạm thiên, hay bất cứ ai ở đời buộc tội Ta đúng pháp như vậy; này các Tỷ-kheo, Ta không thấy có trường hợp này.*

Này các Tỷ-kheo, do Ta không thấy có trường hợp này, nên Ta trú, đạt an ổn, đạt được không run sợ, đạt được không sợ hãi.

Bốn pháp không sợ hãi này của Như Lai, này các Tỷ-kheo, do thành tựu bốn vô sở úy này, Như Lai tự

nhận cho mình địa vị ngu vương, rống tiếng con sư
tử trong các hội chúng và chuyển pháp luân.

*Các loại luận đàm này,
Được y chỉ rộng rãi
Sa-môn, Bà-la-môn,
Nương tựa, y chỉ họ
Khi họ đến Như Lai
Họ không còn tồn tại
Các luận đàm được nói
Họ run sợ, sợ hãi
Ai chinh phục tất cả
Chuyển vận được Pháp luân
Vì lòng thương tất cả
Mọi chúng sanh hữu tình
Với những bậc như vậy
Tối thắng giữa Thiên nhân
Mọi chúng sanh đánh lễ
Bậc vượt qua sanh hữu.*

64 VÔ THƯỜNG - Tăng III, 259

VÔ THƯỜNG – Tăng III, 259

1. - Thật vậy, này các Tỷ-kheo,
 - *Vị Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là thường còn, sẽ thành tựu được **nhẫn nhục** tùy thuận, sự kiên này không xảy ra.*
 - Không thành tựu nhẫn nhục tùy thuận, *sẽ nhập vào **chánh tánh quyết định**, sự kiên này không thể xảy ra.*
 - Không nhập vào chánh tánh quyết định, *sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, hay quả Nhất Lai, hay quả Bất lai, hay quả A-la-hán, sự kiên này không xảy ra.*
2. Thật vậy, này các Tỷ-kheo,
 - Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là vô thường, sẽ thành tựu được nhẫn nhục tùy thuận, sự kiên này có xảy ra.
 - Thành tựu nhẫn nhục tùy thuận, sẽ nhập vào chánh tánh quyết định, sự kiên này có xảy ra.
 - Nhập vào chánh tánh quyết định, sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, hay quả A-la-hán, sự kiên này có xảy ra.

KHỔ – *Tăng III, 260*

- Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là lạc, sẽ thành tựu... (như trên với những thay đổi cần thiết)

VÔ NGÃ – *Tăng III, 260*

- Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là ngã, sẽ thành tựu... (như kinh 98 với những thay đổi cần thiết).

NIẾT BÀN – *Tăng III, 260*

- Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào thấy Niết-bàn là khổ, sẽ thành tựu được nhĩn nhục tùy thuận, sự kiện này không xảy ra... (như kinh 98 với những thay đổi cần thiết.)

65 **VÔ THUỢNG - Tăng III, 15**

VÔ THUỢNG – *Tăng III, 15*

1. - Có sáu vô thương này, này các Tỷ-kheo.
2. Thế nào là sáu?
 - Kiến vô thương,
 - Văn vô thương,
 - Lợi đặc vô thương,
 - Học vô thương,
 - Hành vô thương,
 - Tùy niệm vô thương.

Này các Tỷ-kheo, có sáu vô thương này.

66 VÔ TRÁNH PHÂN BIỆT - 139 Trung III, 527

KINH VÔ TRÁNH PHÂN BIỆT (*Anaravibhanga sutta*) – Bài kinh số 139 – Trung III, 527

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Tại đấy Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông Vô tránh phân biệt. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

Chớ có hành trì dục lạc, hạ liệt, đê tiện, phạm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích. Và cũng không nên hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích.

Từ bỏ hai cực đoan ấy, có con đường Trung đạo đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Nên biết tán thán và nên biết chỉ trích. Sau khi biết tán thán và sau khi biết chỉ trích, không tán thán, không chỉ trích, chỉ nên thuyết pháp. Nên biết phán xét về lạc. Sau khi biết phán xét về lạc, nên chú tâm vào nội lạc. Không nên nói lên lời bí mật.

Mặt đối mặt (với ai), không nên nói lời mất lòng. Nên nói thật từ từ, không có vội vàng.

Chớ có chấp trước địa phương ngữ, chớ có đi quá xa ngôn ngữ thường dùng.

Như vậy là tổng thuyết về vô tránh phân biệt. Khi được nói đến *"Chớ có hành trì dục lạc, hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, và cũng không nên hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích"*, do duyên gì được nói đến như vậy?

Phàm lạc gì liên hệ với dục nhưng đam mê loại hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy là có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo.

Phàm lạc gì liên kết với dục, nhưng không đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo.

Phàm hành trì tự kỷ khổ hạnh nào, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo.

Phàm không hành trì khổ hạnh nào, đau khổ không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo". Khi được nói đến "Chớ có hành trì dục lạc, hạ liệt, đê tiện, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, và cũng không nên hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "Từ bỏ hai cực đoan ấy, có con đường Trung đạo đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thượng trí, giác ngộ, Niết-bàn", do duyên gì được nói đến như vậy?

Đây là con đường Thánh tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Khi được nói đến "Tứ bỏ hai cực đoạn ấy, có con đường Trung đạo đã được Như Lai giác ngộ.. giác ngộ, Niết-bàn", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "Nên biết tán thán và nên biết chỉ trích; sau khi biết tán thán và sau khi biết chỉ trích, không tán thán, không chỉ trích, chỉ nên thuyết pháp", do duyên gì được nói đến như vậy?
Này các Tỷ-kheo, thế nào là tán thán, thế nào là chỉ trích, nhưng không thuyết pháp?

Vị ấy chỉ trích một số người và nói như sau:
"Những ai tìm thấy lạc liên hệ với dục nhưng đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những người ấy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo".

Vị ấy tán thán một số người và nói như sau:
"Những ai tìm thấy lạc liên hệ với dục, nhưng không đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo".

Ở đây, vị ấy chỉ trích một số người và nói như sau:
"Những ai đam mê hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục

đích, tất cả những vị ấy đều có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc về tà đạo".

Ở đây, vị ấy tán thán một số người và nói như sau: "Những ai không đam mê hành trì tự kỷ khổ hạnh; đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy đều không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo".

Ở đây, vị ấy chỉ trích một số người và nói như sau: "Những ai chưa đoạn tận hữu kiết sử, tất cả những vị ấy đều có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo".

Ở đây, vị ấy tán thán một số người và nói như sau: "Những ai đã đoạn tận hữu kiết sử, tất cả những vị ấy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo".

Như vậy, này các Tỷ-kheo là có tán thán và có chỉ trích nhưng không thuyết pháp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không có tán thán và không có chỉ trích, nhưng có thuyết pháp?

Vị ấy không nói như sau: "Những ai tìm thấy lạc liên hệ với dục, nhưng đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo". Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau: "Sự đam mê là

một pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo".

Vị ấy không nói: "Những ai tìm thấy lạc liên hệ với dục, nhưng không đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, tất cả những vị ấy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo". Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau: "Không đam mê là một pháp không đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo".

Vị ấy không nói: "Những ai đam mê hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo". Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau: "Sự đam mê là một pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo."

Vị ấy không nói: "Những ai không đam mê hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích, tất cả những vị ấy đều không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo". Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau: "Sự không đam mê là không đau khổ, pháp này không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc về chánh đạo".

Vị ấy không nói: "Những ai chưa đoạn tận hữu kiết sử, tất cả những vị ấy đều có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não". Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau: "Khi hữu kiết sử chưa đoạn tận, hữu chưa đoạn tận".

Vị ấy không nói như sau: "Những ai đã đoạn tận hữu kiết sử, tất cả những vị ấy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não. "Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau: "Và khi hữu kiết sử được đoạn tận, hữu được đoạn tận". Như vậy, này các Tỷ-kheo là không tán thán, không chỉ trích, nhưng chỉ thuyết pháp.

Khi được nói đến "Nên biết tán thán và nên biết chỉ trích; sau khi biết tán thán và sau khi biết chỉ trích, chớ có tán thán, chớ có chỉ trích, chỉ nên thuyết pháp", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "Nên biết phán xét về lạc; sau khi biết pháp xét về lạc, nên chú tâm vào nội lạc", do duyên gì được nói đến như vậy?

Này các Tỷ-kheo, có năm dục trường dưỡng này. Thế nào là năm? Các sắc pháp do mắt nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức, ...; các hương do mũi nhận thức, ...; các vị do lưỡi nhận thức....; các xúc do thân cảm giác, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, như vậy là năm dục trường dưỡng.

Này các Tỷ-kheo, do duyên năm dục trưởng dưỡng này khởi lên lạc và hỷ, như vậy gọi là **dục lạc, uế lạc, phàm phu lạc, phi Thánh lạc**. Ta nói loại lạc này **không nên thực hành**, không nên tu tập, không nên làm cho sung mãn, nên sợ hãi.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Đình chỉ tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhứt tâm... Thiền thứ ba... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Như vậy gọi là **xuất ly lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, giác ngộ lạc**. Ta nói loại lạc này **nên thực hành**, nên tu tập, nên làm cho sung mãn, không nên sợ hãi.

Khi được nói đến "Nên biết phán xét về lạc; sau khi phán xét về lạc, hãy chú tâm vào nội lạc", do chính duyên này được nói đến như vậy.

*Khi được nói đến "**Không nên nói lên lời bí mật. Mật đối mặt (với ai), không nên nói lời mật lòng**", do duyên gì được nói đến như vậy?*

Tại đây, này các Tỷ-kheo, biết được một lời bí mật là không thực, hư vọng, không liên hệ mục đích, nếu có thể được, chớ nói lên lời bí mật ấy.

Và nếu biết được một lời bí mật là thực, không hư vọng, nhưng không liên hệ mục đích, **hãy tự tập**
đừng nói lời ấy.

Và nếu biết được một lời bí mật là thực, không hư vọng, có liên hệ mục đích; ở đây nên biết thời nói lên lời bí mật ấy.

Nếu biết một lời mất lòng, mặt đối mặt (với ai) là không thực, hư vọng, không liên hệ mục đích, nếu có thể được, mặt đối mặt; chớ có nói lên lời nói mất lòng ấy.

Nếu biết một lời mất lòng, mặt đối mặt (với ai) là thực, không hư vọng, nhưng không liên hệ mục đích, **hãy tập chớ nói lên lời ấy.**

Và nếu biết một lời mất lòng, mặt đối mặt (với ai) là thực, không hư vọng, có liên hệ mục đích; ở đây nên biết thời nói lên lời mất lòng ấy.

Khi được nói đến "Không nên nói lên lời bí mật, mặt đối mặt (với ai), không nên nói lên lời mất lòng", do chính duyên này được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "Nên nói thật từ từ, chớ có vội vàng", do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu nói vội vàng, thời thân mệt mỏi, tâm bị tổn hại, tiếng bị tổn hại và cổ họng bị đau.

Lời nói một người vội vàng không được rõ ràng và không được nhận hiểu.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, nói lời từ từ, thân không mệt mỏi, tâm không tổn hại, tiếng không tổn hại và cổ họng không bị đau.

Lời nói một người nói từ từ được rõ ràng và được nhận hiểu.

Khi được nói đến "Nên nói thật từ từ, chớ có nói vội vàng ", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "Chớ có chấp trước địa phương ngữ, chớ có đi quá xa ngôn ngữ thường dùng", do duyên gì, được nói đến như vậy?

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chấp trước địa phương ngữ và đi quá xa ngôn ngữ thường dùng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, trong nhiều quốc độ, người ta biết (những chữ) Pati... Patta... Vittha.. Sarava.. Dharopa.. Pona... Pisila. Như vậy, như họ biết trong các quốc độ ấy những chữ là như vậy, như vậy, có người lại làm như vậy, kiên trì chấp thủ, chấp trước và nói: "Chỉ như vậy là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chấp trước địa phương ngữ, là đi quá xa ngôn ngữ thường dùng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không chấp trước địa phương ngữ, không đi quá xa ngôn ngữ thường dùng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, trong nhiều quốc độ, người ta biết những chữ Pati.. Patta... Vittha.. Sarava... Dharopa... Pona.. Pisila.. Như vậy, như họ biết trong các quốc độ ấy, những chữ là như vậy, như vậy, một người không chấp thủ mà giải thích: "Các vị ấy y cứ như thế này, giải thích như vậy".

Như vậy, này các Tỷ-kheo là không chấp trước địa phương ngữ, không đi quá xa ngôn ngữ thường dùng.

Khi được nói đến "Chớ có chấp trước địa phương ngữ, chớ có đi quá xa ngôn ngữ thường dùng", do chính duyên này được nói đến như vậy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, phạm **lạc gì liên hệ với dục, nhưng có đam mê** loại hỷ, hạ liệt, đê tiện, phạm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, phạm **lạc gì, liên kết với dục, nhưng không có đam mê loại hỷ**, hạ liệt, đê tiện, phạm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, phạm hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, phạm không có hành trì tự kỷ khổ hạnh, không đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy

không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu
nãi, không có nhiệt nãi, thuộc chánh đạo. Do vậy,
pháp này là pháp vô tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, đây là **Trung đạo** đã
được Thế Tôn giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí,
đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết - bàn.

Pháp này không có đau khổ, không có phiền lao,
không có ưu nãi, không có nhiệt nãi, thuộc chánh
đạo. Do vậy, pháp này là **pháp vô tránh.**

Tại đây, này các Tỷ-kheo, **pháp tán thán và chỉ trích
nhưng không thuyết pháp** này, pháp này có đau
khổ, có phiền lao, có ưu nãi, có phiền nãi, thuộc tà
đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, **pháp không tán thán,
cũng không chỉ trích, chỉ có thuyết pháp**, pháp này
không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu
nãi, không có nhiệt nãi, thuộc chánh đạo. Do vậy,
pháp này là pháp vô tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, **pháp dục lạc** này là uế
lạc, phàm phu lạc, phi Thánh lạc, pháp này là pháp
có đau khổ, có phiền lao, có ưu nãi, có nhiệt nãi.

Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, **pháp xuất ly lạc**, viễn ly
lạc, an tịnh lạc, pháp này là pháp không đau khổ,
không phiền lao, không ưu nãi, không nhiệt nãi,
thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô
tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm **lời nói bí mật nào không thật, hư vọng, không liên hệ mục đích**, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là **pháp hữu tránh**.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm **lời nói bí mật nào là chân thật, không hư vọng, không liên hệ mục đích**, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm **lời nói bí mật nào là chân thật, không hư vọng, có liên hệ mục đích**, pháp này là pháp không đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm **lời nói mất lòng nào, mặt đối mặt (với ai), không chân thật, hư vọng, không liên hệ mục đích**, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm **lời nói mất lòng nào, mặt đối mặt (với ai) là chân thật, không hư vọng, không liên hệ mục đích**, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm **lời nói mất lòng nào, mặt đối mặt (với ai) là chân thật, không hư**

vọng, liên hệ mục đích, pháp này là pháp không đau khổ.. thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, phạm **lời nói nào được nói lên một cách vội vàng**, pháp này có đau khổ... tà đạo... pháp hữu tránh.

Tại đây này các Tỷ-kheo, phạm **lời nói nào được nói lên một cách từ từ**, pháp này không có đau khổ.. chánh đạo.. pháp vô tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, **chấp trước địa phương ngữ và đi quá xa ngôn ngữ thường dùng**, pháp này là pháp có đau khổ.. thuộc về tà đạo... **pháp hữu tránh**.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, **không chấp trước địa phương ngữ và không đi quá xa ngôn ngữ thường dùng**, pháp này là pháp không có đau khổ... thuộc về chánh đạo... **pháp vô tránh**.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông phải tự tu học như sau: *"Chúng ta sẽ biết **hữu tránh pháp** và chúng ta sẽ biết **vô tránh pháp**. Sau khi biết hữu tránh pháp và sau khi biết vô tránh pháp, chúng ta sẽ hành trì vô tránh đạo"*. Và này các Tỷ-kheo, Thiện gia nam tử Subhuti (Tu-bồ-đề) đã hành trì vô tránh pháp.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

67 Và Không Phải Như Vậy - Tương II, 247

Và Không Phải Như Vậy – *Tương II, 247*

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Nay các Tỷ-kheo, do duyên **giới** sai biệt, **xúc** sai biệt sanh khởi; **không** phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

3) *Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?*

4) **Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới;** nay các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

5) *Và nay các Tỷ-kheo, như thế nào do duyên **giới** sai biệt, **xúc** sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi?*

6) Nay các Tỷ-kheo, do duyên **nhãn giới, nhãn xúc** sanh khởi; không phải do duyên nhãn xúc, nhãn giới sanh khởi... Do duyên **ý giới, ý xúc** sanh khởi; không phải do duyên ý xúc, ý giới sanh khởi.

7) Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

68 **Và Không Phải Như Vậy - Tương II,** **253**

Và Không Phải Như Vậy – *Tương II*, 253

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên giới sai biệt, tướng sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tướng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi.
- Do duyên dục sai biệt, niệt tình sai biệt sanh khởi.
- Do duyên niệt tình sai biệt, tâm cầu sai biệt sanh khởi.

3) **Không phải** do duyên tâm cầu sai biệt, niệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên niệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tướng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tướng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

4-9) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?*

Sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

10) *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào do duyên giới sai biệt, tướng sai biệt sanh khởi? Do duyên tướng sai biệt... tâm cầu sai biệt sanh khởi? Không phải do duyên tâm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tướng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tướng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.*

11) Này các Tỷ-kheo, do duyên sắc giới, sắc tướng sanh khởi. Do duyên sắc tướng, sắc tư duy sanh khởi. Do duyên sắc tư duy, sắc dục sanh khởi. Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi. Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tâm cầu sanh khởi.

Không phải do duyên sắc tâm cầu, sắc nhiệt tình sanh khởi. Không phải do duyên sắc nhiệt tình, sắc dục sanh khởi. Không phải do duyên sắc dục, sắc tư duy sanh khởi. Không phải do duyên sắc tư duy, sắc tướng sanh khởi. Không phải do duyên sắc tướng, sắc giới sanh khởi.

12) Do duyên thanh giới...

13) Do duyên hương giới...

14) Do duyên vị giới...

15) Do duyên xúc giới...

16) Do duyên pháp giới, pháp tướng sanh khởi. Do duyên pháp tướng, pháp tư duy sanh khởi. Do duyên pháp tư duy, pháp dục sanh khởi. Do duyên pháp dục, pháp nhiệt tình sanh khởi. Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tâm cầu sanh khởi. **Không phải do duyên** pháp tâm cầu, pháp nhiệt tình sanh khởi. Không phải do duyên pháp nhiệt tình, pháp dục sanh khởi. Không phải do duyên pháp dục, pháp tư duy sanh khởi. Không phải do duyên pháp tư duy, pháp tướng sanh khởi. Không phải do duyên pháp tướng, pháp giới sanh khởi.

17) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tướng sai biệt sanh khởi... Do duyên nhiệt tình sai biệt, tâm cầu sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tâm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai

biệt, tướng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên
tướng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

69 Và Nếu Không Phải Của Tôi - Tương III, 324

Và Nếu Không Phải Của Tôi – *Tương* III, 324

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
- 2) -- *Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì tà kiến như sau sanh khởi: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta"?*
- 3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...
- 4) -- *Này các Tỷ-kheo, do có **sắc**, chấp thủ sắc, thiên chấp sắc nên tà kiến này khởi lên: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta".*
- 5-7) ... thọ... tưởng... các hành...
- 8) Do có **thức**, chấp thủ thức, thiên chấp thức nên tà kiến này khởi lên: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta".

9) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, **sắc** là thường hay vô thường?

-- Vô thường, bạch Thế Tôn.

-- **Cái gì vô thường là khổ hay lạc?**

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- **Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy, và khởi lên tà kiến như sau: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta"?**

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

10-13) ... **Thọ... Tưởng... Các hành... Thức** là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- **Cái gì vô thường là khổ hay lạc?**

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- **Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy, và khởi tà kiến như sau: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta"?**

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

Thấy vậy, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "*Ta đã được giải thoát*". Vị ấy biết rõ: "*Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa*".

70 Vàng Bạc - Tương V, 681

Bạc – Tương V, 681

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhân vàng và bạc. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhân vàng và bạc.

5) Này các Tỷ-kheo, vì không thấy **bốn Thánh đế**.

Thế nào là bốn?

- Thánh đế về Khổ,
- Thánh đế về Khổ tập,
- Thánh đế về Khổ diệt,
- Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

71 Ví Dụ Hòn Núi - Tương I, 223

Ví Dụ Hòn Núi – Tương I, 223

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Thế Tôn nói với vua Pasenadi nước Kosala đang ngồi một bên:

- Thưa Đại vương, Đại vương đi từ đâu lại?

3) Bạch Thế Tôn, con rất là bận rộn với những sự việc các vua chúa bận rộn. Các vua chúa Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh, say đắm kiêu hãnh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục, đạt được sự an toàn quốc độ, và sống chinh phục cả vùng đất đai rộng lớn.

4) Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, nếu có người đến với Đại vương từ phương **Đông**, một người thân tín, đáng tin cậy. Người ấy đến Đại vương và thưa: "Tâu Đại vương, mong Đại vương được biết, con từ phương Đông lại và có thấy tại đây *một ngọn núi cao như hư không, đang di chuyển và chà đạp, đè bẹp tất cả loại hữu tình*. Tâu Đại vương, Đại vương hãy làm những gì cần phải làm".

5) Rồi một người khác đến từ phương Tây... Rồi một người thứ ba đến từ phương Bắc... Rồi một người thứ tư đến từ phương Nam, thân tín đáng tin cậy. Người ấy đến Đại vương và thưa: "Tâu Đại vương, mong Đại vương được biết, con từ phương Nam lại và có thấy tại đây một ngọn núi cao như hư không, đang di chuyển và chà đạp, đè bẹp lên tất cả loại hữu tình. Tâu Đại vương, Đại vương hãy làm những gì cần phải làm". Như vậy, thưa Đại vương, một khủng bố lớn khởi lên cho Đại vương, sự diệt tận nhân loại thật khủng khiếp, được tái sinh làm người thật khó khăn, thời Đại vương có thể làm được những gì?

6) Như vậy, bạch Thế Tôn, một khủng bố lớn khởi lên, sự diệt tận nhân loại thật khủng khiếp, được tái sinh làm người thật khó khăn, *thời con có thể làm được những gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh làm các hạnh lành, làm các công đức!*

7) - *Thưa Đại vương, Ta nói cho Đại vương biết, Ta cáo cho Đại vương hay. Thưa Đại vương, già và chết đang tiến đến chinh phục Đại vương. Khi Đại vương bị già chết chinh phục, Đại vương có thể làm được gì?*

8) - Bạch Thế Tôn, khi con bị già và chết chinh phục, thời con có thể làm được gì, ngoại trừ sống đúng

pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức!

9) Bạch Thế Tôn, những sự việc như các vua chúa Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, say đắm, kiêu hãnh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục, đạt được sự an toàn quốc độ và sống chinh phục cả vùng đất đai rộng lớn cùng các trận chiến với tượng binh. Bạch Thế Tôn, các trận chiến với tượng binh **không** đem lại một hướng đi (gati), một điểm tựa cho các vua chúa ấy, một khi bị già chết chinh phục.

10) Bạch Thế Tôn, những sự việc như các vua chúa Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, say đắm, kiêu hãnh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục, đạt được sự an toàn quốc độ và sống chinh phục cả một vùng đất đai rộng lớn cùng các trận chiến với mã binh... với xa binh..., với bộ binh. Bạch Thế Tôn, các trận chiến với bộ binh **không** đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy một khi bị già chết chinh phục.

11) Bạch Thế Tôn, trong vương quốc này có những Đại thần *ting luyet ve than chu*. Các vị này có thể với thần chú, phá tan quân địch tới tẩn công. Nhưng bạch Thế Tôn, các trận chiến chú thuật **không** đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua ấy một khi bị già chết chinh phục.

12) Bạch Thế Tôn, trong vương cung này có nhiều số **vàng** được chứa cất trong những nhà hầm hay những lầu thượng, và với số vàng ấy chúng con có thể phá tan quân địch tấn công tài chánh. Nhưng bạch Thế Tôn, các trận chiến tài chánh **không** đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy một khi bị già chết chinh phục.

13) Và bạch Thế Tôn, khi con bị già chết chinh phục, thời con có thể làm được gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức!

14) - Như vậy là phải, thưa Đại vương. Như vậy là phải, thưa Đại vương. Khi Đại vương bị già chết chinh phục, Đại vương có thể làm được gì, ngoại trừ **sống đúng pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức!**

15) Thế Tôn nói như vậy.., và bậc Đạo Sư nói thêm:

*Như núi đá rộng lớn,
Dựng đứng lên hư không,
Tiến tới tràn xung quanh,
Áp đè cả bốn phía.
Cũng vậy, **già và chết**
Di chuyển đến hữu tình,
Giai cấp Sát-đế-lỵ,*

Bà-la-môn, Phệ-xá,
Thủ-đà, Chiên-đà-la
Kẻ đồ rác, đồ phân,
Không một ai thoát khỏi,
Tất cả bị chinh phục.
Ở đây không tượng binh,
Không xa binh, bộ binh,
Không trận chiến chú thuật,
Không trận chiến tài sản
Có thể giúp chiến thắng,
Chống với già, với chết.

Do vậy người hiền trí,
Thấy rõ phần tự lợi,
Người trí đặt tin tưởng,
Vào Phật, Pháp và Tăng.
Ai với thân, khẩu, ý,
Hành trì đúng Chánh pháp,
Đời này được tán thán,
Đời sau, hưởng phước trời.

72 Ví Dụ Mặt Trời 1 - Tương V, 123

Ví Dụ Mặt Trời 1 – *Tương V*, 123

1) ...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, cái này là điềm đi trước, là tướng báo trước mặt trời sắp mọc, tức rạng đông.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái này là điềm đi trước, là tướng báo trước bảy giác chi sanh khởi, tức là làm bạn với thiện. Tỷ-kheo làm bạn với thiện, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng: bảy giác chi sẽ được tu tập, bảy giác chi sẽ được làm cho sung mãn.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo làm bạn với thiện, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo làm bạn với thiện, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

Ví Dụ Mặt Trời 2 – 123tu5

1) ...

2) *Ví như, này các Tỷ-kheo, cái này là điềm đi trước, là tướng báo trước mặt trời sắp mọc, tức là rạng đông.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái này là điềm đi trước, là tướng báo trước bảy giác chi sanh khởi, tức là như lý tác ý. Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng: bảy giác chi sẽ được tu tập, bảy giác chi sẽ được làm cho sung mãn.

3) *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo như lý tác ý, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

73 Ví Dụ Mặt Trời 1 - Tương V, 642

Ví Dụ Mặt Trời 1 – *Tương V*, 642

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, đây là điềm đi trước, đây là tướng báo trước mặt trời sắp mọc, tức là rạng đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đây là **điềm đi trước, đây là tướng báo trước sự giác ngộ như thật bốn Thánh đế**, tức là chánh tri kiến...

3) Với Tỷ-kheo có chánh tri kiến này, này các Tỷ-kheo, chờ đợi là vị ấy sẽ rõ biết: "Đây là Khổ"... Vị ấy sẽ rõ biết. "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

4) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

74 Ví Dụ Mặt Trời 2 - Tương V, 123

Ví Dụ Mặt Trời 2 – *Tương V*, 123

1) ...

2) *Ví như, này các Tỷ-kheo, cái này là điềm đi trước, là tướng báo trước mặt trời sắp mọc, tức là rạng đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái này là điềm đi trước, là tướng báo trước bảy giác chi sanh khởi, tức là nghư lý tác ý. Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng: bảy giác chi sẽ được tu tập, bảy giác chi sẽ được làm cho sung mãn.*

3) *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo như lý tác ý, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

75 Ví Dụ Mặt Trời 2 - Tương V, 643

Ví Dụ Mặt Trời 2 – *Tương V*, 643

1) ...

2) -- Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, **mặt trăng, mặt trời** không hiện ra ở đời, cho đến khi ấy, không có ánh sáng lớn, hào quang lớn hiện hữu. Khi ấy chỉ có đêm tối, chỉ có u ám, không thể phân biệt đêm và ngày, không thể phân biệt tháng và nửa tháng, không thể phân biệt thời tiết hằng năm.

3) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, mặt trăng, mặt trời hiện ra ở đời, cho đến khi ấy, có ánh sáng lớn, có hào quang lớn hiện hữu. Khi ấy không có đêm tối, không có u ám. Và có sự phân biệt đêm ngày, có sự phân biệt tháng và nửa tháng, có sự phân biệt thời tiết hằng năm.

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, *cho đến khi nào Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác* không hiện ra ở đời, cho đến khi ấy, không có ánh sáng lớn, không có hào quang lớn. Khi ấy chỉ có đêm tối, chỉ có u ám. Cho đến khi ấy, không có sự tuyên bố, không có sự thuyết giảng, không có sự trình bày, không có sự

*thiết lập, không có sự khai diễn, không có sự phân tích, không có sự hiển thị **bốn Thánh đế**.*

5) *Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác hiện ra ở đời, cho đến khi ấy, có ánh sáng lớn, có hào quang lớn. Khi ấy không có đêm tối, không có u ám. Cho đến khi ấy, có sự tuyên bố, có sự thuyết giảng, có sự trình bày, có sự thiết lập, có sự khai diễn, có sự phân tích, có sự hiển thị **bốn Thánh đế**.*

6) Thế nào là bốn?

- Thánh đế về Khổ,
- Thánh đế về Khổ tập,
- Thánh đế về Khổ diệt,
- Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

7) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

76 Ví Dụ Núi - Tương II, 242

Ví Dụ Núi – Tương II, 242

1) Trú ở Sàvatthi.

2) *Ví như, này các Tỷ-kheo, núi Tuyết Sơn đi đến đoạn tận, diệt tận, chỉ còn lại bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải. Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? Cái nào là nhiều hơn? Núi Tuyết Sơn đi đến đoạn tận, diệt tận hay là bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải được còn lại?*

3) Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là núi Tuyết Sơn đi đến đoạn tận, diệt tận này. Ít hơn là bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải còn lại này. Không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh núi Tuyết Sơn đi đến đoạn tận, diệt tận với bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải còn lại.

4) *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với bậc Thánh đệ tử đã chứng được kiến cụ túc, đối với người đã chứng được minh kiến, cái này là nhiều hơn, tức là khổ đã được đoạn tận, đã được diệt tận; ít hơn là khổ còn lại. Không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể*

sánh bằng khi so sánh với khổ uẩn trước đã được đoạn tận, đã được diệt tận, tức là **bảy lần** nhiều hơn.

5) Như vậy lợi ích lớn thay, này các Tỷ-kheo, là **pháp minh kiến**; như vậy lợi ích lớn thay là **chứng đắc pháp nhãn**.

77 Ví Dụ Núi - Tương II, 243

Ví Dụ Núi – Tương II, 243

1) Trú ở Sàvatthi.

2) *Ví như, này các Tỷ-kheo, các Ông đặt bảy hòn sỏi lớn bằng hột đậu trên vua núi Sineru (núi Tu-di). Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? Cái nào là nhiều hơn? Bảy hòn sỏi lớn bằng hạt đậu được đặt (trên núi) hay là vua núi Sineru?*

3) Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là vua núi Sineru. Ít hơn là bảy hòn sỏi lớn bằng hột đậu được đặt (trên núi). Không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh vua núi Sineru với bảy hòn sỏi lớn bằng hột đậu được đặt (trên núi).

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, so sánh sự chứng đắc của vị Thánh đệ tử đã chứng **kiến cụ túc**, của người đã chứng (minh kiến), **thời sự chứng đắc của các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, du sĩ ngoại đạo không bằng** một trăm lần, không bằng một ngàn lần, không bằng một trăm ngàn lần.

5) Cũng vậy, chứng đắc lớn, này các Tỷ-kheo, là **kiến cụ túc**, là người đã chứng được **đại trí** như vậy.

78 Ví Dụ Tay Và Chân 1 - Tương IV, 281

Ví Dụ Tay Và Chân 1 – Tương IV, 281

1) -- Nếu có các tay, này các Tỷ-kheo, thời có thấy lợm lên và đặt xuống. Nếu có chân, thời có thấy đi tới và đi lui. Nếu có tay chân, thời có thấy co lại và duỗi ra. Nếu có bụng, thời có thấy đói và khát.

2) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có mắt và do duyên nhãn xúc, thời khởi lên nội lạc, nội khổ.

... Nếu có ý, do duyên ý xúc thời khởi lên nội lạc, nội khổ.

3) Nếu không có các tay, này các Tỷ-kheo, thời không có thấy lợm lên và đặt xuống. Nếu không có chân, thời không có thấy đi tới và đi lui. Nếu không có tay chân, thời không có thấy co lại và duỗi ra. Nếu không có bụng, thời không có thấy đói và khát.

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu không có mắt, không có duyên nhãn xúc, thời **không** khởi lên nội lạc, nội khổ.

... Nếu không có lưỡi, không có duyên thiệt xúc, thời **không** khởi lên nội lạc, nội khổ.

... Nếu không có ý, không có duyên ý xúc, thời *không* khởi lên nội lạc, nội khổ.

Ví Dụ Tay Và Chân 2 – *Tương IV*, 282

1-4) -- Nếu có các tay, này các Tỷ-kheo, thời có lượm lên và đặt xuống. Nếu có chân, thời có đi tới và đi lui... Nếu không có ý và không có duyên ý xúc, thời không khởi lên nội lạc và nội khổ...

79 Ví Dụ Với Núi - Tương II, 241

Ví Dụ Với Núi – Tương II, 241

1) Trú ở Sàvatthi.

2) *Ví như, này các Tỷ-kheo, có người đặt bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải trên vua núi Tuyết Sơn. Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? Cái nào là nhiều hơn? Bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải này được đặt (trên núi) hay là vua núi Tuyết Sơn?*

3) Chính cái này bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là vua núi Tuyết Sơn. Ít hơn là bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải được đặt (trên núi). Không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh vua núi Tuyết Sơn với bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải được đặt (trên núi).

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **đối với bậc Thánh đệ tử đã chứng được kiến cụ túc, đối với người đã chứng được minh kiến, cái này là nhiều hơn, tức là khổ đã được đoạn tận, đã được diệt tận; ít hơn là khổ còn lại**. Không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng khi so sánh với khổ uẩn trước đã được đoạn tận, đã được diệt tận, tức là **bảy lần** nhiều hơn.

5) *Như vậy lợi ích lớn thay, này các Tỷ-kheo, là pháp minh kiến (Dhammà - sabbhisamayo: pháp hiện quán); như vậy lợi ích lớn thay là chứng đắc pháp nhãn.*

80 Ví Dụ Với Núi 1 - Tương V, 671

Ví Dụ Với Núi 1 – Tương V, 671

1) ...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, có người đặt trên núi chúa Tuyết Sơn các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải.*

3) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải được đặt lên như vậy, hay là núi chúa Tuyết Sơn?*

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là núi chúa Tuyết Sơn. Còn ít hơn là những hòn sạn lớn bằng bảy hột cải được đặt lên như vậy. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh núi chúa Tuyết Sơn với các viên sạn lớn bằng bảy hột cải.

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử thành tựu chánh kiến, với người đã chứng ngộ, cái này là nhiều hơn, tức là sự khổ đã được đoạn tận, được tiêu mòn này; và rất ít là khổ còn tồn tại, không có thể ước tính, không có thể so sánh, không có thể thành một phần nhỏ, nếu so sánh với khổ trước đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn, tức là

trong thời gian tối đa là bảy lần đối với người đã rõ
biết: "**Đây là Khổ**"... đã rõ biết: "Đây là Con
Đường đưa đến Khổ diệt".

5) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải
làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải
làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần
phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng
cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến
Khổ diệt".

Ví Dụ Với Núi 2 – 671tu5

1) ...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, núi chúa Tuyết Sơn đi
đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt, trừ các hòn sạn lớn
bằng bảy hột cải.*

3) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào
là nhiều hơn, núi chúa Tuyết Sơn đi đến đoạn tận, đi
đến tiêu diệt, hay là các hòn sạn lớn bằng bảy hột
cải còn sót lại?*

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là núi
chúa Tuyết Sơn đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt. Còn
ít hơn là các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải còn sót lại.

Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh núi chúa Tuyết Sơn đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt, với hòn sạn lớn bằng bảy hột cải còn sót lại.

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử thành tựu chánh kiến, với người đã chứng ngộ, cái này là nhiều hơn, tức là sự khổ đã được đoạn tận, được tiêu mòn này; và rất ít là khổ còn tồn tại, không có thể ước tính, không có thể so sánh, không có thể thành một phần nhỏ, nếu so sánh với khổ trước đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn, tức là trong thời gian tối đa là bảy lần đối với người đã rõ biết: "Đây là Khổ"... đã rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

5) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

81 Ví Dụ Với Núi 2 - Tương V, 671

Ví Dụ Với Núi 2 – Tương V, 671

1) ...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, núi chúa Tuyết Sơn đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt, trừ các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải.*

3) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, núi chúa Tuyết Sơn đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt, hay là các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải còn sót lại?*

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là núi chúa Tuyết Sơn đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt. Còn ít hơn là các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải còn sót lại. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh núi chúa Tuyết Sơn đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt, với hòn sạn lớn bằng bảy hột cải còn sót lại.

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử thành tựu chánh kiến, với người đã chứng ngộ, cái này là **nhiều hơn**, tức là sự **khổ đã được đoạn tận**, được tiêu mòn này; và **rất ít** là **khổ còn tồn tại**,

không có thể ước tính, không có thể so sánh, không có thể thành một phần nhỏ, nếu so sánh với khổ trước đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn, tức là trong thời gian tối đa là bảy lần đối với người đã rõ biết: "**Đây là Khổ**"... đã rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

5) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "**Đây là Khổ**". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

82 Ví Dụ Với Trắng - Tương II, 341

Ví Dụ Với Trắng – *Tương II*, 341

1) Trú ở Sàvatthi...

2) **Hãy giống như mặt trăng, này các Tỷ-kheo, khi đi đến các gia đình, thân phải dè dặt, tâm phải dè dặt, luôn luôn là người mới giữa các gia đình, chớ có đường đột xông xáo (appagabbha).**

3) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một người nhìn một cái giếng cũ, hay sườn núi dốc, hay thác nước, thân phải dè dặt, tâm phải dè dặt.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, hãy giống như mặt trăng khi đi đến các gia đình, thân phải dè dặt, tâm phải dè dặt, luôn luôn là người mới giữa các gia đình, không có đường đột xông xáo.

Kassapa, này các Tỷ-kheo, giống như mặt trăng, khi đi đến các gia đình, thân dè dặt và tâm dè dặt, luôn luôn là người mới giữa các gia đình, không có đường đột xông xáo.

4) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, như thế nào một Tỷ-kheo xứng đáng đi đến các gia đình?*

5) - Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ sở y. Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy nói lên ý nghĩa của lời nói này. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

6) Rồi Thế Tôn vậy bàn tay giữa hư không:

- *Ví như, này các Tỷ-kheo, **bàn tay này giữa hư không, không bị dính vào, không bị nắm lấy, không bị trói buộc.***

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo đi đến các gia đình, tâm không bị dính vào, không bị nắm lấy, không bị trói buộc, nghĩ rằng: "Những ai muốn được lợi, hãy được lợi! Những ai muốn công đức, hãy làm các công đức!".

7) Như mình hoan hỷ, thỏa mãn khi mình được lợi; hãy hoan hỷ, thỏa mãn khi người khác được lợi! Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như vậy xứng đáng đi đến các gia đình.

Này các Tỷ-kheo, **Kassapa** khi đi đến các gia đình, đối với các gia đình, **tâm không bị dính vào, không bị nắm lấy, không bị trói buộc, nghĩ rằng: "Những ai muốn được lợi hãy được lợi! Những ai muốn công đức hãy làm các công đức!"**.

8) Như mình hoan hỷ, thỏa mãn khi mình được lợi; hãy hoan hỷ, thỏa mãn, khi người khác được lợi!

9) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy xứng đáng đi đến các gia đình.

10) *Các Ông nghĩ như thế nào, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thế nào, thuyết pháp không thanh tịnh? Tỷ-kheo như thế nào, thuyết pháp được thanh tịnh?*

11) Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ y chỉ. Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy nói lên ý nghĩa của lời nói này. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

12) Vậy nay các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

13) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào với tâm như thế này thuyết pháp cho các người khác: "Ôi, mong họ được **nghe** pháp ta giảng. Và sau khi nghe pháp, mong họ được **hoan hỷ**. Được hoan hỷ, **mong họ làm**

cho ta hoan hỷ", này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như vậy thuyết pháp **không** thanh tịnh.

14) Và này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào với tâm như thế này thuyết pháp cho các người khác: "Pháp được Thế Tôn khéo giảng, pháp ấy liên hệ đến hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu. Ôi, mong họ được nghe pháp ta giảng. Và sau khi nghe pháp, mong họ được hiểu rõ pháp. Và sau khi hiểu rõ pháp, mong họ như vậy thực hành. Duyên pháp thiện pháp tánh (dhammasudhammata) thuyết pháp cho các người khác. Duyên lòng từ bi, duyên lòng từ mẫn, khởi lòng lân mẫn thuyết pháp cho các người khác", này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là Tỷ-kheo **thanh** tịnh thuyết pháp.

15) Này các Tỷ-kheo, **Kassapa** với tâm như thế này thuyết pháp cho các người khác: "Pháp được Thế Tôn khéo giảng, pháp ấy liên hệ đến hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu. Ôi, mong họ được nghe pháp ta giảng. Và sau khi nghe pháp, mong họ được hiểu rõ pháp. Và sau khi được hiểu rõ pháp, mong họ như vậy thực hành. Duyên pháp thiện pháp tánh, duyên từ bi, duyên lòng từ

mẫn, khởi lòng lân mẫn thuyết pháp cho các người khác".

16) Với Kassapa, này các Tỷ-kheo, Ta đã giáo giới các Ông, hay với ai giống như Kassapa! Được giáo giới, **các Ông phải như thật thực hành.**

83 Ví dụ Con Chim Ưng - Tương V, 227

Con Chim Ưng – Tương V, 227 (Sakunagghi)

1-2)...

3) -- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, một con chim ưng cái thành linh vô xuống và chụp lấy một con chim cút.

4) Rồi này các Tỷ-kheo, con chim cút bị con chim ưng cái bắt, than khóc như sau:

"-- Như thế này, thật bất hạnh cho tôi! Thật thiếu công đức cho tôi! Vì rằng tôi đã đi không phải chỗ hành xứ của mình, đi vào cảnh giới của người khác. Nếu tôi đi trong chỗ hành xứ của tôi, trong cảnh giới của cha mẹ tôi, thì con chim ưng này không thể hơn tôi, nếu phải đánh nhau".

"-- *Này Chim cút, thế nào là chỗ hành xứ của người, thế nào là cảnh giới của cha mẹ người?*"

-- "Là vật đất được lưỡi cày xới lên".

5) Rồi này các Tỷ-kheo, con chim ưng cái không có siết mạnh sức mạnh của mình, không có bóp chặt sức mạnh của mình, thả con chim cút rồi nói:

-- "Hãy đi, này Chim cắt. Sau khi đi tại chỗ ấy, ta sẽ không thả cho người".

6) Rồi này các Tỷ-kheo, con chim cắt đi đến vạt đất được lưỡi cày xới lên, leo lên một hòn đất lớn, đứng trên ấy và nói với con chim ưng:

"-- Này, hãy đến ta, Chim ưng! Này, hãy đến ta, này Chim ưng!"

7) Rồi này các Tỷ-kheo, con chim ưng cái siết mạnh sức mạnh của mình, bóp chặt sức mạnh của mình, xếp cả hai cánh, thành hình vồ lấy con chim cắt. Này các Tỷ-kheo, khi con chim cắt biết được: "Con chim ưng này đang vồ mạnh xuống ta", liền nấp sau hòn đất ấy. Này các Tỷ-kheo, ở đây, con chim ưng bị bẻ ngực.

8) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với ai đi tới chỗ không phải hành xử của mình, đi đến cảnh giới của người khác. Do vậy, này các Tỷ-kheo, chớ có đi đến chỗ không phải hành xử của mình, chỗ cảnh giới của người khác. Này các Tỷ-kheo, đi đến chỗ không phải hành xử của mình, đi đến cảnh giới của người khác, thời Ác ma nắm được cơ hội, Ác ma nắm được đối tượng.

9) Nay các Tỷ-kheo, chỗ nào **không phải hành xứ của Tỷ-kheo**? Chỗ nào là cảnh giới của người khác? Chính là **năm dục công đức**.

10) Thế nào là năm?

- Có các **sắc** do mắt nhận thức khả lạc, **khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn**.
- Có các tiếng do tai nhận thức...
- Có các hương do mũi nhận thức...
- Có các vị do lưỡi nhận thức...
- Có các xúc do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, đây là chỗ không phải hành xứ của Tỷ-kheo, chỗ cảnh giới của người khác.

11) Nay các Tỷ-kheo, **hãy đi đến chỗ hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình. Này các Tỷ-kheo, đi đến chỗ hành xứ của mình, đến cảnh giới của cha mẹ mình, thời Ác ma không nắm được cơ hội, không nắm được đối tượng.**

12) Và nay các Tỷ-kheo, chỗ nào là chỗ **hành xứ của Tỷ-kheo**? Chỗ nào là cảnh giới của cha mẹ? Chính là **bốn niệm xứ**.

Thế nào là bốn?

13) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; trú, quán thọ trên các thọ...; trú, quán tâm trên tâm...; trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây là chỗ hành xử của mình, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình.

84 Vô Lậu - Tương IV, 572

Vô Lậu – Tương IV, 572

1)-- Này các Tỷ-kheo, **Ta sẽ thuyết về vô lậu và con đường đưa đến vô lậu, hãy lắng nghe.**

2) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vô lậu?* Này các Tỷ-kheo, **sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si.** Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô lậu.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô lậu?* **Thân niệm**, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô lậu.

4) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta thuyết về vô lậu, Ta thuyết về con đường đưa đến vô lậu.

5) Này các Tỷ-kheo, những gì một bậc Đạo sư cần phải làm cho những đệ tử, vì hạnh phúc, vì lòng từ mẫn, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với họ; tất cả, Ta đã làm cho các Ông.

6) Này các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống, **hãy tu tập Thiên định. Chớ có phóng dật. Chớ để hối hận về sau.** Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

85 Vô Minh - Tương IV, 411

Vô Minh – Tương IV, 411

1-2) ... du sĩ Jambukhàdaka nói với Tôn giả Sàriputta:

3) -- "**Vô minh, vô minh**", này Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là vô minh?

-- Này Hiền giả, không biết rõ đối với **khổ**, không biết rõ đối với **khổ tập khởi**, không biết rõ đối với **khổ đoạn diệt**, không biết rõ đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, này Hiền giả, đây gọi là vô minh.

4) -- *Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận vô minh ấy?*

-- Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận vô minh ấy.

5) -- *Này Hiền giả, con đường ấy là gì, đạo lộ ấy là gì đưa đến đoạn tận vô minh ấy?*

-- Này Hiền giả, đây là con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn,

chánh niệm, chánh định. Này Hiền giả, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến đoạn tận vô minh ấy.

6) -- Này Hiền giả, hiền thiện là con đường, hiền thiện là đạo lộ đưa đến đoạn tận vô minh ấy. Thật là vừa đủ, này Hiền giả, để **không phóng dật.**

86 Vô Minh - Tương IV, 57

Vô Minh – Tương IV, 57

1) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Do biết như thế nào, bạch Thế Tôn, do thấy như thế nào, vô minh được đoạn tận, mình được sanh khởi?

4) -- Này Tỷ-kheo, do biết, do thấy mắt là vô thường, vô minh được đoạn tận, mình được sanh khởi. Do biết, do thấy các sắc là vô thường, vô minh được đoạn tận, mình được sanh khởi... nhãn thức... nhãn xúc... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; do biết, do thấy cảm thọ ấy là vô thường, vô minh được đoạn tận, mình được sanh khởi.

5-8) Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

9) Do biết, do thấy ý là vô thường, vô minh được đoạn tận, mình được sanh khởi... Các pháp... Ý thức... Ý xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; do biết, do thấy cảm thọ

ấy là vô thường, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi.

10) Do biết như vậy, này các Tỷ-kheo, do thấy như vậy, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi.

87 Vô Minh - Tương V, 622

Vô Minh – Tương V, 622

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo... ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "*Vô minh, vô minh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô minh? Và cho đến như thế nào là đi đến vô minh (avijjagato)?*

4) -- *Này Tỷ-kheo, chính là không rõ biết Khổ, không rõ biết Khổ tập, không rõ biết Khổ diệt, không rõ biết Con Đường đưa đến Khổ diệt. Này Tỷ-kheo, đấy gọi là vô minh. Cho đến như vậy là đi đến vô minh.*

5) Do vậy, này Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

Minh – Tương V, 623

1) ...

2) ... (như kinh trên) ...

3) Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "*Minh, minh*", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là minh? Và cho đến như thế nào là đi đến minh?

4) -- *Này Tỷ-kheo, chính là rõ biết Khổ, rõ biết Khổ tập, rõ biết Khổ diệt, rõ biết Con Đường đưa đến Khổ diệt. Này Tỷ-kheo, đấy gọi là minh. Cho đến như vậy là đi đến minh.*

5) Do vậy, này Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

88 Vô Minh - Tương V, 9

Vô Minh – Tương V, 9

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), tại Thắng Lâm, trong vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

2) Lúc bấy giờ, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo".

-- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn".

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

3) – Này các Tỷ-kheo,

- *Khi nào **vô minh** dẫn đầu, đưa đến sự thành tựu các pháp bất thiện, thời **vô tà, vô quý** nối tiếp theo.*
- *Với kẻ bị vô minh chi phối, vô trí, này các Tỷ-kheo, **tà kiến** sanh.*
- *Đối với kẻ có tà kiến, tà tư duy sanh.*
- *Đối với kẻ có tà tư duy, tà ngữ sanh.*
- *Đối với kẻ có tà ngữ, tà nghiệp sanh.*
- *Đối với kẻ có tà nghiệp, tà mạng sanh.*

- *Đối với kẻ có tà mạng, tà tinh tấn sanh.*
- *Đối với kẻ có tà tinh tấn, tà niệm sanh.*
- *Đối với kẻ có tà niệm, tà định sanh.*

4) Nay các Tỷ-kheo,

- *Khi nào **minh** dẫn đầu, đưa đến sự thành tựu các thiện pháp, thời **tâm** và **quý** nối tiếp theo.*
- *Với kẻ được minh chi phối, có trí, này các Tỷ-kheo, **chánh kiến** sanh.*
- *Đối với vị chánh kiến, chánh tư duy sanh.*
- *Đối với vị chánh tư duy, chánh ngữ sanh.*
- *Đối với vị chánh ngữ, chánh nghiệp sanh.*
- *Đối với vị chánh nghiệp, chánh mạng sanh.*
- *Đối với vị chánh mạng, chánh tinh tấn sanh.*
- *Đối với vị chánh tinh tấn, chánh niệm sanh.*
- *Đối với vị chánh niệm, chánh định sanh.*

89 Vô Minh 1 - Tương IV, 89

Vô Minh 1 – Tương IV, 89

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Có một pháp gì, bạch Thế Tôn, nếu Tỷ-kheo đoạn tận pháp ấy, thời vô minh được đoạn tận và minh sanh khởi?

-- Có một pháp, này Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đoạn tận pháp ấy, vô minh được đoạn tận, minh sanh khởi.

4) -- *Một pháp ấy là gì, bạch Thế Tôn, nếu Tỷ-kheo đoạn tận pháp ấy, vô minh được đoạn tận và minh sanh khởi?*

-- **Vô minh**, này Tỷ-kheo, là một pháp, nếu Tỷ-kheo đoạn tận pháp ấy, vô minh được đoạn tận, minh sanh khởi.

5) -- *Tỷ-kheo biết như thế nào, bạch Thế Tôn, thấy như thế nào, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi?*

6) -- Nay Tỳ-kheo, Tỳ-kheo biết mắt, thấy **mắt là vô thường** nên vô minh đoạn tận, minh sanh khởi.

... tai... mũi...

7-11) ... lưỡi... thân... ý...

12) Nay Tỳ-kheo, do Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy nên **vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi.**

Vô Minh 2 – Tương IV, 90

1-5) (Như kinh trước)

6) -- Ở đây, nay Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo có nghe: **"Các pháp không nên thiên chấp"**. Nay Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo ấy nghe như sau: "Tất cả các pháp không nên thiên chấp", vị ấy thắng tri tất cả các pháp. Do liễu tri tất cả pháp nên thấy tất cả tướng có thể thay đổi. Vị ấy thấy con **mắt** có thể thay đổi... các **sắc**... nhãn **thức**... nhãn **xúc**... Do duyên ý xúc khởi lên cảm **thọ** gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy thấy cảm thọ ấy có thể thay đổi.

7) Nay Tỳ-kheo, do Tỳ-kheo biết vậy, thấy vậy nên **vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi.**

90 Vô Minh Hay Vị Tỷ kheo - Tương III, 289

Vô Minh – Hay Vị Tỷ kheo – *Tương III, 289*

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "*Vô minh, vô minh*", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô minh? Cho đến như thế nào, một người là vô minh?

4-8) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu không biết rõ sắc, không biết rõ sắc tập khởi, không biết rõ sắc đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt, không biết rõ thọ... không biết rõ tưởng... không biết rõ các hành... không biết rõ thức, không biết rõ thức tập khởi, không biết rõ thức đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt.

9) Này Tỷ-kheo, **đây gọi là vô minh**. Và cho đến như vậy, một người là vô minh.

Minh – Hay Vị Tỷ kheo – 290tu3

1-4) Nhân duyên ở Sàvatthi... Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "*Minh, minh", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thế Tôn, như thế nào là minh? Cho đến như thế nào, một người là minh?*

5) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử biết rõ sắc, biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt.

6-8)... biết rõ **thọ**... biết rõ **tưởng**... biết rõ các **hành**... biết rõ **thức**, biết rõ thức tập khởi, biết rõ thức đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt.

9) Này Tỷ-kheo, **đây gọi là minh**. Và cho đến như vậy, một người là minh.

91 Vô Ngã - Tương III, 145

Vô Ngã – Tương III, 145

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con... con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) - **Cái gì vô ngã, này Tỷ-kheo, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.**

- Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) - *Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?*

6) - **Sắc là vô ngã, bạch Thế Tôn, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức** là vô ngã, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) - Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời Ta nói một cách vắn tắt, Ông đã

hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. SẮC là vô ngã, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là vô ngã, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói văn tắt này của Ta, Ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

92 Vô Ngã - Tương III, 46

Vô Ngã – *Tương III, 46*

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-7) Nay các Tỷ-kheo, **sắc là vô ngã...**, **thọ** là vô ngã..., **tưởng** là vô ngã..., các **hành** là vô ngã..., **thức** là vô ngã...

8) **Thấy vậy**, nay các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

93 Vô Ngã 1 Nội - Tương IV, 11

Vô Ngã 1 Nội – Tương IV, 11

1-2) ...

3) -- **Mắt**, này các Tỷ-kheo, là **vô ngã**. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

4-7) Tai là vô ngã... Mũi là vô ngã... Lưỡi là vô ngã... Thân là vô ngã...

8) Ý là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) **Thấy vậy**, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với tai, nhàm chán đối với mũi, nhàm chán đối với lưỡi, nhàm chán đối với thân, nhàm chán đối với ý. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên trí biết rằng: "**Ta đã giải thoát**". Vị ấy biết rõ: "**Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa**".

94 Vô Ngã 2 Ngoại - Tương IV, 13

Vô Ngã 2 Ngoại – *Tương* IV, 13

1-2) ...

3) -- Các **sắc**, này các Tỷ-kheo, là **vô ngã**. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

4-7) Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc....

8) Các pháp là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) **Thấy vậy**, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với các sắc, nhàm chán đối với các tiếng, nhàm chán đối với các hương, nhàm chán đối với các vị, nhàm chán đối với các xúc, nhàm chán đối với các pháp. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên trí biết rằng: "*Ta đã giải thoát*". Vị ấy biết rõ: "*Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa*".

95 Vô Ngã 3 Nội - Tương IV, 15

Vô Ngã 3 Nội – Tương IV, 15

1-2) ...

3) -- **Mắt**, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, kể cả quá khứ và vị lai, còn nói gì đến (mắt) hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không có tiếc nuối đối với mắt quá khứ, không có hoan hỷ đối với mắt vị lai, đối với mắt hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt.

4-7) Tai... Mũi... Lưỡi... Thân....

8) Ý là vô ngã, kể cả quá khứ và vị lai, còn nói gì đến (ý) hiện tại. **Thấy vậy**, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với ý quá khứ, không hoan hỷ đối với ý vị lai, đối với ý hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt.

96 Vô Ngã 4 Ngoại - Tương IV, 18

Vô Ngã 4 Ngoại – *Tương* IV, 18

1-2) ...

3) -- Các **sắc**, này các Tỷ-kheo, là **vô ngã**, kể cả (các sắc) quá khứ và vị lai, còn nói gì đến (các sắc) hiện tại. **Thấy vậy**, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với các **sắc quá khứ**, không hoan hỷ đối với **sắc vị lai**, đối với các **sắc hiện tại** đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt.

4-7) Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc....

8) Các **pháp**, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, kể cả (các pháp) quá khứ và vị lai, còn nói gì đến (các pháp) hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với các **pháp quá khứ**, không hoan hỷ đối với các **pháp vị lai**, đối với các **pháp hiện tại** đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt.

97 Vô Sở Hữu Xứ - Tương III, 386

Vô Sở Hữu Xứ – *Tương* III, 386

1-5) Một thời Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi...

6) Tôn giả Ananda thấy Tôn giả Sàriputta từ xa đi đến; sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Sàriputta:

*-- Hiền giả Sàriputta, các **căn** của Hiền giả lắng dịu, sắc **mặt** được thanh tịnh, trong sáng. Hôm nay Hiền giả an trú với sự an trú nào?*

7-8) -- Ở đây, này Hiền giả, vượt qua hoàn toàn Thức vô biên xứ, với ý nghĩ: " Không có vật gì", tôi chứng đạt và an trú **Vô sở hữu xứ**. Tôi **không** có khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Vô sở hữu xứ", hay "Tôi đã chứng nhập Vô sở hữu xứ", hay "Tôi đã ra khỏi Vô sở hữu xứ".

8) Như vậy chắc chắn Hiền giả trong một thời gian dài, đã khéo nhổ tận gốc các tùy miên ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn. Do vậy, Tôn giả Sàriputta không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Vô sở hữu xứ", hay "Tôi đã chứng nhập Vô sở hữu xứ", hay "Tôi đã ra khỏi Vô sở hữu xứ".

98 Vô Sở Hữu Xứ - Tương IV, 426

Vô Sở Hữu Xứ – *Tương* IV, 426

1-2). ..

3) -- "*Vô sở hữu xứ, Vô sở hữu xứ*", như vậy được nói đến. Thế nào là Vô sở hữu xứ?

4) Nay chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: 'Không có sự vật gì', chứng và trú Vô sở hữu xứ". Nay chư Hiền, đây gọi là Vô sở hữu xứ.

5) Rồi nay chư Hiền, sau khi vượt qua Thức vô biên xứ, tôi biết rằng không có sự vật gì, chứng và trú Vô sở hữu xứ. Nay chư Hiền, *do tôi trú với an trú này, các tướng cấu hữu với Thức vô biên xứ được tác ý và hiện hành.*

6) Rồi nay chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói như sau: "Này Moggalàna, này Moggalàna, chớ có phóng dật Vô sở hữu xứ. Nay Moggalàna, hãy đặt tâm vào Vô sở hữu xứ! Hãy nhứt tâm vào Vô sở hữu xứ! Hãy định tâm vào Vô sở hữu xứ!"

7) Rồi này chư Hiền, sau một thời gian, vượt qua Thức vô biên xứ, tôi biết rằng không có sự vật gì, chúng và trú Vô sở hữu xứ.

8) Này chư Hiền, nếu ai nói một cách chơn chánh:
"Vị đệ tử được bậc Đạo Sư hỗ trợ, chứng được đại thắng trí", người ấy sẽ nói về tôi như sau: ***"Mahà Moggahàna là người đệ tử được bậc Đạo Sư hỗ trợ, chứng được đại thắng trí"***.

99 Vô Thường - Tương III, 142

Vô Thường – Tương III, 142

1-3) Nhân duyên ở Sàvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con... con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần...

4) - **Cái gì vô thường, này Tỷ-kheo, ở đây, Ông phải đoạn trừ lòng dục.**

- Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

5) - *Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?*

6) **Sắc là vô thường, bạch Thế Tôn, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là vô thường, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục.** Lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

7) - Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Như vậy lời Ta nói một cách vắn tắt,

Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. Sắc là vô thường, này Tỷ-kheo, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ là vô thường... Tưởng là vô thường... Các hành là vô thường... Thức là vô thường, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8-9) Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

100 Vô Thường - Tương III, 316

Vô Thường – Tương III, 316

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
- 2) -- **Cái gì vô thường, này các Tỷ-kheo, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.**

Này các Tỷ-kheo, cái gì là vô thường?

- 3) Này các Tỷ-kheo, **sắc** là vô thường.

4-6) ... **Thọ... Tưởng... Các hành...**

- 7) **Thức là vô thường, ở đây, các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.**

- 8) Cái gì vô thường, này các Tỷ-kheo, ở đây các Ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

III. Vô Thường – 316tu3

(Như kinh trên, chỉ khác là tham (ràga) thay thế cho dục (chanda)).

IV. Vô Thường – 316tu3

(Như kinh trên, chỉ khác là cả dục và tham).

V-VI-VII. Khổ (1,2,3) – 316tu3

(Như kinh trên, chỉ khác là khổ thay thế cho vô thường).

VIII-IX-X. Vô Ngã (1,2,3) – 316tu3

(Như kinh trên, chỉ khác là vô ngã thay thế cho khổ).

101 Vô Thường - Tương III, 340

Vô Thường – Tương III, 340

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- "*Vô thường, vô thường", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô thường?*

4) -- **Sắc**, này Ràdha, là vô thường. **Thọ** là vô thường. **Tưởng** là vô thường. **Hành** là vô thường. **Thức** là vô thường.

5) Do thấy vậy, này Ràdha, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "*Ta đã được giải thoát*". Vị ấy biết rõ: "*Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa*".

Vô Thường Tánh – Tương III, 340

(Kinh như trên, chỉ thay "vô thường" bằng "vô thường tánh").

102 Vô Thường - Tương III, 45

Vô Thường – *Tương* III, 45

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàvathi...

2) Tại đây...

3-6) Nay các Tỷ-kheo, **sắc là vô thường... thọ** là vô thường... **tướng** là vô thường... các **hành** là vô thường... **thức** là vô thường.

7) **Thấy vậy**, nay các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tướng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Khổ – 46tu3

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-7) Nay các Tỷ-kheo, **sắc là khổ...**, **thọ** là khổ..., **tưởng** là khổ..., các **hành** là khổ..., **thức** là khổ...

8) **Thấy vậy**, nay các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Vô Ngã – 46tu3

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-7) Nay các Tỷ-kheo, **sắc là vô ngã...**, **thọ** là vô ngã..., **tưởng** là vô ngã..., các **hành** là vô ngã..., **thức** là vô ngã...

8) **Thấy vậy**, nay các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được

giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

103 Vô Thường - Tương III, 88

Vô Thường – *Tương* III, 88

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) **Sắc**, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khô. Cái gì khô là vô ngã. Cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi". Do như thật quán với chánh trí tuệ như vậy, **tâm ly tham, được giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc**.

4-6) **Thọ**, này các Tỷ-kheo, là vô thường... **Tưởng**, này các Tỷ-kheo... Các **hành**, này các Tỷ-kheo...

7) **Thức**, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khô. Cái gì khô là vô ngã. Cái gì là vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi". Do như thật quán với chánh trí tuệ như vậy, tâm ly tham, được giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc.

8) Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đối với **sắc giới có tâm ly tham, giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc**, đối với **thọ giới**... đối với **tưởng giới**... đối với

hành giới... đối với **thức giới**, có tâm ly tham, giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc.

- Do giải thoát, vị ấy an trú.
- Do an trú, vị ấy tri túc.
- Do tri túc, vị ấy không ưu não.
- Do không ưu não, vị ấy tự mình tịch tịnh. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

104 Vô Thường - Tương III, 89

Vô Thường – *Tương* III, 89

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) **Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".**

4-6) Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô thường... Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô thường... Các hành, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

7) Thức, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

8) **Do như thật quán với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy không có các tùy kiến về quá khứ. Do không có các tùy kiến về quá khứ nên không có các tùy kiến về tương lai. Do không có các tùy kiến về tương lai, kiên trì chấp thủ không có. Do không có kiên trì chấp thủ, đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối**

với các hành... đối với thức, tâm ly tham, giải thoát, không chấp thủ các lậu hoặc.

- Do giải thoát, vị ấy an trú.
- Do an trú, vị ấy tri túc.
- Do tri túc, vị ấy không ưu não.
- Do không ưu não, vị ấy tự mình được tịch tịnh một cách viên mãn. Vị ấy biết: " Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa ".

105 Vô Thường - Tương IV, 347

Vô Thường – *Tương* IV, 347

1-2) ...

3) -- Có ba thọ này, này các Tỷ-kheo, vô thường, hữu vi, do duyên sanh, chịu sự đoạn tận, chịu sự tiêu vong, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt.

4) Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

5) Ba thọ này, này các Tỷ-kheo, là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, chịu sự đoạn tận, chịu sự tiêu vong, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt.

106 Vô Thường - Tương IV, 55

Vô Thường – Tương IV, 55

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) -- **Tất cả, này các Tỷ-kheo, là vô thường.** Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tất cả là vô thường?

3-5) **Mắt**, này các Tỷ-kheo, là vô thường. **Các sắc** là vô thường. Nhãn **thức** là vô thường. Nhãn **xúc** là vô thường. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm **thọ** ấy là vô thường.

... Tai... Mũi...

6-7) ... Lưỡi... Thân...

8) **Ý** là vô thường. Các pháp là vô thường. Ý thức là vô thường. Ý xúc là vô thường. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô thường.

9) **Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với **mắt**, nhàm chán đối với các **sắc**, nhàm chán đối với nhãn **thức**, nhàm chán đối với nhãn xúc. Do duyên nhãn **xúc** khởi lên cảm thọ**

gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhàm chán cảm **thọ** ấy. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "*Ta đã được giải thoát*". Vị ấy biết rõ rằng: "*Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa*".

44.II. **Khổ**... 55tu4

45.III. **Vô Ngã**... – 55tu4

46.IV. **Cần Phải Thắng Tri**... (abhinneyyam) – 55tu4

47.V. **Cần Phải Liễu Tri**... (parinneyyam) – 55tu4

48.VI. **Cần Phải Đoạn Tận**... – 55tu4

49. VII. **Cần Phải Chứng Ngộ**... (sacchikàtabbam) – 56tu4

50.VIII. **Cần Phải Thắng Tri, Liễu Tri**... (abhinna parinneyyam) – 56tu4

51.IX. **Bị Phiền Lụy**... (upadduta) – 56tu4

Bị Áp Đảo— 56tu4 (upassattha)

1) ...

2) -- **Tất cả, này các Tỷ-kheo, bị áp đảo.** Và này các Tỷ-kheo, cái gì bị áp đảo?

3-5) **Mắt**, này các Tỷ-kheo, bị áp đảo. Các **sắc** bị áp đảo. Nhãn **thức** bị áp đảo. Nhãn **xúc** bị áp đảo. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm **thọ** ấy bị áp đảo.

... Tai... Mũi...

5-6) Lưỡi... Thân...

7) **Ý** bị áp đảo. Các pháp bị áp đảo. Ý thức bị áp đảo. Ý xúc bị áp đảo. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị áp đảo.

8) **Thấy vậy**, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử **nhàm chán** đối với **mắt**, **nhàm chán** đối với **sắc**, **nhàm chán** đối với nhãn **thức**, **nhàm chán** đối với nhãn **xúc**. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm **thọ** gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy **nhàm chán** đối với cảm thọ ấy... đối với tai... đối với mũi... đối với lưỡi... đối với thân... **nhàm chán** đối với ý, **nhàm chán** đối với

*các pháp, nhằm chán đối với ý thức, nhằm chán đối với ý xúc. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhằm chán đối với cảm thọ ấy. **Do nhằm chán nên vị ấy ly tham**. Do ly tham nên vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, nay không còn trở lui trạng thái này nữa".*

107 Vô Thường 1 Nội - Tương IV, 9

Vô Thường 1 Nội – Tương IV, 9

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anàthapindika.

2) Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- "Này các Tỷ-kheo"

-- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

3) Thế Tôn nói như sau:

-- **Mắt**, này các Tỷ-kheo, là **vô thường**. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

4) **Tai** là vô thường...

5) **Mũi** là vô thường...

6) **Lưỡi** là vô thường...

7) **Thân** là vô thường...

8) **Ý** là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) **Thấy vậy**, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với tai, nhàm chán đối với mũi, nhàm chán đối với lưỡi, nhàm chán đối với thân, nhàm chán đối với ý. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên trí biết rằng: "*Ta đã giải thoát*". Vị ấy biết rõ: "*Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa*".

108 Vô Thường 2 Ngoại - Tương IV, 12

Vô Thường 2 Ngoại – *Tương* IV, 12

1-2) ...

3) -- **Sắc**, này các Tỷ-kheo, là **vô thường**. Cái gì vô thường là khổ. Cái khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

4-7) Các **tiếng**... Các **hương**... Các **vị**... Các **xúc**...

8) Các **pháp** là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

9) **Thấy vậy**, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử **nhàm** chán đối với các sắc, **nhàm** chán đối với các tiếng, **nhàm** chán đối với các hương, **nhàm** chán đối với các vị, **nhàm** chán đối với các xúc, **nhàm** chán đối với các pháp. Do **nhàm** chán, vị ấy **ly** tham. Do ly tham, vị ấy **giải** thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên **trí** biết rằng: "***Ta đã giải thoát***". Vị ấy **biết** rõ: "***Sanh***

***đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm
đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".***

109 Vô Thường 3 Nội - Tương IV, 14

Vô Thường 3 Nội – *Tương* IV, 14

1-2) ...

3) -- **Mắt**, này các Tỷ-kheo, là vô thường, kể cả quá khứ và vị lai, còn nói gì (mắt) hiện tại.

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với **mắt quá khứ**, không hoan hỷ đối với **mắt tương lai**, đối với **mắt hiện tại** đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt.

4-7) **Tai** là vô thường... **Mũi** là vô thường... **Lưỡi** là vô thường... **Thân** là vô thường....

8) **Ý** là vô thường, kể cả quá khứ và vị lai, còn nói gì đến (ý) hiện tại. **Thấy vậy**, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử, không tiếc nuối đối với ý quá khứ, không có hoan hỷ đối với ý tương lai, đối với ý hiện tại; đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt.

110 Vô Thường 4 Ngoại - Tương IV, 16

Vô Thường 4 Ngoại – *Tương* IV, 16

1-2) ...

3) -- Các **sắc**, này các Tỷ-kheo, là vô thường, kể cả quá khứ và vị lai, còn nói gì đến (sắc) hiện tại. **Thấy vậy**, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với các **sắc quá khứ**, không hoan hỷ đối với **sắc vị lai**, đối với các **sắc hiện tại** đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt.

4-7) Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc....

8) Các **pháp**, này các Tỷ-kheo, là vô thường, kể cả (các pháp) quá khứ và vị lai, còn nói gì (các pháp) hiện tại. **Thấy vậy**, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với các **pháp quá khứ**, không hoan hỷ đối với các **pháp vị lai**, đối với các **pháp hiện tại** đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt.

111 Vô Thường Tánh Hay Tướng - Tướng III, 277

Vô Thường Tánh – Hay Tướng – *Tương* III, 277

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) - Do tu tập, làm cho sung mãn **vô thường tướng**, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận, tất cả hữu tham được đoạn tận, tất cả vô minh được đoạn tận, tất cả ngã mạn **được tận trừ**.

4) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người làm ruộng, vào mùa thu, dùng một cái cày lớn cắt đứt tất cả rễ mọc trong khi cày. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tướng, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận, tất cả hữu tham được đoạn tận, tất cả vô minh được đoạn tận, tất cả ngã mạn được tận trừ.

5) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người cắt cỏ cắt đứt cây cỏ, nắm lấy đầu ngọn đập lên, đập xuống, đập tả, đập hữu, rồi quăng một bên. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tướng, tất cả dục tham được đoạn tận... tất cả ngã mạn được tận trừ.

6) Ví như, này các Tỷ-kheo, khi một chùm xoài bị cắt đứt từ cành, thời các trái xoài cùng dính vào cành đều bị đứt theo. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tướng, tất cả dục tham được đoạn tận... tất cả ngã mạn được tận trừ.

7) Ví như, này các Tỷ-kheo, một ngôi nhà có nóc nhọn, phàm có rui kèo nào, tất cả đều đi đến nóc nhọn, hướng đến nóc nhọn, quy tụ về nóc nhọn, và nóc nhọn là tối thượng hơn chúng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tướng... tất cả ngã mạn được tận trừ.

8) Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những rễ hương gì, hương anusàri đen là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

9) Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những lõi hương gì, hương chiên-đàn đỏ là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

10) Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những hoa hương gì, hương vassika là tối thượng hơn những hương ấy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo. .. tất cả ngã mạn được tận trừ.

11) Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những tiểu vương nào, tất cả những vua ấy đều tùy thuộc vua

Chuyển luân vương. Vua Chuyển luân vương được gọi là vua tối thượng đối với họ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

12) *Ví như, này các Tỷ-kheo, ánh sáng các loại sao gì, tất cả ánh sáng ấy không bằng một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng. Ánh sáng mặt trăng được xem là tối thượng trong các ánh sáng ấy.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

13) *Ví như, này các Tỷ-kheo, trong mùa thu, khi trời mở rộng và gột sạch mây, mặt trời mọc lên trên bầu trời, đuổi sạch tất cả u ám khỏi hư không, bình sáng, chói sáng và rực sáng.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tướng, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận, tất cả hữu tham được đoạn tận, tất cả vô minh được đoạn tận, tất cả ngã mạn được tận trừ.

14) *Tu tập vô thường tướng như thế nào, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như thế nào mà tất cả dục tham được đoạn tận... tất cả ngã mạn được tận trừ?*

15) - *Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là các hành... Đây là thức; đây là thức tập khởi; đây là thức đoạn diệt.*

16) **Vô thường tướng được tu tập như vậy**, này các Tỷ-kheo, được làm cho sung mãn như vậy, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận; tất cả hữu tham được đoạn tận; tất cả vô minh được đoạn tận; **tất cả ngã mạn được tận trừ**.

Vô Tri 1 – Tương III, 415

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagota đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Vacchagota bạch Thế Tôn:

-- *Do nhân gì, do duyên gì, này Tôn giả Gotama, một số tà kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn" hay "Thế giới là không thường còn"; hay "Thế giới hữu biên" hay "Thế giới vô biên"; hay "Sinh mạng và thân thể là một" hay "Sinh mạng và thân thể là khác"; hay "N hư Lai có tồn tại sau khi chết" hay "N hư Lai không tồn tại sau khi chết" hay "N hư Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?*

4) -- **Do vô tri** đối với **sắc**, này Vaccha, do vô tri đối với **sắc tập khởi**, do vô tri đối với **sắc đoạn diệt**, do vô tri đối với **con đường đưa đến sắc đoạn diệt**, cho nên có những (tà) kiến sai khác như thế này khởi lên

đời: "Thế giới là thường còn"... hay "N hư Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

Do nhân này, do duyên này, này Vaccha, có một số (tà) kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn"... hay "N hư Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

Vô Tri (2)

(Như trên, ở đây là "vô tri đối với **thọ**").

Vô Tri (3)

(Như trên, ở đây là "vô tri đối với **tưởng**").

Vô Tri (4)

(Như trên, ở đây là "vô tri đối với các **hành**").

Vô Tri (5)

(Như trên, ở đây là "vô tri đối với **thức**").

II. Vô Kiến (1-5)

(Như trên, ở đây là "vô kiến đối với sắc" ... "...thọ, ...tưởng, ...các hành, ...thức").

III. Không Hiện Quán (anabhisamaya) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không hiện quán năm uẩn").

IV. Không Liễu Tri (anubodha) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không liễu tri năm uẩn")

V. Không Thông Đạt (appativebha) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không thông đạt năm uẩn")

VI. Không Đẳng Quán (asallakkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không đẳng quán năm uẩn")

VII. Không Tùy Quán (anupalakkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không tùy quán năm uẩn")

VIII. Không Cận Quán (appaccupalakkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không cận quán năm uẩn")

IX. Không Đẳng Sát (asamapekkana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không đẳng sát năm uẩn").

X. Không Cận Sát (appaccupekkhana) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không cận sát năm uẩn")

XI. Không Hiện Kiến (appaccakkhakamma) (1-5)

(Như trên, ở đây là "không hiện kiến năm uẩn")

113 Vô Tướng - Tương IV, 428

Vô Tướng – Tương IV, 428

1-2). ..

3) -- "*Vô tướng tâm định, Vô tướng tâm định*" (*animitto cete samàdhi*), như vậy được nói đến. Thế nào là Vô tướng tâm định?

4) Và này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo không tác ý tất cả tướng, chúng và trú Vô tướng tâm định". Đây gọi là Vô tướng tâm định.

5) Rồi này chư Hiền, tôi không tác ý tất cả tướng, chúng và an trú Vô tướng tâm định. Này chư Hiền, do tôi trú với an trú này, (tôi đạt được) thức tùy thuận tướng (*nimittànusarivinnànam*).

6) Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói như sau: "Này Moggalàna, này Moggalàna, chớ có phóng dật Vô tướng tâm định! Này Moggalàna, hãy đặt tâm vào Vô tướng tâm định! Hãy nhứt tâm vào Vô tướng tâm định! Hãy định tâm vào Vô tướng tâm định!"

7) Rồi này chư Hiền, sau một thời gian, tôi không tác ý tất cả tướng, chúng và trú Vô tướng tâm định.

8) Này chư Hiền, nếu ai có nói một cách chơn chánh: "Vị đệ tử được bậc Đạo Sư hỗ trợ, chứng và đạt thắng trí". Người ấy sẽ nói về tôi như sau: "Moggalàna là người đệ tử được bậc Đạo Sư hỗ trợ, chứng và đạt thắng trí".

114 VƯƠNG TỬ ABHAYA VÔ ÚY - 58

Trung II, 127

KINH VƯƠNG TỬ ABHAYA VÔ ÚY (**Abhayarajakumara sutta**)

– *Bài kinh số 58 – Trung II, 127*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), Kalandakanivapa (chỗ nuôi các con sóc). Rồi Vương tử Abhaya (Vô Úy) đi đến Nigantha Nataputta, sau khi đến đánh lễ Nigantha Nataputta rồi ngồi xuống một bên. Nigantha Nataputta nói với Vương tử Abhaya đang ngồi một bên:

– Nay Vương tử, Vương tử hãy đi đến luận chiến với Sa-môn Gotama, và nhờ vậy tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi cho Vương tử: "Sa-môn Gotama có thần lực như vậy, có uy lực như vậy, đã bị Vương tử Abhaya luận chiến".

– Thừa Tôn giả, làm thế nào con có thể luận chiến Sa-môn Gotama có thần lực như vậy, có uy lực như vậy?

– Nay Vương tử, hãy đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến hãy nói với Sa-môn Gotama, sau khi đến

hãy nói với Sa-môn Gotama như sau: "Bạch Thế Tôn, Như Lai có thể nói lời nói, do lời nói ấy những người khác không ưa, không thích chăng?"

Nếu Sa-môn Gotama được Vương tử hỏi như vậy và trả lời như sau: "Này Vương tử, Như Lai có thể nói lời nói, do lời nói ấy những người khác không ưa, không thích", thời Vương tử hãy nói với Sa-môn Gotama: "Bạch Thế Tôn, nếu xử sự như vậy thời có gì sai khác giữa kẻ phạm phu và Ngài? Kẻ phạm phu có thể nói lời nói, do lời nói ấy những người khác không ưa không thích".

Còn nếu Sa-môn Gotama được Vương tử hỏi như vậy và trả lời như sau: "Này Vương tử, Như Lai không có thể nói lời nói, do lời nói ấy những người khác không ưa, không thích", thời Vương tử hãy nói với Sa-môn Gotama: "Bạch Thế Tôn, nếu xử sự như vậy, thời vì sao Devadatta được Ngài trả lời như sau: "Devadatta phải đọa vào đọa xứ, Devadatta phải đọa vào địa ngục, Devadatta phải đọa trong một kiếp Devadatta không thể nào cứu chữa được?" Và do Ngài nói những lời như vậy, Devadatta phần nô, không hoan hỷ".

Này Vương tử, Sa-môn Gotama khi bị Vương tử hỏi câu hỏi hai móc như vậy, sẽ không có thể nhả ra, cũng không có thể nuốt vào. Ví như một móc sắt bị móc vào cổ họng một người nào, người ấy không có thể nhả ra, cũng không có thể nuốt vào được.

Cũng vậy, này Vương tử, Sa-môn Gotama khi vị Vương tử hỏi câu hỏi hai móc như vậy, sẽ không có thể nhả ra, cũng không có thể nuốt vào.

– Thừa vâng, Tôn giả.

Vương tử Abhaya vâng đáp Nigantha Nataputta, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Nigantha Nataputta, thân bên hữu hướng về ông rồi đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, liền đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Vương tử Abhaya đang ngồi một bên, nhìn mặt trời rồi suy nghĩ: "Hôm nay, không phải thời để luận chiến với Sa-môn Gotama. Ngày mai, ta sẽ luận chiến với Sa-môn Gotama tại nhà của ta," liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ngày mai mong Thế Tôn nhận lời dùng cơm, với Ngài là người thứ tư.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Vương tử Abhaya, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng đắp y, cầm theo y bát, đi đến chỗ của Vương tử Abhaya, sau khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi Vương tử Abhaya tự tay mời mọc, làm cho Thế Tôn thỏa mãn với những món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Vương tử Abhaya chờ cho Thế Tôn sau khi đã dùng xong, tay đã rời khỏi bát, liền

lấy một ghế thấp khác rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, Vương tử Abhaya bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Như Lai có thể nói những lời, do những lời ấy người khác không ưa, không thích chăng?

– Nay Vương tử, phải chăng ở đây, (câu hỏi) có dụng ý một chiều?

– Bạch Thế Tôn, các vị Nigantha đã bị bại ở đây rồi.

– Nay Vương tử, vì sao Vương tử lại nói như vậy: "Bạch Thế Tôn, các vị Nigantha đã bị bại ở đây rồi"?

– Bạch Thế Tôn, ở đây, con đi đến Nigantha Nataputta, sau khi đến con đánh lễ Nigantha Nataputta rồi ngồi xuống một bên. Bạch Thế Tôn, Nigantha Nataputta nói với con đang ngồi một bên:

"Này Vương tử, Vương tử hãy đi đến luận chiến với Sa-môn Gotama, và nhờ vậy tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi cho Vương tử: "Sa-môn Gotama có thần lực như vậy, có uy lực như vậy, đã bị Vương tử Abhaya luận chiến". Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, con thưa với Nigantha Nataputta: "Thưa Tôn giả, nhưng làm thế nào, tôi có thể luận chiến với Sa-môn Gotama, một vị có thần lực như vậy, có uy lực như vậy?" – "Này Vương tử, hãy đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến hãy nói với Sa-môn Gotama như sau: "Bạch Thế Tôn, Như Lai có

thể nói lời nói, do lời nói ấy, những người khác không ưa, không thích chăng?" Nếu Sa-môn Gotama được Vương tử hỏi như vậy và trả lời như sau: "Này Vương tử, Như Lai có thể nói lời nói, do lời nói ấy, những người khác không ưa không thích", thời Vương tử hãy nói với Sa-môn Gotama: "Bạch Thế Tôn, nếu xử sự như vậy, thời có gì sai khác giữa kẻ phạm phu với Ngài? Kẻ phạm phu có thể nói lời nói, do lời nói ấy, những người khác không ưa, không thích". Còn nếu Sa-môn Gotama được Vương tử hỏi như vậy và trả lời như sau: "Này Vương tử, Như Lai không có thể nói lời nói, do lời nói ấy những người khác không ưa, không thích", thời Vương tử hãy nói với Sa-môn Gotama: "Bạch Thế Tôn, nếu còn xử sự như vậy, thời vì sao Devadatta được Ngài trả lời như sau: Devadatta phải đọa vào đọa xứ, Devadatta phải đọa vào địa ngục, Devadatta phải đọa trong một kiếp, Devadatta không thể nào cứu chữa được.? Và vì Ngài nói những lời như vậy, Devadatta phẫn nộ, không hoan hỷ". Này Vương tử, Sa-môn Gotama, khi bị Vương tử hỏi câu hỏi hai móc như vậy, sẽ không thể nhả ra, cũng không thể nuốt vào. Vì như một móc sắt bị mắc vào cổ họng của một người nào, người ấy không có thể nhả ra, cũng không có thể nuốt vào được. Cũng vậy, này Vương tử, Sa-môn Gotama,

khi bị Vương tử hỏi câu hỏi hai móc như vậy, sẽ không có thể nhả ra, cũng không có thể nuốt vào". Lúc bấy giờ, có đứa con nít ngây thơ nằm giữa trên đầu gối của Vương tử Abhaya. Rồi Thế Tôn nói với Vương tử Abhaya:

– Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Nếu đứa con nít này, do sự vô ý của Vương tử, hay do sự vô ý của người vú hầu, thọc một cây gậy hay nuốt một hòn đá vào trong miệng, vậy Vương tử phải làm gì?

– Bạch Thế Tôn, con phải móc cho ra. Bạch Thế Tôn, nếu con không thể móc ra lập tức, thôi với tay trái con nắm đầu nó lại, với tay mặt lấy ngón tay làm như cái móc, con sẽ móc cho vật ấy ra, dầu có phải chảy máu. *Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì con có lòng thương tưởng đứa trẻ.*

Cũng vậy, này Vương tử:

Lời nói nào Như Lai biết không như thật, không như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, thời Như Lai không nói lời nói ấy.

Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, thời Như Lai không nói lời nói ấy.

Và lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những

người khác không ưa, không thích, Như Lai ở đây
biết thời giải thích lời nói ấy.

Lời nói nào Như Lai biết là không như thật, không như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa thích, Như Lai không nói lời nói ấy.

Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa và thích, Như Lai không nói lời nói ấy.

Và lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa và thích, ở đây, Như Lai biết thời giải thích lời nói ấy. Vì sao vậy? Nay Vương tử, Như Lai có lòng thương tưởng đối với các loài hữu tình.

– Bạch Thế Tôn, những Sát-đề-ly có trí, những Bà-la-môn có trí, những Gia chủ có trí, những Sa-môn có trí này, sau khi soạn sẵn câu hỏi, đến Như Lai và hỏi: "Bạch Thế Tôn, không hiểu Thế Tôn có suy nghĩ trước trong trí như sau: "Nếu có những ai đến Ta và hỏi như vậy, được hỏi như vậy, Ta sẽ trả lời như vậy", hay Như Lai trả lời ngay (tại chỗ)?"

– Nay Vương tử, nay ở đây Ta sẽ hỏi Vương tử, nếu Vương tử hoan hỷ, hãy trả lời câu hỏi ấy. Nay Vương tử, Vương tử nghĩ như thế nào? Vương tử có giỏi về các bộ phận sai biệt một cái xe không?

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn, con có giỏi về các bộ phận sai biệt một cái xe.
- Thừa Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Nếu có những người đến Vương tử và hỏi như sau: "Bộ phận này của cái xe tên gọi là gì?", không hiểu Vương Tử có suy nghĩ trước trong trí như sau: "Nếu có những ai đến ta, và hỏi ta như vậy, ta sẽ trả lời cho họ như vậy", hay là Vương tử trả lời ngay (tại chỗ)?
- Bạch Thế Tôn, vì con là người đánh xe nổi tiếng, rất giỏi về các bộ phận sai biệt trong một cái xe nên con sẽ trả lời ngay (tại chỗ).
- Cũng vậy, này Vương tử, những Sát-đế-ly có trí, những Bà-la-môn có trí, những Gia chủ có trí, những Sa-môn có trí này, sau khi soạn sẵn câu hỏi, đến Như Lai và hỏi, như Như Lai sẽ trả lời ngay (tại chỗ). Vì sao vậy? Thừa Vương tử, **pháp giới (Dhammadhatu) đã được Như Lai khéo biết. Và vì Như Lai khéo biết pháp giới nên Như Lai trả lời ngay (tại chỗ).**

Khi được nói vậy, Vương tử Abhaya bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những

ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày.

Nay con quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chúng, con trọn đời quy ngưỡng.

115 Vườn Gà 1 - Tương V, 30

Vườn Gà 1 – Tương V, 30 (Kukkutàrama)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Ananda, Tôn giả Bhadda trú tại Vườn Gà, tại Pàtaliputta.

2) Rồi Tôn giả Bhadda, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, Tôn giả Bhadda nói với Tôn giả Ananda:

-- *"Phi Phạm hạnh, phi Phạm hạnh", này Hiền giả Ananda, được nói đến như vậy. Thế nào, thưa Hiền giả, là phi Phạm hạnh?*

-- Lành thay, lành thay, Hiền giả Bhadda! Hiền thiện thay, này Hiền giả Bhadda, là đường hầm (ummagga) của Hiền giả! Hiền thiện thay, là lời biện tài! Tốt đẹp thay, là câu hỏi!

4) Nay Hiền giả Bhadda, có phải như vậy là câu hỏi của Hiền giả: "Phi Phạm hạnh, phi Phạm hạnh, nay Hiền giả Ananda, được nói đến như vậy. Thế nào, thưa Hiền giả, là phi Phạm hạnh?" Chẳng?

-- Thưa vâng, Hiền giả.

5) -- Nay Hiền giả, con đường **tà đạo tám ngành** này là **phi Phạm hạnh**. Tức là tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định.

Vườn Gà 2 – 33tu5

1-2) Nhân duyên ở Pàtaliputta...

3)-- "*Phạm hạnh, Phạm hạnh*", nay Hiền giả Ananda, được nói đến như vậy. Nay Hiền giả, thế nào là Phạm hạnh, thế nào là cứu cánh Phạm hạnh?

-- Lành thay, lành thay, nay Hiền giả Bhadda! Hiền thiện thay, nay Hiền giả Bhadda, là đường hầm của Hiền giả! Hiền thiện thay, là lời biện tài! Tốt đẹp thay, là câu hỏi!

4) Nay Hiền giả Bhadda, có phải như vậy là câu hỏi của Hiền giả: "Phạm hạnh, Phạm hạnh, nay Hiền giả

Ananda, như vậy được nói đến. Này Hiền giả, thế nào là Phạm hạnh, thế nào là cứu cánh Phạm hạnh?"
Chẳng?

-- Thừa phải, Hiền giả.

5) -- Này Hiền giả, con đường Thánh đạo Tám ngành này là Phạm hạnh. Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này Hiền giả, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si là cứu cánh Phạm hạnh này.

Vườn Gà 3 – 33tu5

1-2) Nhân duyên tại Pàtaliputta...

3)-- "*Phạm hạnh, Phạm hạnh*", thừa Hiền giả, như vậy được nói đến. Thừa Hiền giả, thế nào là Phạm hạnh? Thế nào là người hành Phạm hạnh? Thế nào là cứu cánh Phạm hạnh?

4) -- Lành thay, lành thay, Hiền giả Bhadda! Hiền thiện thay, này Hiền giả Bhadda, là đường hầm của Hiền giả! Hiền thiện thay là lời biện tài! Tốt đẹp thay, là câu hỏi!

5) Này Hiền giả Bhadda, có phải như vậy là câu hỏi của Hiền giả: "Phạm hạnh, Phạm hạnh, này Hiền giả Ananda, như vậy được nói đến. Này Hiền giả, thế nào là Phạm hạnh? Thế nào là người hành Phạm hạnh? Thế nào là cứu cánh Phạm hạnh?" Chẳng?

-- Thừa phải, Hiền giả.

6) -- Này Hiền giả, con đường Thánh đạo Tám ngành này là Phạm hạnh, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này Hiền giả, ai đầy đủ Thánh đạo Tám ngành này, người ấy được gọi là người hành Phạm hạnh.

Này Hiền giả, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, đây là cứu cánh Phạm hạnh.

116 Vườn Gà 2 - Tương V, 33

Vườn Gà 2 – Tương V, 33

1-2) Nhân duyên ở Pàtaliputta...

3)-- "*Phạm hạnh, Phạm hạnh*", này Hiền giả Ananda, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là Phạm hạnh, thế nào là cứu cánh Phạm hạnh?

-- Lành thay, lành thay, này Hiền giả Bhadda! Hiền thiện thay, này Hiền giả Bhadda, là đường hầm của Hiền giả! Hiền thiện thay, là lời biện tài! Tốt đẹp thay, là câu hỏi!

4) Này Hiền giả Bhadda, có phải như vậy là câu hỏi của Hiền giả: "Phạm hạnh, Phạm hạnh, này Hiền giả Ananda, như vậy được nói đến. Này Hiền giả, thế nào là Phạm hạnh, thế nào là cứu cánh Phạm hạnh?" Chẳng?

-- Thừa phải, Hiền giả.

5) -- Này Hiền giả, con đường Thánh đạo Tám ngàn này là Phạm hạnh. Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này Hiền giả, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận
si là cứu cánh Phạm hạnh này.

117 Vườn Gà 3 - Tương V, 33

Vườn Gà 3 – Tương V, 33

1-2) Nhân duyên tại Pàtaliputta...

3)-- "*Phạm hạnh, Phạm hạnh*", thưa Hiền giả, như vậy được nói đến. Thưa Hiền giả, thế nào là Phạm hạnh? Thế nào là người hành Phạm hạnh? Thế nào là cứu cánh Phạm hạnh?

4) -- Lành thay, lành thay, Hiền giả Bhadda! Hiền thiện thay, này Hiền giả Bhadda, là đường hãm của Hiền giả! Hiền thiện thay là lời biện tài! Tốt đẹp thay, là câu hỏi!

5) Này Hiền giả Bhadda, có phải như vậy là câu hỏi của Hiền giả: "Phạm hạnh, Phạm hạnh, này Hiền giả Ananda, như vậy được nói đến. Này Hiền giả, thế nào là Phạm hạnh? Thế nào là người hành Phạm hạnh? Thế nào là cứu cánh Phạm hạnh?" Chẳng?

-- Thưa phải, Hiền giả.

6) -- Này Hiền giả, con đường Thánh đạo Tám ngành này là Phạm hạnh, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này Hiền giả, ai đầy đủ Thánh đạo Tám ngành này,
người ấy được gọi là người hành Phạm hạnh.
Này Hiền giả, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận
si, đây là cứu cánh Phạm hạnh.

118 Vườn Hoan Hỷ - Tương I, 19

Vườn Hoan Hỷ – Tương I, 19

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo" -- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn".

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

-- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có vị Thiên thuộc cõi trời Ba mươi ba, với chúng Thiên nữ vây quanh, du hí ở vườn Hoan Hỷ, thọ hưởng năm thiên dục công đức. Bây giờ, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này:

*Chúng không biết đến lạc,
Nếu không thấy Hoan Hỷ,
Chỗ trú cả Trời, Người,
Cõi ba mươi lừng danh.*

Được nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, một vị Thiên khác đáp vị Thiên ấy với bài kệ:

Kẻ ngu, sao không biết,

*Vị Ứng Cúng đã nói:
"Mọi hành là vô thường,
Tự tánh phải sanh diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc."*

119 Vườn Phía Đông 1 - Tương V, 346

Vườn Phía Đông 1 – Tương V, 346

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Đông Viên, ở lâu đài của mẹ Migàra.

2) Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- *Bao nhiêu căn được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"?*

-- Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

3) -- *Do tu tập, do làm cho sung mãn chỉ một căn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa". Một căn ấy là căn gì?*

4) *Với vị Thánh đệ tử có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, tất nhiên (tadanvaya) tín được an trú, tất nhiên tinh tấn*

được an trú, tất nhiên **niệm** được an trú, tất nhiên **định** được an trú.

5) Do tu tập, do làm cho sung mãn chỉ một căn này, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa".

Vườn Phía Đông 2 – Tương V, 347

1) Nhân duyên như trên.

2) -- *Bao nhiêu căn được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"?*

-- Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

3) -- **Hai căn** được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa". Thế nào là hai?

4) *Thánh trí tuệ và Thánh giải thoát.*

- *Cái gì trong vị ấy là **Thánh trí tuệ**, cái ấy là **tuệ** căn.*
- *Cái gì trong vị ấy là **Thánh giải thoát**, cái ấy là **định** căn.*

5) Hai căn này được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa".

Vườn Phía Đông 3 – Tương V, 348

1) Nhân duyên như trên.

2) -- *Có bao nhiêu căn được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"?*

-- Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

3-5) ... (như trên, chỉ khác là kinh này nói đến bốn căn tức **tán** căn, **niệm** căn, **định** căn, **tuệ** căn...)

Vườn Phía Đông 4 – Tương V, 349

1) Nhân duyên như trên.

2) -- *Có bao nhiêu căn được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc có thể trả lời với chánh tri rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"?*

-- Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

... (như kinh trước, chỉ khác là đây chỉ năm căn tức **tín** căn, **tấn** căn, **niệm** căn, **định** căn, **tuệ** căn) ...

120 Vườn Phía Đông 2 - Tương V, 347

Vườn Phía Đông 2 – Tương V, 347

1) Nhân duyên như trên.

2) -- *Bao nhiên căn được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"?*

-- Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

3) -- **Hai căn** được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa". Thế nào là hai?

4) *Thánh trí tuệ và Thánh giải thoát.*

- *Cái gì trong vị ấy là Thánh trí tuệ, cái ấy là **tuệ** căn.*
- *Cái gì trong vị ấy là Thánh giải thoát, cái ấy là **định** căn.*

5) Hai căn này được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa".

121 Vườn Phía Đông 3 - Tương V, 348

Vườn Phía Đông 3 – Tương V, 348

1) Nhân duyên như trên.

2) -- *Có bao nhiêu căn được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"?*

-- Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

3-5) ... (như trên, chỉ khác là kinh này nói đến bốn căn tức **tần** căn, **niệm** căn, **định** căn, **tuệ** căn...)

122 Vườn Phía Đông 4 - Tương V, 349

Vườn Phía Đông 4 – Tương V, 349

1) Nhân duyên như trên.

2) -- *Có bao nhiêu căn được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"?*

-- Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

... (như kinh trước, chỉ khác là đây chỉ năm căn tức **tín** căn, **tấn** căn, **niệm** căn, **định** căn, **tuệ** căn) ...

123 VẢI BALANẠI - Tăng I, 448

VẢI BALANẠI – Tăng I, 448

1 - Nay các Tỷ-kheo, có tám vải kàsi (Balanại), hoàn toàn mới, có sắc đẹp, cảm xúc dễ chịu, và có giá trị lớn.

- Nay các Tỷ-kheo, có tám vải kàsi bạc trung, có sắc đẹp, cảm xúc dễ chịu, và có giá trị lớn.
- Nay các Tỷ-kheo, có tám vải kàsi cũ, có sắc đẹp, cảm xúc dễ chịu, và có giá trị lớn.
- Và nay các Tỷ-kheo, có tám vải kàsi cũ kỹ dùng để gói các châu báu, *hay được đặt vào trong một hộp có hương thơm.*

2. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, *nếu Tỷ-kheo mới tu hành, giữ gìn giới luật theo thiện pháp*, Ta nói rằng *vị Tỷ-kheo ấy có sắc đẹp*. Nay các Tỷ-kheo, ví như tám vải kàsi có sắc đẹp ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người ấy là giống như ví dụ ấy.

→ *Còn những ai theo vị ấy, thân cận, hầu hạ, chấp nhận, thuận theo tri kiến của vị ấy, họ được hạnh phúc, an lạc lâu dài; đây, Ta nói rằng vị ấy có cảm xúc dễ chịu.* Nay các Tỷ-kheo, ví như tám vải kàsi

có cảm xúc dễ chịu ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người ấy là giống như ví dụ ấy.

→ Còn từ những ai, vị này nhận các vật dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh, họ sẽ có quả lớn, có lợi ích lớn; đây, Ta nói rằng, vị ấy có giá trị lớn. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải kàsi có giá trị lớn ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người ấy là giống như ví dụ ấy.

3. Còn nếu là trung niên Tỷ-kheo, ... này các Tỷ-kheo, nếu là trưởng lão Tỷ-kheo, giữ gìn giới luật theo thiện pháp, đây Ta tuyên bố là vị ấy có sắc đẹp. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải kàsi có sắc đẹp ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người ấy là giống như ví dụ ấy.

→ Còn những ai theo vị ấy, thân cận, hầu hạ, chấp nhận, thuận theo tri kiến của vị ấy, họ được hạnh phúc, an lạc lâu dài; đây, Ta nói rằng, vị ấy có cảm xúc dễ chịu. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải kàsi có cảm xúc dễ chịu ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người ấy là giống như ví dụ ấy.

→ Còn từ những ai, vị này nhận các vật dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh, họ sẽ có quả lớn, có lợi ích lớn; đây, Ta nói rằng, vị ấy có giá trị lớn. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải kàsi có giá trị lớn ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người ấy là giống như ví dụ ấy.

4. Như vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trưởng lão này nói lên ở giữa chúng Tăng, các Tỷ-kheo nói như sau: "Chư Tôn giả hãy im lặng, Tỷ-kheo trưởng lão đang nói Pháp và Luật, và lời nói của vị ấy trở thành châu báu cần phải cất giữ, như một người cất giữ tấm vải kàsi trong một hộp có hương thơm."

Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy học tập như sau:

"Chúng ta sẽ được như ví dụ tấm vải kàsi, không giống như ví dụ tấm vải bằng vỏ cây". Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

124 VAI THÔ BẰNG VỎ CÂY - Tăng I, 446

VAI THÔ BẰNG VỎ CÂY – Tăng I, 446

1. - Nay các Tỷ-kheo, có tám vải bằng vỏ cây hoàn toàn mới, sắc xấu, cảm xúc khó chịu, và không có giá trị.

→ Nay các Tỷ-kheo, có tám vải bằng vỏ cây bậc trung, sắc xấu, cảm xúc khó chịu, và không có giá trị.

→ Nay các Tỷ-kheo, có tám vải bằng vỏ cây cũ kỹ, để lau chùi nồi niêu, hay đáng được quăng trên đồng rác.

2. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo mới tu hành, ác giới, theo ác pháp, Ta nói rằng vị Tỷ-kheo ấy có sắc xấu. Nay các Tỷ-kheo, ví như tám vải bằng vỏ cây sắc xấu ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này là giống như ví dụ ấy.

→ Còn những ai theo vị ấy, thân cận, hầu hạ, chấp nhận, thuận theo tri kiến của vị ấy, họ bị bất hạnh, đau khổ lâu dài, đây, Ta nói rằng vị ấy có cảm xúc khó chịu. Nay các Tỷ-kheo, ví như tám vải bằng vỏ cây có cảm xúc khó chịu ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này là giống như ví dụ ấy.

→ Còn từ những ai, vị này nhận các vật dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh, họ sẽ không có quả lớn, không có lợi ích lớn; đây, Ta nói rằng, không có giá trị. Nay các Tỷ-kheo, ví như tấm vải bằng vỏ cây không có giá trị ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này là giống như ví dụ ấy.

3. Nay các Tỷ-kheo, nếu là trung niên Tỷ-kheo ... (như trên) ... nay các Tỷ-kheo, nếu là trưởng lão Tỷ-kheo, ác giới, theo ác pháp. Ta nói rằng vị ấy có sắc xấu. Nay các Tỷ-kheo, ví như tấm vải bằng vỏ cây có sắc xấu ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này là giống như ví dụ ấy.

- Còn những ai theo vị ấy, thân cận, hầu hạ, chấp nhận, thuận theo tri kiến của vị ấy, họ bị bất hạnh, đau khổ lâu dài; đây, Ta nói rằng vị ấy có cảm xúc khó chịu. Nay các Tỷ-kheo, ví như tấm vải bằng vỏ cây có cảm xúc khó chịu ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này là giống như ví dụ ấy.
- Còn từ những ai, vị này nhận các vật dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh, họ sẽ không có quả lớn, không có lợi ích lớn; đây, Ta nói rằng, vị ấy không có giá trị. Nay các Tỷ-kheo, ví như tấm vải bằng vỏ cây không có giá trị ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này là giống như ví dụ ấy.

4. Như vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trưởng lão nói lên ở giữa chúng Tăng, các Tỷ-kheo nói như sau: "Sao Thầy nghĩ rằng Thầy có thể tuyên bố, một người ngu si, không thông minh?" *Vị ấy phần nộ, bất mãn, sẽ nói lên những lời, vì những lời này, chúng Tăng đuổi vị ấy ra khỏi, như người ta quăng bỏ tấm vải bằng vỏ cây ấy trên đống rác.*

125 Vải - Tương V, 69

Vải – Tương V, 69

1) ...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có vải gì được dệt, vải dệt ở Ba-la-nại được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những **thiện** pháp nào, tất cả đều lấy **không phóng dật** làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp.*

3) *Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng **Thánh đạo Tám ngành** được tu tập, Thánh đạo Tám ngành được làm cho sung mãn.*

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

126 Văn Tắt - Tương IV, 97

Văn Tắt – Tương IV, 97

1-2) ...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda... bạch Thế Tôn:

-- *Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn **văn tắt thuyết pháp** cho con. Sau khi nghe pháp của Thế Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.*

4-6) -- Ông nghĩ thế nào, này Ananda, **mắt** là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Các sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- ... Nhãn **thức**... Nhãn **xúc**... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm **thọ** gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

... **Tai... Mũi...**

7-9) ... **Lưỡi... Thân...** Do duyên ý xúc khởi **lên** cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khô, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

10) -- Thấy vậy, này Ananda, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt... nhàm chán đối với nhãn xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhàm chán cảm thọ ấy. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát". Vì ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

127 VẾT THƯƠNG LÀM MỦ - Tăng I, 220

VẾT THƯƠNG LÀM MỦ – Tăng I, 220

1. Có ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba?

- Hạng người với **tâm** ví dụ như vết thương,
- Với **tâm** ví dụ như chớp sáng,
- Với tâm ví dụ như kim cang.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người với tâm ví dụ như vết thương?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người **phẫn nộ**, nhiều hiềm hận, dầu có bị nói chút ít, cũng tức tối phẫn nộ, sân hận, sùng sộ, biểu lộ sự phẫn nộ, sân hận và bực tức.
- Ví như một vết thương đang làm mủ, nếu bị cây gậy hay một mảnh sành đánh phải, liền chảy mủ nhiều hơn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có người phẫn nộ.....và bực tức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người được ví dụ với vết thương đang làm mủ.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người với tâm được ví dụ như chớp sáng?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **như thật rõ biết: "Đây là khổ"**,... như thật rõ biết "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt".
 - Ví như một người có mắt, thấy các sắc trong đêm tối mù mịt, khi có chớp sáng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có người thật rõ biết: "Đây là khổ", ... như thật rõ biết: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt". Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là hạng người với tâm được ví như chớp sáng.
4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người với tâm được ví dụ như kim cang?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người, nhờ **đoạn tận các lậu hoặc**, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là hạng người, với tâm được ví dụ như kim cang.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

128 Vết Chân - Tương V, 359

Vết Chân – Tương V, 359

1) ...

2)-- Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có các bàn chân của loài hữu tình bộ hành (jāṅgalāṇaṃ pāṇāṇaṃ), tất cả bàn chân ấy nằm gọn trong bàn chân con voi. Bàn chân con voi được xem là tối thượng, trong các loại bàn chân, tức là về to lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong tất cả **bàn chân nào (padāni)** đưa đến giác ngộ, **tuệ căn** được xem là tối thượng về phương diện giác ngộ.

3) Và này các Tỷ-kheo, những bàn chân nào đưa đến giác ngộ?

- Tín căn, này các Tỷ-kheo, là bàn chân đưa đến giác ngộ.
- Tấn căn...
- Niệm căn...
- Định căn...
- **Tuệ** căn là bàn chân đưa đến giác ngộ.

4) Ví như, này các Tỷ-kheo, trong bất cứ loại chân nào của những loài bộ hành, tất cả loại chân đều

nằm gọn trong bàn chân của con voi. Bàn chân con voi được xem là tối thượng trong các loại bàn chân, tức là về to lớn.

*Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có bàn chân nào đưa đến giác ngộ, **tuệ căn** được xem là tối thượng trong tất cả bàn chân, tức là về giác ngộ.*

129 VỀ ÀLAVÌ - Tăng I, 244

VỀ ÀLAVÌ – *Tăng I*, 244

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Àlavì, tại Gomagga, trong rừng Simsapà, trên chỗ có trái lá.

Rồi Hatthaka, người Àlavì, đang đi bộ hành du ngoạn, thấy Thế Tôn đang ngồi trên chỗ có trái lá trong rừng Simsapà ở Gomagga, thấy vậy, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Hatthaka người Àlavì bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn sống có an lạc không?

- Phải, này Hoàng Tử, ta sống được an lạc. Và những ai cảm thấy an lạc ở đời, Ta là một trong số những người ấy.

- Bạch Thế Tôn, lạnh là đêm mùa đông, thời gian giữa những ngày tám (trước và sau ngày rằm) là thời gian tuyết rơi, cứng rắn là đất do trâu bò dẫm đạp, mỏng manh là nệm làm bằng lá, lúa thừa là những lá của cây, lạnh là tấm vải cà-sa, và lạnh là làn gió thổi.

Rồi Thế Tôn nói như sau:

- Dẫu vậy, này Hoàng Tử, Ta sống được an lạc. Và những ai cảm thấy an lạc ở đời, Ta là một trong số những người ấy. Vậy nay, này Hoàng Tử, ở đây ta sẽ hỏi Hoàng Tử, nếu có thể kham nhẫn, Hoàng Tử hãy trả lời. Hoàng Tử nghĩ thế nào, này Hoàng Tử? Ở đây, người gia chủ hay con người gia chủ có nhà có nóc nhọn, với các tường trét trong trét ngoài, che chở khỏi gió, chốt cửa được khóa chặt, các cửa sổ được đóng kín. Trong ấy, có một chỗ nằm có trải tấm thảm len với lông dài, với tấm vải giường bằng len trắng, chăn len thêu bông, nệm bằng da quý con sơn dương kadali, tấm thảm có tàn che phía trên và gối nệm đỏ cả hai đầu, có đèn thấp đỏ và bốn bà vợ đẹp hầu hạ. Này Hoàng Tử, Hoàng Tử nghĩ thế nào, người ấy nằm ngủ có an lạc không? Hay Hoàng Tử nghĩ thế nào?

- Bạch Thế Tôn, người ấy nằm ngủ an lạc. Nếu có những người cảm thấy an lạc ở đời, người ấy là một trong những người ấy.

- *Hoàng Tử nghĩ thế nào, này Hoàng tử, với người gia chủ hay người con của người gia chủ ấy, khỏi lên những nhiệt lão về thân hay về tâm, do tham ái sanh. Bị nung đốt bởi những nhiệt não do tham ái sanh, người ấy có cảm thấy đau khổ không?*

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

- Người gia chủ hay con của người gia chủ ấy, này Hoàng Tử, bị nung đốt bởi những nhiệt não do tham ái sanh, cảm thấy đau khổ. **Tham ái ấy, Như Lai đã đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy Ta cảm thấy an lạc.**

- *Hoàng Tử nghĩ thế nào, này Hoàng Tử, với người gia chủ hay con của người gia chủ ấy, khởi lên những nhiệt não về thân hay tâm do sân sanh... do si sanh. Bị nung đốt bởi những nhiệt não do si sanh, người ấy có cảm thấy đau khổ không?*

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

- Người gia chủ hay con của người gia chủ ấy, này Hoàng Tử, bị nung đốt bởi những nhiệt não do si sanh, cảm thấy đau khổ. Si ấy, Như Lai đã đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy ta cảm thấy an lạc.

*Luôn luôn được an lạc,
Vị Phạm chí tịch tịnh
Không bị dục uế nhiễm
Trong mát, không sanh y,
Mọi tham trước đứt đoạn,
Nhiếp phục tâm sâu khổ,
An tịnh, cảm thọ lạc*

Với tâm đạt an tịnh.

130 Về Màra - Tương III, 343

Về Màra – Tương III, 343

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- *Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, để con sau khi nghe pháp, có thể sống một mình, an tịch, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.*

4-23) -- *Cái gì là Màra, này Ràdha, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục, đoạn trừ lòng tham, đoạn trừ lòng dục và tham.*

Và cái gì là Màra, này Ràdha?

- **Sắc**, này Ràdha, là Màra; ở đây Ông cần đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham.
- **Thọ** là Màra, ở đây Ông cần đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham.

- **Tưởng...** Các **hành...** **Thức** là Màra, ở đây Ông cần đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham.

24) *Cái gì thuộc về Ma tánh (Màradhamma), này Ràdha, ở đây, Ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham...*

25) Cái gì là vô thường...

26) Cái gì là vô thường tánh...

27) Cái gì là khổ...

28) Cái gì là khổ tánh...

29) Cái gì là vô ngã...

30) Cái gì là vô ngã tánh...

31) Cái gì là đoạn tận...

32) Cái gì là đoạn diệt...

33) Cái gì là tập khởi tánh, ở đây Ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham.

131 VỊ BÀLAMÔN - Tăng I, 280

VỊ BÀLAMÔN – Tăng I, 280

Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm ...
Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

- *Pháp là thiết thực hiện tại, thừa Tôn giả Gotama, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thừa Tôn giả Gotama, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hưởng thụ, được người trí tự mình giác hiểu?*

→ *Bị tham ái làm say đắm, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, suy nghĩ điều hại người, suy nghĩ điều hại cả hai, **cảm thọ tâm khổ, tâm ưu.** Tham ái được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ, tâm ưu.* Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hưởng thụ, được người trí tự mình giác hiểu.

→ *Bị sân làm uế nhiễm, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, ... tâm khổ, tâm ưu. Sân được đoạn trừ, thời không nghĩ*

đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

→ *Bị si làm cho mê mờ, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, ... tâm khổ, tâm ưu. Si được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.*

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Xin Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

132 VỊ BẤT LAI - Tăng III, 227

VỊ BẤT LAI – Tăng III, 227

1. - Do không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng được quả Bất lai.

2. Thế nào là sáu?

- Bất tín, không tầm, không quý, biếng nhác, thất niệm, ác tuệ.

Do không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng được quả Bất lai.

3. Do đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, có thể chứng được quả Bất lai.

4. Thế nào là sáu?

- Bất tín, không tầm, không quý, biếng nhác, thất niệm, ác tuệ.

Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận sáu pháp này, có thể chứng được quả Bất lai.

133 VỊ HỘ TRÌ 1 - Tăng IV, 266

VỊ HỘ TRÌ 1 – Tăng IV, 266

1. - Này các Tỷ-kheo, **hãy trú với vị hộ trì, chớ trú không có vị hộ trì. Này các Tỷ-kheo, đau khổ là người sống không có vị hộ trì. Này các Tỷ-kheo, mười pháp này tạo thành vị hộ trì.** Thế nào là mười?

2. Này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo có **giới**, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ oai nghi, chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu học trong các học pháp. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này có giới, sống chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu học trong các học pháp. Đây là pháp tác thành vị hộ trì.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **nghe nhiều**, thọ trì những gì đã nghe, chắt chứa những gì đã nghe. Những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã thọ trì, đã tụng đọc bằng lời, đã quán sát

với ý, đã thể nhập với chánh kiến. Đây là pháp tác thành vị hộ trì.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **làm bạn với thiện**, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào làm nào bạn với thiện, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện. Đây là pháp tác thành vị hộ trì.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **dễ nói**, thành tựu những pháp tác thành người dễ nói, kham nhẫn và khéo chấp nhận những lời giáo giới. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào dễ nói, thành tựu những pháp tác thành người dễ nói, kham nhẫn, và khéo chấp nhận những lời giáo giới. Đây là pháp tác thành vị hộ trì.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có những công việc gì cần phải làm, hoặc lớn, hoặc nhỏ, đối với các vị đồng Phạm Hạnh; ở đây, vị ấy **khéo léo và tinh cần**, thành tựu sự quán sát các phương tiện, vừa đủ để làm, vừa đủ để tổ chức. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào, phạm có những công việc gì... vừa đủ để tổ chức. Đây là pháp tác thành vị hộ trì.

7. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **ưa pháp**, cùng nói chuyện một cách dễ thương, hân hoan trong thắng Pháp, trong thắng Luật. Này các Tỷ-kheo, phạm Tỷ-kheo nào ưa pháp, cùng nói chuyện một

cách dễ thương, hân hoan trong thắng Pháp, trong thắng Luật. Đây là pháp tác thành vị hộ trì.

8. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tinh cần **tinh tấn**, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì, không bỏ rơi gánh nặng đối với các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo, phàm Tỷ-kheo nào sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp, nỗ lực kiên trì không bỏ rơi gánh nặng đối với các thiện pháp; đây là pháp tác thành vị hộ trì.

9. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **biết đủ** đối với các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Này các Tỷ-kheo, phàm Tỷ-kheo nào biết đủ đối với các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; đây là pháp tác thành vị hộ trì.

10. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **chánh niệm**, thành tựu niệm tuệ tối thắng ức niệm, tùy niệm việc đã làm từ lâu, đã nói từ lâu. Này các Tỷ-kheo, phàm Tỷ-kheo nào chánh niệm... đã nói từ lâu; đây là pháp tác thành vị hộ trì.

11. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có **trí tuệ**, thành tựu với trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận

khổ đau. Này các Tỷ-kheo, phẩm Tỷ-kheo nào có trí tuệ... đoạn tận khổ đau; đây là pháp tác thành vị hộ trì.

Này các Tỷ-kheo, hãy trú với vị hộ trì, chớ trú không có vị hộ trì. Này các Tỷ-kheo, đau khổ là người trú không có vị hộ trì.

Này các Tỷ-kheo, đây là mười pháp tác thành vị hộ trì.

134 VỊ HỘ TRÌ 2 - Tăng IV, 280

VỊ HỘ TRÌ 2 – Tăng IV, 280

1. - Nay các Tỷ-kheo, **hãy trú với vị hộ trì, chớ trú không có vị hộ trì. Đau khổ, nay các Tỷ-kheo, là người trú không có vị hộ trì. Nay các Tỷ-kheo, có mười pháp tác thành vị hộ trì này. Thế nào là mười?**

2. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là người có **giới**... chấp nhận và học tập trong các học pháp, nghĩ rằng: "Thật sự có giới là Tỷ-kheo này. Vị này trú, được bảo vệ với sự bảo vệ của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp". Các trưởng lão Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng nói đến, đáng được giáo giới... Các trung niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Với vị ấy, được các trưởng lão thương tưởng, được các trung niên thương tưởng, được các tân học thương tưởng, chờ đợi là sự lớn mạnh trong các thiện pháp, không phải là sự tổn giảm, đây là pháp tác thành vị hộ trì.

3. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo. Tỷ-kheo là vị **nghe nhiều**... khéo thông đạt nhờ chánh kiến, nghĩ rằng: "Thật sự Tỷ-kheo này là vị nghe nhiều, thọ trì những

gì đã nghe, chắt chứa những gì đã nghe. Những pháp ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã thọ trì, đã tụng đọc bằng lời, đã quán sát bằng ý, khéo thông đạt nhờ chánh kiến". Các trưởng lão Tỷ-kheo... Các trung niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Với vị ấy, được các trưởng lão thương tưởng, được các trung niên thương tưởng, được các tân học thương tưởng, chờ đợi là sự lớn mạnh trong các thiện pháp, không phải là sự tổn giảm. Đây là pháp tác thành sự hộ trì.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **làm bạn với thiện**, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện, nghĩ rằng: "Thật sự Tỷ-kheo này làm bạn với thiện, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện". Các Tỷ-kheo trưởng lão... Các tân học Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Với vị ấy... tác thành vị hộ trì.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **dễ nói**, thành tựu những pháp tác thành người dễ nói, kham nhẫn và khéo chấp nhận những lời giáo giới nghĩ rằng: "Thật sự Tỷ-kheo này, dễ nói, thành tựu những pháp tác thành người dễ nói, kham nhẫn và khéo chấp

nhận những lời giáo giới". Các Tỷ-kheo trưởng lão... Các trung niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Với vị ấy... tác thành vị hộ trì.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, phàm có những công việc gì cần phải làm hoặc lớn hoặc nhỏ, đối với các đồng Phạm hạnh, ở đây vị ấy **khéo léo và tinh cần**, thành tựu suy tư đến các phương tiện vừa đủ để làm, vừa đủ để tổ chức. Các trưởng lão Tỷ-kheo... Các trung niên Tỷ-niên... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới... Đây là pháp tác thành vị hộ trì.

7. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo **ưa pháp**, cùng nói chuyện, một cách dễ thương, hân hoan trong thắng Pháp, thắng Luật nghĩ rằng: "Thật sự vị Tỷ-kheo này ưa Pháp, cùng nói chuyện một cách dễ thương, hân hoan trong thắng Pháp, Thắng Luật". Các trưởng lão Tỷ-kheo... Các trung niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới... tác thành vị hộ trì.

8. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ưa sống tinh cần, **tinh tấn**, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì, không bỏ rơi gánh nặng đối với các thiện pháp, nghĩ rằng: "Thật sự Tỷ-kheo này sống tinh cần, tinh tấn, đoạn trừ các

pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì, không bỏ rơi gánh nặng đối với các thiện pháp". Các trưởng lão Tỷ-kheo... Các trung niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới... tác thành vị hộ trì.

9. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **biết đủ** với các vật dụng như y, ẩm thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nghĩ rằng: "Thật sự Tỷ-kheo này biết đủ với các vật dụng như y, ẩm thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh". Các Tỷ-kheo trưởng lão... nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới... tác thành vị hộ trì.

10. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **chánh niệm**, thành tựu tuệ tối thắng, ức niệm, tùy niệm việc đã làm, đã nói từ lâu, nghĩ rằng: "Thật sự Tỷ-kheo này chánh niệm, thành tựu tuệ tối thắng... đã làm, đã nói từ lâu". Các Tỷ-kheo trưởng lão... Các trung niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới... tác thành vị hộ trì.

11. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có **trí tuệ**, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, thể nhập Thánh quyết trạch, đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau, nghĩ rằng: "Thật sự Tỷ-kheo này có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, thể nhập Thánh quyết trạch đưa đến

chơn chánh đoạn diệt khổ đau". Các Tỷ-kheo trưởng lão nghĩ đến Tỷ-kheo đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Các trung niên Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy được nói đến, đáng được giáo giới. Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Với vị ấy được các trưởng lão thương tưởng, được các trung niên thương tưởng, được các tân học thương tưởng, chờ đợi là sự lớn mạnh trong các thiện pháp, không phải là sự tổn giảm. Đây là pháp tác thành vị hộ trì.

Này các Tỷ-kheo, **hãy trú có vị hộ trì, chớ trú không có vị hộ trì. Đau khổ, này các Tỷ-kheo, là người trú không có vị hộ trì.**

Này các Tỷ-kheo, đây là mười pháp tác thành vị hộ trì.

135 VỊ LÃA THÊ - Tăng I, 399

VỊ LÃA THÊ – Tăng I, 399

1. Một thời, Tôn giả Ànanda trú tại Vesàli, rừng Đại Lâm, trong ngôi giảng đường có nóc nhọn. Rồi Abhaya người Licchavi và Panditakumàrako người Licchiva, đi đến Tôn giả Ànanda, sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ànanda rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Abhaya người Licchiva thưa với Tôn giả Ànanda:

- Niganthà Nàthaputta, thưa Tôn giả, tự cho là toàn tri, toàn kiến, có tri kiến toàn diện: "Khi ta đi, ta đứng, ta ngủ, ta thức, tri kiến luôn luôn được an trú, không có gián đoạn". Vị ấy tuyên bố chấm dứt các nghiệp cũ với khổ hạnh, và phá hoại các nghiệp mới với vô vi (không hành động). Như vậy, do nghiệp đoạn diệt nên khổ đoạn diệt; do khổ đoạn diệt nên thọ đoạn diệt; do thọ đoạn diệt nên tất cả khổ sẽ được tiêu diệt. Như vậy là (pháp môn) siêu thoát, thanh tịnh, diệt nhiệt não, thiết thực hiện tại. Ở đây, thưa Tôn giả, Thế Tôn nói thế nào?

2. - Nay Abhaya, có ba (pháp môn) thanh tịnh, diệt nhiệt não, được Thế Tôn, bậc Trí giả, bậc Kiến giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chơn chánh tuyên bố, khiến chúng sanh được thanh tịnh, khiến vượt qua sầu bi, khiến chấm dứt khổ ưu, khiến đạt được

chánh lý, khiến chứng được Niết bàn. Thế nào là ba?

- ➔ Ở đây, này Abhaya, vị Tỷ-kheo **giữ giới**, sống hộ trì với sự hộ trì của giới bốn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học giới. Vị ấy không làm các **nghiệp mới**, và với các **nghiệp cũ** ảnh hưởng đến mình, chấm dứt các **nghiệp ấy**. Đây là (sự thanh tịnh thứ nhất), thiết thực hiện tại, diệt nhiệt não, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.
- ➔ Vị Tỷ-kheo ấy, này Abhaya, đầy đủ với giới như vậy, ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú **sơ Thiền** ... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Vị ấy không làm các **nghiệp mới**, và với các **nghiệp cũ** ảnh hưởng đến mình, chấm dứt các **nghiệp ấy**. Đây là (sự thanh tịnh thứ hai), thiết thực hiện tại, diệt nhiệt não, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.
- ➔ Vị Tỷ-kheo ấy, này Abhaya, đầy đủ với giới như vậy.....với sự **đoạn diệt các lậu hoặc**, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vị ấy không làm các **nghiệp mới**, và với các

nghiệp cũ ảnh hưởng đến mình, chấm dứt các nghiệp ấy. Đây là (sự thanh tịnh thứ ba), thiết thực hiện tại, diệt nhiệt não, không có thời gian, đến đề mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Này Abhaya, có ba sự thanh tịnh, diệt nhiệt não này, được Thế Tôn, bậc Trí giả, bậc Kiến giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chơn chánh tuyên bố, khiến chúng sanh được thanh tịnh, vượt qua sầu bi, chấm dứt ưu khổ, đạt được chánh lý, chứng được Niết bàn.

3. Khi được nói như vậy, Panditakumàrako người Licchavi nói với Abhaya người Licchavi:

- Này bạn Abhaya, bạn có tín thọ lời khéo nói của Tôn giả Ànanda là khéo nói không?

- Này bạn, tôi là ai lại không tín thọ lời khéo nói của Tôn giả Ànanda là khéo nói. Đầu người ấy sẽ vỡ tan, nếu ai không tín thọ lời khéo nói của Tôn giả Ànanda là khéo nói.

136 VỊ NGỌT - Tăng I, 470

VỊ NGỌT – Tăng I, 470

1. - Nay các Tỷ-kheo, **nếu không có vị ngọt** ở đời, thời các loài hữu tình không có tham nhiễm đối với đời. Vì rằng, có vị ngọt ở đời, nên các loài hữu tình có tham nhiễm ở đời.

Nay các Tỷ-kheo, nếu không có **nguy hại** ở đời, thời các loài hữu tình không có nhàm chán đối với đời. Vì rằng, có nguy hại ở đời, nên các loài hữu tình có nhàm chán đối với đời.

Nay các Tỷ-kheo, nếu không có **xuất ly** ra khỏi đời, thời các loài hữu tình không có xuất ly đối với đời. Vì rằng, có xuất ly đối với đời, nên các loài hữu tình có xuất ly ra khỏi đời.

- *Và nay các Tỷ-kheo, cho đến khi nào các loài hữu tình chưa như thật giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, các loài hữu tình không có thể an trú với tâm thoát ly, không có hệ phục, giải thoát, không bị hạn cuộc khỏi thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.*

- *Và này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào các loài hữu tình đã như thật giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, các loài hữu tình có thể an trú với tâm thoát ly, không có hệ phược, giải thoát, không bị hạn cuộc khỏi thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.*
- ❖ *Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết là vị ngọt là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, **không được công nhận** là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, không được công nhận là các Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Với các Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, không có chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.*
- ❖ *Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết vị ngọt là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, **được công nhận** là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, được công nhận là các Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Với các Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, sẽ có chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú*

mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

137 VỊ SAMÔN - Tăng II, 269

VỊ SAMÔN – Tăng II, 269

1.- **Chỉ ở đây, này các Tỷ-kheo, có Sa-môn thứ nhất, có Sa-môn thứ hai, có Sa-môn thứ ba, có Sa-môn thứ tư, còn ngoại đạo khác không có Sa-môn. Như vậy, các Thầy chơn chánh rống tiếng rống con sư tử.**

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn thứ nhất?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt ba kiết sử, là **bạc dục lưu**, không bị rơi vào đọa xứ, chắc chắn hướng đến giác ngộ. Này các Tỷ-kheo, người này là Sa-môn thứ nhất.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn thứ hai?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt ba kiết sử, do làm cho nhẹ bớt tham và sân, là **bạc Nhất Lai**, còn đi lại thế giới này một lần nữa, rồi đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, đây là Sa-môn thứ hai.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn thứ ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do **đoạn diệt năm hạ phần kiết sử**, được hóa sanh tại đây, chứng Niết-

bàn, không phải trở lui từ thế giới ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là Sa-môn thứ ba.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn thứ tư?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do **đoạn diệt các lậu hoặc**, tự mình với thắng trí ngay trong hiện tại, chứng ngộ, chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây là Sa-môn thứ tư.

Chỉ ở đây, này các Tỷ-kheo, có Sa-môn thứ nhất, có Sa-môn thứ hai, có Sa-môn thứ ba, có Sa-môn thứ tư, còn ngoại đạo khác không có Sa-môn. Như vậy, các Thầy chơn chánh rống tiếng rống con sư tử.

138 VỊ SÁT ĐẾ LY - Tăng III, 138

VỊ SÁT ĐẾ LY – Tăng III, 138

1. Rồi Bà-la-môn Jānussoni đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jānussoni bạch Thế Tôn:

2. - *Đối với Sát-đế-ly, thưa Tôn giả Gotama, vị ấy mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?*

- *Đối với Sát-đế-ly, này Bà-la-môn, tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành, sức mạnh là điểm tựa, xu hướng là trái đất, cứu cánh là tự tại.*

- Nhưng đối với Bà-la-môn, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

- *Đối với Bà-la-môn, này Bà-la-môn, tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành, chú thuật là điểm tựa, tế tự là xu hướng, cứu cánh là Phạm thiên giới.*

- Nhưng đối với gia chủ, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

- Đối với gia chủ, này Bà-la-môn, tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành, nghề nghiệp là điểm tựa, công việc là xu hướng, thành tựu công việc là cứu cánh.

- Nhưng đối với nữ nhân, thừa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

- Đối với nữ nhân, này Bà-la-môn, đàn ông là mong muốn, trang điểm là cận hành, điểm tựa là con cái, không có địch thủ là xu hướng, tự tại là cứu cánh.

- Nhưng đối với người ăn trộm, thừa Tôn giả Gotama, mong rằng cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

- Đối với người ăn trộm, này Bà-la-môn, đồ lấy được là mong muốn, rừng rậm (?) là cận hành, đao trượng là điểm tựa, tối tăm là xu hướng, không bị thấy là cứu cánh.

- Nhưng đối với Sa-môn, thừa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

- Đối với Sa-môn, này Bà-la-môn, nhẫn nhục nhu hòa là mong muốn, trí tuệ là cận hành, giới hạnh là điểm tựa, không có sở hữu là xu hướng, Niết-bàn là cứu cánh.

3. - Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama. Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama rõ biết mong muốn, cận hành, điềm tựa, xu hướng và cứu cánh của các Sát-đế-ly, Tôn giả Gotama rõ biết mong muốn, cận hành, điềm tựa, xu hướng, cứu cánh của các Bà-la-môn... của các gia chủ... của các nữ nhân... của các người ăn trộm... của các Sa-môn. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! ... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung con xin trọn đời quy ngưỡng!

139 VỊ THIÊN NHÂN - Tăng III, 230

VỊ THIÊN NHÂN – *Tăng III, 230*

1. Bây giờ có một Thiên nhân, sau đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên nhân ấy bạch Thế Tôn:

- Có sáu pháp này, bạch Thế Tôn, dắt dẫn vị Tỷ-kheo đi đến không thối đoạ.

Thế nào là sáu?

- *Tôn kính Đạo Sư,*
- *Tôn kính Pháp,*
- *Tôn kính Tăng,*
- *Tôn kính học pháp,*
- *Tôn kính thiện ngôn,*
- *Tôn kính thiện bằng hữu.*

Sáu pháp này, bạch Thế Tôn, dắt dẫn vị Tỷ-kheo đi đến không thối đoạ.

Thiên nhân ấy nói như vậy, bậc Đạo Sư chấp nhận. Thiên nhân ấy, với ý nghĩ: "Bậc đạo Sư đã chấp nhận

ta", đánh lễ Thế tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ.

2. Rồi Thế Tôn sau khi đêm ấy đã mãn, gọi các Tỷ-kheo và nói:

- Nay các Tỷ-kheo, đêm nay có một Thiên nhân, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta, sau khi đến, đánh lễ Ta, rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên nhân ấy bạch với Ta: "Có sáu pháp này, bạch Thế Tôn, dắt dẫn vị Tỷ-kheo đi đến không thối đạo. Thế nào là sáu? Tôn kính bậc Đạo Sư, tôn kính Pháp, tôn kính Tăng, tôn kính học pháp, tôn kính thiện ngôn, tôn kính thiện bằng hữu. Sáu pháp này, bạch Thế Tôn, dắt dẫn Tỷ-kheo đi đến không thối đạo". Nay các Tỷ-kheo, vị Thiên nhân ấy nói như vậy, nói như vậy xong, đánh lễ Ta, thân bên hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

3. Được nói như vậy, Tôn giả Sàriputta đánh lễ Thế Tôn và thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy:

Ở đây, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo tự mình tôn kính bậc Đạo sư và nói lời tán thán sự tôn kính bậc Đạo Sư. Đối với các Tỷ-kheo khác không tôn kính bậc Đạo Sư, họ được khích lệ trong sự tôn kính bậc Đạo Sư. Và đối với các Tỷ-kheo khác có tôn kính bậc Đạo Sư,

vị ấy nói lên lời tán thán với họ, như chân, như thật, đúng thời.

Tự mình tôn kính Pháp... tự mình tôn kính Tăng....tự mình tôn kính học Pháp....tự mình tôn kính thiện ngôn...Tự mình tôn kính thiện bằng hữu và nói lời tán thán sự tôn kính thiện bằng hữu. Đối với các Tỷ-kheo khác không tôn kính thiện bằng hữu, họ được khích lệ trong sự tôn kính thiện bằng hữu. Và đối với các Tỷ-kheo có tôn kính thiện bằng hữu, vị ấy nói lên lời tán thán với họ, như chân, như thật, đúng thời. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

- Lành thay, lành thay, này Sàriputta! Lành thay này Sàriputta, Thầy đã hiểu lời nói vắn tắt này của Ta một cách rộng rãi như vậy. Ở đây, này Sàriputta, Tỷ-kheo tự mình tôn kính bậc Đạo Sư, và nói lời tán thán sự tôn kính bậc Đạo Sư. Đối với các vị Tỷ-kheo khác không tôn kính bậc Đạo Sư, họ được khích lệ trong sự tôn kính bậc Đạo Sư. Và đối với các vị Tỷ-kheo khác có tôn kính bậc Đạo Sư, vị ấy nói lên lời tán thán với họ như chân, như thật, đúng thời.

Tự mình tôn kính Pháp... tự mình tôn kính Tăng... tự mình tôn kính học pháp... tự mình tôn kính thiện ngôn... tự mình tôn kính thiện bằng hữu và nói lời tán thán sự tôn kính thiện bằng hữu. Đối với các Tỷ-kheo khác không tôn kính thiện bằng hữu, họ được

khích lệ trong sự tôn kính thiện bằng hữu. Và đối với các Tỷ-kheo khác có tôn kính bằng hữu, vị ấy nói lên lời tán thán với họ như chân, như thật, đúng thời. Nay Sàriputta lời nói vắn tắt này của Ta cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi.

140 VỊ THÂN CHÚNG - Tăng IV, 217

VỊ THÂN CHÚNG – Tăng IV, 217

1. – (Tôn giả Udàyyi nói với Tôn giả Ānanda)

"Thân chúng, thân chúng", này Hiền giả, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, này Hiền giả, thân chúng được Thế Tôn nói đến?

2. - Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo ly dục... chúng và trú **Thiền thứ nhất**. Như thế nào, như thế nào, **sau khi cảm xúc với thân, vị ấy như vậy, như vậy an trú xứ ấy**. Cho đến như vậy, này Hiền giả, **thân chúng được Thế Tôn nói đến với pháp môn.**

3. - Lại nữa, này các Hiền giả, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ... **Thiền thứ hai... Thiền thứ ba...** Chúng đạt và an trú **Thiền thứ tư**. Như thế nào, như thế nào, sau khi cảm xúc với thân, vị ấy như vậy, như vậy an trú xứ ấy. Cho đến như vậy, này Hiền giả, thân chúng được Thế Tôn nói đến với pháp môn.

4. - Lại nữa, này các Hiền giả, Tỷ-kheo, sau khi vượt qua các sắc tướng một cách hoàn toàn, chấm dứt các tướng đối ngại, không tác ý đến các tướng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chúng đạt và an trú **Không vô biên xứ**. Như thế nào, như thế nào, sau

khi cảm xúc với thân, vị ấy như vậy, như vậy an trú xứ ấy. Cho đến như vậy, này Hiền giả, thân chúng được Thế Tôn nói đến với pháp môn... (như trên)

... chúng đạt và an trú **Thức vô biên xứ**...

... chúng đạt và an trú **Vô sở hữu xứ** ...

... chúng đạt và an trú **Phi tưởng phi phi tưởng xứ** ...

5. - Lại nữa, này các Hiền giả, Tỷ-kheo, sau khi vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chúng đạt và an trú **Diệt thọ tưởng định**. Như thế nào, như thế nào, sau khi cảm xúc với thân, vị ấy như vậy, như vậy an trú xứ ấy. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là thân chúng được Thế Tôn nói đến với phi pháp môn.

141 VỊ TRƯỞNG LÃO - Tăng II, 493

VỊ TRƯỞNG LÃO – *Tăng II*, 493

1. - Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Trưởng lão **đem lại bất hạnh cho đa số**, đem lại không an lạc cho đa số, đem lại không lợi ích, bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người.

2. Thế nào là năm?

- Trưởng lão là bậc kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, được nhiều người biết đến, có danh vọng, được một số đông người tại gia, xuất gia doanh vãng, nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe. Các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến. Vì ấy có tà kiến, có tri kiến điên đảo. Vì ấy làm cho nhiều người từ bỏ diệu pháp, chấp nhận phi diệu pháp.
- Vì Tỷ-kheo là bậc kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.

- Vì vị Trưởng lão được nhiều người biết đến, có danh vọng, được một số đông người tại gia và xuất gia đoanh vây, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.
- Vì rằng, Tỷ-kheo Trưởng lão nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.
- Vì rằng Tỷ-kheo là bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.

Thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo Trưởng lão đem lại bất hạnh cho đa số, đem lại không an lạc cho đa số, đem lại không lợi ích, bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người.

3. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, **vị Tỷ-kheo Trưởng lão đem lại hạnh phúc cho đa số, đem lại an lạc cho đa số, đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người.**

4. Thế nào là năm?

- Trưởng lão là bậc kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, được nhiều người biết đến, có danh vọng, được một số đông người tại gia, xuất gia đoanh vây, nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Bậc nghe

hiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe. Các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh, hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quan sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến. Vị ấy có chánh kiến, không có tri kiến điên đảo. Vị ấy làm cho nhiều người từ bỏ phi điều pháp, chấp nhận điều pháp.

- Vị Tỷ-kheo Trưởng lão là bậc kỳ cựu xuất gia đã lâu ngày, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.
- Vị Tỷ-kheo Trưởng lão đã được nhiều người biết đến, có danh vọng, được số đông người tại gia xuất gia đoanh vây, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.
- Vì rằng Tỷ-kheo Trưởng lão nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.
- Vì rằng Tỷ-kheo Trưởng lão là bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Trưởng lão đem lại hạnh phúc cho đa số, đem lại an lạc cho đa số, đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người.

142 VỊ TRƯỞNG LÃO - Tăng IV, 514

VỊ TRƯỞNG LÃO – Tăng IV, 514

1. Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, vị trưởng lão tại địa phương nào vị ấy trú, vị ấy trú an ổn.

2. Thế nào là mười?

1. Vị trưởng lão đã lâu ngày được biết đến, xuất gia đã lâu ngày có giới... chấp nhận và học hỏi trong các học pháp.
2. Là vị nghe nhiều.... khéo thể nhập với chánh kiến.
3. Cả hai giới bốn Pàtimokkha được khéo truyền đạt một cách rộng rãi, được khéo phân tích, khéo thông hiểu, khéo quyết định theo kinh, theo chi tiết.
4. Vị ấy thiện xảo trong sự sanh khởi và chấm dứt các tránh sự.
5. Ưa thích pháp.
6. Dùng lời ái ngữ, hết sức hân hoan trong thắng pháp, thắng luật.
7. Biết đủ với bất cứ vật dụng nào nhận được như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh.

8. Để mền, khéo chế ngự trong khi đi tới đi lui, khi ngồi trong nhà.
9. Chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức bốn Thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú.
10. Do đoạn diệt các lậu hoặc, vị ấy ngay trong hiện tại, với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Thành tựu mười pháp này, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trưởng lão trú tại địa phương nào, tại địa phương nào, sống được an ổn.

143 VỊ TỶ KHEO - Tăng III, 305

VỊ TỶ KHEO – Tăng III, 305

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại núi Linh Thứu (Gijjhakùta). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Có **bảy pháp không bị suy giảm**, này các Tỷ-kheo. Hãy lắng nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng:

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. - Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **bảy pháp không bị suy giảm**?

1. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thường hay tu tập và tu tập đông đảo với nhau, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.
2. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập trong niêm đoàn kết, giải tán trong niêm đoàn kết, và làm việc Tăng sự trong niêm đoàn kết,

thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

3. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với những học giới được ban hành, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.
4. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc Tỷ-kheo Thượng toa, những vị này là những vị giàu kinh nghiệm, niên cao lap trưởng, bậc cha của chúng Tăng, bậc Thầy của chúng Tăng và nghe theo những lời dạy của những vị này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.
5. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không bi chi phối bởi tham ái, tham ái này tác thành một đời sống khác, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.
6. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thích sống những chỗ nhàn tịnh, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.
7. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tư thân an trú chánh niệm, khiến các ban đồng tu

thiên chí chưa đến muốn đến ở, và các ban
đồng tu thiên chí đã đến ở được sống an lạc,
thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được
lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp không làm suy
giảm này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào
các Tỷ-kheo được dạy bảy pháp không làm suy giảm
này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được
lớn mạnh, không bị suy giảm.

144 VỊ TỶ KHEO HỮU HỌC 1 - Tăng II, 496

VỊ TỶ KHEO HỮU HỌC 1 – Tăng II, 496

1. - Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, khiến Tỷ-kheo hữu học thôi chuyển.

2. Thế nào là năm?

- Ưa sự nghiệp,
- Ưa đàm luận,
- Ưa ngủ,
- Ưa có quần chúng,
- Không quán sát tâm như đã được giải thoát.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, khiến Tỷ-kheo hữu học thôi chuyển.

3. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không khiến Tỷ-kheo hữu học thôi chuyển.

4. Thế nào là năm?

- Không ưa sự nghiệp,
- Không ưa đàm luận,
- Không ưa ngủ,
- Không ưa có quần chúng,

- Quán sát tâm như đã được giải thoát.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không khiến Tỷ-kheo hữu học thối chuyển.

145 VỊ TỶ KHEO HỮU HỌC 2 - Tăng II, 497

VỊ TỶ KHEO HỮU HỌC 2 – Tăng II, 497

1. - **Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, khiến Tỷ-kheo hữu học thôi chuyển.** Thế nào là năm?
2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo hữu học có nhiều công việc, có nhiều việc phải làm, khéo léo trong công việc phải làm, từ bỏ độc cư Thiên tịnh, không chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ nhất khiến Tỷ-kheo hữu học thôi chuyển.
3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học suốt ngày làm những công việc nhỏ nhất, từ bỏ độc cư Thiên tịnh, không có chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ hai khiến vị Tỷ-kheo hữu học thôi chuyển.
4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học sống liên hệ nhiều với các vị tại gia và xuất gia, hệ lụy với các sự việc tại gia không thích đáng, từ bỏ độc cư Thiên tịnh, không chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ ba khiến Tỷ-kheo hữu học thôi chuyển.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo hữu học đi vào làng quá sớm, từ già làng quá muộn từ bỏ độc cư Thiền tịnh, không chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ tư khiến vị Tỷ-kheo hữu học thối chuyển.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo hữu học đối với các câu chuyện nghiêm trang, khai tâm như các câu chuyện về ít dục, câu chuyện về tri túc, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về không hội hợp, câu chuyện về tinh cần, tinh tấn, câu chuyện về giới, câu chuyện về định, câu chuyện về tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến. Các câu chuyện ấy, vị ấy có được có khó khăn, có được có mệt nhọc, có được có phí sức. Vị ấy từ bỏ độc cư Thiền tịnh, không chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ năm khiến vị Tỷ-kheo hữu học thối chuyển.

7. **Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không khiến vị Tỷ-kheo hữu học thối chuyển.**

Thế nào là năm?

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo hữu học không có nhiều công việc, không có nhiều việc phải làm, không khéo léo trong công việc phải làm, không từ bỏ độc cư Thiền tịnh, chuyên chú vào nội tâm

tịnh chỉ. Đây là pháp thứ nhất không khiến vị Tỷ-kheo hữu học thối chuyển.

9. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo hữu học không suốt ngày làm những công việc nhỏ nhất, không từ bỏ độc cư Thiền tịnh, chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ hai không khiến vị Tỷ-kheo hữu học thối chuyển.

10. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo hữu học không sống liên hệ nhiều với các vị tại gia và xuất gia, không hệ lụy với các việc tại gia không thích đáng, không từ bỏ độc cư Thiền tịnh, chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ ba không khiến vị Tỷ-kheo hữu học thối chuyển.

11. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo hữu học không đi vào làng quá sớm, không từ già quá muộn, không từ bỏ độc cư Thiền tịnh, chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ tư không khiến vị Tỷ-kheo hữu học thối chuyển.

12. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo hữu học đối với các câu chuyện nghiêm trang, khai tâm, như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về tri túc, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới, câu chuyện về định, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến. Các

câu chuyện ấy có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức, không từ bỏ độc cư Thiền tịnh, chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ năm, này các Tỷ-kheo, không đưa đến thói chuyển cho vị Tỷ-kheo hữu học.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không khiến vị Tỷ-kheo hữu học thói chuyển.

146 VỊ TỶ KHEO PHẢI KÍNH TRỌNG AI - Tăng III, 446

VỊ TỶ KHEO PHẢI KÍNH TRỌNG AI – *Tăng III*,
446

1. Rồi Tôn giả Sàriputta, trong khi sống một mình, Thiền tịnh, tâm tư suy nghĩ như sau khởi lên: *"Vị Tỷ-kheo cung kính tôn trọng, sống nương tựa ai để có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện?"*

Rồi Tôn giả Sàriputta suy nghĩ như sau: *"Tỷ-kheo cung kính tôn trọng, sống nương tựa Đạo Sư để có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện. Tỷ-kheo cung kính tôn trọng, sống nương tựa Pháp... chúng Tăng... Học pháp... Đỉnh... không phóng dật... Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, sống nương tựa tiếp đón thân tình để có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện".*

Rồi Tôn giả Sàriputta lại suy nghĩ như sau: "Những pháp này trong ta đã được thanh tịnh trong sáng. Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn và báo cho Thế Tôn rõ những pháp này, như vậy các pháp này sẽ được thanh tịnh trong ta và được xem là trong sạch hơn nữa. *Ví như một người tìm được một đồng tiền vàng lớn, thanh tịnh trong sáng. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi đến người thợ vàng và đưa xem đồng tiền vàng*

này. Đồng tiền vàng này được ta đưa cho người thợ vàng như vậy sẽ được thanh tịnh và trong sáng hơn nữa". Cũng vậy, các pháp này ở nơi ta được thanh tịnh, trong sáng. Ta hãy đi đến Thế Tôn và báo cho Thế Tôn rõ những pháp này. Như vậy các pháp này sẽ được thanh tịnh trong ta và được xem là trong sạch hơn nữa".

Rồi Tôn giả Sàriputta, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

2. - Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con sống một mình Thiền tịnh, tâm tư suy nghĩ như sau khởi lên nơi con: "Tỷ-kheo cung kính tôn trọng, sống nương tựa ai để có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện?" Rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Tỷ-kheo cung kính tôn trọng, sống nương tựa Pháp... chúng Tăng... Học pháp... Định... không phóng dật... Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, sống nương tựa tiếp đón thân tình để có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện". Rồi bạch Thế Tôn, con lại suy nghĩ như sau: "Những pháp này trong ta đã được thanh tịnh trong sáng. Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn và báo cho Thế Tôn rõ những pháp này, như vậy các pháp này sẽ được thanh tịnh trong ta và được xem là trong sạch hơn nữa. Ví như một người

tìm được một đồng tiền vàng lớn, thanh tịnh trong sáng. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi đến người thợ vàng và đưa xem đồng tiền vàng này. Đồng tiền vàng này được ta đưa cho người thợ vàng như vậy sẽ được thanh tịnh và trong sáng hơn nữa". Cũng vậy, các pháp này ở nơi ta được thanh tịnh, trong sáng. Ta hãy đi đến Thế Tôn và báo cho Thế Tôn rõ những pháp này. Như vậy các pháp này sẽ được thanh tịnh trong ta và được xem là trong sạch hơn nữa".

- Lành thay, lành thay, này Sàriputta! Này Sàriputta, Tỷ-kheo cung kính tôn trọng, sống nương tựa Đạo Sư, có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện. Này Sàriputta, Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, sống nương tựa Pháp... chúng Tăng... Học pháp... Định... không phóng dật... Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, sống nương tựa tiếp đón thân tình để có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.

Khi được nói vậy, Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

3. - *Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau:*

❖ Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo Sư, sẽ cung kính Pháp, sự kiện này

không xảy ra. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo Sư, vị ấy cũng không cung kính Pháp.

- Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo Sư, không cung kính Pháp sẽ cung kính chúng Tăng, sự kiện này không xảy ra. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo Sư, không cung kính Pháp, vị ấy cũng không cung kính chúng Tăng.
- Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo Sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, sẽ cung kính Học pháp, sự kiện này không xảy ra. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo Sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, vị ấy cũng không cung kính học pháp.
- Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo Sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, không cung kính Học pháp, sẽ cung kính Thiền định. Sự kiện này không xảy ra. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo Sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, không cung kính Học pháp, vị ấy cũng không cung kính Thiền định.
- Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo Sư, không cung kính Pháp,

không cung kính chúng Tăng, không cung kính Học pháp, không cung kính Thiền định, sẽ cung kính không phóng dật, sự kiện này không xảy ra. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo Sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, không cung kính Học pháp, không cung kính Thiền định, vị ấy cũng không cung kính không phóng dật.

- Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo Sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, không cung kính Học pháp, không cung kính Thiền định, không cung kính không phóng dật, sẽ cung kính tiếp đón thân tình, sự kiện này không xảy ra. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo Sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, không cung kính Học pháp, không cung kính Thiền định, không cung kính không phóng dật, vị ấy cũng không cung kính tiếp đón thân tình.

❖ Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo Sư, sẽ không cung kính Pháp, sự kiện này không xảy ra. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo Sư, vị ấy cũng cung kính Pháp.

- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo Sư, cung kính Pháp sẽ không cung kính chúng Tăng, sự kiện này không xảy ra. Bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo nào cung kính Đạo Sư, cung kính Pháp, vị ấy cũng cung kính chúng Tăng.
- Bạch Thế Tôn, chắc chắn vị Tỷ-kheo nào cung kính Đạo Sư, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, sẽ không cung kính Học pháp, sự kiện này không xảy ra. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo Sư, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, vị ấy cũng cung kính học pháp.
- Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào cung kính Đạo Sư, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, cung kính Học pháp, sẽ không cung kính Thiền định, sự kiện này không xảy ra. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo Sư, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, cung kính Học pháp, vị ấy cũng cung kính Thiền định.
- Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào cung kính Đạo Sư, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, cung kính Học pháp, cung kính Thiền định, sẽ không cung kính không phóng dật, sự kiện này không xảy ra. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo Sư, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, cung kính Học pháp, cung kính Thiền định, vị ấy cũng cung kính không phóng dật.

- Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào cung kính Đạo Sư, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, cung kính Học pháp, cung kính Thiền định, cung kính không phóng dật, sẽ không cung kính tiếp đón thân tình, sự kiện này không xảy ra. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo Sư, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, cung kính Học pháp, cung kính Thiền định, cung kính không phóng dật, vị ấy cũng cung kính tiếp đón thân tình.

Bạch Thế Tôn, với lời vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

4. - Lành thay, lành thay, này Sàriputta! Lành thay, này Sàriputta, với lời nói vắn tắt này của Ta, Thầy đã hiểu một cách rộng rãi như vậy. Này Sàriputta, thật vậy, Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo Sư, sẽ cung kính Pháp, sự kiện này không xảy ra. Này Sàriputta, Tỷ-kheo nào không cung kính bậc Đạo Sư, vị ấy cũng không cung kính Pháp... Này Sàriputta, vị Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo Sư... không cung kính Pháp... không cung kính chúng Tăng... không cung kính Học pháp... không cung kính Thiền định... không cung kính... không cung kính không phóng dật, sẽ cung kính tiếp đón thân tình, sự kiện này không xảy ra. Này Sàriputta, Tỷ-kheo nào không

cung kính Đạo Sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, không cung kính Học pháp, không cung kính Thiên định, không cung kính, không cung kính không phóng dật, vị ấy cũng không cung kính tiếp đón thân tình.

Này Sàriputta, chắc chắn Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, sẽ không cung kính Pháp, sự kiện này không xảy ra. Này Sàriputta, Tỷ-kheo nào không cung kính bậc Đạo Sư, vị ấy cũng cung kính Pháp... Này Sàriputta, vị Tỷ-kheo nào cung kính Đạo Sư... cung kính Pháp... cung kính chúng Tăng... cung kính Học pháp... cung kính Thiên định... cung kính không phóng dật, sẽ không cung kính tiếp đón thân tình, sự kiện này không xảy ra. Này Sàriputta, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo Sư, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, cung kính Học pháp, cung kính Thiên định, không cung kính, cung kính không phóng dật, vị ấy cũng cung kính tiếp đón thân tình.

Này Sàriputta, lời nói vắn tắt này của Ta, ý nghĩa cần phải được thấy một cách rộng rãi như vậy.

147 Vị ALaHán - Tương I, 37

Vị ALaHán – *Tương I, 37*

Vị Tỷ-kheo La-hán,
Đã làm điều phải làm,
Các lậu được đoạn tận,
Thân này, thân tối hậu.
Vị ấy có thể nói:
"Chính tôi vừa nói lên"
Vị ấy có thể nói:
"Họ nói là của tôi".

(Thế Tôn):

Vị Tỷ-kheo La-hán,
Đã làm điều phải làm,
Các lậu được đoạn tận,
Thân này, thân tối hậu.
Vị ấy có thể nói:
"Chính tôi vừa nói lên",
Vị ấy có thể nói:
"Họ nói là của tôi".

*Vị ấy khéo biết rõ,
Danh xưng ở thế gian,
Vị chỉ là danh xưng,
Vị ấy cũng danh xưng.*

(Vị Thiên):

Vị Tỷ-kheo La-hán,
Đã làm điều phải làm,
Các lậu được đoạn tận,
Thân này, thân tối hậu.
*Có phải Tỷ-kheo ấy,
Đi gần đến kiêu mạn,
Khi vị ấy có nói:
"Chính tôi vừa nói lên".
Khi vị ấy có nói:
"Họ nói là của tôi"?*

(Thế Tôn):

Ai đoạn tận kiêu mạn,
Không còn những buộc ràng,
Mọi hệ phược kiêu mạn,
Được hoàn toàn đoạn tận.
Vị có trí sáng suốt,
Vượt khỏi mọi hư tưởng,
Vị ấy có thể nói:
"Chính tôi vừa nói lên",
Vị ấy có thể nói:
"Họ nói là của tôi".
Vị ấy khéo biết rõ,

***Danh xưng ở thế gian,
Vì chỉ là danh xưng,
Vị ấy cũng danh xưng.***

148 Vị Giữ Giới - Tương III, 298

Vị Giữ Giới – Tương III, 298

1) Một thời, Tôn giả Sàriputta (Xá-lợi-phất) và Tôn giả Mahà Kotthika trú ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), tại Isipatana (Chư Tiên đạo xứ), vườn Lộc Uyển.

2-3) Rồi Tôn giả Mahà Kotthika, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Sàriputta... thưa như sau:

-- Thưa Hiền giả Sàriputta, những pháp gì Tỷ-kheo giữ giới cần phải như lý tác ý?

4) -- Nay Hiền giả Kotthika, Tỷ-kheo giữ giới cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

5) Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Nay Hiền giả Kotthika, vị Tỷ-kheo giữ giới cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

6) Nay Hiền giả, sự kiện này xảy ra: Tỷ-kheo giữ giới **do** như tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, **có thể chứng được quả Dự lưu.**

7) -- *Với Tỷ-kheo đã chứng quả Dự lưu, nay Hiền giả Sàriputta, những pháp gì cần phải như lý tác ý?*

8-9) -- Với Tỷ-kheo đã chứng quả Dự lưu, nay Hiền giả Kotthika, **cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn** là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

Sự kiện này có thể xảy ra, nay Hiền giả, Tỷ-kheo Dự lưu, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, **có thể chứng được quả Nhứt lai.**

10) -- *Nhưng Tỷ-kheo Nhứt lai, nay Hiền giả Sàriputta, phải như lý tác ý các pháp gì?*

11) -- Tỷ-kheo Nhứt lai, nay Hiền giả Kotthika, **cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn** là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

Sự kiện này có thể xảy ra, nay Hiền giả, Tỷ-kheo Nhứt lai, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, **có thể chứng được quả Bất lai.**

12) -- *Nhưng **Tỷ-kheo Bất lai**, này Hiền giả Sàriputta, cần phải như lý tác ý những pháp gì?*

13-15) -- Tỷ-kheo Bất lai, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý **năm thủ uẩn** là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỷ-kheo Bất lai, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được quả A-la-hán.

16) -- *Nhưng **vị A-la-hán**, này Hiền giả Sàriputta, cần phải như lý tác ý các pháp gì?*

17) -- Vị A-la-hán, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý **năm thủ uẩn** này là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

18) Với vị A-la-hán, này Hiền giả, không có gì phải làm nữa, hay không có phải thêm gì nữa trong công việc làm. Nhưng sự tu tập, làm cho sung mãn những pháp này sẽ đưa đến hiên tai lạc trú và chánh niệm tỉnh giác.

Vị Có Nghe – 300tu3

(Hoàn toàn như kinh trước, chỉ thay thế vị có nghe cho vị giữ giới).

149 Vị Ngọt - Tương III, 153

Vị Ngọt – *Tương* III, 153

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Nay các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

4-6)... của thọ... của tướng... của các hành.

7) Không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

8-12) Và nay các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc... của thọ... của tướng... của các hành... của thức.

150 Vị Ngọt - Tương III, 308

Vị Ngọt – *Tương* III, 308

1-2) Tại Bārāṇasī, Isipatana, vườn Lộc Uyển...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahā Koththika thưa với Tôn giả Sāriputta:

-- "*Vô minh, vô minh*", thưa Hiền giả Sāriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là vô minh, thưa Hiền giả? Và cho đến như thế nào được gọi là vô minh?

4) -- Ở đây, này Hiền giả, kẻ vô văn phạm phu không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của **sắc**.

5-7) ... thọ... tưởng... các hành...

8) ... không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của **thức**.

9) **Đây là vô minh**, này Hiền giả. Cho đến như vậy được gọi là vô minh.

Vị Ngọt – 309tu3

1-2) Tại Bàrànasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển...

3) -- *"Minh, minh", này Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Như thế nào được gọi là minh?*

4-8) Ở đây, này Hiền giả, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của **sắc...** của **thọ...** của **tưởng...** của các **hành...** như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của **thức.**

9) **Đây gọi là minh,** này Hiền giả. Cho đến như vậy được gọi là minh.

151 Vị Ngọt - Tương III, 309

Vị Ngọt – *Tương* III, 309

1-2) Tại Bàrànasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển...

3) -- "*Minh, minh*", này Hiền giả Sàriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Như thế nào được gọi là minh?

4-8) Ở đây, này Hiền giả, bậc Đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của **sắc...** của **thọ...** của **tưởng...** của các **hành...** như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của **thức**.

9) **Đây gọi là minh**, này Hiền giả. Cho đến như vậy được gọi là minh.

152 Vị Ngọt - Tương III, 57

Vị Ngọt – *Tương* III, 57

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Nay các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bò-tát, Ta suy nghĩ như sau:

4) "**Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của sắc?** Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của **thọ**? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của **tưởng**? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của các **hành**? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của **thức**?"

5) Rồi nay các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau:

6)

- "**Do duyên sắc, lạc hỷ sanh**; cái ấy gọi là vị ngọt của sắc.
- **Sự vô thường, đau khổ, chịu sự biến hoại** của sắc; cái ấy gọi là sự nguy hiểm của sắc.
- **Sự nhiếp phục dục và tham** đối với sắc, sự đoạn tận dục và tham; cái ấy là xuất ly của sắc".

7) "Do duyên **thọ**, lạc hỷ sanh.."..

8) "Do duyên **tưởng**, lạc hỷ sanh..".

9) "Do duyên các **hành**, lạc hỷ sanh; cái ấy gọi là vị ngọt của các hành. Sự vô thường, đau khổ, chịu sự biến hoại của các hành; cái ấy gọi là sự nguy hiểm của các hành. Sự nhiếp phục dục và tham đối với hành, sự đoạn tận dục và tham; cái ấy là sự xuất ly của các hành ".

10) "Do duyên **thức**, lạc hỷ sanh; cái ấy gọi là vị ngọt của thức. Sự vô thường, đau khổ, chịu sự biến hoại của thức; cái ấy gọi là sự nguy hiểm của thức. Sự nhiếp phục dục và tham đối với thức, sự đoạn tận dục và tham; cái ấy là sự xuất ly của thức ".

11) **Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với năm thủ uẩn này, Ta chưa như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố rằng Ta đã giác ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác đối với thế giới gồm có Thiên, Ma, Phạm thiên, đối với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.**

12) **Nhưng này các Tỷ-kheo, khi nào đối với năm thủ uẩn này, Ta như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời này các**

Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng Ta đã giác ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác đối với thế giới gồm có Thiên, Ma, Phạm thiên, đối với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

13) Và tri kiến như sau khởi lên nơi Ta: "**Tâm Ta giải thoát, bất động. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sinh nữa**".

153 Vị Ngọt - Tương III, 59

Vị Ngọt – *Tương* III, 59

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu **vị ngọt** của **sắc**. Vị ngọt của sắc là gì, Ta đã chứng đắc. Vị ngọt của sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

4) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu **sự nguy hiểm** của sắc. Sự nguy hiểm của sắc là gì, Ta đã chứng đắc. Sự nguy hiểm của sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

5) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu **sự xuất ly** của sắc. Sự xuất ly của sắc là gì, Ta đã chứng đắc. Sự xuất ly của sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

6-8) Nay các Tỷ-kheo, Ta đi tìm cầu vị ngọt của **thọ**...

9-11) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của **tưởng**...

12-14) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của các **hành**...

15) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của **thức**. Vị ngọt của thức là gì, Ta đã chứng đắc. Vị ngọt của thức như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

16) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu sự nguy hiểm của thức. Nguy hiểm của thức là gì, Ta đã chứng đắc. Nguy hiểm của thức như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

17) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu sự xuất ly của thức. Xuất ly của thức là gì, Ta đã chứng đắc. Xuất ly của thức như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

18) Nay các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với **năm thủ uẩn** này, Ta chưa như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố rằng Ta đã giác ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác đối với thế giới gồm có Thiên, Ma, Phạm thiên, đối với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

19) Nhưng nay các Tỷ-kheo, khi nào đối với năm thủ uẩn này, Ta như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng Ta đã giác ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác đối với thế giới gồm có Thiên, Ma, Phạm thiên, đối với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

20) Và tri kiến như sau khởi lên nơi Ta: "Tâm Ta giải thoát, bất động. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sinh nữa".

154 Vị Ngọt - Tương III, 61

Vị Ngọt – *Tương* III, 61

1-2) Nhân duyên tại Sàvatthi...

3) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có **vị ngọt** của **sắc**, thời các loài hữu tình không có tham đắm đối với sắc. Và vì rằng, nay các Tỷ-kheo, có vị ngọt của sắc cho nên các loài hữu tình có tham đắm đối với sắc.

4) Nay Tỷ-kheo, nếu không có **sự nguy hiểm** của sắc, thời các loài hữu tình không có yếm ly đối với sắc. Và vì rằng, nay các Tỷ-kheo, có sự nguy hiểm của sắc cho nên các loài hữu tình có yếm ly đối với sắc.

5) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có **sự xuất ly** đối với sắc, thời các loài hữu tình không có xuất ly đối với sắc. Và vì rằng, nay các Tỷ-kheo, có sự xuất ly của sắc cho nên các loài hữu tình có sự xuất ly đối với sắc.

6-8) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của **thọ**...

9-11) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của **tưởng**...

12-14) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của các **hành**...

15) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của **thức**, thời các loài hữu tình không có tham đắm đối với thức. Và vì rằng, nay các Tỷ-kheo, có vị ngọt của thức cho nên các loài hữu tình có tham đắm đối với thức.

16) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có sự nguy hiểm của thức, thời các loài hữu tình không có xuất ly đối với thức. Và vì rằng, nay các Tỷ-kheo, có sự nguy hiểm đối với thức cho nên các loài hữu tình có yếm ly đối với thức.

17) Nay các Tỷ-kheo, nếu không có sự xuất ly đối với thức, thời các loài hữu tình không có xuất ly đối với thức. Và vì rằng, nay các Tỷ-kheo, có sự xuất ly đối với thức cho nên các loài hữu tình có xuất ly đối với thức.

18) Nay các Tỷ-kheo, khi nào các loài hữu tình đối với **năm thủ uẩn** này không như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời các loài hữu tình ấy, nay các Tỷ-kheo, với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài

Người, không thể sống xuất ly, thoát sự liên hệ, giải thoát, với tâm tự tại.

19) Và này các Tỷ-kheo, khi nào các loài hữu tình đối với **năm thủ uẩn** này, như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo, với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, có thể sống xuất ly, thoát sự liên hệ, giải thoát, với tâm tự tại.

155 Vị Ngọt 1 - Tương IV, 22

Vị Ngọt 1 – Tương IV, 22

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của **mắt**. Có vị ngọt nào của mắt, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Nay các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của mắt. Có nguy hiểm nào của mắt, Ta đều thực nghiệm. Nguy hiểm của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Nay các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu xuất ly của mắt. Có xuất ly nào của mắt, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

3-6) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của **tai**... của **mũi**... của **lưỡi**... của **thân**...

7) Nay các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của ý. Có vị ngọt nào của ý, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Nay các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của ý. Có nguy hiểm nào của ý, Ta đều thực nghiệm. Nguy hiểm của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Nay các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu xuất ly của ý.

Có xuất ly nào của ý, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

8-9) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, đối với sáu nội xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là sự xuất ly...

10) Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sinh nữa".

Vị Ngọt 2 – 23tu4

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của các **sắc**. Có vị ngọt nào của các sắc, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của các sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của các sắc. Có nguy hiểm nào của các sắc, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của các sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

3-6) ...các **tiếng**... các **hương**... các **vị**... các **xúc**...

7) Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của các **pháp**. Có vị ngọt nào của các pháp, Ta đều thực

nghiệm. Vị ngọt của các pháp như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Nay các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của các pháp. Có nguy hiểm nào của các pháp, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của pháp như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

8-9) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, đối với sáu ngoại xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly...

10) Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: ***"Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sinh nữa"***.

156 Vị Ngọt 2 - Tương IV, 23

Vị Ngọt 2 – *Tương IV, 23*

1) ...

2) -- **Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của các **sắc**. Có vị ngọt nào của các sắc, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của các sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của các sắc. Có nguy hiểm nào của các sắc, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của các sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.**

3-6) ...các **tiếng**... các **hương**... các **vị**... các **xúc**...

7) Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của các **pháp**. Có vị ngọt nào của các pháp, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của các pháp như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của các pháp. Có nguy hiểm nào của các pháp, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của pháp như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

8-9) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, đối với sáu ngoại xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly...

10) Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sinh nữa".

157 Vị Thuyết Pháp - Tương II, 38

Vị Thuyết Pháp – Tương II, 38

1) Tại Sàvatthi.

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- "Thuyết pháp, thuyết pháp", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến.

4) Nếu Tỷ-kheo **thuyết pháp về** yếm ly, ly tham, đoạn diệt **già và chết**, như vậy là đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp.

5) Nếu Tỷ-kheo **thực hành về** yếm ly, ly tham, đoạn diệt già chết, như vậy là đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành các pháp và tùy pháp.

6) Nếu Tỷ-kheo **giải thoát**, không còn chấp thủ mọi yếm ly, ly tham, đoạn diệt già chết, như vậy là đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong đời sống hiện tại.

7) Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự yếm ly, ly tham, đoạn diệt **sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... hành...** (như trên)... Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về yếm ly, ly tham, đoạn diệt vô minh, như vậy là đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp.

8) Nếu Tỷ-kheo thực hành về yếm ly, ly tham, đoạn diệt vô minh, như vậy là đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành các pháp và tùy pháp.

9) Nếu Tỷ-kheo giải thoát, không còn chấp thủ mọi yếm ly, ly tham, đoạn diệt vô minh, như vậy là đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong đời sống hiện tại.

158 Vị Thuyết Pháp - Tương III, 290

Vị Thuyết Pháp – Tương III, 290

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Sau khi ngồi xuống, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "*Vị thuyết pháp, vị thuyết pháp", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, được gọi là vị thuyết pháp?*

4) -- Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là **Tỷ-kheo thuyết pháp**.

Nếu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là **Tỷ-kheo thực hành pháp tùy pháp**.

Nếu Tỷ-kheo đo nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc, được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là **Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại**.

5-7) Nếu Tỷ-kheo đối với **thọ**... Nếu Tỷ-kheo đối với **tưởng**... Nếu Tỷ-kheo đối với các **hành**...

8)

- Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức; như vậy là vừa đủ để được gọi là **Tỷ-kheo thuyết pháp**.
- Nếu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức; như vậy là vừa đủ để được gọi là **Tỷ-kheo thực hành pháp tùy pháp**.
- Nếu Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức, được giải thoát không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là **Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại**.

159 Vị Thuyết Pháp - Tương III, 292

Vị Thuyết Pháp – Tương III, 292

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "*Vị thuyết pháp, vị thuyết pháp*", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là vị thuyết pháp? Cho đến như thế nào, được gọi là vị thực hành pháp tùy pháp? Cho đến như thế nào, được gọi là vị đã đạt đến Niết-bàn ngay trong hiện tại?

3-4) -- Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là **Tỷ-kheo thuyết pháp**.

- Nếu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là **Tỷ-kheo thực hành pháp tùy pháp**.
- Nếu Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc, được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là **Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại**.

5-7) Nếu Tỷ-kheo đối với **thọ**... đối với **tưởng**... đối với các **hành**...

8) Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với **thức**; như vậy là vừa đủ để được gọi là **Tỷ-kheo thuyết pháp**.

- Nếu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức; như vậy là vừa đủ để được gọi là **Tỷ-kheo thực hành pháp tùy pháp**.
- Nếu Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức, được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là **Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại**.

160 Vị Thuyết Pháp - Tương IV, 234

Vị Thuyết Pháp – Tương IV, 234

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên. Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "***Vị thuyết pháp**, vị thuyết pháp", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là vị thuyết pháp?*

4) -- Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp đưa đến nhàm chán, ly tham, đoạn diệt **mắt**, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với mắt, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thành tựu pháp và thuần pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với mắt, được giải thoát không có chấp thủ, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo chứng được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

5-8) ... tai... mũi... lưỡi... thân...

9) Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp đưa đến nhàm chán, ly tham, đoạn diệt ý, như vậy là vừa đủ để được gọi là

Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với ý, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp và thuận pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với ý, được giải thoát không có chấp thủ, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

161 Vị Thuyết Pháp - Tương IV, 405

Vị Thuyết Pháp – *Tương* IV, 405

1) Một thời, Tôn giả Sàriputta trú ở giữa dân chúng Magadha (Ma-kiệt-đà), làng Nàlaka.

Rồi du sĩ Jambukhàdaka đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

2) Ngồi một bên, du sĩ Jambukhàdaka nói với Tôn giả Sàriputta:

3) *Thưa Hiền giả,*

- *Những ai là những vị **thuyết thuận pháp** ở đời?*
- *Những ai là những vị **khéo thực hành** ở đời?*
- *Những ai là những vị **khéo đến** ở đời?*

4) -- **Này Hiền giả, những ai thuyết pháp để đoạn tận tham, những ai thuyết pháp để đoạn tận sân, những ai thuyết pháp để đoạn tận si; những vị ấy là những vị thuyết thuận pháp ở đời.**

5) **Này Hiền giả, những ai thực hành đoạn tận tham, thực hành đoạn tận sân, thực hành đoạn tận si; những vị ấy là những vị khéo thực hành ở đời.**

6) **Những ai đoạn tận tham, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những ai đoạn tận sân, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những ai đoạn tận si, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những vị ấy là những vị khéo đến ở đời.**

7) -- *Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy?*

-- Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy.

8) -- *Này Hiền giả, con đường ấy là gì, đạo lộ ấy là gì đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy?*

-- Này Hiền giả, đây là **Thánh đạo Tám ngành** đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này Hiền

giả, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến đoạn tận
tham, sân và si ấy.

9) -- Này Hiền giả, hiền thiện là con đường, hiền thiện là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy. Thật là vừa đủ, này Hiền giả Sàriputta, để **không phóng dật.**

162 Vị Tỷ Kheo - Tương II, 80

Vị Tỷ Kheo – *Tương II, 80*

1). .. Trú ở Sàvatthi.

2) Tại đây...

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **hiếu rõ** già chết, hiếu rõ già chết tập khởi, hiếu rõ già chết đoạn diệt, hiếu rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt...(như trên)...

4)... Hiếu rõ sanh...

5)... Hiếu rõ hữu...

6)... Hiếu rõ thủ...

7)... Hiếu rõ ái...

8)... Hiếu rõ thọ...

9)... Hiếu rõ xúc...

10)... Hiếu rõ sáu xứ...

11)... Hiếu rõ danh sắc...

12)... Hiểu rõ thức...

13)... Hiểu rõ hành, hiểu rõ hành tập khởi, hiểu rõ hành đoạn diệt.

14) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là già chết?

Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, bị già yếu, suy nhược, răng rụng, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ đòi bại, các căn chín muồi; đây gọi là già.

Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, bị một diệt, hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các uẩn tàn lụn, thân thể hoại diệt, vứt bỏ; đây gọi là chết. Như vậy đây là già, đây là chết. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là già chết.

15) Do sanh khởi, già chết khởi. Do sanh diệt, già chết diệt. Đây là **Thánh đạo tám ngành** đưa đến già chết đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.

16-24) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sanh... (như trên)... Này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu... Này các Tỷ-kheo, thế nào là thủ... Này các Tỷ-kheo, thế nào

là ái... là thọ... là xúc... là sáu xứ... là danh sắc... là thức?...

25) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hành? Có ba hành này, này các Tỷ-kheo: thân hành, khẩu hành, ý hành. Ba hành này, này các Tỷ-kheo, được gọi là hành.

Do vô minh khởi nên hành khởi. Do vô minh diệt nên hành diệt. Đây chính là Thánh đạo tám ngành đưa đến hành đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến...(như trên)...chánh định.

26) Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo biết rõ già chết như vậy, biết rõ già chết tập khởi như vậy, biết rõ già chết đoạn diệt như vậy, biết rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt như vậy.

27-36) Do biết rõ sanh như vậy... hữu... thủ...ái...thọ...xúc...sáu xứ...danh sắc... thức... **Do biết rõ** hành như vậy, biết rõ hành tập khởi như vậy, biết rõ hành đoạn diệt như vậy, do biết rõ con đường đưa đến hành đoạn diệt như vậy.

37) **Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy được gọi là** đạt tri kiến, đạt kiến, đã đi đến diệu pháp này, thấy được diệu pháp này, đã đầy đủ hữu học trí, đã đầy đủ hữu học minh, đã nhập được pháp lưu, **là bậc Thánh minh đạt tuệ, đã đứng gối vào cửa bất tử.**

163 Vị Tỷ Kheo - Tương III, 72

Vị Tỷ Kheo – Tương III, 72

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

3) *-Bạch Thế Tôn, lành thay, nếu Thế Tôn thuyết pháp một cách vắn tắt cho con. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.*

4) *-Này Tỷ-kheo, cái gì người ta thiên chấp (anuseti), cái ấy người ta được đo lường (anopuyti). Cái gì người ta được đo lường, cái ấy người ta được xưng danh (sankham gacchati). Cái gì người ta không thiên chấp, cái ấy người ta không được đo lường. Cái gì người ta không được đo lường, cái ấy người ta không được xưng danh.*

- Con đã hiểu, bạch Thế Tôn. Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ.

5) -Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông đã hiểu một cách rộng rãi như thế nào?

6) Nếu thiên chấp sắc, bạch Thế Tôn, với sắc, người ta được đo lường. Với cái gì người ta được đo lường, với cái ấy, người ta được xung danh. Nếu thiên chấp thọ... Nếu thiên chấp tướng... Nếu thiên chấp các hành... Nếu thiên chấp thức, với thức, người ta được đo lường. Với cái gì người ta được đo lường, với cái ấy, người ta được xung danh.

7) Nếu không thiên chấp sắc, bạch Thế Tôn, với sắc, người ta không được đo lường. Với cái gì người ta không được đo lường, với cái ấy, người ta không được xung danh. Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tướng... Nếu không thiên chấp các hành... Nếu không thiên chấp thức, với thức, người ta không được đo lường. Với cái gì người ta không được đo lường, với cái ấy, người ta không được xung danh. Với lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, bạch Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

8) Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời nói vắn tắt này của Ta, Ông đã hiểu một cách rộng rãi như vậy. Nếu thiên chấp sắc, này Tỷ-kheo, với sắc, người ta được đo lường. Với cái gì được đo lường, với cái ấy, người ta được xung danh. Nếu thiên chấp thọ... Nếu thiên chấp tướng... Nếu thiên chấp các hành... Nếu thiên chấp thức, với thức, người ta được đo lường. Với cái gì người ta được đo

lường, với cái ấy, người ta được xưng danh. Nếu không thiên chấp sắc, này Tỷ-kheo, với sắc, người ta không được đo lường. Với cái gì người ta không được đo lường, với cái ấy, người ta không được xưng danh. Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tưởng... Nếu không thiên chấp các hành... Nếu không thiên chấp thức, với thức, người ta không được đo lường. Với cái gì người ta không được đo lường, với cái ấy, người ta không được xưng danh. Với lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

9) Rồi vị Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

10) Rồi vị Tỷ-kheo ấy sống một mình, tịnh cư...

11) Vị Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán.

164 Vị Tỷ Kheo - Tương IV, 373

Vị Tỷ Kheo – Tương IV, 373

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi một bên, Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, thế nào là thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là con đường đưa đến thọ tập khởi? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là con đường đưa đến thọ đoạn diệt? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự nguy hiểm của thọ? Thế nào là sự xuất ly của thọ?

4) -- Nay Tỷ-kheo,

- Có ba thọ này: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Nay Tỷ-kheo, đây gọi là ba thọ.
- Do **xúc** tập khởi nên thọ tập khởi.
- **Khát ái** là con đường đưa đến thọ tập khởi.
- Do **xúc** đoạn diệt nên thọ đoạn diệt.
- Con đường **Thánh đạo Tám ngành** này là con đường đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.

- Do duyên thọ khởi lên **lạc hỷ** nào, đó là vị ngọt của thọ.
- Tánh vô thường, khổ, chịu sự biến hoại của thọ là sự nguy hiểm của thọ.
- Sự nhiếp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của thọ.

165 Vị Tỷ Kheo - Tương V, 113

Vị Tỷ Kheo – Tương V, 113

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến...
ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

--"*Giác chi, giác chi*", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là *giác chi*?

-- Nay Tỷ-kheo, *chúng đưa đến giác ngộ, do vậy, chúng được gọi là các giác chi.*

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

4) Do vị ấy tu tập bảy giác chi này, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc

nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

5) Chúng đưa đến giác ngộ, này Tỷ-kheo, nên chúng được gọi là giác chi.

166 Vô Ốc - Tương IV, 497

Vô Ốc – Tương IV, 497

- 1) Một thời Thế Tôn trú ở Nàlandà, tại rừng Pāvārikamba.
- 2) Rồi Thôn trưởng Asibandhakaputta, đệ tử của phái Ni-kiền-tử đi đến Thế Tôn...
- 3) Thế Tôn nói với thôn trưởng Asibandhakaputta đang ngồi một bên:

-- Này Thôn trưởng, Nigantha Nàtaputta thuyết pháp như thế nào cho chúng đệ tử?

4) -- Bạch Thế Tôn, Nigantha Nàtaputta thuyết pháp cho chúng đệ tử như sau: "Ai sát hại sanh mạng, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai lấy của không cho, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai sống tà hạnh trong các dục, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai nói láo, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. **Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, chiều hướng ấy sanh thú của họ sẽ như vậy**". Như vậy, bạch Thế Tôn, Nigantha Nàtaputta thuyết pháp cho các đệ tử.

-- Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, này Thôn trưởng, chiều hướng ấy sanh thú của họ sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy, thời sẽ không có ai phải sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigantha Nàtaputta.

5) Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Có người **sát hại sanh mạng**, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. **Thời nào là nhiều hơn, thời vị ấy sát hại sanh mạng, hay thời vị ấy không sát hại sanh mạng?**

-- Bạch Thế Tôn, có người sát hại sanh mạng, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời này là ít hơn, là thời vị ấy sát hại sanh mạng. Và thời kia là nhiều hơn, thời vị ấy không sát hại sanh mạng.

-- Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, này Thôn trưởng, chiều hướng ấy sanh thú của vị ấy sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy, thời sẽ không có ai phải sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigantha Nàtaputta.

6) Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Có người **lấy của không cho**, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. **Thời nào là nhiều hơn, thời vị ấy lấy của không cho hay thời vị ấy không lấy của không cho?**

-- Bạch Thế Tôn, có người lấy của không cho, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời này

là ít hơn, thời vị ấy lấy của không cho. Và thời kia là nhiều hơn, thời vị ấy không lấy của không cho.

-- Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, này Thôn trưởng, chiều hướng ấy sanh thú của vị ấy sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy, thời sẽ không có ai sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigantha Nàtaputta.

7) Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Có người sống theo tà hạnh trong các dục, ban đêm hay ban ngày, hay tỉnh thoảng làm. Thời nào là nhiều hơn, thời vị ấy sống theo tà hạnh trong các dục, hay thời vị ấy không sống theo tà hạnh trong các dục?

-- Bạch Thế Tôn, có người sống theo tà hạnh trong các dục, ban đêm hay ban ngày, hay tỉnh thoảng làm. Thời này là ít hơn, thời vị ấy sống theo tà hạnh trong các dục. Và thời kia là nhiều hơn, thời vị ấy không sống theo tà hạnh trong các dục.

-- Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, này Thôn trưởng, chiều hướng ấy sanh thú của vị ấy sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy, thời không có ai sẽ sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigantha Nàtaputta.

8) Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Có người sống nói láo, ban đêm hay ban ngày, hay tỉnh

thoảng nói. Thời nào là nhiều hơn, thời vị ấy nói lão, hay thời vị ấy không nói lão?

-- Bạch Thế Tôn, có người nói lão, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng nói. Thời này là ít hơn, thời vị ấy nói lão. Và thời kia là nhiều hơn, thời vị ấy không nói lão.

-- Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, này Thôn trưởng, chiều hướng ấy sanh thú của vị ấy sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy, thời không ai sẽ sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigantha Nàtaputta.

9) *Ở đây, này Thôn trưởng, có vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: "Ai sát hại sanh mạng, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai lấy của không cho, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai sống theo tà hạnh trong các dục, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai nói dối, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục".* Này Thôn trưởng, người đệ tử đặt lòng tin tưởng vào vị Đạo sư ấy.

10) **Vị ấy suy nghĩ:** "Thầy ta nói như sau, thấy như sau: 'Ai sát hại sanh mạng tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục'. Nay ta có sát hại một sanh mạng. Như vậy, ta phải sanh vào đọa xứ, địa ngục'. Vị ấy chấp trước tà kiến ấy. Này Thôn trưởng, không đoạn tận

lời ấy, không đoạn tận tâm ấy, không từ bỏ kiến ấy,
vị ấy chắc chắn sẽ rơi vào địa ngục như vậy.

"Thầy ta nói như sau, thấy như sau: 'Ai lấy của không cho, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục'. Nay ta có lấy của không cho. Như vậy, ta phải sanh vào đọa xứ, địa ngục." Vị ấy chấp trước tà kiến ấy. Nay Thôn trưởng, không đoạn tận lời ấy, không đoạn tận tâm ấy, không từ bỏ kiến ấy, vị ấy chắc chắn rơi vào đọa xứ, địa ngục như vậy.

"Thầy ta nói như sau, thấy như sau: 'Ai sống theo tà hạnh trong các dục, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục'. Nay ta sống theo tà hạnh trong các dục. Như vậy, ta phải sanh vào đọa xứ, địa ngục". Vị ấy chấp trước tà kiến ấy. Nay Thôn trưởng, không đoạn tận lời ấy, không đoạn tận tâm ấy, không từ bỏ kiến ấy, vị ấy chắc chắn rơi vào đọa xứ, địa ngục như vậy.

"Thầy ta nói như sau, thấy như sau: 'Ai nói láo, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục'. Nay ta nói láo. Như vậy, ta phải sanh vào đọa xứ, địa ngục". Vị ấy chấp trước tà kiến ấy. Nay Thôn trưởng, không đoạn tận lời ấy, không đoạn tận tâm ấy, không từ bỏ kiến ấy, vị ấy chắc chắn rơi vào đọa xứ, địa ngục như vậy.

11) Ở đây, này Thôn trưởng, Như Lai sanh ra ở đời, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh

Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn; *Như Lai dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích sát sanh và nói: "Chớ có sát sanh"; chỉ trích, công kích lấy của không cho và nói: "Chớ có lấy của không cho"; chỉ trích, công kích sống theo tà hạnh trong các dục và nói: "Chớ có sống theo tà hạnh trong các dục"; chỉ trích, công kích nói láo và nói: "Chớ có nói láo".* Nay Thôn trưởng, người đệ tử đặt lòng tin tưởng vào vị Đạo Sư ấy. **Vị ấy suy tư như sau:**

12) "Thế Tôn dùng nhiều phương tiện chỉ trích, **công kích sát sanh** và nói: "Chớ có sát sanh". *Nay ta có sát hại như thế này, hay như thế kia. Như vậy là không nên (sutthu), như vậy là không tốt. Và do duyên ấy ta có thể hối hận: "Ác nghiệp ta làm, nay sẽ không làm nữa".* Người ấy do suy tư như vậy, liền từ bỏ sát sanh. Và trong tương lai, người ấy định chỉ sát sanh. Như vậy, ác nghiệp ấy được vượt qua.

13) "Thế Tôn dùng nhiều phương tiện chỉ trích, **công kích lấy của không cho** và nói: 'Chớ có lấy của không cho'. Nay ta có lấy của không cho như thế này, hay như thế kia. Như vậy là không nên, như vậy là không tốt. Và do duyên ấy, ta có thể hối hận: 'Ác nghiệp ta làm, nay sẽ không làm nữa'. Người ấy do suy tư như vậy, liền từ bỏ lấy của không cho. Và trong tương

lai, người ấy đành chỉ lấy của không cho. Như vậy, ác nghiệp ấy được vượt qua.

14) "Thế Tôn dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích sống theo **tà hạnh trong các dục**.."..

15) "Thế Tôn dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích **nói láo**.."..

16)

- Do đoạn tận sát sanh, người ấy trở thành *người không sát sanh*.
- Do đoạn tận lấy của không cho, người ấy trở thành *người không lấy của không cho*.
- Do đoạn tận sống theo tà hạnh trong các dục, người ấy trở thành *người không sống theo tà hạnh trong các dục*.
- Do đoạn tận nói láo, người ấy trở thành *người từ bỏ nói láo*.
- Do đoạn tận nói hai lưỡi, người ấy trở thành *người từ bỏ nói hai lưỡi*.
- Do đoạn tận nói lời độc ác, người ấy trở thành *người từ bỏ nói lời độc ác*.
- Do đoạn tận lời nói phù phiếm, người ấy trở thành *người từ bỏ nói lời phù phiếm*.

- Đoạn tận tham, không có tham lam, đoạn tận sân, không có sân tâm, đoạn tận tà kiến, người ấy trở thành *người theo chánh kiến*.

Này Thôn trưởng, vị Thánh đệ tử ấy từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ si, chánh niệm, tỉnh giác, với tâm câu hữu với từ, sống biến mãn một phương. Như vậy, phương thứ hai. Như vậy, phương thứ ba. Như vậy, phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân.

17) *Ví như, này Thôn trưởng, một người lực sĩ thổi tù và (bằng con ốc), với ít mệt nhọc làm cho bốn phương được biết. Cũng vậy, này Thôn trưởng, tu tập từ tâm giải thoát như vậy, làm cho tăng trưởng như vậy, phạm nghiệp làm có hạn lượng, ở đây, sẽ không còn dư tàn; ở đây, sẽ không còn tồn tại.*

Này Thôn trưởng, vị Thánh đệ tử ấy, như vậy từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ si, chánh niệm, tỉnh giác, với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với **hỷ**... với tâm câu hữu với **xả**, sống biến mãn một phương. Như vậy, phương thứ hai. Như vậy, phương thứ ba. Như vậy, phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô

biên giới vị ất an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân.

18) *Ví như, này Thôn trưởng, một người lực sĩ thổi tù và, với ít một nhọc làm cho bốn phương được biết. Cũng vậy, này Thôn trưởng, tu tập **xả tâm giải thoát** như vậy, làm cho tăng trưởng như vậy, **phàm nghiệp làm có hạn lượng, ở đây, sẽ không còn dư tàn; ở đây, sẽ không còn tồn tại.***

19) Khi được nghe nói vậy, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn:

-- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

167 VỚI CHI TIẾT - Tăng II, 259

VỚI CHI TIẾT – Tăng II, 259

1. Có bốn nghiệp này, này các Tỷ-kheo, đã được ta chứng ngộ với thắng trí và thuyết giảng. Thế nào là bốn?

- Này các Tỷ-kheo, có nghiệp đen quả đen;
- Này các Tỷ-kheo, có nghiệp trắng quả trắng;
- Này các Tỷ-kheo, có nghiệp đen trắng, quả đen trắng,
- Này các Tỷ-kheo, có nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đen quả đen?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm thân hành có tổn hại, làm khẩu hành có tổn hại, làm ý hành có tổn hại.
- Người ấy, do làm thân hành có tổn hại, do làm khẩu hành có tổn hại, do làm ý hành có tổn hại, sanh ra ở thế giới có tổn hại.
- Do người ấy sanh ra ở thế giới có tổn hại, các cảm xúc có tổn hại được cảm xúc.

- Người ấy được cảm xúc với những cảm xúc có tổn hại, nên **cảm thọ những cảm thọ có tổn hại, thuần nhất khổ**, như những **chúng sanh trong địa ngục**. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp đen quả đen.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp trắng quả trắng?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm **thân hành không có tổn hại**, làm khẩu hành không có tổn hại, làm ý hành không có tổn hại.
- Người ấy, do làm thân hành không có tổn hại, do làm khẩu hành không có tổn hại, do làm ý hành không có tổn hại, **sanh ra ở thế giới không có tổn hại**.
- Do người ấy sanh ra ở thế giới có không tổn hại, các **cảm xúc** không có tổn hại được cảm xúc.
- Người ấy được cảm xúc với những cảm xúc không có tổn hại, nên **cảm thọ** những cảm thọ không có tổn hại, thuần nhất lạc, như **chư Thiên ở Biên Tịnh Thiên**. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp trắng quả trắng.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đen trắng quả đen trắng?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm thân hành **có tổn hại và không có tổn hại**, làm khẩu hành có tổn hại và không có tổn hại, làm ý hành có tổn hại và không có tổn hại.
- Người ấy, do làm thân hành có tổn hại và không có tổn hại, do làm khẩu hành có tổn hại và không có tổn hại, do làm ý hành có tổn hại và không có tổn hại, **sinh ra ở thế giới có tổn hại và không có tổn hại**.
- Do người ấy sinh ra ở thế giới có tổn hại và không có tổn hại, các cảm xúc có tổn hại và không tổn hại được cảm xúc.
- Người ấy được cảm xúc với những cảm xúc có tổn hại và không tổn hại, nên cảm thọ những cảm thọ có tổn hại và không tổn hại, xen lẫn, pha trộn lặc và khô. **Ví như một số người và chư Thiên, một số chúng sinh ở các đạo xứ.** Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp đen trắng quả đen trắng.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp không đen không trắng quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt?

- Tại đây, này các Tỷ-kheo, **phàm có tâm tư sở nào để đoạn tận nghiệp đen quả đen này; phàm có tâm tư sở nào để đoạn tận nghiệp trắng**

quả trắng này; phàm có tâm tư sở nào để đoạn tận nghiệp đen trắng quả đen trắng này; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là nghiệp không đen không trắng quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, có bốn nghiệp này đã được Ta chứng ngộ với thắng trí và thuyết giảng.

168 VỚI CHI TIẾT - Tăng II, 99

VỚI CHI TIẾT – Tăng II, 99

1. - Nay các Tỷ-kheo, có **bốn đạo hành** này. Thế nào là bốn?

- *Đạo hành khổ, thắng trí chậm;*
- *Đạo hành khổ, thắng trí nhanh;*
- *Đạo hành lạc, thắng trí chậm;*
- *Đạo hành lạc, thắng trí nhanh.*

Nay các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành khổ, thắng trí chậm?

- Ở đây, có người **bản tánh tham dục** rất cường thịnh, luôn luôn cảm thọ khổ ưu do tham dục sanh; bản tánh **sân** rất cường thịnh, luôn luôn cảm thọ khổ ưu do sân hận sanh; bản tánh **si** rất cường thịnh, luôn luôn cảm thọ khổ ưu do si sanh.
- Với người ấy, năm căn này hiện ra rất mềm yếu, tức là **tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn**. Do năm căn này mềm yếu, người ấy đạt được **Vô gián định** một cách chậm chạp để đoạn diệt các lậu hoặc. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành khổ, thắng trí chậm.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành khổ, thắng trí nhanh?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người bản tánh tham dục rất cường thịnh ... luôn luôn cảm thọ khổ ưu do si sanh.
- Với người ấy, năm căn này hiện ra hết sức dồi dào, tức là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Do năm căn này hết sức dồi dào, người ấy đạt được Vô gián định một cách mau chóng để đoạn diệt các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành khổ, thắng trí nhanh.

4. Này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành lạc, thắng trí chậm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người bản tánh tham dục không có cường thịnh, thường không có cảm thọ khổ ưu do tham dục sanh; bản tánh sân không có cường thịnh, thường không có cảm thọ khổ ưu do sân sanh; bản tánh si không có cường thịnh, thường không có cảm thọ khổ ưu do si sanh.
- Với người ấy, năm căn này hiện ra rất mềm yếu, tức là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Do năm căn này mềm yếu, người ấy đạt được Vô gián định một cách chậm chạp để đoạn diệt các

lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành lạc, thắng trí chậm.

5. *Này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành lạc, thắng trí nhanh?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người bản tánh **tham dục** không có cường thịnh, thường không có cảm thọ khổ ưu do tham dục sanh; bản tánh **sân** không có cường thịnh, thường không có cảm thọ khổ ưu do sân sanh; bản tánh **si** không có cường thịnh, thường không có cảm thọ khổ ưu do si sanh.
- Với người ấy, năm căn này hiện ra rất dồi dào, tức là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Do năm căn này dồi dào, người ấy đạt được Vô gián định một cách nhanh chóng để đoạn diệt các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành lạc, thắng trí nhanh. Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này.

169 VỚI CÁC CHI TIẾT - Tăng II, 108

VỚI CÁC CHI TIẾT – Tăng II, 108

1.- Nay các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn?

- *Đạo hành khổ, thắng trí chậm;*
- *Đạo hành khổ, thắng trí nhanh;*
- *Đạo hành lạc, thắng trí chậm;*
- *Đạo hành lạc, thắng trí nhanh.*

2. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, đạo hành này khổ, thắng trí chậm. Nay các Tỷ-kheo, đạo hành này về *cả hai phương diện gọi là hạ liệt*. Vì đạo hành này là khổ, do duyên này, đạo hành được gọi là hạ liệt. Vì đạo hành này thắng trí chậm, do duyên này, đạo hành được gọi là hạ liệt. Nay các Tỷ-kheo, đạo hành này về cả hai phương diện gọi là hạ liệt.

3. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, đạo hành này là khổ, thắng trí nhanh. Nay các Tỷ-kheo, đạo hành này *là đau khổ nên gọi là hạ liệt*.

4. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, đạo hành này là lạc, thắng trí chậm. Nay các Tỷ-kheo, đạo hành này *do chậm nên gọi là hạ liệt*.

5. Tại đây, này các Tỷ-kheo, đạo hành này lạc, thắng trí nhanh. Này các Tỷ-kheo, đạo hành này *cả hai phương diện, được gọi là thù thắng*. Đạo hành này lạc, do duyên này, đạo hành được gọi là thù thắng. Đạo hành này nhanh chóng, do duyên này, đạo hành được gọi là thù thắng. Này các Tỷ-kheo, Này các Tỷ-kheo, đạo hành này cả hai phương diện, được gọi là thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này.

170 VỚI CÁC MINH - Tăng IV, 250

VỚI CÁC MINH – *Tăng IV, 250*

(Như kinh trước cho đến. Vị ấy trì luật...)

... là người trì luật, nhưng không nhớ đến rất nhiều đời sống trước, một đời, hai đời...

... vị ấy nhớ nhiều đời sống trước với các chi tiết và các đặc điểm, nhớ đến rất nhiều đời sống trước, như một đời, hai đời... vị ấy nhớ nhiều đời sống trước với các chi tiết và các đặc điểm, nhưng không với thiên nhãn siêu nhân...

... vị ấy rõ biết các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ, vị ấy với thiên nhãn siêu nhân..

... rõ biết các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ, nhưng không do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; như vậy, về chi phần này, vị ấy không được viên mãn. Vị ấy cần phải làm cho viên mãn chi phần ấy, nghĩ rằng: "Làm thế nào ta có lòng tin, có giới, có nghe nhiều, có thuyết pháp, thường tham gia với hội chúng, vô úy thuyết pháp cho hội chúng, là vị trì luật, có thể nhớ đến nhiều đời sống trước như một đời, hai đời... có

thể nhớ đến nhiều đời sống trước, với các chi tiết và các đặc điểm,... với thiên nhân thanh tịnh, siêu nhân có thể biết được các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ, do đoạn diệt các lậu hoặc... chúng ngộ, chúng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát? "

Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo có lòng tin, có giới, có nghe nhiều, là vị thuyết pháp cho hội chúng, là vị trì luật, nhớ đến nhiều đời sống trước, như một đời, hai đời... có thể nhớ đến nhiều đời sống trước, với các chi tiết và các đặc điểm.... với thiên nhân thanh tịnh siêu nhân có thể biết được các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ, do đoạn diệt các lậu hoặc... chúng ngộ, chúng đạt và an trú; như vậy về chi phần này, vị ấy được viên mãn.

Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tịnh tín một cách phổ biến, có **viên mãn trong mọi phương diện**.

171 VỚI MINH - Tăng IV, 533

VỚI MINH – Tăng IV, 533

1. Khi nào **vô minh** dẫn đầu, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự thành tựu các pháp bất thiện, thời vô tà, vô quý nối tiếp theo.

1. Với kẻ bị vô minh chi phối, vô trí, này các Tỷ-kheo, tà kiến sanh.
2. Với kẻ có tà kiến, tà tư duy sanh.
3. Với kẻ tà tư duy, tà ngữ sanh.
4. Với kẻ tà ngữ, tà nghiệp sanh.
5. Với kẻ tà nghiệp, tà mạng sanh.
6. Với kẻ tà mạng, tà tinh tấn sanh.
7. Với kẻ tà tinh tấn, tà niệm sanh.
8. Với kẻ tà niệm, tà định sanh.
9. Với kẻ tà định, tà trí sanh.
10. Với kẻ tà trí, tà giải thoát sanh.

2. Khi nào **minh** dẫn đầu, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự thành tựu các thiện pháp, thời tà và quý nối tiếp theo.

1. Với kẻ được minh chi phối, có trí, này các Tỷ-kheo, chánh kiến sanh.
2. Với vị có chánh kiến, chánh tư duy sanh.

3. Với vị có chánh tư duy, chánh ngữ sanh.
4. Với vị có chánh ngữ, chánh nghiệp sanh.
5. Với vị có chánh nghiệp, chánh mạng sanh.
6. Với vị có chánh mạng, chánh tinh tấn sanh.
7. Với vị có chánh tinh tấn, chánh niệm sanh.
8. Với vị có chánh niệm, chánh định sanh.
9. Với vị có chánh định, chánh trí sanh.
10. Với vị có chánh trí, chánh giải thoát sanh.

172 VỚI MỘT VÀI NỖ LỰC - Tăng II, 111

VỚI MỘT VÀI NỖ LỰC – Tăng II, 111

1. - Nay các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là bốn?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có hạng người ngay trong hiện tại chứng được Hữu hành Niết-bàn.
- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có hạng người khi thân hoại mạng chung, chứng được Hữu hành Niết-bàn.
- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có hạng người ngay trong hiện tại chứng được Vô hành Niết-bàn.
- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có hạng người khi thân hoại mạng chung, chứng được Vô hành Niết-bàn.

2. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là *hạng người ngay trong hiện tại chứng được Hữu hành Niết-bàn?*

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống *quán bất tịnh trên thân, với tướng nhàm chán đối với các món ăn, với tướng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, quán vô thường đối với tất cả hành, với tướng, chết, khéo an trú nội tâm.*

- Vị ấy sống y cứ trên năm hữu học lực, tức là tín lực ... tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện khởi rất dồi dào, tức là tín căn ... tuệ căn. Vị ấy, do năm căn này hiện ra rất dồi dào, ngay trong hiện tại, chứng được Hữu hành Niết-bàn.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người *sau khi thân hoại mạng chung, chứng được Hữu hành Niết-bàn?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán bất tịnh trên thân ... với tướng chết, khéo an trú trên nội tâm.
- Vị ấy sống y cứ trên năm hữu học lực, tức là tín lực ... tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện khởi mềm yếu, tức là tín căn ... tuệ căn. Vị ấy, do năm căn này hiện ra mềm yếu, khi thân hoại mạng chung, vị ấy chứng được Hữu hành Niết-bàn.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người *ngay trong hiện tại chứng được Vô hành Niết-bàn?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện ... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư.
- Vị ấy sống y cứ trên năm hữu học lực, tức là tín lực ... tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện

khởi dôi dào, tức là tín căn ... tuệ căn. Do năm căn này dôi dào, vị ấy ngay trong hiện tại, chứng được Vô hành Niết-bàn.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi thân hoại mạng chung, chứng được Vô hành Niết-bàn?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện ... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư.
- Vị ấy sống y cứ trên năm hữu học lực, tức là tín lực ... tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này *khởi lên mềm yếu*, tức là tín căn ... tuệ căn. Do năm căn này mềm yếu, vị ấy khi thân hoại mạng chung, chứng được Vô hành Niết-bàn.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

173 VỚI THÂN - Tăng IV, 289

VỚI THÂN – Tăng IV, 289

1. - Nay các Tỷ-kheo,

- Có những pháp cần phải đoạn tận với thân, không phải với lời.
- Có những pháp cần phải đoạn tận với lời, không phải với thân.
- Có những pháp cần phải đoạn tận không phải với thân, không phải với lời mà sau khi thấy, sau khi thấy cần phải đoạn tận với trí tuệ.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là ***những pháp cần phải đoạn tận với thân, không phải với lời?***

2. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có vi phạm điều bất thiện về thân, về một vấn đề gì. Sau khi suy xét về vấn đề ấy, các đồng Phạm hạnh có trí đã nói với vị ấy: "*Tôn giả có phạm điều bất thiện về thân, về một vấn đề này. Thật tốt lành thay, nếu Tôn giả từ bỏ thân làm ác và tu tập thân làm thiện*". Vị ấy được các đồng Phạm hạnh có trí sau khi suy xét nói như vậy, **đoạn tận thân làm ác, tu tập thân làm thiện.**

Này các Tỷ-kheo, những pháp này được gọi là những pháp cần phải đoạn tận với thân, không phải với lời.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **những pháp cần phải đoạn tận với lời, không phải với thân?**

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phạm điều bất thiện với lời, về một vấn đề gì. Sau khi suy xét về vấn đề ấy, các đồng Phạm hạnh có trí đã nói vị ấy: "Tôn giả có phạm điều bất thiện về lời, về một vấn đề này. Thật tốt lành thay, nếu Tôn giả từ bỏ lời nói ác, tu tập lời nói thiện". Vị ấy được các đồng Phạm hạnh có trí sau khi suy xét nói như vậy, **đoạn tận lời nói ác, tu tập lời nói thiện**.

Này các Tỷ-kheo, những pháp này được gọi là những pháp cần phải đoạn tận về lời, không phải về thân.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **các pháp cần phải đoạn tận, không phải với thân, cũng không phải với lời, mà sau khi thấy, sau khi thấy với trí tuệ, cần phải đoạn tận?**

4. **Tham**, này các Tỷ-kheo, cần phải đoạn tận không phải với thân, cũng không phải với lời mà sau khi thấy, sau khi thấy với trí tuệ, cần phải đoạn tận.

Sân, này các Tỷ-kheo...

Si, này các Tỷ-kheo...

Phần nộ, này các Tỷ-kheo...

Hiềm hận, này các Tỷ kheo

Giềm pha, này các Tỷ kheo.....

Não hại, này các Tỷ-kheo...

Xan tham, này các Tỷ-kheo cần phải đoạn tận, không phải với thân, không phải với lời mà sau khi thấy, sau khi thấy với trí tuệ, cần phải đoạn tận.

Ác tật đồ, này các Tỷ-kheo cần phải đoạn tận, không phải với thân, không phải với lời mà sau khi thấy, sau khi thấy với trí tuệ, cần phải đoạn tận.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác tật đồ?

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người gia chủ, hay con người gia chủ, dồi dào phong phú về tài sản, về lúa gạo, về bạc hay vàng. Ở đây, một người nô tỳ hay người phục vụ khởi lên ý nghĩ như sau: "Ôi, sự dồi dào phong phú về tài sản, về lúa gạo, về bạc hay vàng thật sự không thuộc về người gia chủ hay con người gia chủ này."

Hay một Sa-môn, Bà-la-môn có được các vật dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Ở đây, một Sa-môn, hay Bà-la-môn khác khởi lên ý nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng vị Tôn giả này không nhận được các vật dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh".

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ác tật đồ.

Ác tật đồ, này các Tỷ-kheo, cần phải đoạn tận không phải với thân, cũng không phải với lời mà sau khi thấy, sau khi thấy với trí tuệ, cần phải đoạn tận.

6. Này các Tỷ-kheo, ác dục cần phải đoạn tận, không phải với thân, cũng không phải với lời mà sau khi thấy, sau khi thấy với trí tuệ, cần phải đoạn tận.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác dục?

7. Ở đây, này các Tỷ-kheo,:

- Có người không có lòng tin, lại muốn rằng: "Mong rằng họ biết ta có lòng tin";
- Có ác giới lại muốn rằng: "Mong rằng họ biết ta là người nghe nhiều";
- Là người ưa thích hội chúng, lại muốn rằng: "Mong rằng họ biết ta là người sống viễn ly";

- Là người biếng nhác lại muốn rằng: "Mong rằng họ biết ta là người tinh tấn";
- Là người thất niệm lại muốn rằng: "Mong rằng họ biết ta là người niệm được an trú";
- Là người không có định, lại muốn rằng: "Mong rằng họ biết ta là người có định";
- Là người ác tuệ, lại muốn rằng: "Mong rằng họ biết ta là người có trí tuệ";
- Là người chưa đoạn tận các lậu hoặc lại muốn: "Mong rằng họ biết ta là người đã đoạn tận các lậu hoặc".

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ác dục.

Ác dục này, này các Tỷ-kheo, cần phải đoạn tận, không phải với thân, cũng không phải với lời mà sau khi thấy, sau khi thấy với trí tuệ, cần phải đoạn tận.

8. Này các Tỷ-kheo, nếu tham chinh phục Tỷ-kheo và phát triển, nếu sân... nếu si... nếu phần nộ... nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục chinh phục Tỷ-kheo và phát triển, vị ấy cần phải được hiểu như sau: ***"Tôn giả này không rõ biết như thế nào để tham không có mặt. Như vậy tham chinh phục vị ấy và phát triển, Tôn giả này không rõ biết như thế nào để sân không có mặt... Tôn giả này không rõ biết như***

thế nào để si không có mặt... phần nộ không có mặt... hiềm hận không có mặt... gièm pha không có mặt... não hại không có mặt... xan tham không có mặt... ác tật đồ không có mặt... Tôn giả không rõ biết như thế nào, để ác dục không có mặt. Như vậy, ác dục chinh phục Tôn giả này và phát triển."

9. Nhưng, này các Tỷ-kheo, nếu tham không chinh phục và không phát triển, nếu sân... nếu si... nếu phần nộ... nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đồ... nếu ác dục không chinh phục vị Tỷ-kheo và không phát triển, vị ấy cần phải được biết như sau: ***"Tôn giả này rõ biết như thế nào để tham không có mặt. Như vậy, tham không chinh phục Tôn giả này và không phát triển.*** Tôn giả này rõ biết như thế nào để sân không có mặt... si... phần nộ... hiềm hận... gièm pha... não hại... xan tham... ác tật đồ... ***Tôn giả này rõ biết như thế nào để ác dục không có mặt. Như vậy, ác dục không có chinh phục vị Tôn giả này và không phát triển."***

174 VỚI TƯ TÂM SỞ - Tăng II, 116

VỚI TƯ TÂM SỞ – Tăng II, 116

1. Nay các Tỷ-kheo:

- Khi nào có hành động về thân, do nhân thân tư tâm sở, khởi lên **lạc khổ** nội tâm.
- Khi nào có hành động về lời, do nhân tư tâm sở về lời, khởi lên lạc khổ nội tâm.
- Khi nào có hành động về ý, do nhân tư tâm sở về ý, khởi lên lạc khổ nội tâm.
- Hay là do vô minh ...

2. Nay các Tỷ-kheo,

- Hoặc do tự mình làm thân hành, do duyên này, khởi lên **lạc khổ** nội tâm cho người ấy.
- Hoặc do người khác làm thân hành đối với người ấy, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy.
- Hoặc tự mình tỉnh giác làm thân hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy.
- Hoặc không có tỉnh giác làm thân hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy.

3. Nay các Tỷ-kheo,

- Hoặc *do tự mình làm **khẩu hành***, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy.
- Hoặc *do người khác làm **khẩu hành** đối với người ấy*, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy.
- Hoặc *tự mình tỉnh giác làm **khẩu hành***, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy.
- Hoặc *không có tỉnh giác làm **khẩu hành***, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy.

4. Nay các Tỷ-kheo,

- Hoặc *do tự mình làm **ý hành***, do duyên này khởi lên **lạc khổ** nội tâm cho người ấy.
- Hoặc *do người khác làm **ý hành** đối với người ấy*, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy.
- Hoặc *tự mình tỉnh giác làm **ý hành***, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy.
- Hoặc *không có tỉnh giác làm **ý hành***, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy.

5. Này các Tỷ-kheo, trong những pháp này, có vô minh thấp tùng. Do sự đoạn diệt, ly tham, không có dư tàn của vô minh, thân hành ấy không có, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy; khẩu hành ấy không có, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy; ý hành không có, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Thừa ruộng không có, căn cứ không có, xứ không có, duyên sự không có, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy.

175 Với Bài Kệ - Tương V, 588

Với Bài Kệ – Tương V, 588

1) ...

2) -- Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử là **bậc Dự lưu**, không còn bị thối đoạ, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".
- Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với **Pháp**: "Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu".
- Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với chúng **Tăng**: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung

kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời".

- Vị ấy thành tựu các **giới** được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiên định.

Này các Tỷ-kheo, thành tựu bốn pháp này, vị Thánh đệ tử là bậc Dự lưu... giác ngộ.

4) Thế Tôn nói như vậy...

Với ai tin Như Lai,
Bất động, khéo an trú,
Với ai giới thiện lành,
Bậc Thánh kính, tán thán.
Với ai tịnh tín Tăng,
Với tri kiến chánh trực,
Được nói: không phải nghèo,
Sống vậy không vô ích.
Do vậy, bậc Hiền minh,
Cần tu tập **tín giới**,
Thấy rõ được Chánh pháp,
Không quên lời Phật dạy.

176 Với Con Đường - Tương IV, 562

Với Con Đường – Tương IV, 562

- 1) -- Nay các Tỷ-kheo, **Ta sẽ giảng về pháp vô vi và con đường đưa đến vô vi** (asankhata). Hãy lắng nghe.
- 2) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vô vi?* Nay các Tỷ-kheo, **sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si**. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là vô vi.
- 3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi?* **Con đường Thánh đạo Tám ngành**, nay các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi.
- 4) Như vậy, nay các Tỷ-kheo, Ta thuyết về vô vi; Ta thuyết về con đường đưa đến vô vi.
- 5) Nay các Tỷ-kheo, những gì một bậc Đạo sư cần phải làm cho những đệ tử, vì hạnh phúc, vì lòng từ mẫn, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với họ; tất cả, Ta đã làm đối với các Ông.
- 6) Nay các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống, hãy tu tập Thiền định. Chớ có phóng dật. Chớ để hối hận về sau. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

177 Với Lạc - Tương IV, 422

Với Lạc – Tương IV, 422

1-2). ..

3) -- "*Thiền thứ ba, Thiền thứ ba", như vậy được nói đến. Như thế nào là Thiền thứ ba?*

4) Rồi này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba". Đây gọi là Thiền thứ ba.

5) Rồi này chư Hiền, tôi ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Này chư Hiền, do tôi trú với an trú này, các tướng câu hữu với hỷ được tác ý và hiện hành.

6) Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói như sau: "Này Moggalàna, này Moggalàna, chớ có phóng dật Thiền thứ ba! Này Moggalàna, hãy đặt tâm vào Thiền thứ ba! Hãy nhứt tâm vào Thiền thứ ba! Hãy định tâm vào Thiền thứ ba!"

7) Rồi này chư Hiền, trong một thời gian khác, tôi ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba.

8) Này chư Hiền, nếu ai nói một cách chơn chánh: "Vị đệ tử được bậc Đạo Sư hỗ trợ, chứng được đại thắng trí", người ấy sẽ nói về tôi như sau: "**Mahà Moggahàna là người đệ tử được bậc Đạo Sư hỗ trợ, chứng được đại thắng trí**".

178 Với Lửa Cháy - Tương IV, 276

Với Lửa Cháy – *Tương IV, 276*

1) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về **pháp môn lửa cháy, pháp môn Chánh pháp**. Hãy lắng nghe.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn lửa cháy, pháp môn Chánh pháp?

2) -- Thật tốt hơn, nay các Tỷ-kheo, nếu nhân căn bị hủy hoại với một cây kim bằng sắt nung đỏ, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Như vậy, không có chấp thủ tướng riêng, không chấp thủ tướng chung đối với các sắc do mắt nhận thức, nay các Tỷ-kheo, thức có thể vững trú, kiên trú, bị trói buộc bởi vị ngọt tướng chung hay bị trói buộc bởi vị ngọt tướng riêng. Trong thời gian ấy, nếu mệnh chung, thời sự kiện này xảy ra: Đi thác sanh vào một trong hai sanh thú này: địa ngục hay bàng sanh.

3) Nay các Tỷ-kheo, do thấy nguy hiểm này, Ta nói như vậy: Thật tốt hơn, nay các Tỷ-kheo, nếu nhĩ căn bị hủy hoại với một cái dùi bằng sắt nung đỏ, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Như vậy, không chấp thủ tướng riêng, không chấp thủ tướng chung đối với

các tiếng do tai nhận thức, này các Tỷ-kheo, thức có thể vững trú, kiên trú, bị trói buộc bởi vị ngọt tướng chung, hay bị trói buộc bởi vị ngọt tướng riêng. Trong thời gian ấy, nếu mệnh chung, thời sự kiện này có thể xảy ra: Đi thác sanh vào một trong hai sanh thú này: địa ngục hay bàng sanh.

4-6) Này các Tỷ-kheo, do thấy nguy hiểm này, Ta nói như vậy: Thật tốt hơn, này các Tỷ-kheo, nếu tỳ căn bị phá hủy với một cái kèm sắc bén, bị hừng cháy, rục cháy, cháy lửa ngọn...

... nếu thiệt căn bị hủy hoại với một con dao sắc bén hừng cháy, rục cháy, cháy lửa ngọn...

... nếu thân căn bị hủy hoại với một cái kiếm sắc bén, hừng cháy, rục cháy, cháy lửa ngọn...

7) *Này các Tỷ-kheo, do thấy nguy hiểm này, Ta nói như vậy: **Thật tốt hơn là nằm ngủ.** Nằm ngủ, Ta nói rằng là trống không đối với các loài có sinh mạng. Ta nói rằng là vô quả đối với các loài có sanh mạng. Ta nói rằng là mù mờ đối với các loài có sanh mạng. Vì rằng nếu ngủ, thời không có suy nghĩ những vấn đề để có thể bị những vấn đề tư duy chinh phục, để có thể phá hòa hợp Tăng. Này các Tỷ-kheo, thấy sự trống không của nằm ngủ và sự nguy hiểm của tỉnh thức, Ta nói như vậy.*

8) Ở đây, này các Tỷ-kheo, **vị Đa văn Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Hãy dừng lại, chớ để nhân căn bị hủy hoại với một cây kim bằng sắt nung đỏ, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: "Đây, mắt là vô thường. Các sắc là vô thường. Nhãn thức là vô thường. Nhãn xúc là vô thường. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ, cảm thọ ấy là vô thường".**

9) *Hãy dừng lại, chớ để nhĩ căn bị hủy hoại với một cái dùi bằng sắt nung đỏ, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: 'Đây, tai là vô thường. Các tiếng là vô thường. Nhĩ thức là vô thường. Nhĩ xúc là vô thường. Phàm duyên nhĩ xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường'.*

10) *Hãy dừng lại, chớ để tỷ căn bị hủy hoại với một cái kèm bằng sắc bén bị hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: "Đây, mũi là vô thường. Các hương là vô thường. Tỷ thức là vô thường. Tỷ xúc là vô thường. Phàm duyên tỷ xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường".*

11) *Hãy dừng lại, chớ để thiệt căn bị hủy hoại bởi một con dao sắc bén, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: "Đây, lưỡi là vô thường.*

Các vị là vô thường. Thiệt thức là vô thường, thiệt xúc là vô thường. Phàm duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường”.

12) *Hãy dừng lại, chớ để thân căn bị hủy hoại bởi một lưỡi kiếm sắc bén, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: 'Đây, thân căn là vô thường. Các xúc là vô thường. Thân thức là vô thường, thân xúc là vô thường. Phàm duyên thân xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường'.*

13) ***Hãy dừng lại, chớ nằm ngủ. Ta hãy tác ý như sau:** 'Đây, ý căn là **vô thường**. Các pháp là vô thường. Ý thức là vô thường, ý xúc là vô thường. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường'.*

14) ***Thấy vậy**, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với các sắc, nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy nhàm chán đối với cảm thọ ấy... nhàm chán đối với ý, nhàm chán đối với các pháp, nhàm chán đối với ý thức, nhàm chán đối với ý xúc. Phàm duyên ý xúc khởi lên*

cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy nhàm chán đối với cảm thọ ấy. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

15) Nay các Tỷ-kheo, đây là pháp môn lửa cháy. Đây là pháp môn Chánh pháp.

179 Với Mũi Tên - Tương IV, 336

Với Mũi Tên – Tương IV, 336

1-2) ...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu, cảm thọ cảm giác lạc thọ, cảm thọ cảm giác khổ thọ, cảm thọ cảm giác bất khổ bất lạc thọ.

4) Nay các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử cũng cảm thọ cảm giác lạc thọ, cảm thọ cảm giác khổ thọ, cảm thọ cảm giác bất khổ bất lạc thọ.

5) *Ở đây, nay các Tỷ-kheo, thế nào là đặc thù, thế nào là thù thắng, thế nào là **sai biệt giữa bậc Đa văn Thánh đệ tử và kẻ vô văn phạm phu?***

6) -- Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

7) -- Nay các Tỷ-kheo, **kẻ vô văn phạm phu khi cảm xúc khổ thọ, sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đâm ngực, đi đến bất tỉnh. Vị ấy cảm giác hai cảm thọ, cảm thọ về thân và cảm thọ về tâm.**

8) *Ví như, nay các Tỷ-kheo, có người bị người ta bắn với mũi tên, rồi họ bắn người ấy với mũi tên thứ hai.*

Như vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy cảm giác cảm thọ cả **hai mũi tên**.

- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **kẻ vô văn phạm phu khi cảm xúc khổ thọ**; thời sâu muộn, than vãn, khóc lóc, đấm ngực, đi đến bất tỉnh. Người ấy cảm giác **hai cảm thọ**, cảm thọ về thân và cảm thọ về tâm.
- **Cảm xúc bởi khổ thọ ấy, người ấy cảm thấy sân hận** (patigha). Do cảm thấy sân hận đối với khổ thọ ấy, **sân** tùy miên đối với khổ thọ được tồn chỉ tùy miên (anuseti).
- **Cảm xúc bởi khổ thọ, người ấy hoan hỷ dục lạc**. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu không tìm thấy một sự xuất ly khổ thọ nào khác, ngoài dục lạc.
- Do hoan hỷ dục lạc ấy, **tham** tùy miên đối với lạc thọ tồn tại. Người ấy không như thật rõ biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các cảm thọ ấy.
- Do người ấy không như thật rõ biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các cảm thọ ấy, nên **vô minh** tùy miên đối với **bất** khổ bất lạc thọ tồn tại. Nếu người ấy cảm thọ cảm giác lạc thọ, người ấy cảm thọ cảm giác **như người bị trời buộc** (sannutto). Nếu người ấy cảm thọ cảm giác khổ thọ, người ấy cảm thọ cảm giác

*như người bị trói buộc. Nếu người ấy cảm thọ cảm giác bất khổ bất lạc thọ, người ấy cảm thọ cảm giác như người bị trói buộc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là **kẻ vô văn phạm phu bị trói buộc bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não**. Ta nói rằng người ấy bị trói buộc bởi **đau khổ**.*

9) *Và này các Tỷ-kheo, **bậc Đa văn Thánh đệ tử** khi cảm xúc khổ thọ thời không có sầu muộn, không có than vãn, không có khóc lóc, không có đấm ngực, không có đi đến bất tỉnh. *Vị ấy chỉ cảm thọ cảm giác **một cảm thọ**, tức là cảm thọ về thân, không phải cảm thọ về tâm.**

10) *Ví như, này các Tỷ-kheo, có người bị người ta bắn một mũi tên. Họ không bắn tiếp người ấy với mũi tên thứ hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy cảm giác cảm thọ của **một mũi tên**.*

- *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **bậc Đa văn Thánh đệ tử** khi cảm xúc **khổ thọ**; vị ấy không sầu muộn, không than vãn, không khóc lóc, không đấm ngực, không đi đến bất tỉnh. Vị ấy cảm giác chỉ **một cảm thọ**, cảm thọ về thân, không phải cảm thọ về tâm.*
- *Vị ấy không cảm thấy **sân hận** đối với **khổ thọ** ấy. Do không cảm thấy **sân hận** đối với **khổ thọ** ấy, **sân** tùy miên đối với **khổ thọ** không có tồn tại.*

- **Cảm xúc bởi khổ thọ, vị ấy không hoan hỷ dục lạc.**
 Vì sao? Vì bậc Đa văn Thánh đệ tử có tuệ tri một sự xuất ly khác đối với khổ thọ, ngoài dục lạc.
- Vì vị ấy không hoan hỷ dục lạc, **tham** tùy miên đối với dục lạc không có tồn tại. Vị ấy như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của những cảm thọ ấy.
- Vì rằng, vị ấy như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các cảm thọ ấy, đối với **bất** khổ bất lạc thọ, **vô minh** tùy miên không có tồn tại. Nếu vị ấy cảm thọ lạc thọ, vị ấy cảm thọ lạc thọ như người không bị trói buộc. Nếu vị ấy cảm thọ cảm giác khổ thọ, vị ấy cảm thọ cảm giác như người không bị trói buộc. Nếu vị ấy cảm thọ cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy cảm thọ cảm giác như người không bị trói buộc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo không bị trói buộc bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, ão. Ta nói rằng vị ấy không bị trói buộc bởi đau khổ.

11) **Này các Tỷ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là thù thắng, đây là sự sai biệt giữa bậc Đa văn Thánh đệ tử và kẻ vô văn phạm phu.**

1) Bậc Trí tuệ Đa văn,
Lạc khổ không chi phối,

*Giữa kẻ trí, phàm phu,
Thiện sai biệt rất lớn.*

2) *Bậc Đa văn, Tâm pháp,
Thấy đời này, đời sau,
Ái pháp không phá tâm,
Không ái, không sân hận.*

3) *Tùy thuận hay đối nghịch,
Tiêu tán, diệt, không còn,
Vị ấy biết con đường,
Đường không cầu, không sâu,
Chánh trí, đoạn tái sanh,
Đến được bờ giác ngộ.*

180 Với Mục Đích Gì - Tương IV, 229

Với Mục Đích Gì – *Tương* IV, 229

1-2) ...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau: "*Có cái gì, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?*"; được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau:

4) "*Này chư Hiền, vì liễu tri đau khổ nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn*".

5) Nay các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau: "*Thế nào, này chư Hiền, là vì liễu tri đau khổ nên Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?*"; được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau:

6-11) "Mắt, này chư Hiền, là khổ. Vì liễu tri nó nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn... Các sắc... Nhãn thức... Nhãn xúc là khổ. Vì liễu tri nó nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất lạc bất lạc; cảm thọ ấy là khổ. Vì liễu tri cảm thọ ấy nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn.

Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý... Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là khổ. Vì liễu tri cảm thọ ấy nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn.

12) Đây là khổ, này chư Hiền, vì liễu tri khổ nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn".

13) Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời như vậy cho những du sĩ ngoại đạo ấy.

181 Với Mục Đích Gì - Tương V, 16

Với Mục Đích Gì – *Tương V, 16*

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi rất nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, các du sĩ ngoại đạo đến hỏi chúng con: "*Này chư Hiền, vì mục đích gì, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?*" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, chúng con trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "*Này chư Hiền, với mục đích liễu tri đau khổ, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama*". Được hỏi như vậy và trả lời như vậy, bạch Thế Tôn, có phải chúng con trả lời đúng với lời nói Thế Tôn, chúng con không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, chúng con trả lời đúng pháp và thuận pháp, và những ai là vị đồng pháp, nói lời đúng pháp và thuận pháp, không có cơ hội để chỉ trích?

4) -- Này các Tỷ-kheo, các Ông được hỏi như vậy và trả lời như vậy là các Ông trả lời đúng với lời của Ta, các Ông không xuyên tạc Ta với điều không thật, các Ông trả lời đúng pháp và thuận pháp, và những ai là

vị đồng pháp, nói lời đúng pháp và thuận pháp, không có cơ hội để chỉ trích. **Này các Tỷ-kheo, do mục đích liễu tri đau khổ mà Phạm hạnh được sống dưới Ta.**

Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông: **"Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến liễu tri đau khổ này?"** Được hỏi vậy, thời các Ông hãy trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: *"Này chư Hiền, có con đường, có đạo lộ đưa đến liễu tri đau khổ này"*.

5) Này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường, thế nào là đạo lộ đưa đến liễu tri đau khổ? Đây là con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến liễu tri sự đau khổ này.

6) Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như vậy.

182 Với Người Thiện - Tương I, 43

Với Người Thiện – *Tương I, 43*

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

2) Rồi rất nhiều quần tiên Satullapa, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.

3) Đứng một bên, một vị Thiên nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Được tốt hơn, không xấu.*

4) Rồi một vị Thiên khác lại nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,*

*Biết diệu pháp người hiền,
Được tuệ, không gì khác.*

5) Rồi một vị Thiên khác lại nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Không sầu, giữa sầu muộn.*

6) Rồi một vị Thiên khác lại nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Chúng sanh sanh thiện thú.*

8) Rồi một vị Thiên khác lại nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Chúng sanh thường hưởng lạc.*

9) Rồi một vị Thiên khác bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, trong tất cả vị ấy, ai đã nói lên một cách tốt đẹp?

Về vấn đề này, tất cả các Ông đều nói lên một cách tốt đẹp. Tuy vậy, hãy nghe lời Ta nói:

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Giải thoát mọi khổ đau.*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Quần Tiên ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

183 Với Tâm - Tương IV, 419

Với Tâm – Tương IV, 419

1) Một thời Tôn giả Mahà Moggalàna trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Ở đây, Tôn giả Mahà Moggalàna gọi các Tỷ-kheo:

-- Này chư Hiền Tỷ-kheo.

-- Thừa Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahà Moggalàna.

3) Tôn giả Mahà Moggalàna nói như sau:

*-- Ở đây, này chư Hiền, trong khi tôi độc cư Thiền tịnh, tâm tưởng tư duy như sau được khởi lên nơi tôi: "**Thiền thứ nhất, Thiền thứ nhất**", được gọi là như vậy. Thế nào là Thiền thứ nhất?*

4) -- Này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Đây gọi là Thiền thứ nhất.

5) Rồi này chư Hiền, tôi ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất một trạng thái hỷ lạc do

ly dục sanh, có tâm có tứ. *Này chư Hiền, do tôi trú với an trú này, **các tướng câu hữu với dục** (kàma) được tác ý và hiện hành (samudàcaranti).*

6) Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói: "Này Moggalàna, này Moggalàna, **chớ có phóng dật Thiền thứ nhất**. Này Moggalàna, **hãy đặt tâm vào Thiền thứ nhất! Hãy nhứt tâm vào Thiền thứ nhất**".

7) Rồi này chư Hiền, trong một thời gian khác, tôi chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ.

8) Này chư Hiền, nếu ai nói một cách chơn chánh: "Vị đệ tử được bậc Đạo Sư hỗ trợ, chứng được đại thắng trí", người ấy sẽ nói về tôi như sau: "Mahà Moggalàna là người đệ tử được bậc Đạo Sư hỗ trợ, chứng được đại thắng trí".

184 Với Ưa Thích 1 - Tương IV, 27

Với Ưa Thích 1 – *Tương IV, 27*

1) ...

2) -- Ai ưa thích **mắt**, này các Tỷ-kheo, người ấy ưa thích khổ. Ai ưa thích khổ, Ta nói người ấy không thoát khỏi khổ.

Ai ưa thích **tai... mũi... lưỡi... thân...** Ai ưa thích ý, người ấy ưa thích khổ. Ai ưa thích khổ, Ta nói người ấy không thoát khỏi khổ.

3) **Và ai không ưa thích mắt, này các Tỷ-kheo, người ấy không ưa thích khổ. Ai không ưa thích khổ, Ta nói người ấy thoát khỏi khổ.**

Ai không ưa thích tai... mũi... lưỡi... thân... Ai không ưa thích ý, người ấy không ưa thích khổ. Ai không ưa thích khổ, Ta nói người ấy thoát khỏi khổ.

Ưa Thích 2 – *Tương IV, 27*

1) ...

2)-- Ai ưa thích các **sắc**, này các Tỷ-kheo, người ấy ưa thích khổ. Ai ưa thích khổ, Ta nói người ấy không thoát khỏi khổ.

Ai ưa thích các **tiếng**... các **hương**... các **vị**... các **xúc**... Ai ưa thích các **pháp**, người ấy ưa thích khổ. Ai ưa thích khổ, Ta nói người ấy không thoát khỏi khổ.

3) Ai không ưa thích các **sắc**, này các Tỷ-kheo, người ấy không ưa thích khổ. Ai không ưa thích khổ, Ta nói người ấy thoát khỏi khổ.

Ai không ưa thích các **tiếng**... các **hương**... các **vị**... các **xúc**... Ai không ưa thích các **pháp**, người ấy không ưa thích khổ. Ai không ưa thích khổ, Ta nói người ấy thoát khỏi khổ.

185 VÙA ĐỦ - Tăng III, 678

VÙA ĐỦ – Tăng III, 678

1.- Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, vừa đủ cho các người khác.
Thế nào là sáu?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- Nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp.
- Là người thọ trì những pháp đã được nghe.
- Là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì.
- Sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp.
- Giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý xác minh.
- Có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo
vừa đủ cho tự mình, vừa đủ cho các người khác.

3. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, vừa đủ cho các người khác.
Thế nào là năm?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- Không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp.
- Là người thọ trì những pháp đã được nghe.
- Là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì.
- Sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp.
- Giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý xác minh.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, vừa đủ cho các người khác.

5. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, vừa đủ cho các người khác.
Thế nào là bốn?

6. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

1. Nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp.

2. Là người thọ trì những pháp đã được nghe.
3. Là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì.
4. Sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp.
5. Giọng nói không dễ nghe, phát âm không tốt, lời nói không tao nhã, không phân minh, phát ngôn bập bẹ, giải thích nghĩa lý không xác minh.
6. Không có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, vừa đủ cho các người khác.

7. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không vừa đủ cho tự mình, vừa đủ cho các người khác. Thế nào là bốn?

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

1. Nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp.
2. Là người thọ trì những pháp đã được nghe.
3. Không là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì.

4. Không có sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp.
5. Giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý xác minh.
6. Có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không vừa đủ cho tự mình, vừa đủ cho các người khác.

9. Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các người khác. Thế nào là ba?

10. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

1. Không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp.
2. Là người thọ trì những pháp đã được nghe.
3. Là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì.
4. Sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp.
5. Giọng nói không dễ nghe, phát âm không tốt, lời nói không tao nhã, không phân minh, phát

ngôn bập bẹ, giải thích nghĩa lý không xác minh.

6. Không có khả năng thuyết giảng, không khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh.

11. Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các người khác. Thế nào là ba?

12. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

1. Không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp.
2. Là người thọ trì những pháp đã được nghe.
3. Không là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì.
4. Không là người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp.
5. Giọng nói dễ nghe, ..., giải thích nghĩa lý xác minh.
6. Có khả năng thuyết giảng, ..., làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh.

13. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các người khác. Thế nào là hai?

14. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

1. Không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp.
2. Là người không thọ trì những pháp đã được nghe.
3. Là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì.
4. Là người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp.
5. Giọng nói không dễ nghe, ..., giải thích nghĩa lý không xác minh.
6. Không có khả năng thuyết giảng, ..., làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh.

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các người khác.

15. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **không vừa đủ cho tự mình, vừa đủ cho các người khác**. Thế nào là hai?

16. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

1. Không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp.

2. Là người không thọ trì những pháp đã được nghe.
3. Không suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì.
4. Không có sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp.
5. Giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý xác minh.
6. Có khả năng thuyết giảng pháp thoai, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh.

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không vừa đủ cho tự mình, vừa đủ cho các người khác.

186 VÙA ĐỦ - Tăng IV, 31

VÙA ĐỦ – Tăng IV, 31

1. Tại đây, Tôn giả Sàriputta gọi các Tỷ-kheo:

- Nay chư Hiền, thành tựu sáu pháp, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, là vừa đủ cho các kẻ khác. Thế nào là sáu?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp;
- Là người thọ trì những pháp đã được nghe;
- Là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì;
- Sau khi biết ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi biết ý nghĩa, sau khi biết pháp, thực hành pháp và tùy pháp;
- Giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác;
- Có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, là vừa đủ cho các người khác.

3. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, là vừa đủ cho các người khác.
Thế nào là năm?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp;
- Là người thọ trì các pháp được nghe;
- Là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì;
- Sau khi hiểu nghĩa; sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp;
- Giọng nói dễ nghe...;
- Có khả năng thuyết giảng, khích lệ ... làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, là vừa đủ cho người khác.

5. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các kẻ khác.
Thế nào là bốn?

6. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- *Tỷ-kheo nhanh nhẹn, nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp;*
- *Là người thọ trì các pháp được nghe;*
- *Là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì;*
- *Sau khi hiểu nghĩa; sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp;*
- Giọng nói không dễ nghe, phát âm không tốt, lời nói không tao nhã, không phân minh, phát ngôn bập bẹ, giải thích lý không minh xác;
- Không có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh.

Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các kẻ khác.

7. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, không vừa đủ cho các kẻ khác, không vừa đủ cho tự mình. Thế nào là bốn?

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- *Tỷ-kheo nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp;*
- *Là người thọ trì các pháp đã được nghe;*

- Không là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì;
- Không có sau khi hiểu nghĩa; sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp;
- *Giọng nói dễ nghe; phát âm tốt, lời nói tao nhã phân minh, phát minh không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác;*
- *Có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh.*

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho các người khác, không vừa đủ cho tự mình.

9. Thành tựu **ba pháp**, này các Tỷ-kheo, vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho kẻ khác. Thế nào là ba?

10. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp;
- *Là người thọ trì các pháp đã được nghe;*
- *Là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì;*
- *Sau khi hiểu nghĩa; sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp;*

- Giọng nói không dễ nghe ... giải thích nghĩa lý không minh xác;
- Không có khả năng thuyết giảng... làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh.

Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các kẻ khác.

11. Thành tựu **ba pháp**, này các Tỷ-kheo, vừa đủ cho các kẻ khác, không vừa đủ cho tự mình. Thế nào là ba?

12. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp;
- *Là người thọ trì các pháp đã được nghe;*
- Không là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì;
- Không là người sau khi hiểu nghĩa; sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp;
- *Giọng nói dễ nghe ... giải thích nghĩa lý minh xác;*
- *Có khả năng thuyết giảng ... làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh.*

Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho các kẻ khác, không vừa đủ cho tự mình.

13. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho người khác. Thế nào là hai?

14. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp;
- Không là người thọ trì các pháp đã được nghe;
- Là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì;
- Là người sau khi hiểu nghĩa; sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp;
- Giọng nói không dễ nghe ... giải thích nghĩa lý không minh xác;
- Không có khả năng thuyết giảng... làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh.

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các người khác.

15. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho các kẻ khác, không vừa đủ cho tự mình. Thế nào là hai?

16. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp;
- Không là người thọ trì các pháp đã được nghe;
- Không suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì;
- Không là người sau khi hiểu nghĩa; sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp;
- *Giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác;*
- *Có khả năng thuyết giảng pháp thoại, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh.*

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho người khác, không vừa đủ cho tự mình.

187 Vực Thẳm - Tương IV, 334

Vực Thẳm – Tương IV, 334 (Pàtàla)

1-2) ...

3) -- Kẻ vô văn phạm phu nói như sau: "Ở giữa biển lớn, có vực thẳm". Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu đối với việc không có, không xảy ra, lại nói: "Ở giữa biển lớn, có vực thẳm".

4) *Này các Tỷ-kheo, đồng nghĩa với các **khổ thọ về thân là vực thẳm** này.*

5) *Kẻ vô văn phạm phu, khi cảm giác **khổ thọ về thân**, thời sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đâm ngực, đi đến bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là kẻ vô văn phạm phu không đứng lên trên vực thẳm, không đạt tới chỗ chân đứng.*

6) *Còn bậc Đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, khi cảm giác **khổ thọ về thân**, không sầu muộn, không than vãn, không khóc lóc, không đâm ngực, không đi đến bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là bậc Đa văn Thánh đệ tử đã đứng lên trên vực thẳm, đã đạt tới chỗ chân đứng.*

1) Ai không chịu đựng nổi,
Các khổ thọ khởi lên,
Thân đau, hại mạng sống,
Cảm xúc khiến run rẩy.
Ai than vãn, khóc lóc,
Suy nhược, thiếu kiên cường,
Không đứng trên vực sâu,
Không đạt chỗ chân đứng.

2) **Ai có thể chịu đựng,**
Các khổ thọ khởi lên,
Thân đau, hại mạng sống,
Cảm xúc không run rẩy,
Vị ấy vượt vực sâu,
Đạt tới chỗ chân đứng.

188 Vực Thẳm - Tương V, 651

Vực Thẳm – Tương V, 651

1) Một thời, Thế Tôn ở tại Ràjagaha (Vương Xá) trên núi Gijjhakùta (Linh Thúu).

2) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- Này các Tỷ-kheo, chúng ta hãy đi đến Patibhànakùta để nghỉ trưa.

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

3) Rồi Thế Tôn cùng số đông Tỷ-kheo đi đến Patibhànakàta. Một Tỷ-kheo thấy một vực thẳm ở Patibhànakùta, thấy vậy, liền bạch Thế Tôn:

-- *Bạch Thế Tôn, thật là lớn, vực thẳm này! Bạch Thế Tôn, thật là đáng sợ hãi, vực thẳm này! Bạch Thế Tôn, không biết có vực thẳm nào khác, lớn hơn và đáng sợ hãi hơn vực thẳm này?*

-- Này các Tỷ-kheo, có vực thẳm khác, lớn hơn và đáng sợ hãi hơn vực thẳm này.

-- Bạch Thế Tôn, thế nào là **vực thẳm** khác, lớn hơn và đáng sợ hãi hơn vực thẳm này?

4) -- Nay các Tỷ-kheo,

- Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật rõ biết: "Đây là Khổ"... không như thật rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt". Họ **hoan hỷ** với các **hành** đưa đến sanh, họ hoan hỷ với các hành đưa đến già, họ hoan hỷ với các hành đưa đến chết, họ hoan hỷ với các hành đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não.
- Vì họ hoan hỷ với các **hành** đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não, nên họ **tạo dựng** các hành đưa đến sanh, họ tạo dựng các hành đưa đến già... đưa đến chết,...
- Do họ tạo dựng các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não, nên họ **rơi vào vực thẳm** sanh, họ rơi vào vực thẳm già, họ rơi vào vực thẳm chết, họ rơi vào vực thẳm sầu, bi, khổ, ưu, não. Họ **không** liễu thoát khỏi sanh, khỏi già, khỏi chết, khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não.
- Ta nói rằng, họ **không liễu thoát khỏi đau khổ.**

5) Và này các Tỷ-kheo:

- Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật rõ biết: "Đây là Khổ"... như thật rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt", họ không hoan hỷ với các **hành** đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não.
- Vì họ không *hoan hỷ* với các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não, nên họ không *tạo dựng* các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não.
- Do họ không *tạo dựng* các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não, họ không *roi vào vực thăm* sanh; họ không *roi vào vực thăm* già; họ không *roi vào vực thăm* chết; họ không *roi vào vực thăm* sầu, bi, khổ, ưu, não. Họ liêu thoát khỏi sanh, khỏi già, khỏi chết, khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não.
- Ta nói rằng, họ liêu **thoát khỏi đau khổ**.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "**Đây là Khổ**". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

